

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

LÊ THỊ THẢO

CHẤT LƯỢNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG
TRONG CÁC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM
HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC

HÀ NỘI - 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

LÊ THỊ THẢO

**CHẤT LƯỢNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG
TRONG CÁC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM
HIỆN NAY**

Ngành: Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước

Mã số : 931 02 02

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC**

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: GS, TS. Lê Văn Lợi

TS. Nguyễn Thị Thu Thủy

HÀ NỘI - 2026

XÁC NHẬN LUẬN ÁN ĐÃ ĐƯỢC CHỈNH SỬA

Luận án đã được chỉnh sửa theo khuyến nghị của Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp Học viện.

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PGS, TS. Mai Đức Ngọc

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo qui định.

Tác giả luận án



Lê Thị Thảo

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết đầy đủ

Ban Chấp hành Trung ương

Bộ Chính trị

Cán bộ, đảng viên

Đảng ủy Chính phủ

Ngân hàng nhà nước

Ngân hàng thương mại cổ phần

Ngân hàng thương mại nhà nước

Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Việt Nam

Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương

Ngân hàng TNHH MTV Xây dựng Việt Nam

Ngân hàng TNHH MTV Dầu khí Toàn cầu

Ngân hàng Phát triển Việt Nam

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Tổ chức cơ sở đảng

Chữ viết tắt

BCHTW

BCT

CBĐV

ĐUCP

NHNN

NH TMCP

NH TMNN

NHTNNH MTV

VBSP

Agribank

Oceanbank

CB bank

GP bank

VDB

Vietcombank

BIDV

Vietinbank

TCCSĐ

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....	8
1.1. Những công trình nghiên cứu ở ngoài nước.....	8
1.2. Những công trình nghiên cứu ở trong nước	18
1.3. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học có liên quan đến đề tài luận án và những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu.....	32
Chương 2: CHẤT LƯỢNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG TRONG CÁC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY – NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN	37
2.1. Các ngân hàng nhà nước ở Việt Nam và tổ chức cơ sở đảng trong các ngân hàng nhà nước ở Việt Nam hiện nay	37
2.2. Chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong các ngân hàng nhà nước ở Việt Nam hiện nay - khái niệm, các yếu tố quy định và tiêu chí đánh giá.....	59
Chương 3: CHẤT LƯỢNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG TRONG CÁC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA.....	73
3.1. Thực trạng chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong các ngân hàng nhà nước ở Việt Nam hiện nay.....	73
3.2. Nguyên nhân và những vấn đề đặt ra	119
Chương 4: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG TRONG CÁC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM THỜI GIAN TỚI	128
4.1. Dự báo các yếu tố tác động và phương hướng nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong các ngân hàng nhà nước ở Việt Nam thời gian tới	128
4.2. Những giải pháp chủ yếu nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong các ngân hàng nhà nước ở Việt Nam trong thời gian tới	139
KẾT LUẬN.....	171
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	173
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	174
PHỤ LỤC THAM KHẢO.....	196

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 3.1 - Số lượng văn bản lãnh đạo, chỉ đạo về công tác xây dựng Đảng tại các đảng bộ ngân hàng nhà nước giai đoạn 2015 – 2025.....	74
Biểu đồ 3.2 - Số lượng TCCSD tại các đảng bộ ngân hàng nhà nước giai đoạn 2015 – 2025.....	80
Biểu đồ 3.3 - Trình độ lý luận chính trị của đội ngũ đảng viên tại các TCCSD trong các đảng bộ NHNN giai đoạn 2021 – 2025	88
Biểu đồ 3.4 - Công tác an sinh xã hội tại các TCCSD trong các đảng bộ ngân hàng nhà nước giai đoạn 2015 – 2025.....	94
Biểu đồ 3.5 - Tỷ lệ mức độ hài lòng của cán bộ, đảng viên đối với sự lãnh đạo của TCCSD tại các ngân hàng nhà nước giai đoạn 2022 – 2024	98
Biểu đồ 3.6 - Số lượng đảng viên vi phạm kỷ luật đảng tại các TCCSD trong các đảng bộ NHNN giai đoạn 2015 – 2025	108
Biểu đồ 3.7 - Tỷ lệ nợ xấu của các NHTM nhà nước giai đoạn 2015 – 2025.....	114

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài luận án

Trong Bài nói ở lớp huấn luyện đảng viên mới do Thành ủy Hà Nội tổ chức ngày 14-5-1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “*Đảng mạnh là do chi bộ tốt. Chi bộ tốt là do các đảng viên đều tốt*” [75, t.15, tr.113]. Theo đó, đảng viên là nhân tố cơ bản nhất, năng động nhất của tổ chức cơ sở đảng (TCCSĐ) với các chi bộ là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở. Vì thế, xây dựng TCCSĐ trong sạch, vững mạnh, có năng lực lãnh đạo toàn diện, sức chiến đấu cao là nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết, góp phần xây dựng Đảng vững mạnh toàn diện, hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ chính trị và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng TCCSĐ trong củng cố, duy trì và phát triển toàn diện công tác xây dựng Đảng, đồng thời tạo nền tảng vững chắc cho hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành ngân hàng, các ngân hàng nhà nước (NHNN) ở Việt Nam thời gian qua luôn chú trọng công tác xây dựng Đảng nói chung, xây dựng TCCSĐ nói riêng. Tuy nhiên, hệ thống NHNN có đặc thù riêng biệt so với các doanh nghiệp nhà nước thông thường, bởi đây không chỉ là tổ chức kinh doanh tiền tệ mà còn là công cụ quan trọng của Nhà nước trong điều tiết chính sách tiền tệ, ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm an ninh tài chính quốc gia. Vì vậy, vai trò lãnh đạo của Đảng trong các NHNN không chỉ dừng lại ở định hướng sản xuất kinh doanh, mà còn gắn với nhiệm vụ chính trị đặc thù như bảo đảm an toàn hệ thống tài chính, ổn định tiền tệ và thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng ủy NHNN Việt Nam, các NHNN đã được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện về công tác xây dựng Đảng; TCCSĐ từng bước được kiện toàn, củng cố, phát huy vai trò hạt nhân chính

trị, góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị và phát triển doanh nghiệp. Thực hiện Kết luận số 208-KL/TW, ngày 11/11/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về sắp xếp tổ chức đảng trong các tập đoàn, tổng công ty, NHTM nhà nước, cùng với việc triển khai chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa XIII về *"Tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới"*, các đảng ủy ngân hàng đã tích cực đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động, từng bước nâng cao chất lượng TCCSĐ, góp phần giữ vững vai trò của các NHNN là lực lượng vật chất quan trọng của nền kinh tế.

Theo Kết luận 208-KL/TW, các đảng bộ trong hệ thống NHNN ở Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng ủy Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các đảng bộ: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank), Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank), Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam [30]. Mặc dù các TCCSĐ trong các ngân hàng này đã được củng cố, đổi mới và kiện toàn, song thực tiễn cho thấy chất lượng hoạt động của TCCSĐ vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập. Vai trò lãnh đạo của cấp ủy trong một số trường hợp chưa được phát huy đầy đủ, việc kết hợp giữa chức năng lãnh đạo của tổ chức đảng với chức năng quản trị, điều hành doanh nghiệp còn thiếu đồng bộ; nội dung và phương thức hoạt động của TCCSĐ chậm đổi mới trước yêu cầu quản trị ngân hàng hiện đại; đội ngũ cấp ủy cơ sở phần lớn kiêm nhiệm, năng lực lãnh đạo và kỹ năng công tác đảng chưa đáp ứng yêu cầu; cơ chế phối hợp giữa TCCSĐ với hội đồng quản trị, ban điều hành ở một số nơi chưa thật rõ ràng. Những hạn chế này càng bộc lộ rõ trong bối cảnh các NHNN phải hoạt động theo cơ chế thị trường, cạnh tranh cao, đồng thời vẫn phải thực hiện nhiệm vụ chính trị do Đảng và Nhà nước giao.

Trong thời gian tới, tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; các thế lực thù địch tăng cường thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”, tác động đến ổn định kinh tế, chính trị, xã hội và an ninh tài chính quốc gia; cùng với đó, tình trạng tham nhũng, tiêu cực trong lĩnh vực kinh tế, tài chính vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ. Những yếu tố này đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với vai trò lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực ngân hàng, đặc biệt là nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của TCCSĐ. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng khẳng định: *"Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, thúc đẩy đột phá chiến lược, kiến tạo hệ sinh thái phát triển mới, bảo đảm quan điểm lấy phát triển để ổn định, ổn định để thúc đẩy phát triển và không ngừng nâng cao đời sống, hạnh phúc của Nhân dân; tập trung hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nhanh, bền vững đất nước, trong đó thể chế chính trị là then chốt, thể chế kinh tế là trọng tâm, các thể chế khác là quan trọng."* [35]. Trong bối cảnh đó, việc nâng cao chất lượng TCCSĐ trong các NHNN có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực then chốt của nền kinh tế.

Xuất phát từ những lý do đó, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài: *“Chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong các ngân hàng nhà nước ở Việt Nam hiện nay”* làm đề tài luận án tiến sĩ chuyên ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Làm rõ những vấn đề lý luận, thực tiễn về chất lượng TCCSĐ trong các NHNN ở Việt Nam hiện nay, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng TCCSĐ trong các NHNN ở Việt Nam thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Tổng quan các công trình nghiên cứu trong, ngoài nước có liên quan đến đề tài luận án và xác định vấn đề, nội dung cần nghiên cứu.

Làm rõ những vấn đề lý luận về chất lượng TCCSD trong các NHNN ở Việt Nam hiện nay.

Đánh giá đúng thực trạng, chỉ ra nguyên nhân và những vấn đề đặt ra về chất lượng TCCSD trong các NHNN ở Việt Nam hiện nay.

Dự báo những yếu tố tác động, đề xuất phương hướng, giải pháp nâng cao chất lượng TCCSD trong các NHNN ở Việt Nam trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án nghiên cứu chất lượng TCCSD trong các NHNN ở Việt Nam hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi về nội dung: Luận án nghiên cứu những vấn đề lý luận, thực tiễn về chất lượng TCCSD trong các NHNN ở Việt Nam hiện nay.

Phạm vi về không gian: Luận án khảo sát chất lượng TCCSD trong các NHNN ở Việt Nam hiện nay, bao gồm các TCCSD trực thuộc Đảng bộ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các TCCSD trực thuộc các NHTM Nhà nước (Agribank; BIDV; Vietcombank; Vietinbank). Trong đó, các TCCSD thuộc các NHTM Nhà nước, giai đoạn trước 11/11/2025, khảo sát các TCCSD ở địa phương, từ 11/11/2025 chỉ khảo sát các TCCSD ở Hà Nội (căn cứ Kết luận 208-KL/TW, ngày 11 tháng 11 năm 2025 của BCT, Ban Bí thư về sắp xếp tổ chức đảng trong các tập đoàn, tổng công ty, ngân hàng thương mại nhà nước, các TCCSD trong các đơn vị, chi nhánh thuộc NHTM nhà nước ở địa phương đã được chuyển về trực thuộc cấp ủy xã, phường nơi đơn vị, chi nhánh đặt trụ sở chính). Đối với Chương 4, các giải pháp chỉ áp dụng cho các TCCSD thuộc Đảng bộ NHNN và 4 Đảng bộ NHTM nhà nước ở Hà Nội.

Phạm vi về thời gian: Luận án nghiên cứu TCCSD trong các NHNN ở Việt Nam, lấy số liệu từ năm 2015 đến nay. Đề xuất các phương hướng, giải pháp có giá trị đến năm 2040.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được nghiên cứu dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; về xây dựng TCCSD nói chung, xây dựng TCCSD trong các doanh nghiệp, NHNN nói riêng.

4.2. Cơ sở thực tiễn

Thực tiễn chất lượng TCCSD trong các NHNN ở Việt Nam hiện nay. Luận án có chọn lọc các tư liệu, số liệu trong báo cáo sơ kết, tổng kết của Đảng bộ NHNN, các Đảng bộ NHTM nhà nước, của cấp uỷ, tổ chức đảng, các cơ quan chức năng các cấp về hoạt động của TCCSD và kết quả nghiên cứu thực tiễn của nghiên cứu sinh.

4.3. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, luận án sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu của khoa học chuyên ngành và liên ngành, trong đó chú trọng các phương pháp: tổng kết thực tiễn; nghiên cứu tài liệu; kết hợp các phương pháp logic - lịch sử, phân tích - tổng hợp, thống kê - so sánh; điều tra xã hội học... cụ thể các phương pháp được sử dụng:

Chương 1: Luận án sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu, tổng hợp, phân tích kết quả đạt được của các công trình nghiên cứu ở trong nước và ngoài nước có liên quan đến vấn đề nghiên cứu của luận án. Từ đó quy nạp, tổng hợp những vấn đề nghiên cứu của các công trình, làm cơ sở xác định nội dung luận án cần kế thừa, phát triển để từng bước hoàn thiện mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của luận án và những vấn đề luận án cần đi sâu nghiên cứu, làm sáng tỏ.

Chương 2: Luận án sử dụng tổng hợp các phương pháp phân tích, tổng hợp, kết hợp lịch sử, logic, thống kê, nghiên cứu tài liệu... để làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản của vấn đề nghiên cứu và những đơn vị kiến thức có liên quan trực tiếp đến việc xây dựng khung lý luận của luận án.

Chương 3: Luận án chú trọng sử dụng đa dạng các phương pháp tổng hợp, phân tích, lịch sử logic, tổng kết thực tiễn, điều tra xã hội học, nghiên cứu tài liệu, thống kê, so sánh, khảo sát để đánh giá thực trạng chất lượng TCCSD trong các NHNN ở Việt Nam từ năm 2015 đến nay. Từ đó rút ra nhận định, kết luận về ưu điểm, hạn chế và những vấn đề rút ra về chất lượng TCCSD trong các NHNN ở Việt Nam hiện nay.

Chương 4: Luận án sử dụng tổng hợp phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tổng hợp, phân tích, so sánh, thống kê, khảo sát, lịch sử, logic để làm nổi bật lên yếu tố thuận lợi, khó khăn, để từ đó xác định phương hướng và những giải pháp nâng cao chất lượng TCCSD trong các NHNN ở Việt Nam trong những năm tới.

5. Những đóng góp mới của luận án

Luận án đưa ra quan niệm về TCCSD và chất lượng TCCSD trong các NHNN ở Việt Nam hiện nay.

Luận án tổng kết một số vấn đề đặt ra trong thực tiễn mới về xây dựng TCCSD trong các NHNN ở Việt Nam hiện nay, cụ thể: chú trọng và thường xuyên quán triệt yêu cầu nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế, góp phần giữ vững ổn định thị trường tài chính, tiền tệ; kết hợp chặt chẽ giữa sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy NHNN với sự nỗ lực phấn đấu của các cấp ủy, chi bộ, phát huy vai trò, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên (CBĐV) trong các NHNN, nhất là người đứng đầu.

- Đề xuất hệ thống các giải pháp, trong đó có 02 giải pháp mang tính đặc thù và đột phá: Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác đảng và cấp ủy các cấp; Đẩy mạnh chuyển đổi số và cải cách hành chính trong Đảng.

6. Ý nghĩa lý luận, thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận của luận án: Luận án góp phần làm rõ những vấn đề lý luận về chất lượng TCCSD trong các NHNN ở Việt Nam hiện nay.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn của luận án: Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần cung cấp luận cứ khoa học phục vụ Đảng bộ NHNN; các Đảng bộ NHTM nhà nước và các cơ quan, đơn vị địa phương nâng cao chất lượng hoạt động của TCCSD. Luận án có thể dùng làm tài liệu tham khảo, nghiên cứu về xây dựng Đảng tại các Học viện, Trường đại học, các trường chính trị trên cả nước.

7. Kết cấu của luận án

Luận án ngoài phần Mở đầu, Kết luận; Danh mục các công trình của tác giả đã công bố liên quan đến đề tài luận án; Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung luận án gồm 4 chương, 9 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Những công trình nghiên cứu ở ngoài nước

1.1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến ngân hàng nhà nước và tổ chức đảng trong ngân hàng nhà nước

Orhan Hilmi Yazar (2015), “*Giải mã quy định ngân hàng tại Trung Quốc*”, Tạp chí *Journal of Current Chinese Affairs*, Vol.44, issue 2, tr.135, Trung Quốc [189]. Bài viết phân tích cơ chế điều tiết ngân hàng Trung Quốc được dẫn dắt bởi Ủy ban Điều tiết Ngân hàng Trung Quốc (CBRC), một cơ quan không hoàn toàn độc lập nhưng phải vận hành dưới sự chi phối mạnh mẽ của chính quyền trung ương. Tác giả chỉ ra rằng CBRC hoạt động như một cơ quan phụ trợ thực hiện mục tiêu chính sách tiền tệ liên chính, nhưng đồng thời cũng bị chi phối bởi yêu sách phi liên chính để củng cố vị thế chính trị của Đảng. Tác giả lý giải điều này bằng khái niệm “mô hình Nhà nước điều tiết phụ thuộc”, trong đó CBRC mặc dù có cơ chế và luật pháp hướng dẫn, nhưng vẫn phải lồng ghép mục tiêu chính trị vào trong hoạt động giám sát tài chính. Điều này vừa đảm bảo sự ổn định hệ thống, vừa cho phép chính quyền duy trì kiểm soát thích hợp đối với dòng tín dụng. Bài viết cung cấp luận cứ về vai trò chi phối của yếu tố chính trị trong điều tiết ngân hàng, nhấn mạnh sự lồng ghép giữa mục tiêu chuyên môn và định hướng chính trị. Đây là gợi mở quan trọng để nâng cao chất lượng TCCSD trong các NHNN vừa nâng cao hiệu quả chuyên môn, vừa giữ vững định hướng chính trị.

Susan Hoffmann (2016), “*Chính trị và Ngân hàng*”, Nxb. Johns Hopkins University Press, Mỹ [194]. Bài nghiên cứu phân tích một cách hệ thống ảnh hưởng của các triết lý công cộng chủ đạo trong lịch sử Hoa Kỳ – gồm chủ nghĩa tự do cổ điển, chủ nghĩa vị lợi, chủ nghĩa tiến bộ và chủ nghĩa

dân túy – đối với quá trình hình thành và phát triển của hệ thống ngân hàng quốc gia. Tác giả lập luận rằng sự phát triển của các NHTM, hiệp hội tiết kiệm – cho vay và liên đoàn tín dụng không thuần túy là kết quả của quy luật kinh tế, mà chịu sự chi phối sâu sắc từ lợi ích chính trị và định hướng tư tưởng của các nhà hoạch định chính sách. Mỗi quan hệ đan xen giữa khu vực công và khu vực tư nhân vừa tạo động lực, vừa tiềm ẩn mâu thuẫn, dẫn đến những bước ngoặt lớn như sự sụp đổ của Ngân hàng Hoa Kỳ thứ hai, sự ra đời của kho bạc độc lập, hay sự phát triển của các ngân hàng doanh nghiệp và thể chế tiết kiệm – tín dụng cộng đồng. Hệ thống ngân hàng Hoa Kỳ là sản phẩm của sự tương tác giữa kinh tế và chính trị, nơi tư tưởng triết học đóng vai trò định hình cơ chế vận hành, còn quyền lực nhà nước và lợi ích xã hội trở thành nhân tố quyết định tính ổn định, minh bạch và hiệu quả của nền tài chính quốc gia. Nghiên cứu này có giá trị tham chiếu quan trọng đối với đề tài luận án chất lượng TCCSD trong các NHNN, bởi cả hai đều phản ánh mối quan hệ giữa quyền lực chính trị và hiệu quả quản trị kinh tế.

Le Xia (2019), *“Những bài học từ các cuộc cứu trợ của ngân hàng ở Trung Quốc”*, Tạp chí *Yale Working Paper*, Đại học Yale Mỹ [184]. Bài viết phân tích quá trình xử lý khủng hoảng ngân hàng tại Trung Quốc trong giai đoạn đầu những năm 2000, đặc biệt là việc Nhà nước thực hiện các gói cứu trợ quy mô lớn đối với “Tứ đại ngân hàng quốc doanh” (Big Four) nhằm xử lý nợ xấu nghiêm trọng. Tác giả trình bày cách Trung Quốc thiết lập các công ty quản lý tài sản, tái cấp vốn bằng trái phiếu đặc biệt và sử dụng ngân sách nhà nước để củng cố năng lực tài chính cho các ngân hàng lớn. Quan trọng hơn, nghiên cứu chỉ ra rằng bối cảnh tài chính hiện nay của Trung Quốc đã thay đổi đáng kể so với hai thập niên trước. Khủng hoảng nợ hiện tại chủ yếu tập trung vào các ngân hàng nhỏ và trung bình, vốn có năng lực quản trị rủi ro yếu, thiếu thanh khoản và phụ thuộc nhiều vào các hình thức tín dụng ngầm. Do đó, nếu áp dụng mô hình cứu trợ cũ một cách máy móc, nguy cơ tạo ra méo mó thị trường, tăng nợ công

và mất ổn định tài khóa là rất lớn. Tác giả khuyến nghị cần hướng đến các giải pháp vi mô phù hợp với từng cấp ngân hàng, đồng thời bảo đảm tính minh bạch, công bằng trong phân bổ rủi ro và giảm thiểu can thiệp hành chính trực tiếp.

Zhang Wei (2021), “*Chính trị hoá và tổ chức hoá trong quản trị ngân hàng nhà nước ở Trung Quốc*”, Tạp chí Ngân hàng Trung Quốc, số 5, tháng 3/2021, Trung Quốc [20]. Bài viết đã phân tích quá trình lồng ghép các yếu tố chính trị và tổ chức Đảng vào mô hình quản trị của các ngân hàng thuộc sở hữu nhà nước trong giai đoạn cải cách tài chính tăng cường kiểm soát chính trị. Thay vì chỉ vận hành theo nguyên tắc thị trường và quy chuẩn tài chính, các ngân hàng quốc doanh ngày càng chịu ảnh hưởng trực tiếp từ hệ thống chính trị trung ương, đặc biệt thông qua việc củng cố vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng trong toàn bộ chu trình điều hành và ra quyết định. Nghiên cứu làm rõ rằng sự chính trị hóa không chỉ dừng ở mặt định hướng tư tưởng, mà còn thể hiện ở cơ cấu nhân sự, trong đó các vị trí lãnh đạo chủ chốt vừa mang tính hành chính – chuyên môn, vừa gắn với trách nhiệm tổ chức Đảng. Tác giả chỉ ra mối liên hệ hữu cơ giữa hiệu quả kiểm soát rủi ro, năng lực chấp hành chính sách vĩ mô và mức độ tích hợp thể chế Đảng trong quản trị ngân hàng.

Viện Nghiên cứu ngân hàng Trung Quốc (2022), “*Cơ chế xây dựng đảng trong ngân hàng quốc doanh*”, Báo cáo nghiên cứu của Viện Nghiên cứu ngân hàng Trung Quốc, Tạp chí Sina Finance, số ngày 17/2/2022, Trung Quốc [199]. Báo cáo đã làm rõ vai trò trung tâm của tổ chức Đảng trong việc dẫn dắt, giám sát và nâng cao hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thuộc sở hữu nhà nước. Nội dung báo cáo nhấn mạnh rằng tổ chức Đảng không chỉ đóng vai trò chính trị thuần túy mà còn là lực lượng lãnh đạo trực tiếp quá trình hoạch định chiến lược, kiểm soát rủi ro và thúc đẩy đổi mới mô hình quản trị trong toàn hệ thống. Kết cấu phân cốt lõi được xác lập gồm: một là, tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng trong việc ra quyết sách, giám sát hoạt động kinh doanh và bảo đảm định hướng phục vụ kinh tế quốc dân; hai là, thực hiện cơ chế phân công chéo giữa

chức danh Đảng và chức danh điều hành nhằm tạo sự gắn kết giữa yêu cầu chính trị với nhiệm vụ tài chính – tín dụng. Thông qua việc duy trì nền nếp sinh hoạt chi bộ, đào tạo chính trị định kỳ, kiểm tra chuyên đề và cơ chế tự phê bình trong nội bộ, các ngân hàng đã từng bước hình thành hệ thống kiểm soát nội bộ gắn chặt với kỷ luật Đảng, qua đó góp phần bảo đảm chất lượng tín dụng, ổn định tỷ lệ nợ xấu và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Mô hình này được kiến nghị mở rộng áp dụng trong toàn bộ hệ thống tài chính nhà nước.

Xiankun Jin, Liping Xu, Yu Xin, Ajay Adhikari (2022), “*Quản trị chính trị trong các doanh nghiệp nhà nước của Trung Quốc*”, Tạp chí nghiên cứu kế toán Trung Quốc [203]. Bài viết phân tích cơ chế chính trị hóa quản trị trong các doanh nghiệp nhà nước ở Trung Quốc, đặc biệt là các ngân hàng do Nhà nước sở hữu. Quá trình cải cách doanh nghiệp nhà nước ở Trung Quốc không chỉ nhằm hiện đại hóa quản trị theo mô hình doanh nghiệp thị trường, mà còn nhằm củng cố vai trò lãnh đạo tuyệt đối của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Hệ thống này được thể hiện qua mô hình quản trị kép, kết hợp giữa cơ chế pháp lý và cơ chế chính trị. Trong đó, tổ chức đảng được đặt ở vị trí trung tâm, đảm nhiệm ba chức năng trọng yếu: định hướng chính trị, kiểm soát nhân sự và giám sát hoạt động của doanh nghiệp. Hệ thống đảng trong doanh nghiệp vì thế trở thành cấu trúc quyền lực song song, bảo đảm sự nhất quán giữa mục tiêu chính trị của Đảng với hoạt động kinh tế của doanh nghiệp. Với Việt Nam, nghiên cứu gợi mở đối với đề tài luận án cần được đánh giá không chỉ ở năng lực lãnh đạo, mà còn ở khả năng tham gia định hướng chiến lược, quản lý cán bộ và bảo đảm cân bằng giữa hiệu quả kinh doanh với yêu cầu chính trị. Việc xác lập cơ chế lãnh đạo đảng rõ ràng, minh bạch, có trách nhiệm và phù hợp với đặc thù hoạt động ngân hàng là điều kiện then chốt để nâng cao chất lượng TCCSD trong bối cảnh hiện nay.

Feng JianLong (2024), “*Khảo sát xây dựng tổ chức đảng trong các ngân hàng quốc doanh ở Trung Quốc*”, Nxb. Nhân dân Chiết Giang, Trung

Quốc [174]. Cuốn sách là sự tổng hợp các kinh nghiệm thực tiễn qua gần bốn mươi năm công tác trong ngân hàng quốc doanh, tập trung vào cách thức tổ chức Đảng vận hành như là “xương sống” công tác điều hành tại chi nhánh cấp tỉnh. Tác giả phân tích các mô hình tổ chức sáng tạo như xây dựng chi bộ tại các điểm giao dịch, áp dụng mô hình “hạt nhân kép” (đảng viên - điều hành) nhằm thúc đẩy hiệu quả hoạt động, đồng thời đảm bảo định hướng chính trị và tính kỷ luật. Cuốn sách chia ba phần: thứ nhất, đề cập đến triết lý, nhiệm vụ và giá trị của tổ chức đảng trong mô hình ngân hàng quốc doanh; thứ hai, trình bày các phương pháp và quy trình triển khai sinh hoạt đảng, đào tạo chính trị và nâng cao năng lực cán bộ; thứ ba, giới thiệu các kết quả đo lường tác động: ngăn ngừa sai phạm, chuyển hóa văn hóa doanh nghiệp và tối ưu tín dụng xanh, xã hội hóa cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Qua ví dụ thực tế tại Chiết Giang, có thể thấy rằng việc tổ chức đảng vững mạnh chính là nền tảng bảo đảm tăng trưởng bền vững và tăng tín nhiệm xã hội.

Văn phòng Ủy ban Công tác Tài chính Trung ương (2024), *“Thực hiện vững chắc vai trò lãnh đạo của Đảng và xây dựng tổ chức đảng trong hệ thống tài chính nhà nước”*, Tạp chí Nghiên cứu xây dựng Đảng, số 12, năm 2024, Trung Quốc [198]. Bài viết nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giữ vững và củng cố vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng trong hệ thống tài chính - ngân hàng, coi đây là nhân tố then chốt bảo đảm định hướng chính trị, tính ổn định và sự phát triển bền vững của nền tài chính quốc gia. Tác giả cho rằng, cần đưa chính trị vào toàn bộ quy trình lãnh đạo, từ hoạch định chiến lược, cơ chế giám sát, kiểm tra nội bộ đến đánh giá hiệu quả hoạt động, nhằm bảo đảm các quyết định kinh tế – tài chính luôn gắn với mục tiêu phát triển bền vững và định hướng xã hội chủ nghĩa. Bên cạnh đó, cần hoàn thiện hệ thống sinh hoạt chính trị trong các tổ chức đảng thuộc lĩnh vực tài chính - ngân hàng, xây dựng cơ chế phối hợp đồng bộ giữa cơ quan đảng trung ương và TCCSĐ. Tác giả cũng đề xuất xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động của tổ chức đảng,

gắn kết chặt chẽ giữa hiệu quả lãnh đạo chính trị và hiệu quả quản trị kinh tế; đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết và tổng kết định kỳ, nhằm phát hiện, uốn nắn kịp thời các hạn chế, phát huy điển hình tiên tiến.

Lu Wei, Mingye Wei, Yifei Wu, Zhangbo Jing (2025), “*Tác động của công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng đối với sự ổn định của hệ thống ngân hàng Trung Quốc – Phân tích dựa trên chỉ số văn bản mới*”, Tạp chí kinh tế Trung Quốc [185]. Bài báo là một nghiên cứu thực chứng quan trọng về tác động của công tác xây dựng TCCSĐ đối với sự ổn định của hệ thống ngân hàng Trung Quốc. Dựa trên việc xây dựng một chỉ số văn bản mới phản ánh mức độ phát triển của TCCSĐ trong các ngân hàng, tác giả tiến hành phân tích dữ liệu của hàng trăm ngân hàng trong giai đoạn dài để đánh giá mối quan hệ giữa năng lực TCCSĐ và rủi ro tài chính. Kết quả cho thấy, các ngân hàng có TCCSĐ được củng cố vững mạnh thường có mức độ ổn định cao hơn, ít tham gia vào các hoạt động tín dụng rủi ro, có cơ chế giám sát nội bộ hiệu quả và tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp lý. Ngược lại, ở những ngân hàng mà công tác xây dựng tổ TCCSĐ còn yếu, vai trò lãnh đạo của Đảng chưa phát huy thực chất, nguy cơ rủi ro hoạt động, mất kiểm soát và suy giảm niềm tin thị trường lại gia tăng rõ rệt. Bài viết khẳng định việc củng cố TCCSĐ không chỉ nhằm tăng cường tính chính trị, mà còn góp phần bảo đảm kỷ luật quản trị, minh bạch tài chính, phòng ngừa rủi ro và giữ vững niềm tin của Nhà nước và Nhân dân đối với hệ thống ngân hàng quốc doanh.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến chất lượng tổ chức đảng trong ngân hàng nhà nước

Chuangqiang Xu, Qingxiang Feng (2020), “*Phân tích những điểm nghẽn kìm hãm công tác xây dựng Đảng trong các ngân hàng thương mại nhà nước của Trung Quốc thời kỳ mới*”, Tạp chí *International Journal of Science Studies*, Vol. 8, No. 4, Mỹ [169]. Bài báo tập trung phân tích những yếu tố làm suy giảm chất lượng hoạt động của tổ chức đảng trong các NHTM nhà nước Trung

Quốc. Tác giả chỉ ra ba nút thắt chủ yếu: thứ nhất, công tác giáo dục chính trị trong nhiều đơn vị còn nặng hình thức, chưa thực sự phát huy vai trò nâng cao bản lĩnh chính trị và đạo đức nghề nghiệp cho CBĐV; thứ hai, cơ chế giám sát quyền lực trong nội bộ ngân hàng còn thiếu chặt chẽ, dẫn đến nguy cơ hình thành lợi ích nhóm và lạm quyền. Từ phân tích đó, bài báo khuyến nghị cần nâng cao chất lượng, chuẩn hóa công tác giáo dục chính trị, tăng cường kiểm soát quyền lực và củng cố kỷ luật đảng để khắc phục hạn chế, nâng cao năng lực lãnh đạo của TCCSĐ trong ngân hàng. Đặt trong mối quan hệ với đề tài luận án Chất lượng TCCSĐ trong các NHNN ở Việt Nam hiện nay, nghiên cứu này có giá trị tham chiếu quan trọng. Bởi lẽ, các “nút thắt” mà Trung Quốc gặp phải cũng có thể xuất hiện trong thực tiễn ở Việt Nam, do đó việc rút ra kinh nghiệm để nâng chuẩn giáo dục chính trị, tăng cường kiểm soát quyền lực và siết chặt kỷ luật đảng sẽ góp phần trực tiếp nâng cao chất lượng, hiệu lực và uy tín của TCCSĐ trong hệ thống NHNN Việt Nam.

Daniel Koss (2023), *“Kiểm tra kỷ luật và sự chuyển đổi quyền lực của Đảng trong các ngân hàng ở Trung Quốc”*, Tạp chí *China: An International Journal*, Nxb. Johns Hopkins University Press, Singapore [171]. Trong bối cảnh chiến dịch “đại thanh trừ” tham nhũng dưới thời Tập Cận Bình, CCDI đã mở rộng vai trò từ truyền thống là cơ quan kiểm tra vi phạm pháp luật sang giám sát định kỳ hoạt động ngân hàng, bao gồm cả phê duyệt tín dụng và quản trị cấp cao. Một thay đổi quan trọng là việc đưa vị trí bí thư chi ủy vào hội đồng quản trị ngân hàng, khiến các quyết định kinh doanh phải gắn với ưu tiên chính trị, không chỉ dựa trên lợi nhuận tài chính. Đảng được khẳng định là “pháo đài chính trị” trong hệ thống ngân hàng thông qua việc thể chế hóa quyền lực, nghĩa là mọi nấc hoạt động từ cấp tín dụng đến quản lý rủi ro đều cần tuân thủ đường lối chính trị cao nhất. Nghiên cứu cho thấy CCDI không còn xem kiểm tra là giải pháp mang tính sự vụ mà là một chiến lược lâu dài để củng cố quyền lực Đảng thông qua khuôn khổ kiểm soát hệ thống. Như

vậy, bài viết phản ánh xu hướng chính trị hóa sâu rộng trong quản lý tài chính, đánh dấu sự dịch chuyển từ quyền lực kinh tế sang quyền lực chính trị trong các định chế ngân hàng quốc doanh. Đây là cơ sở để luận án có thể kế thừa trong xây dựng khung lý luận, cũng như các giải pháp về kiểm tra của các TCCSD trong các NHNN ở Việt Nam hiện nay.

Gu Haijiao (2023), “*Nâng cao toàn diện chất lượng công tác xây dựng tổ chức đảng tại các tổ chức tài chính quốc doanh*”, Tạp chí *Nghiên cứu xây dựng Đảng*, số 11, năm 2023, Trung Quốc [180]. Bài viết thể hiện quan điểm từ cơ quan lãnh đạo cấp cao về cách thức triển khai xây dựng Đảng trong hệ thống tài chính quốc doanh. Điểm nhấn là trách nhiệm chính trị của lãnh đạo cấp ủy, buộc phải đặt chất lượng xây dựng tổ chức Đảng ngang hàng với nhiệm vụ chính trị và nghiệp vụ ngân hàng. Mô hình “lãnh đạo và chuyên môn” được thực hiện thông qua “hai vai trò đồng chức danh” để đảm bảo người đứng đầu vừa là cán BCT, vừa là lãnh đạo chuyên nghiệp. Tác giả chỉ rõ hệ thống kiểm tra định kỳ, bao gồm báo cáo chính trị, kiểm điểm trách nhiệm và công khai nhiệm vụ, sẽ góp phần giữ vững tính chính trị và hiệu quả hoạt động. Bài viết cho thấy ngân hàng đã nâng cao nhận thức chính trị của cán bộ, giảm sai phạm, tăng tính linh hoạt trong kinh doanh và điều hành. Kết luận đưa ra là xây dựng tổ chức Đảng tốt là điều kiện để đảm bảo phát triển bền vững và cạnh tranh trong lĩnh vực tài chính.

Chengyu Zhao, Wei Qi (2024), “*Ảnh hưởng của Bí thư Đảng đối với sự thận trọng trong vận hành ngân hàng*”, bài viết đăng trên website Social Science Research Network, Mỹ [169]. Bài viết tập trung nghiên cứu mối quan hệ giữa đặc điểm lãnh đạo Đảng và quản trị rủi ro trong lĩnh vực ngân hàng. Trên cơ sở dữ liệu của 49 ngân hàng Trung Quốc giai đoạn 2015–2022, tác giả phân tích các yếu tố nhân sự của Bí thư Đảng như giới tính, tuổi tác, trình độ học vấn, kinh nghiệm quản lý và cho thấy chúng có ảnh hưởng đáng kể đến mức độ thận trọng trong vận hành ngân hàng. Nghiên cứu chỉ ra rằng, những Bí

thư Đảng có nền tảng học vấn vững, giàu kinh nghiệm và khả năng quản lý toàn diện thường gắn liền với chính sách điều hành chặt chẽ hơn, qua đó giảm thiểu rủi ro tài chính và củng cố tính bền vững của ngân hàng. Ngược lại, sự thiếu hụt về phẩm chất hoặc kinh nghiệm lãnh đạo có thể dẫn đến quyết định thiên lệch, làm suy giảm tính thận trọng và gia tăng nguy cơ mất ổn định. Kết quả này làm nổi bật mối liên hệ trực tiếp giữa chất lượng đội ngũ cán bộ đảng với hiệu quả quản trị ngân hàng.

Yifei Wu, Lu Wei (2024), *“Tác động của công tác xây dựng Đảng đối với sự đổ vỡ ngân hàng: Bằng chứng từ Trung Quốc”*, bài viết đăng trên nền tảng ScienceDirect, Procedia Computer Science, Elsevier B.V, Hà Lan [204]. Bài viết tập trung phân tích mối quan hệ giữa mức độ tăng cường công tác xây dựng Đảng và khả năng chống chịu rủi ro của hệ thống ngân hàng. Dựa trên dữ liệu thực chứng từ các NHTM Trung Quốc, nghiên cứu chỉ ra rằng, khi vai trò tổ chức đảng trong ngân hàng được củng cố – thể hiện ở việc tăng cường giáo dục chính trị, giám sát quyền lực và siết chặt kỷ luật – thì xác suất xảy ra đổ vỡ ngân hàng giảm đáng kể. Nhờ công tác xây dựng Đảng đã tạo nên kỷ luật tổ chức chặt chẽ, tăng cường tính minh bạch và kiểm soát nội bộ, qua đó giảm thiểu hành vi quản trị rủi ro lỏng lẻo và bảo đảm sự vận hành ổn định của ngân hàng trong bối cảnh thị trường cạnh tranh. Nghiên cứu này cung cấp một thước đo thực chứng rõ ràng về hiệu quả của tổ chức đảng trong lĩnh vực tài chính, đồng thời chứng minh rằng chất lượng hoạt động của TCCSD có tác động trực tiếp đến tính bền vững của hệ thống ngân hàng.

Tan Tan Qun (2025), *“Kiên định sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với doanh nghiệp quốc doanh, nâng cao chất lượng công tác xây dựng đảng làm nền tảng bảo đảm cải cách tài sản và doanh nghiệp nhà nước thực chất, hiệu quả”*, Tạp chí Nghiên cứu xây dựng Đảng, số 3, Trung Quốc [196]. Tác giả bài viết nhấn mạnh rằng để thúc đẩy cải cách doanh nghiệp nhà nước và quản lý tài sản công đạt hiệu quả thực chất, cần kiên định vai trò lãnh đạo toàn diện của

đảng và nâng cao chất lượng công tác xây dựng đảng. Trong điều kiện mới, doanh nghiệp nhà nước không chỉ là lực lượng kinh tế chủ lực mà còn là “nơi thử thách năng lực lãnh đạo chính trị của Đảng”. Việc xây dựng tổ chức đảng trong doanh nghiệp cần được gắn chặt với định hướng chiến lược, bộ máy quản trị và văn hóa doanh nghiệp. Tác phẩm nêu rõ ba trọng tâm: một là bảo đảm vai trò hạt nhân chính trị của các tổ chức đảng trong mọi mắt xích điều hành, từ chiến lược đến thực thi; hai là củng cố nền tảng tổ chức cơ sở với hơn 300.000 chi bộ và gần 5 triệu đảng viên đang hoạt động trong doanh nghiệp nhà nước; ba là phát huy vai trò tiên phong của đảng viên, đưa tiêu chuẩn đảng viên trở thành thước đo năng lực cán bộ quản trị. Bài viết cũng chỉ ra tầm quan trọng của việc kiểm tra, giám sát nội bộ, xử lý nghiêm sai phạm và xây dựng cơ chế tổ chức Đảng thích ứng với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ủy ban Đảng ủy Ngân hàng xây dựng Trung Quốc (2025), “*Báo cáo hội nghị công tác đảng và quản lý điều hành năm 2025 của Ngân hàng xây dựng Trung Quốc (CCB)*”, Sina Finance, 16/1/2025, Trung Quốc [197]. Báo cáo nhấn mạnh vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng trong hoạt động ngân hàng, gắn kết chặt chẽ giữa công tác xây dựng Đảng với chiến lược phát triển kinh doanh. Trong năm 2024, CCB đã đạt nhiều thành tựu nổi bật: tổ chức hàng chục nghìn buổi sinh hoạt chính trị, củng cố tổ chức đảng các cấp, tăng trưởng tín dụng ổn định, ưu tiên các lĩnh vực sản xuất, xanh hóa và doanh nghiệp nhỏ. Công tác kiểm tra, giám sát nội bộ được đẩy mạnh, góp phần nâng cao kỷ luật và hiệu quả vận hành. Năm 2025, CCB xác định hai trụ cột hành động: nâng cao chất lượng xây dựng Đảng theo tinh thần Đại hội Trung ương và tăng cường hiệu quả quản lý tài chính. Các nội dung trọng điểm bao gồm: học tập sâu rộng tư tưởng Tập Cận Bình, thực hiện 10 công trình trọng điểm về Đảng vụ, phát triển tài chính xanh, tài chính số, hoàn thiện cơ chế kiểm soát rủi ro tích hợp yếu tố chính trị. Hội nghị khẳng định nhiệm vụ xây dựng đảng không tách rời nhiệm vụ tài chính,

đồng thời đề cao vai trò của TCCSĐ và trách nhiệm cá nhân trong triển khai nhiệm vụ chính trị, bảo đảm phát triển ổn định và bền vững toàn hệ thống.

Miaoli Zhao, Peng Wang (2025), “*Tác động của chất lượng tổ chức cơ sở đảng đối với doanh nghiệp và hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp*”, Tạp chí nghiên cứu tài chính RELX, Anh [186]. Bài viết nghiên cứu mối quan hệ giữa sự tham gia của TCCSĐ trong doanh nghiệp, mối liên kết giữa chính quyền và doanh nghiệp, và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Trên cơ sở dữ liệu thực chứng của các doanh nghiệp nhà nước Trung Quốc, tác giả chỉ ra rằng khi TCCSĐ được tham gia một cách thực chất vào quản trị doanh nghiệp, với vai trò định hướng, giám sát và bảo đảm tuân thủ – doanh nghiệp thường có hiệu quả hoạt động cao hơn, khả năng kiểm soát rủi ro tốt hơn và uy tín chính trị ổn định hơn. Nghiên cứu cũng nhấn mạnh tác động của TCCSĐ đối với hiệu quả hoạt động phụ thuộc vào đặc thù ngành nghề, quy mô doanh nghiệp và mức độ gắn kết với khu vực công. Trong các lĩnh vực có vai trò chiến lược như ngân hàng, việc phát huy vai trò TCCSĐ đòi hỏi phải đi đôi với cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ và năng lực lãnh đạo thực chất của cấp ủy. Với đề tài luận án, nghiên cứu cung cấp cơ sở tham khảo để xem xét mức độ tham gia thực tế của TCCSĐ trong các NHNN Việt Nam, gắn với yêu cầu nâng cao hiệu lực lãnh đạo và kiểm soát rủi ro trong quản trị ngân hàng.

1.2. Những công trình nghiên cứu ở trong nước

1.2.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến ngân hàng nhà nước và tổ chức đảng trong ngân hàng nhà nước

Tô Khánh Toàn (2014), “*Phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam*”, Luận án tiến sĩ, ngành quản lý kinh tế, Học viện CTQG Hồ Chí Minh, Hà Nội [151]. Trong những năm qua, Vietinbank đã đạt được những kết quả nhất định trong việc phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ, đáp ứng tốt nhu cầu đa dạng về các sản phẩm dịch vụ tiện ích ngân hàng cho các doanh nghiệp và người dân, góp phần thúc đẩy quá trình phát

triển kinh tế xã hội của đất nước. Dịch vụ ngân hàng bán lẻ còn yếu, sản phẩm dịch vụ nghèo nàn, chất lượng chưa cao, sức cạnh tranh thấp. Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế có những tác động sâu sắc đến hoạt động kinh doanh của các NHTM, môi trường cạnh tranh ngày càng diễn ra gay gắt, khi mà sự xuất hiện của các tập đoàn tài chính nước ngoài với kinh nghiệm và tiềm lực tài chính hùng mạnh. Để khắc phục những hạn chế, yếu kém, thực hiện thành công chiến lược phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ của Vietinbank đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Đề tài đề xuất các nhóm giải pháp: Hoàn thiện mô hình tổ chức và phát triển nguồn nhân lực, Phát triển công nghệ thông tin, Quản lý rủi ro, Phát triển sản phẩm dịch vụ, Phát triển thị trường và phương pháp bán sản phẩm và Nhóm giải pháp về vốn. Các nhóm giải pháp này là cơ sở tham chiếu đề luận án có thể tham khảo xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng TCCSD trong các NHNN ở Việt Nam hiện nay.

Vũ Thùy Linh (2014), *"Hoàn thiện quá trình và tổ chức bộ máy kiểm toán nội bộ trong các ngân hàng thương mại Nhà nước Việt nam"*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành tài chính, Học viện Tài Chính, Hà Nội [161]. Tác giả luận án đã khái quát hoá và làm rõ hơn những vấn đề lý luận cơ bản về kiểm toán nội bộ, tổ chức quá trình và bộ máy kiểm toán nội bộ trong các NHTM. Luận án đã làm rõ nội hàm kiểm toán nội bộ trong các NHTM; chỉ rõ sự thay đổi theo thời gian về quan niệm kiểm toán nội bộ và kiểm toán nội bộ NHTM. Chỉ rõ mối quan hệ giữa hoạt động quản lý với kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ. Luận án cũng phân tích đặc điểm quản lý hoạt động kinh doanh của NHTM và các nguyên tắc thiết kế kiểm soát nội bộ NHTM, đồng thời đánh giá các nhân tố ảnh hưởng tới kiểm toán nội bộ NHTM. Tác giả đã chỉ ra sự thay đổi cấp bách trong mối quan hệ giữa hoạt động quản trị rủi ro của các NHTMNN hiện nay với công tác kiểm toán nội bộ, mà ở đó kiểm toán nội bộ đóng vai trò là lớp phòng vệ cuối cùng chịu trách nhiệm cung cấp thông tin cho bộ phận quản trị cấp cao của ngân hàng. Đây là điểm mới cơ bản của luận

án được rút ra sau khi khảo sát thực trạng. Kết quả nghiên cứu này đã cung cấp những căn cứ thực tiễn để tác giả đề xuất các giải pháp hoàn thiện quá trình và tổ chức bộ máy kiểm toán nội bộ trong các NHTMNN Việt Nam.

Lê Cẩm Ninh (2014), *“Nâng cao năng lực cạnh tranh của hệ thống Ngân hàng Thương mại Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế”*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Tài chính ngân hàng, Học viện Tài Chính, Hà Nội [77]. Tác giả luận án đã chất lọc, kế thừa và hóa, làm rõ hơn một số vấn đề lý luận về cạnh tranh, năng lực cạnh tranh của NHTM trong hội nhập kinh tế quốc tế. Đặc biệt, đã phân tích rõ các nhân tố ảnh hưởng và đề xuất một số chỉ tiêu đánh giá năng lực cạnh tranh của NHTM. Từ đó, tác giả đã chỉ ra được một số tác động (tích cực và tiêu cực) của hội nhập kinh tế quốc tế đến năng lực cạnh tranh của NHTM. Trên cơ sở phân tích, đánh giá sâu sắc, chi tiết về thực trạng năng lực cạnh tranh của NHTM Việt Nam trong giai đoạn 2005-2013, tác giả rút ra một số kết quả, những tồn tại, nguyên nhân và đề xuất một số giải pháp đồng bộ và khả thi nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của NHTM Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

Trịnh Thị Thủy (2015), *“Quản lý nhà nước đối với các ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay”*, Luận án tiến sĩ Quản lý hành chính công, Học viện Hành Chính quốc gia, Hà Nội [156]. Luận án đã đi sâu nghiên cứu toàn diện về quản lý nhà nước đối với các ngân hàng NHTM tại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế và yêu cầu tái cơ cấu hệ thống tài chính – ngân hàng. Trên cơ sở tổng hợp lý luận và kinh nghiệm quốc tế, tác giả phân tích rõ vai trò của Nhà nước trong việc xây dựng thể chế, tổ chức bộ máy, quản lý nhân lực và thực hiện chức năng thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng. Luận án chỉ ra rằng quản lý nhà nước đối với NHTM ở Việt Nam thời gian qua đạt được một số kết quả tích cực như củng cố hệ thống pháp lý, đẩy mạnh tái cơ cấu ngân hàng yếu kém, nhưng vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế

như cơ chế chính sách chưa đồng bộ, tổ chức bộ máy chưa tinh gọn, năng lực quản trị và giám sát còn yếu, chưa đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường hiện đại. Từ thực tiễn đó, tác giả đề xuất một hệ thống giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước như: hoàn thiện thể chế pháp luật về ngân hàng, tăng cường năng lực thanh tra – giám sát độc lập, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý ngân hàng...Luận án nhấn mạnh yêu cầu xác lập một Ngân hàng Trung ương thực sự độc lập về pháp lý, tổ chức và chức năng, nhằm đảm bảo hiệu quả điều hành chính sách tiền tệ quốc gia, kiểm soát lạm phát và ổn định tài chính vĩ mô trong dài hạn.

Bùi Văn Huyền (2018), *“Huy động vốn của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam”*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế, Học viện CTQG Hồ Chí Minh, Hà Nội [32]. Luận án tập trung nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện hoạt động huy động vốn của Agribank trong bối cảnh nền kinh tế chuyển đổi, hội nhập quốc tế. Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận về huy động vốn trong hoạt động NHTM, luận án đi sâu phân tích thực trạng huy động vốn tại Agribank, bao gồm cơ cấu nguồn vốn, các hình thức, công cụ và chính sách huy động vốn, từ đó đánh giá hiệu quả và mức độ bền vững của hoạt động này giai đoạn gần đây. Luận án chỉ ra rằng, mặc dù Agribank có mạng lưới rộng khắp và uy tín cao trong lĩnh vực tam nông, hoạt động huy động vốn vẫn gặp nhiều thách thức như: cạnh tranh gay gắt từ các NHTM khác, mức độ đa dạng hóa sản phẩm huy động còn hạn chế, chưa tận dụng tối đa tiềm năng vốn trong khu vực nông thôn. Đặc biệt, sự chuyển dịch trong hành vi tài chính của khách hàng đòi hỏi Agribank phải có những cải tiến mạnh mẽ trong công nghệ, dịch vụ và truyền thông tài chính. Trên cơ sở đó, luận án đề xuất các nhóm giải pháp mang tính hệ thống nhằm nâng cao hiệu quả huy động vốn của Agribank, bao gồm: đổi mới sản phẩm và dịch vụ huy động vốn; ứng dụng công nghệ số trong tiếp cận khách hàng; hoàn thiện chính sách lãi suất linh hoạt và cơ chế khuyến khích; tăng cường năng lực cán bộ và chất lượng

phục vụ; cùng với việc phát triển chiến lược huy động vốn phù hợp với từng phân khúc khách hàng, nhất là khu vực nông thôn, nông nghiệp.

Nguyễn Thị Hòa (2019), *“Thanh tra, giám sát trên cơ sở rủi ro của ngân hàng nhà nước Việt Nam đối với các tổ chức tín dụng – Thực trạng và giải pháp”*, Luận án tiến sĩ ngành tài chính ngân hàng, Học viện Ngân hàng, Hà Nội [131]. Tác giả luận án đã khái quát hóa được các vấn đề cơ bản liên quan đến thanh tra, giám sát trên cơ sở rủi ro mà các nghiên cứu trước đó chưa có hoặc chưa được đề cập một cách toàn diện, bao gồm: Nội dung, phương pháp, quy trình, công cụ thanh tra, giám sát trên cơ sở rủi ro của NHTW đối với các tổ chức tín dụng (TCTD); Các điều kiện căn bản để triển khai thanh tra, giám sát trên cơ sở rủi ro của NHTW đối với các TCTD; Kinh nghiệm của các quốc gia triển khai thanh tra, giám sát trên cơ sở rủi ro xuất phát từ nền tảng dữ liệu của CAMELS. Tác giả luận án đã phân tích được thực trạng hoạt động thanh tra, giám sát trên cơ sở rủi ro của NHNN Việt Nam đối với các tổ chức tín dụng từ khi triển khai hoạt động này đến 31/12/2018; đánh giá những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế làm cơ sở đề xuất tăng cường hoạt động này. Từ đó, tác giả đề xuất các giải pháp tăng cường áp dụng thanh tra, giám sát trên cơ sở rủi ro tại NHNN Việt Nam và xây dựng lộ trình triển khai từng giải pháp đã đề ra cho 2 giai đoạn: từ nay đến năm 2020 và từ năm 2021 đến năm 2025; kiến nghị 7 với TCTD, Chính phủ và các cơ quan hữu quan để hỗ trợ hoàn thiện các điều kiện triển khai thanh tra, giám sát trên cơ sở rủi ro.

Tô Thị Ánh Dương (2021), *“Quản trị rủi ro tại các ngân hàng thương mại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế”*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội [153]. Cuốn sách nhấn mạnh an toàn, hiệu quả và bền vững là mục tiêu mà mọi ngân hàng đều hướng tới. Tuy nhiên, hoạt động ngân hàng luôn gắn liền với rủi ro. Các ngân hàng cần đánh giá các cơ hội kinh doanh dựa trên mối quan hệ rủi ro - lợi ích nhằm tìm ra những cơ hội đạt được những lợi ích xứng đáng với mức rủi ro có thể chấp nhận. Ngân hàng sẽ hoạt động tốt nếu

mức rủi ro mà ngân hàng gánh chịu là hợp lý và kiểm soát được, đồng thời nằm trong phạm vi khả năng các nguồn lực tài chính và năng lực tín dụng của ngân hàng. Công tác tổ chức và quản trị rủi ro của ngân hàng sẽ tác động trực tiếp không chỉ đến giá trị ngân hàng mà còn tới vị thế và uy tín của ngân hàng. Trong những năm qua, hệ thống các ngân hàng Việt Nam không ngừng phát triển về số lượng, quy mô hoạt động, đồng thời nghiệp vụ cũng phong phú và phức tạp hơn. Để có thể kịp thời nắm bắt những cơ hội và sẵn sàng ứng phó với những thách thức trong bối cảnh tái cơ cấu và hội nhập sâu rộng, cần tăng cường quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị rủi ro tại các NHTM Việt Nam. Những nội dung này được khắc họa rõ nét trong cuốn sách Quản trị rủi ro tại các NHTM Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Phạm Tất Thắng, Nguyễn Ngọc Ánh (2023), *“Mô hình tổ chức đảng trong các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, ngân hàng thương mại hiện nay – vấn đề đặt ra và đề xuất”*, Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông, số đăng ngày 7/9/2023, Học viện báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội [138]. Bài viết tập trung phân tích sâu sắc về thực trạng mô hình tổ chức Đảng cấp trên cơ sở trong khối doanh nghiệp nhà nước, đặc biệt là các tập đoàn kinh tế, tổng công ty và NHTM nhà nước. Tác giả đánh giá rằng, kể từ sau khi triển khai các quy định số 60-QĐ/TW, 61-QĐ/TW và 87-QĐ/TW của Ban Bí thư, mô hình tổ chức Đảng trong doanh nghiệp nhà nước đã có những bước hoàn thiện nhất định về cơ cấu, phương thức hoạt động và mối quan hệ lãnh đạo giữa các cấp. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai vẫn còn bộc lộ nhiều điểm nghẽn, như việc chưa thống nhất mô hình tổ chức giữa các loại hình doanh nghiệp, ranh giới và thẩm quyền giữa Đảng bộ cấp trên cơ sở với cấp ủy địa phương còn chồng chéo, vai trò lãnh đạo Đảng trong quản trị doanh nghiệp chưa thực sự hiệu lực, hiệu quả. Đặc biệt trong lĩnh vực NHTM nhà nước, vấn đề lồng ghép giữa yêu cầu tuân thủ pháp luật tài chính – ngân hàng với yêu cầu chính trị –

tư tưởng của tổ chức Đảng vẫn là một bài toán phức tạp. Trên cơ sở đó, chuyên khảo đề xuất các giải pháp như tiếp tục kiện toàn mô hình tổ chức Đảng theo hướng tinh gọn, rõ chức năng; hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương với cấp ủy các địa phương và xây dựng cơ chế đánh giá hiệu quả hoạt động tổ chức Đảng gắn với hiệu quả sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp. Tác phẩm là tài liệu tham khảo có giá trị lý luận và thực tiễn trong việc đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức Đảng trong khối doanh nghiệp nhà nước hiện nay.

Nguyễn Thị Diễm My (2023), “*Vai trò của tổ chức đảng trong lĩnh vực ngân hàng - Thực tiễn tại Vietcombank*”, Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ, số đăng ngày 9/11/2023, Hà Nội [129]. Bài viết khẳng định vai trò then chốt của tổ chức Đảng trong việc dẫn dắt và định hướng toàn diện hoạt động của Vietcombank, một trong những NHTM nhà nước lớn nhất Việt Nam. Giai đoạn 2020-2025, Đảng bộ Vietcombank đã phát triển hệ thống tổ chức Đảng đồng bộ với bộ máy quản trị ngân hàng, với hơn 130 TCCSĐ và gần 7.000 đảng viên, tạo nền tảng chính trị vững chắc để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn và chiến lược phát triển. Sinh hoạt chi bộ tại các đơn vị được tổ chức nghiêm túc, có trọng tâm và gắn trực tiếp với nội dung chuyên môn nghiệp vụ, chuyển đổi số, quản trị rủi ro, an toàn hệ thống. Đảng viên được khuyến khích tham gia các phong trào thi đua, đóng góp sáng kiến, từ đó nâng cao năng lực chính trị và chuyên môn trong môi trường cạnh tranh cao. Vietcombank cũng đặc biệt chú trọng công tác phát triển đảng viên mới, trong đó từ năm 2020 đến giữa nhiệm kỳ đã kết nạp gần 200 đảng viên mới, góp phần trẻ hóa đội ngũ, tạo nguồn cán bộ kế cận có phẩm chất và năng lực. Công tác kiểm tra, giám sát được tăng cường, đảm bảo sự gương mẫu của đảng viên, nhất là những người giữ vị trí chủ chốt. Bài viết kết luận rằng tổ chức Đảng tại Vietcombank không chỉ là lực lượng lãnh đạo về chính trị mà còn là nhân tố cốt lõi đảm bảo cho sự phát triển ổn định, bền vững và hiện đại hóa hoạt động ngân hàng trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

Nguyễn Hoài Nam (2023), “*Nâng cao giá trị cảm nhận của khách hàng đối với dịch vụ của các ngân hàng thương mại*”, Tạp chí Kinh tế và Quản lý, Số 57 (5/2023), Hà Nội [126]. Bài viết tập trung phân tích vai trò của giá trị cảm nhận trong việc hình thành sự hài lòng và lòng trung thành của khách hàng đối với dịch vụ NHTM, đồng thời đề xuất các giải pháp nâng cao giá trị cảm nhận nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững của ngân hàng. Giá trị cảm nhận của khách hàng được hiểu là sự so sánh giữa lợi ích mà họ nhận được từ dịch vụ và chi phí phải bỏ ra để có được dịch vụ đó, bao gồm cả yếu tố hữu hình như chất lượng sản phẩm, sự tiện lợi, và yếu tố vô hình như cảm xúc, trải nghiệm, niềm tin và mối quan hệ với ngân hàng. Thông qua nghiên cứu định tính và định lượng, bài viết chỉ ra rằng các yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất đến giá trị cảm nhận bao gồm chất lượng phục vụ, mức độ tin cậy, khả năng đáp ứng, sự đồng cảm và năng lực chuyên môn của nhân viên. Tác giả kiến nghị các ngân hàng cần không ngừng cải tiến quy trình cung ứng dịch vụ, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, ứng dụng công nghệ số, và xây dựng văn hóa dịch vụ hướng khách hàng nhằm tối ưu hóa giá trị cảm nhận, tạo lợi thế cạnh tranh dài hạn trong bối cảnh thị trường tài chính – ngân hàng đang thay đổi nhanh chóng và cạnh tranh khốc liệt.

Nguyễn Tuấn Đạt (2024), “*Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong quản trị rủi ro ngành ngân hàng*”, Tạp chí điện tử Chính trị và Phát triển, số đăng ngày 3/6/2024, Hà Nội [136]. Bài viết tập trung làm rõ yêu cầu bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong lĩnh vực quản trị rủi ro ngành Ngân hàng, nhấn mạnh vai trò trung tâm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng trong toàn bộ hoạt động của hệ thống tài chính – ngân hàng. Trong bối cảnh hoạt động ngân hàng ngày càng phức tạp, tiềm ẩn nhiều rủi ro và chịu tác động lớn từ chuyển đổi số, công tác xây dựng Đảng và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch là yêu cầu cấp thiết, nhằm bảo đảm sự ổn định, minh bạch và bền vững cho hệ thống. Trên cơ sở đó, bài

viết đề xuất ba nhóm giải pháp: Thứ nhất, xây dựng đội ngũ CBDV tâm chính trực, tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, có đạo đức cách mạng, năng lực chuyên môn vững vàng và tinh thần trách nhiệm cao. Thứ hai, xây dựng đội ngũ có “ý chí kiên định vững vàng”, bản lĩnh chính trị, khả năng tự bảo vệ tư tưởng trước các luận điệu xuyên tạc, và chủ động sáng tạo thích ứng với yêu cầu thời đại. Thứ ba, chủ động tham gia chuyển đổi số, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, đào tạo nhân lực số, bảo đảm an toàn – bảo mật thông tin trong toàn hệ thống ngân hàng. Từ đó, bài viết khẳng định bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong quản trị rủi ro là nhân tố cốt lõi để phát triển ngành Ngân hàng ổn định, góp phần giữ vững niềm tin nhân dân và nâng cao vị thế quốc gia trong thời đại hội nhập.

Lê Xuân Bá (2024), *“Mô hình tổ chức và phương thức quản lý tín dụng chính sách xã hội đặc thù của ngân hàng chính sách xã hội”*, Tạp chí Kinh tế và Quản lý, Số 71 (07/2024), Hà Nội [80]. Bài viết phân tích sâu sắc cơ chế tổ chức và quản trị tín dụng đặc thù của một định chế tài chính có vai trò then chốt trong thực hiện chính sách an sinh xã hội của Nhà nước. Với chức năng chính là cung cấp tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách, Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) đã xây dựng một mô hình tổ chức đa tầng, gắn chặt với hệ thống chính quyền các cấp và các tổ chức chính trị – xã hội, từ trung ương đến cơ sở. Bài viết cho rằng mô hình tổ chức và phương thức quản lý tín dụng xã hội đặc thù của NHCSXH là sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn, đồng thời khẳng định tính hiệu quả và khả năng nhân rộng của mô hình này trong mục tiêu giảm nghèo, phát triển bền vững và bảo đảm an sinh xã hội.

Nguyễn Trường Thành (2024), *“Phòng, chống tham nhũng và tội phạm trong ngành Ngân hàng - Những vấn đề đáng quan tâm hiện nay”*, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, số đăng ngày 17/10/2024, Hà Nội [134]. Bài viết “Phòng, chống tham nhũng và tội phạm trong ngành Ngân hàng - Những vấn đề đáng

quan tâm hiện nay” phân tích những nguy cơ, biểu hiện và yêu cầu cấp thiết trong công tác phòng, chống tham nhũng, tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng – nơi có khối lượng giao dịch lớn, tài sản tập trung cao và hoạt động nghiệp vụ phức tạp, dễ bị lợi dụng để trục lợi cá nhân hoặc tổ chức. Tác giả nhấn mạnh rằng, mặc dù ngành ngân hàng đã có nhiều nỗ lực trong hoàn thiện cơ chế kiểm soát, tăng cường thanh tra nội bộ và siết chặt đạo đức công vụ, song thực tiễn vẫn xuất hiện các vụ án lớn liên quan đến vi phạm quy định về tín dụng, chiếm đoạt tài sản, thao túng tài chính nội bộ và móc nối giữa cán bộ ngân hàng với các đối tượng bên ngoài. Những sai phạm này không chỉ xuất phát từ yếu kém trong quản lý điều hành, mà còn phản ánh tình trạng buông lỏng kiểm tra, thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa tổ chức đảng và bộ máy chuyên môn trong giám sát quyền lực và đạo đức nghề nghiệp. Để khắc phục, bài viết đề xuất cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phòng, chống tham nhũng; hoàn thiện hệ thống pháp lý và quy trình kiểm soát nội bộ và đặc biệt là vai trò nêu gương, kỷ cương, trách nhiệm của người đứng đầu.

1.2.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong ngân hàng nhà nước

Nguyễn Văn Tiến (2021), “*Phát huy vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng trong các tổ chức tín dụng trước yêu cầu chuyển đổi số ngành ngân hàng*”, *Tạp chí Ngân hàng*, số chuyên đề quý IV/2021, Hà Nội [137]. Tác giả bài viết tiếp cận quá trình chuyển đổi số ngành ngân hàng từ góc độ vai trò lãnh đạo của TCCSĐ, coi đây là nhân tố hạt nhân chính trị bảo đảm quá trình hiện đại hóa công nghệ diễn ra đúng định hướng của Đảng và Nhà nước. Bài viết làm rõ rằng, trong bối cảnh số hóa mạnh mẽ, TCCSĐ không chỉ giữ vai trò định hướng tư tưởng, mà còn trực tiếp tham gia lãnh đạo xây dựng chủ trương, chiến lược và giám sát việc triển khai chuyển đổi số tại các tổ chức tín dụng, nhất là các NHTM nhà nước. Việc phát huy nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy

được xem là điều kiện quan trọng để kiểm soát rủi ro công nghệ, rủi ro dữ liệu và rủi ro đạo đức trong môi trường số. Qua đó, bài viết khẳng định chất lượng TCCSD có tác động trực tiếp đến việc bảo đảm an toàn hệ thống, nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của các ngân hàng, đặc biệt là NHNN, trong tiến trình chuyển đổi số toàn diện hiện nay.

Trần Thị Hồng Hạnh (2022), *“Xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh gắn với nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro tại các ngân hàng thương mại nhà nước”*, *Tạp chí Ngân hàng*, số 12/2022, Hà Nội [206]. Bài viết tiếp cận quản trị rủi ro ngân hàng từ mối quan hệ hữu cơ với công tác xây dựng đảng, coi chất lượng TCCSD là nền tảng chính trị, tổ chức bảo đảm kỷ cương, kỷ luật, tính tuân thủ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong toàn bộ hoạt động ngân hàng. Trên cơ sở đó, tác giả khẳng định rằng, trong môi trường tài chính, tiền tệ tiềm ẩn nhiều rủi ro, nhất là rủi ro tín dụng và rủi ro đạo đức, vai trò lãnh đạo của cấp ủy, chi bộ có ý nghĩa quyết định trong việc định hướng hành vi, kiểm soát quyền lực và ngăn ngừa vi phạm. Bài viết làm rõ cơ chế tác động của TCCSD thông qua việc ban hành nghị quyết chuyên đề, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, cũng như phát huy vai trò nêu gương của cán bộ lãnh đạo, quản lý. Nhờ đó, tổ chức đảng không chỉ góp phần phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các biểu hiện sai phạm, mà còn tạo dựng môi trường làm việc minh bạch, liêm chính và chuyên nghiệp.

Nguyễn Thị Kiều Vân (2023), *“Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng từ phát huy vai trò của người đứng đầu cấp ủy: Nhìn từ Đảng bộ Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam Chi nhánh Thăng Long”*, *Tạp chí Cộng sản*, số đăng ngày 2/9/2023, Hà Nội [132]. Bài viết phân tích việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng gắn với phát huy vai trò người đứng đầu cấp ủy tại VietinBank Chi nhánh Thăng Long, coi đây là giải pháp đột phá nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, thúc đẩy

phát triển sản xuất – kinh doanh. Việc thực hiện nghiêm Quy định 60-QĐ/TW và các nghị quyết của Đảng đã giúp VietinBank xây dựng hệ thống tổ chức đảng vững mạnh với trên 10.000 đảng viên và 184 tổ chức cơ sở. Đặc biệt, Chi nhánh Thăng Long ghi dấu ấn đột phá khi chuyển từ chi bộ thành đảng bộ vào năm 2022, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của bí thư chi bộ đồng thời là giám đốc chi nhánh. Nhờ phát huy vai trò “nhất thể hóa” người đứng đầu, kết hợp chặt chẽ giữa lãnh đạo của Đảng và điều hành quản trị, chi nhánh đã đạt bước tiến vượt bậc về nguồn vốn, tăng trưởng tín dụng, chất lượng dịch vụ và phát triển ngân hàng số. Công tác cán bộ được chú trọng, minh bạch, phát huy thể mạnh cá nhân, thực hiện tốt luân chuyển và bổ nhiệm. Bài viết đề xuất 6 nhóm nhiệm vụ trọng tâm để tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng tại chi nhánh, trong đó nhấn mạnh vai trò người đứng đầu, nguyên tắc tập trung dân chủ, lựa chọn nhân sự đủ phẩm chất, kiểm điểm nghiêm túc, giáo dục tư tưởng sâu sắc và xây dựng văn hóa doanh nghiệp gắn với nhiệm vụ chính trị.

Lê Minh Tuấn (2023), *“Gắn xây dựng Đảng với thực hiện nhiệm vụ chính trị trong hệ thống ngân hàng nhà nước hiện nay”*, *Tạp chí Ngân hàng*, số 7/2023, Hà Nội [207]. Bài viết làm rõ mối quan hệ gắn bó, tác động qua lại giữa công tác xây dựng TCCSD với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ kinh doanh của các NHNN trong giai đoạn hiện nay. Trên cơ sở phân tích thực tiễn hoạt động của một số ngân hàng lớn, tác giả khẳng định TCCSD giữ vai trò hạt nhân chính trị trong việc định hướng chiến lược phát triển, bảo đảm sự thống nhất giữa mục tiêu kinh doanh với yêu cầu phục vụ phát triển kinh tế – xã hội theo đường lối của Đảng và Nhà nước. Bài viết nhấn mạnh rằng, thông qua việc lãnh đạo xây dựng văn hóa tuân thủ, đề cao kỷ cương, kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội, tổ chức đảng đã góp phần nâng cao chất lượng quản trị, hiệu quả điều hành và uy tín của NHNN trên thị trường tài chính. Đồng thời, vai trò của TCCSD còn thể hiện ở việc dẫn dắt quá trình tái cơ cấu, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng

lực cạnh tranh và khả năng thích ứng của ngân hàng trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Qua đó, bài viết khẳng định xây dựng TCCSD vững mạnh là điều kiện quan trọng bảo đảm cho các NHNN phát triển ổn định, bền vững và thực hiện tốt sứ mệnh chính trị – kinh tế trong giai đoạn mới.

Phạm Thu Hương (2024), “*Nâng cao chất lượng kiểm tra, giám sát của chi bộ - Giải pháp để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh từ cơ sở ở Đảng bộ Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)*”, Tạp chí Lịch sử Đảng, số đăng ngày 30/11/2024, Hà Nội [140]. Bài viết nhấn mạnh vai trò đặc biệt quan trọng của công tác kiểm tra, giám sát trong việc nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của TCCSD, nhất là trong điều kiện hoạt động đặc thù của một NHTM lớn như BIDV. Trong bối cảnh đổi mới phương thức lãnh đạo, xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh theo tinh thần các nghị quyết Trung ương về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, công tác kiểm tra, giám sát không chỉ là chức năng lãnh đạo cốt lõi của chi bộ mà còn là công cụ giúp kịp thời phát hiện, ngăn chặn vi phạm, uốn nắn những biểu hiện lệch lạc trong nhận thức và hành động của CBĐV. Bài viết đề xuất một số giải pháp chủ yếu như: tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm tra cho bí thư và cấp ủy viên chi bộ; xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm bám sát nhiệm vụ chính trị và đặc thù hoạt động kinh doanh; phát huy vai trò giám sát của tổ chức đoàn thể và người lao động; đồng thời coi trọng kết quả kiểm tra như một tiêu chí đánh giá chất lượng TCCSD.

Lê Thị Mai Hương, Tô Thị Linh (2025), “*Công tác xây dựng đảng góp phần quan trọng hoàn thành nhiệm vụ chính trị ngành ngân hàng*”, Tạp chí Ngân hàng, số đăng ngày 3/2/2025, Hà Nội [79]. Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đối mặt với lạm phát cao, chuỗi cung ứng gián đoạn hậu COVID-19 và căng thẳng địa chính trị, bên cạnh những thách thức trong nước như tham nhũng, thể chế đang tiếp tục được hoàn thiện, công tác xây dựng Đảng được xác định là trụ cột để ngành ngân hàng giữ vững ổn định vĩ mô và hoàn thành mục tiêu chính trị đề ra.

Ban Thường vụ Đảng ủy Cơ quan Ngân hàng Trung ương đã chỉ đạo chặt chẽ việc tổ chức đại hội đảng các cấp theo Chỉ thị 35-CT/TW, áp dụng Phần mềm quản lý đảng viên điện tử 3.0, triển khai các khóa bồi dưỡng lý luận chính trị và kết nạp 108 đảng viên mới, chuyển chính thức 128 đảng viên dự bị ở Học viện Ngân hàng Cấp ủy các cấp đã thường xuyên nắm bắt tâm tư của CBĐV, thực hiện đầy đủ công tác kiểm tra, giám sát, bảo vệ chính trị nội bộ, và duy trì nghiêm sinh hoạt chuyên đề, nâng chất lượng chi bộ và cấp ủy.

Quang Đức (2024), *“Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát kỷ luật Đảng góp phần phát huy hơn nữa vai trò lãnh đạo của Đảng trong xây dựng Đảng bộ BIDV trong sạch, vững mạnh”*, tạp chí Lịch sử Đảng điện tử, số đăng ngày 30/11/2024, Hà Nội [141]. Bài viết về công tác kiểm tra, giám sát (KTGS) của Đảng tại Đảng bộ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) nhấn mạnh vai trò đặc biệt quan trọng của KTGS trong xây dựng Đảng, coi đây là một chức năng lãnh đạo không thể thiếu. Từ truyền thống của Đảng và quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, KTGS được xác định là công cụ hữu hiệu để phòng ngừa, phát hiện, xử lý vi phạm, đồng thời bảo vệ cán bộ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, giữ vững sự đoàn kết và nâng cao năng lực lãnh đạo. Trong bối cảnh Đảng đề ra mục tiêu xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh, Đảng bộ BIDV đã cụ thể hóa bằng các kế hoạch hành động, chương trình kiểm tra định kỳ và đột xuất, kiện toàn nhân sự Ủy ban Kiểm tra, ban hành nhiều văn bản quy định quy trình KTGS, đồng thời tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác kiểm tra. Nhờ đó, hiệu quả công tác KTGS ngày càng được nâng cao, góp phần giữ vững kỷ luật đảng, ngăn chặn vi phạm, củng cố niềm tin của CBĐV.

Nguyễn Thị Gấm (2025), *“Bảo vệ chính trị nội bộ ở Agribank: Kiên định tư tưởng của Đảng trong giai đoạn tinh gọn bộ máy”*, Tạp chí Ngân hàng, số đăng ngày 30/9/2025 [130]. Bài viết phân tích cách Agribank giữ vững nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo đảm sự ổn định chính trị nội bộ trong quá trình

thực hiện tinh giản bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 và chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của BCT. Bài viết khẳng định, trong bối cảnh cơ cấu tổ chức thay đổi mạnh mẽ, việc kiên định tư tưởng chính trị, bảo vệ sự thống nhất trong Đảng là yếu tố then chốt giúp Agribank duy trì kỷ cương, đoàn kết và hiệu quả hoạt động. Thông điệp cốt lõi được khẳng định trong bài viết là: *“Tinh gọn bộ máy nhưng không tinh giảm bản lĩnh chính trị”*. Đối với đề tài luận án, bài viết là minh chứng thực tiễn sinh động cho thấy chất lượng TCCSĐ không chỉ thể hiện ở cơ cấu, số lượng hay hình thức sinh hoạt, mà quan trọng hơn là khả năng kiên định tư tưởng, dẫn dắt nhiệm vụ chính trị và gắn kết chặt chẽ với hoạt động chuyên môn của ngân hàng. Agribank chính là ví dụ tiêu biểu cho mô hình TCCSĐ vững mạnh – nơi bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo và hiệu quả quản trị hòa quyện, tạo nên sức mạnh tổng hợp bảo đảm cho sự phát triển bền vững của NHNN trong giai đoạn mới.

1.3. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học có liên quan đến đề tài luận án và những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu

1.3.1. Khái quát kết quả của các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Đã có nhiều công trình khoa học nghiên cứu về các NHNN ở Việt Nam; TCCSĐ và chất lượng TCCSĐ dưới nhiều góc độ và phạm vi khác nhau. Nhưng, chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu một cách toàn diện, chuyên sâu, dưới góc độ ngành Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước về chất lượng TCCSĐ trong các NHNN ở Việt Nam. Cụ thể:

Thứ nhất, về phương diện lý luận: Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã tập trung phân tích nhiều khía cạnh lý luận liên quan đến hoạt động ngân hàng và quản trị kinh tế, cũng như vai trò của ngân hàng trong nền kinh tế quốc dân, cơ chế vận hành thị trường tài chính – tiền tệ, đặc điểm tổ chức bộ máy, quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ. Nhiều công trình khẳng định

rằng hệ thống ngân hàng là trung gian tài chính chủ lực, vừa thực hiện chức năng huy động và phân phối vốn, vừa giữ vai trò công cụ điều tiết vĩ mô của Nhà nước trong việc ổn định kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội.

Một số nghiên cứu gần đây đã bước đầu đề cập đến yếu tố chính trị trong hoạt động ngân hàng, đặc biệt là vai trò của TCCSĐ trong các NHNN với tư cách là hạt nhân chính trị, bảo đảm định hướng chính trị trong quá trình kinh doanh. Các nghiên cứu này khẳng định TCCSĐ giữ vai trò lãnh đạo toàn diện, trực tiếp đối với các hoạt động của ngân hàng, nhất là trong công tác cán bộ, giáo dục chính trị tư tưởng, kiểm tra, giám sát và định hướng phát triển bền vững. Tuy nhiên, các công trình này mới chỉ dừng lại ở việc mô tả vai trò hoặc cơ chế phối hợp giữa TCCSĐ và bộ máy quản trị - điều hành, chưa đi sâu phân tích bản chất, nội hàm và tiêu chí đánh giá chất lượng TCCSĐ trong các NHNN.

Từ đó, luận án có thể kế thừa các cơ sở lý luận về vai trò, chức năng, nguyên tắc hoạt động và yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng TCCSĐ, đồng thời xây dựng khung lý luận về TCCSĐ trong các NHNN, một lĩnh vực có tính đặc thù cao, chịu sự chi phối đồng thời của cơ chế Đảng lãnh đạo và yêu cầu quản trị tài chính - kinh doanh chuyên nghiệp.

Thứ hai, về phương diện thực tiễn

Một số nghiên cứu đã bước đầu đề cập đến vai trò của TCCSĐ trong ngân hàng, đặc biệt là mối quan hệ giữa cấp ủy cơ sở với hội đồng quản trị, ban điều hành trong việc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, kiểm soát nội bộ, xây dựng đội ngũ CBDV... Tuy nhiên, chưa có công trình nghiên cứu nào tiếp cận một cách toàn diện, hệ thống và chuyên sâu về chất lượng TCCSĐ trong các NHNN. Các kết quả hiện có chủ yếu tập trung vào từng khía cạnh riêng lẻ, như sinh hoạt chi bộ, công tác đảng viên hay ảnh hưởng của cơ chế thị trường đến hoạt động lãnh đạo của TCCSĐ, mà chưa hình thành được một hệ thống luận cứ đầy đủ để đánh giá toàn diện chất lượng TCCSĐ trong lĩnh vực đặc thù này.

Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các dữ liệu, kết quả khảo sát và luận điểm thực chứng từ những nghiên cứu trước, luận án hướng tới việc phân tích, đối chiếu và khái quát hóa thực trạng chất lượng TCCSD trong các NHNN hiện nay. Qua đó, làm rõ những ưu điểm, những hạn chế chủ yếu, chỉ ra nguyên nhân khách quan và chủ quan, đồng thời rút ra những kinh nghiệm có giá trị thực tiễn trong việc củng cố, kiện toàn và nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của TCCSD trong các NHNN.

Thứ ba, về phương diện giải pháp

Một số công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã đưa ra những gợi ý quan trọng liên quan đến việc nâng cao hiệu quả quản trị ngân hàng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, ứng dụng công nghệ tài chính, xây dựng văn hóa doanh nghiệp và phát huy vai trò lãnh đạo của các tổ chức chính trị trong lĩnh vực tài chính - tiền tệ. Những gợi ý này góp phần cung cấp cơ sở tham khảo cho việc đề xuất giải pháp của luận án.

Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc những luận điểm, phương pháp tiếp cận và kinh nghiệm từ các công trình trước, luận án tập trung xây dựng hệ thống giải pháp có tính khoa học, đồng bộ và khả thi, vừa mang tính lý luận, vừa gắn chặt với thực tiễn hoạt động của TCCSD trong các NHNN.

1.3.2. Những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu làm rõ

Một là, làm rõ hệ thống khái niệm công cụ liên quan trực tiếp đến hướng nghiên cứu, đặc biệt là “tổ chức cơ sở đảng”, “chất lượng tổ chức cơ sở đảng”, “ngân hàng nhà nước”, “chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong các NHNN ở Việt Nam hiện nay”. Việc phân tích, hệ thống hóa và phân biệt các khái niệm này với các khái niệm gần sẽ tạo nền tảng khoa học cho việc xây dựng khung lý thuyết của luận án.

Hai là, xây dựng khung lý thuyết của luận án, trong đó làm rõ nội hàm khái niệm “chất lượng TCCSD trong các NHNN ở Việt Nam hiện nay”, xác định những yếu tố quy định, các nhân tố tác động và hệ thống tiêu chí đánh

giá chất lượng. Đây là cơ sở để luận án có thể vừa luận giải lý luận, vừa đo lường, phân tích được thực tiễn một cách thuyết phục.

Ba là, khảo sát và đánh giá thực trạng chất lượng TCCSD trong các NHNN hiện nay, chỉ ra những kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân và khái quát những vấn đề đặt ra từ thực tiễn. Đồng thời, luận án cần rút ra một số kinh nghiệm bước đầu có giá trị tham khảo cho việc nâng cao chất lượng TCCSD trong lĩnh vực ngân hàng.

Bốn là, dự báo những yếu tố thuận lợi, khó khăn tác động đến chất lượng TCCSD trong các NHNN trong thời gian tới; trên cơ sở đó, xác định phương hướng, đề xuất hệ thống giải pháp nhằm phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế, giải quyết những vấn đề mới nảy sinh. Đặc biệt, chú trọng đề xuất các giải pháp mang tính khả thi, có tính đột phá, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng TCCSD trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

Tiểu kết chương 1

Tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy, chất lượng TCCSD trong các doanh nghiệp nhà nước nói chung đã được tiếp cận từ nhiều góc độ, tập trung vào vai trò hạt nhân chính trị, năng lực lãnh đạo, phương thức hoạt động và mối quan hệ giữa TCCSD với hoạt động chuyên môn. Một số công trình bước đầu đề cập đến chất lượng TCCSD trong NHNN, góp phần cung cấp cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn có giá trị tham khảo cho đề tài luận án.

Các nghiên cứu đã làm rõ vai trò, chức năng của tổ TCCSD trong doanh nghiệp nhà nước; các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng TCCSD; mối quan hệ giữa TCCSD với cơ chế vận hành doanh nghiệp trong điều kiện mới; cũng như một số mô hình nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của TCCSD. Tuy nhiên, phần lớn các công trình mang tính khái quát, nghiên cứu phân tán, chưa tập trung chuyên sâu vào lĩnh vực NHNN - nơi có tính chất đặc thù, yêu cầu cao về tính chuyên nghiệp, tuân thủ pháp luật và bảo đảm kỷ luật tài chính.

Hiện chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện về chất lượng TCCSD trong các NHNN ở Việt Nam. Do đó, việc lựa chọn đề tài này là cần thiết, không chỉ để kế thừa kết quả các công trình đi trước mà còn nhằm lấp đầy khoảng trống trong nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, hướng đến xây dựng hệ tiêu chí đánh giá phù hợp, đề xuất các giải pháp khả thi nhằm nâng cao chất lượng TCCSD trong các NHNN, đáp ứng yêu cầu xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh trong lĩnh vực trọng yếu của nền kinh tế.

Chương 2

CHẤT LƯỢNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG TRONG CÁC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY – NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

2.1. Các ngân hàng nhà nước ở Việt Nam và tổ chức cơ sở đảng trong các ngân hàng nhà nước ở Việt Nam hiện nay

2.1.1. Các ngân hàng nhà nước ở Việt Nam hiện nay - khái niệm, phân loại, hệ thống tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, vai trò, đặc điểm

2.1.1.1. Khái niệm

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong định hướng, điều tiết và quản lý phát triển kinh tế - xã hội thông qua hệ thống các công cụ quản lý vĩ mô, trong đó hệ thống ngân hàng giữ vị trí đặc biệt quan trọng. Để làm rõ khái niệm “các ngân hàng nhà nước ở Việt Nam”, cần tiếp cận theo trình tự logic từ các khái niệm trung gian như: ngân hàng, NHNN và NHNN Việt Nam.

Trước hết, *ngân hàng* được hiểu là một loại hình tổ chức tài chính trung gian thực hiện các hoạt động cơ bản như nhận tiền gửi, cấp tín dụng, cung ứng dịch vụ thanh toán và các dịch vụ tài chính khác nhằm điều hòa lưu thông tiền tệ và thúc đẩy phát triển kinh tế. Với chức năng huy động và phân bổ nguồn vốn trong xã hội, ngân hàng giữ vai trò “huyết mạch” của nền kinh tế, tác động trực tiếp đến quá trình sản xuất, lưu thông và phân phối nguồn lực.

Trên cơ sở đó, *ngân hàng nhà nước* được hiểu là các tổ chức ngân hàng do Nhà nước thành lập hoặc nắm giữ quyền sở hữu chi phối, hoạt động nhằm thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội và nhiệm vụ chính trị do Nhà nước giao, đồng thời bảo đảm hiệu quả kinh doanh theo cơ chế thị trường. Khác với NHTM thuần túy, NHNN vừa thực hiện chức năng kinh doanh tiền tệ, vừa thực hiện chức năng phục vụ chính sách công, góp phần điều tiết kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội và ổn định hệ thống tài chính quốc gia.

Ở cấp độ cụ thể hơn, *NHNN Việt Nam* là ngân hàng trung ương của quốc gia, đồng thời là cơ quan ngang bộ của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối. Theo Luật NHNN Việt Nam năm 2010, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan duy nhất có quyền phát hành tiền, xây dựng và điều hành chính sách tiền tệ quốc gia, quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước, giám sát hệ thống các tổ chức tín dụng và thực hiện vai trò ngân hàng của các ngân hàng.

Về cơ sở pháp lý, việc xây dựng khái niệm các NHNN hiện nay phải dựa trên nền tảng của Luật Ngân hàng nhà nước Việt Nam năm 2010, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, trong đó có các tổ chức tín dụng. Luật Ngân hàng nhà nước Việt Nam năm 2010 quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của NHNN với tư cách là cơ quan ngang bộ của Chính phủ, thực hiện vai trò ngân hàng trung ương - tức là tổ chức duy nhất được phép phát hành tiền, quản lý chính sách tiền tệ quốc gia, giám sát hệ thống các tổ chức tín dụng và giữ vai trò là ngân hàng của các ngân hàng. Bên cạnh đó, theo Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn thi hành, các tổ chức tín dụng do Nhà nước sở hữu toàn bộ vốn điều lệ hoặc nắm giữ cổ phần chi phối được xác định là NHTM nhà nước hoặc ngân hàng chính sách.

Về phương diện lý luận, việc xác định khái niệm các NHNN Việt Nam phải xuất phát từ đặc điểm chế độ sở hữu của Nhà nước xã hội chủ nghĩa đối với những ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, trong nền kinh tế nhiều thành phần, thành phần kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, nắm giữ các công cụ điều tiết vĩ mô, trong đó có hệ thống ngân hàng. Ngân hàng là “huyết mạch” của nền kinh tế, kiểm soát dòng tiền, tín dụng, đầu tư và tiết kiệm xã hội, do đó trong điều kiện đặc thù của Việt Nam, một nền kinh tế chuyển đổi, hội nhập,

song vẫn lấy định hướng xã hội chủ nghĩa làm nền tảng, thì việc duy trì hệ thống các NHNN là yêu cầu tất yếu về chính trị, kinh tế và quản trị xã hội.

Về thực tiễn tổ chức, các NHNN ở Việt Nam hiện nay bao gồm các thiết chế có chức năng, nhiệm vụ và mô hình tổ chức khác nhau nhưng cùng hướng đến mục tiêu bảo đảm an toàn hệ thống tài chính, phục vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Từ những phân tích nêu trên, có thể hiểu: *Các ngân hàng nhà nước ở Việt Nam là hệ thống các định chế tài chính do Nhà nước thành lập, sở hữu toàn bộ hoặc nắm giữ cổ phần chi phối, hoạt động dưới sự quản lý, kiểm soát của Nhà nước nhằm thực hiện các mục tiêu ổn định tiền tệ, bảo đảm an toàn hệ thống tài chính – ngân hàng, điều tiết vĩ mô nền kinh tế và phục vụ các nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội, an sinh của quốc gia theo định hướng xã hội chủ nghĩa.*

2.1.1.2. Phân loại

Để xác định và phân loại các loại hình NHNN trong hệ thống các ngân hàng ở Việt Nam hiện nay (không bao gồm Ngân hàng nhà nước Việt Nam (Ngân hàng Trung ương) - là cơ quan ngang bộ của Chính phủ), có thể dựa trên một hệ thống căn cứ pháp lý quan trọng, bảo đảm tính thống nhất và hợp hiến. Trước hết, Hiến pháp năm 2013 khẳng định vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước và sự quản lý thống nhất của Nhà nước đối với hệ thống tài chính - ngân hàng. Trên cơ sở đó, Luật Ngân hàng nhà nước Việt Nam năm 2010 (sửa đổi, bổ sung 2024) và Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung 2017 và 2024) quy định khung pháp lý toàn diện về tổ chức, sở hữu và hoạt động của các loại hình ngân hàng. Đồng thời, Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định về doanh nghiệp nhà nước và công ty cổ phần có vốn nhà nước chi phối, là cơ sở pháp lý để phân biệt NHTM quốc doanh và NHTM cổ phần có vốn chi phối của nhà nước. Bên cạnh đó, các văn bản dưới luật như Nghị định số 10/2011/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội, Quyết định số 1515/QĐ-TTg ngày 03/9/2015 về Điều lệ Ngân hàng Phát triển Việt Nam, cùng

Nghị định số 121/2020/NĐ-CP về quản lý vốn Nhà nước tại NHTM cổ phần, tạo hành lang pháp lý cụ thể cho từng loại hình. Đặc biệt, Quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành ngân hàng đến năm 2025, định hướng 2030, xác định rõ định hướng phát triển và củng cố vai trò của từng nhóm NHNN. Cụ thể:

Thứ nhất, nhóm NHTM quốc doanh bao gồm các tổ chức tín dụng được Nhà nước thành lập và sở hữu 100% vốn điều lệ. Các ngân hàng này hoạt động theo mô hình doanh nghiệp nhà nước, phục vụ đồng thời mục tiêu kinh doanh và nhiệm vụ chính trị - xã hội do Chính phủ giao. Hiện nay, nhóm này bao gồm bốn ngân hàng: Agribank, Oceanbank, CB Bank và Ngân hàng GP Bank. Đây là những ngân hàng do Nhà nước cấp vốn trực tiếp và nắm quyền quản lý toàn diện, thường được giao thực hiện các nhiệm vụ trọng yếu như phát triển nông nghiệp - nông thôn, cơ cấu lại tổ chức tín dụng yếu kém hoặc bình ổn thị trường tài chính trong những thời kỳ bất ổn.

Thứ hai, nhóm ngân hàng chính sách gồm các tổ chức tín dụng đặc thù trực thuộc Chính phủ, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, chủ yếu để triển khai các chương trình tín dụng chính sách, hỗ trợ phát triển bền vững và bảo đảm an sinh xã hội. Hiện nay, có hai ngân hàng chính sách hoạt động theo mô hình này: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (VBSP) và Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB). Các ngân hàng này có cơ chế hoạt động riêng biệt, nguồn vốn chủ yếu từ ngân sách nhà nước và các chương trình mục tiêu quốc gia, tập trung tài trợ cho các đối tượng yếu thế như hộ nghèo, sinh viên khó khăn, vùng sâu, vùng xa, hoặc cho vay đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng.

Thứ ba, nhóm NHTM cổ phần có sở hữu trên 50% vốn nhà nước bao gồm các ngân hàng được thành lập theo hình thức công ty cổ phần, trong đó Nhà nước nắm giữ tỷ lệ cổ phần chi phối, từ đó có quyền kiểm soát và định hướng hoạt động. Nhóm này hiện có ba ngân hàng lớn: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

(VietinBank) và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV). Mặc dù hoạt động theo cơ chế thị trường, các ngân hàng này vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc thực thi chính sách tài chính - tiền tệ của Nhà nước, đặc biệt trong việc cung ứng vốn cho các lĩnh vực ưu tiên, duy trì ổn định thanh khoản hệ thống và hỗ trợ điều tiết lãi suất thị trường.

2.1.1.3. Hệ thống tổ chức

Hệ thống tổ chức NHNN ở Việt Nam hiện nay được tổ chức và vận hành theo mô hình hai cấp, phản ánh sự phân định rõ ràng giữa chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ với chức năng kinh doanh tiền tệ - tín dụng, đồng thời phù hợp với yêu cầu quản lý kinh tế vĩ mô và thông lệ quốc tế. Mô hình này tạo cơ sở pháp lý và tổ chức quan trọng cho việc bảo đảm ổn định tài chính – tiền tệ và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Ở cấp thứ nhất, NHNN Việt Nam giữ vị trí là ngân hàng trung ương, đứng đầu hệ thống ngân hàng quốc gia. Với tư cách là cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, NHNN thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ và hoạt động ngân hàng; phát hành tiền và điều hành chính sách tiền tệ quốc gia; thanh tra, giám sát hoạt động của các tổ chức tín dụng; đồng thời bảo đảm an toàn, ổn định của hệ thống tài chính - ngân hàng. Khác với các tổ chức tín dụng, NHNN không hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận mà đóng vai trò điều tiết, định hướng và kiểm soát toàn bộ hệ thống ngân hàng, qua đó giữ vai trò then chốt trong ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát.

Ở cấp thứ hai, hệ thống các tổ chức tín dụng, thực hiện chức năng kinh doanh tiền tệ - tín dụng và cung ứng các dịch vụ tài chính cho nền kinh tế. Hệ thống này bao gồm các NHTM quốc doanh; các NHTM cổ phần có sở hữu trên 50% vốn nhà nước và các ngân hàng chính sách. Ngoài ra, hệ thống còn bao gồm các tổ chức tín dụng khác như ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính, nhằm đáp ứng nhu cầu vốn đa dạng của các chủ thể trong nền kinh tế.

2.1.1.4. Chức năng, nhiệm vụ

Căn cứ quy định của Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025; Luật Ngân hàng nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010, Luật Các tổ chức tín dụng (2010, sửa đổi 2017), Luật doanh nghiệp 2020 (sửa đổi, bổ sung ngày 17/6/2025), Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24/2/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của NHNN Việt Nam; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Agribank số:1200/ĐL-HĐTV-PC, ngày 10 tháng 10 năm 2024; Điều lệ tổ chức và hoạt động của NHTM cổ phần Công thương Việt Nam, được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 27/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2024; Điều lệ về tổ chức và hoạt động của NHTM cổ phần Ngoại thương Việt Nam và được thông qua theo Nghị quyết số 16/TN2023/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của NHTM Cổ phần Ngoại thương Việt Nam vào ngày 21/04/2023... có thể khái quát chức năng, nhiệm vụ của các NHNN ở Việt Nam hiện nay như sau:

- Về chức năng

Một là, các NHNN là tổ chức tài chính chủ yếu trong nền kinh tế, thực hiện huy động các nguồn vốn nhàn rỗi trong xã hội để cho vay, đầu tư và phân phối lại vốn nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Thông qua hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng và cung ứng dịch vụ tài chính theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, các NHNN góp phần duy trì sự ổn định lưu thông tiền tệ, điều tiết cung - cầu vốn, kiểm soát lạm phát và thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi 2017) quy định: “*Tổ chức tín dụng được thực hiện hoạt động ngân hàng là nhận tiền gửi, cấp tín dụng và cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản*” (Điều 4) [142].

Hai là, các NHNN đảm nhiệm vai trò tổ chức, quản lý và vận hành hệ thống thanh toán trong nền kinh tế. Bằng việc cung cấp các dịch vụ thanh toán trong nước và quốc tế, thực hiện thanh toán bù trừ, chuyển khoản điện tử và

kết nối hệ thống thanh toán số hóa, NHNN giúp bảo đảm dòng lưu thông vốn an toàn, nhanh chóng và hiệu quả. Chức năng này không chỉ hỗ trợ hoạt động sản xuất - kinh doanh, mà còn thúc đẩy hiện đại hóa tài chính và phát triển kinh tế số quốc gia. Luật Ngân hàng nhà nước Việt Nam năm 2010 (sửa đổi 2017) quy định: *“Ngân hàng nhà nước tổ chức, quản lý, điều hành hệ thống thanh toán quốc gia, bảo đảm an toàn, hiệu quả và thuận tiện trong thanh toán”* (Điều 36) [143].

Ba là, các NHNN có khả năng tạo tiền thông qua hoạt động tín dụng, thanh toán và cho vay trong hệ thống. Bằng cơ chế dự trữ bắt buộc, chính sách tái cấp vốn và kiểm soát cung ứng tiền tệ, các NHNN góp phần duy trì cân đối tiền tệ trong nền kinh tế, đáp ứng nhu cầu thanh toán của xã hội, bảo đảm an toàn hệ thống tài chính và ổn định giá trị đồng tiền quốc gia. Luật Ngân hàng nhà nước Việt Nam năm 2010 (sửa đổi 2017) quy định: *“Ngân hàng nhà nước thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia thông qua các công cụ như tái cấp vốn, dự trữ bắt buộc, nghiệp vụ thị trường mở, lãi suất, tỷ giá hối đoái và các công cụ khác theo quy định của pháp luật.”*[143].

- Về nhiệm vụ

Một là, các NHNN có nhiệm vụ tham gia một cách tích cực vào việc xây dựng, phối hợp và thực hiện chính sách tỷ giá hối đoái quốc gia, dưới sự chỉ đạo chung của Ngân hàng Trung ương. Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng vào hệ thống tài chính toàn cầu, việc điều hành tỷ giá một cách chủ động, linh hoạt và có kiểm soát trở thành yêu cầu thiết yếu. Các NHNN, thông qua hoạt động mua - bán ngoại tệ, can thiệp thị trường và điều chỉnh cung - cầu ngoại hối, góp phần ổn định thị trường, kiểm soát nhập siêu, hạn chế tác động tiêu cực từ lạm phát nhập khẩu.

Hai là, các NHNN có nhiệm vụ thực hiện và triển khai chính sách lãi suất theo định hướng của Nhà nước. Lãi suất là công cụ chính sách tiền tệ nhạy cảm, tác động trực tiếp đến chi phí vốn, khả năng đầu tư, tiết kiệm và

tiêu dùng trong nền kinh tế. Trong cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, các NHNN không chỉ điều chỉnh lãi suất theo quan hệ cung - cầu, mà còn thực hiện chỉ đạo của NHNN trong việc giảm lãi suất cho vay, ưu tiên vốn tín dụng đối với các lĩnh vực như nông nghiệp - nông thôn, xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp phụ trợ...

Ba là, các NHNN có nhiệm vụ tham gia quản lý và vận hành dự trữ ngoại hối quốc gia, đóng vai trò bảo đảm an ninh tài chính và uy tín tín dụng quốc gia. Ngân hàng nhà nước Việt Nam (Ngân hàng Trung ương) là cơ quan duy nhất được giao nhiệm vụ chính thức trong việc tích trữ, quản lý và sử dụng nguồn ngoại tệ dự trữ, tuy nhiên các NHTM nhà nước cũng đóng vai trò hỗ trợ kỹ thuật thông qua hoạt động giao dịch ngoại tệ, đầu tư tài chính quốc tế và bảo lãnh thanh toán quốc tế. Việc bảo đảm mức dự trữ ngoại hối quốc gia ổn định giúp tăng khả năng can thiệp thị trường, duy trì tỷ giá hợp lý, phòng ngừa rủi ro dòng vốn đảo chiều và nâng cao niềm tin của nhà đầu tư nước ngoài đối với nền kinh tế Việt Nam.

Bốn là, các NHNN có nhiệm vụ thực hiện các hoạt động kinh doanh ngân hàng theo quy định của pháp luật, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn. Các hoạt động bao gồm: huy động vốn (qua tiền gửi, phát hành giấy tờ có giá...), cấp tín dụng (cho vay, chiết khấu, bao thanh toán...), cung cấp dịch vụ ngân hàng hiện đại (bảo lãnh, thanh toán quốc tế, tư vấn tài chính, quản lý tài sản...), và đầu tư tài chính (mua trái phiếu, góp vốn, liên doanh...).

2.1.1.5. Vai trò

Các NHNN ở Việt Nam hiện nay có một số vai trò cơ bản sau:

Thứ nhất, các NHNN giữ vị trí trung tâm trong cơ cấu điều hành chính sách tiền tệ quốc gia. Với đặc thù sở hữu vốn nhà nước chi phối, các ngân hàng này vừa chịu sự định hướng chiến lược của Ngân hàng Trung ương, vừa trực tiếp triển khai các công cụ điều hành như tín dụng, lãi suất và tỷ giá đến nền

kinh tế thực. Trong khi Ngân hàng Trung ương hoạch định và ban hành chính sách, chính các NHTM quốc doanh, ngân hàng chính sách và NHTM cổ phần có vốn chi phối của Nhà nước mới là lực lượng tổ chức thực thi, bảo đảm dòng vốn được dẫn truyền đúng hướng, phù hợp với yêu cầu kiểm soát lạm phát, ổn định giá trị đồng tiền và bảo đảm thanh khoản hệ thống.

Thứ hai, các NHNN góp phần ổn định hệ thống tài chính - ngân hàng, phòng ngừa rủi ro và duy trì trật tự thị trường tài chính quốc gia. Trong nền kinh tế hiện đại, rủi ro đổ vỡ hệ thống tài chính là một trong những mối đe dọa lớn đối với an ninh kinh tế quốc gia. Các NHNN, với tư cách là chủ thể điều tiết thị trường và kiểm soát hệ thống các tổ chức tín dụng, có trách nhiệm giám sát an toàn vốn, thanh khoản, nợ xấu, mức độ đòn bẩy tài chính và tình trạng lành mạnh của các dòng tín dụng trong nền kinh tế.

Thứ ba, các NHNN góp phần dẫn dắt, định hướng thị trường tín dụng, phân bổ vốn hiệu quả theo chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước. Trong điều kiện mà thị trường tài chính Việt Nam chưa phát triển toàn diện, năng lực cạnh tranh còn hạn chế và khu vực tư nhân chưa đủ mạnh để cung ứng vốn cho các lĩnh vực thiết yếu, các NHNN là công cụ quan trọng để Nhà nước thực hiện vai trò định hướng. Thông qua các NHTM nhà nước và ngân hàng chính sách, Nhà nước trực tiếp cung cấp hoặc định hướng tín dụng cho những lĩnh vực ưu tiên như nông nghiệp - nông thôn, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, xuất khẩu, đổi mới công nghệ...

Thứ tư, các NHNN góp phần quan trọng trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội và phát triển bền vững. Khác với khu vực ngân hàng tư nhân - vốn thường ưu tiên lợi nhuận, các ngân hàng chính sách của Nhà nước hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, tập trung vào các nhóm yếu thế, vùng khó khăn và những lĩnh vực thị trường không mặn mà. Việc duy trì hoạt động ổn định và hiệu quả của các ngân hàng chính sách góp phần bảo đảm thực thi công bằng xã hội, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng miền, nâng cao năng lực tự chủ của người dân và doanh nghiệp nhỏ.

Thứ năm, các NHNN góp phần bảo vệ chủ quyền tài chính - tiền tệ quốc gia và thúc đẩy hội nhập tài chính quốc tế một cách chủ động, có kiểm soát. Trong bối cảnh toàn cầu hóa tài chính và cạnh tranh về dòng vốn, khả năng kiểm soát tỷ giá, điều tiết lãi suất, quản lý dòng tiền và đảm bảo an ninh thanh toán trở nên ngày càng quan trọng. NHNN Việt Nam với vai trò ngân hàng trung ương, cùng với các NHTM nhà nước lớn, là lực lượng nòng cốt bảo vệ sự ổn định của hệ thống thanh toán quốc gia, kiểm soát dòng vốn đầu tư trực tiếp và gián tiếp từ nước ngoài, hạn chế các cú sốc tài chính từ bên ngoài tác động đến thị trường trong nước.

2.1.1.6. Đặc điểm

Thứ nhất, các NHNN mang tính hai mặt thống nhất giữa mục tiêu kinh doanh và mục tiêu chính trị - xã hội. Khác với ngân hàng tư nhân thuần túy vận hành theo logic tối đa hóa lợi nhuận, các NHNN vừa hoạt động theo cơ chế thị trường, vừa phải thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước giao. Bên cạnh yêu cầu bảo đảm hiệu quả kinh doanh, an toàn vốn và năng lực cạnh tranh, các ngân hàng này còn có trách nhiệm tham gia thực hiện các chương trình, chính sách lớn của Nhà nước như ổn định tiền tệ, điều tiết thị trường vốn, hỗ trợ các lĩnh vực ưu tiên và bảo đảm an sinh xã hội. Sự kết hợp này tạo nên bản sắc riêng của NHNN trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, các NHNN có mức độ gắn kết chặt chẽ với vai trò điều tiết vĩ mô của Nhà nước và Ngân hàng Trung ương. Với lợi thế về quy mô, thị phần và vị thế sở hữu, các NHTM nhà nước và ngân hàng có vốn nhà nước chi phối thường đóng vai trò lực lượng chủ lực trong việc truyền dẫn chính sách tiền tệ, điều tiết lãi suất, ổn định thanh khoản và xử lý các biến động của thị trường tài chính. Thông qua hoạt động tín dụng, thanh toán và ngoại hối, các ngân hàng này góp phần hiện thực hóa các quyết định điều hành của NHNN, qua đó tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý kinh tế vĩ mô.

Thứ ba, các NHNN có phạm vi hoạt động rộng, quy mô lớn và mức độ chi phối đáng kể đối với thị trường tài chính - ngân hàng. Phần lớn các NHNN, đặc biệt là các NHTM quốc doanh và ngân hàng có vốn nhà nước chi phối, giữ thị phần lớn về huy động vốn, dư nợ tín dụng và dịch vụ thanh toán. Mạng lưới hoạt động trải rộng trên toàn quốc, kể cả vùng sâu, vùng xa, khu vực nông nghiệp - nông thôn và địa bàn khó khăn, nơi khu vực ngân hàng tư nhân ít mặn mà tham gia. Đặc điểm này giúp các NHNN thực hiện tốt vai trò bao trùm tài chính và bảo đảm tiếp cận vốn công bằng cho các chủ thể trong nền kinh tế.

Thứ tư, các NHNN chịu sự giám sát kép chặt chẽ về kinh tế – tài chính và chính trị - tổ chức. Ngoài việc tuân thủ các quy định của pháp luật về tiền tệ, ngân hàng và quản lý vốn nhà nước, các ngân hàng này còn đặt dưới sự lãnh đạo của tổ chức đảng và sự giám sát của các cơ quan Đảng, Nhà nước có thẩm quyền. Điều này vừa bảo đảm kiểm soát quyền lực, phòng ngừa rủi ro và sai phạm, vừa đặt ra yêu cầu cao về chất lượng quản trị, năng lực đội ngũ CBDV và hiệu quả hoạt động của TCCSD trong ngân hàng.

2.1.2. Tổ chức cơ sở đảng trong các ngân hàng nhà nước ở Việt Nam hiện nay - khái niệm, cơ cấu tổ chức, mối quan hệ công tác, chức năng, nhiệm vụ, vai trò và đặc điểm

2.1.2.1. Khái niệm

Trong hệ thống chính trị của nước ta, Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vai trò lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối đối với Nhà nước và toàn xã hội. Sự lãnh đạo của Đảng không chỉ thể hiện ở tầm vĩ mô, thông qua cương lĩnh, đường lối, nghị quyết, mà còn phải được cụ thể hóa, hiện diện thường xuyên trong từng đơn vị cơ sở, từng lĩnh vực cụ thể của đời sống kinh tế, chính trị, xã hội, trong đó, các NHNN là một trong những lực lượng trọng yếu, vừa mang tính kinh tế - tài chính, vừa mang tính chính trị - xã hội rõ nét, do đặc thù là các tổ chức do Nhà nước sở hữu và điều hành, có vai trò then chốt trong ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội và thực thi các chính sách tiền tệ quốc gia.

Tại Điều 21, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam khoá XI, 2011, quy định: *“Tổ chức cơ sở đảng (chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở) là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở....”* [33].

Như vậy, TCCSĐ là tổ chức đảng ở đơn vị cơ sở và tương đương, được thành lập tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước, lực lượng vũ trang... có đủ điều kiện theo quy định.

Về căn cứ pháp lý và chỉ đạo thực tiễn, mô hình TCCSĐ trong các NHNN luôn được điều chỉnh để phù hợp với yêu cầu. Từ ngày 11 tháng 11 năm 2025, các đảng bộ trong hệ thống các NHNN ở Việt Nam trực thuộc Đảng bộ Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính theo Kết luận 208-KL/TW, ngày 11 tháng 11 năm 2025 của BCT về sắp xếp tổ chức đảng trong các tập đoàn, tổng công ty, NHTM nhà nước [30]. Thực hiện Kết luận số: 197 – KL/TW, ngày 03/10/2025 của BCT, Ban Bí thư về thực hiện một số nội dung, nhiệm vụ trọng tâm về hoạt động của TCCSĐ thời gian tới, các TCCSĐ trong các NHNN được tiếp tục kiện toàn và đưa về trực thuộc cấp ủy địa phương nơi đặt trụ sở.

Từ những căn cứ nêu trên, có thể hiểu TCCSĐ trong các NHNN ở Việt Nam hiện nay như sau:

Tổ chức cơ sở đảng trong các ngân hàng nhà nước ở Việt Nam là tổ chức đảng được thành lập ở đơn vị cơ sở trực thuộc các ngân hàng nhà nước, có từ ba đảng viên chính thức trở lên, hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện chức năng lãnh đạo chính trị, định hướng chiến lược và kiểm tra, giám sát đối với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, hoạt động kinh doanh và quản trị ngân hàng theo đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2.1.2.2. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của tổ chức đảng trong các NHNN ở Việt Nam hiện nay được triển khai và xây dựng thống nhất theo các quy định, hướng dẫn quan trọng của Trung ương Đảng, trong đó trọng tâm là Kết luận 208-KL/TW ngày

11/11/2025 của BCHTW. Theo đó, Đảng bộ Ngân hàng Nhà nước là Đảng bộ trực thuộc Đảng bộ Chính phủ, trực thuộc Đảng bộ Ngân hàng nhà nước gồm 04 đảng bộ: Đảng bộ Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Đảng bộ Vietcombank, Đảng bộ BIDV, Đảng bộ VietinBank, Đảng bộ Agribank và Đảng bộ VBSP, với 240 tổ chức đảng và 14.866 đảng viên [Phụ lục 01]. Cụ thể:

Cấp trên cơ sở là bao gồm: Đảng bộ Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Đảng bộ Vietcombank, Đảng bộ BIDV, Đảng bộ VietinBank, Đảng bộ Agribank và Đảng bộ VBSP. [Phụ lục 01].

Cấp cơ sở: là các đảng bộ hoặc chi bộ cơ sở tại các chi nhánh, khu vực, trung tâm nghiệp vụ. Ở cấp này, tổ chức đảng bao gồm đảng bộ cơ sở hoặc chi bộ cơ sở, được thành lập tại các chi nhánh loại I, loại II, khu vực, trung tâm nghiệp vụ, công ty con, công ty liên kết, hoặc văn phòng đại diện trong và ngoài nước khi đủ điều kiện theo quy định của Điều lệ Đảng.

2.1.2.3. *Mối quan hệ công tác*

Thứ nhất, mối quan hệ giữa TCCSĐ với cấp ủy cấp trên trực tiếp. TCCSĐ trong các NHNN chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, trực tiếp của cấp ủy cấp trên theo phân cấp quản lý tổ chức đảng. Mối quan hệ này thể hiện ở việc TCCSĐ quán triệt, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Trung ương, của cấp ủy cấp trên; định kỳ báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo về những vấn đề lớn, nhạy cảm, phức tạp liên quan đến định hướng chính trị, công tác cán bộ, tổ chức bộ máy, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm. Đồng thời, thông qua hoạt động báo cáo, phản ánh thực tiễn, TCCSĐ góp phần cung cấp cơ sở thực tiễn quan trọng để cấp ủy cấp trên điều chỉnh chủ trương, giải pháp lãnh đạo phù hợp với đặc thù hoạt động ngân hàng.

Thứ hai, mối quan hệ giữa TCCSĐ với hội đồng quản trị, hội đồng thành viên và ban điều hành ngân hàng. Đây là mối quan hệ trung tâm, đặc thù và có ý nghĩa quyết định trong mô hình tổ chức đảng ở doanh nghiệp nhà nước nói chung và NHNN nói riêng. TCCSĐ giữ vai trò lãnh đạo chính trị,

định hướng chiến lược, chủ trương lớn; hội đồng quản trị, hội đồng thành viên và ban điều hành chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, quản trị, điều hành hoạt động sản xuất – kinh doanh theo pháp luật và điều lệ ngân hàng. Mỗi quan hệ này được thực hiện trên nguyên tắc: Đảng lãnh đạo bằng nghị quyết, chủ trương; không làm thay chức năng quản lý, điều hành của hội đồng quản trị và ban điều hành, nhưng bảo đảm các quyết sách quan trọng về chiến lược phát triển, cơ cấu tổ chức, công tác cán bộ, đầu tư lớn, quản lý vốn và tài sản nhà nước phải được đặt dưới sự lãnh đạo, định hướng và giám sát của tổ chức đảng. Việc thực hiện nhất thể hóa chức danh bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch hội đồng quản trị hoặc tổng giám đốc càng làm cho mỗi quan hệ này trở nên trực tiếp, thống nhất và hiệu quả hơn.

Thứ ba, mối quan hệ giữa TCCSĐ với chính quyền địa phương nơi đơn vị, chi nhánh đặt trụ sở. Trong bối cảnh các TCCSĐ ở chi nhánh NHNN được đưa về trực thuộc cấp ủy địa phương, mối quan hệ công tác với cấp ủy, chính quyền địa phương ngày càng có ý nghĩa quan trọng. TCCSĐ trong ngân hàng vừa chịu sự lãnh đạo về công tác xây dựng đảng của cấp ủy địa phương, vừa phối hợp chặt chẽ với chính quyền trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội, chính sách tín dụng phục vụ sản xuất, nông nghiệp, nông thôn, an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, phát triển vùng, địa bàn chiến lược. Mỗi quan hệ này góp phần gắn kết hoạt động ngân hàng với yêu cầu phát triển của địa phương, đồng thời bảo đảm sự thống nhất giữa lãnh đạo theo ngành dọc với lãnh đạo theo lãnh thổ.

Thứ tư, mối quan hệ giữa TCCSĐ với các tổ chức chính trị – xã hội trong ngân hàng. TCCSĐ giữ vai trò lãnh đạo toàn diện đối với công đoàn, đoàn thanh niên...trong ngân hàng. Mỗi quan hệ này được thực hiện thông qua việc định hướng hoạt động, phân công cấp ủy viên phụ trách, tạo điều kiện về cơ chế, nguồn lực để các tổ chức chính trị – xã hội phát huy vai trò đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, tổ chức

phong trào thi đua yêu nước, giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức nghề nghiệp và xây dựng văn hóa doanh nghiệp ngân hàng.

Thứ năm, mối quan hệ giữa TCCSĐ với CBDV và người lao động trong ngân hàng. TCCSĐ vừa là trung tâm lãnh đạo chính trị, vừa là nơi giáo dục, rèn luyện, quản lý và phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đội ngũ đảng viên; đồng thời là cầu nối giữa Đảng với quần chúng người lao động. Mối quan hệ này thể hiện ở việc TCCSĐ lãnh đạo công tác tư tưởng, phát huy dân chủ cơ sở, thực hiện tự phê bình và phê bình, kiểm tra, giám sát đảng viên gắn với quản lý cán bộ, kiểm soát quyền lực và phòng ngừa sai phạm.

2.1.2.4. Chức năng, nhiệm vụ

Căn cứ Quy định số 48-QĐ/TW ngày 20/12/2021 của Ban Bí thư “về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước” [16] và Quy định số 60-QĐ/TW ngày 08/3/2022 của Ban Bí thư “về tổ chức đảng trong tập đoàn, tổng công ty, NHTM nhà nước” [13], có thể xác định chức năng, nhiệm vụ cơ bản của TCCSĐ trong các NHNN như sau:

Về chức năng:

TCCSĐ trong các NHNN là hạt nhân chính trị, có chức năng lãnh đạo đơn vị thực hiện đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nghị quyết, quy định của cấp trên; bảo đảm định hướng chính trị trong mọi hoạt động kinh doanh, tài chính - ngân hàng.

TCCSĐ lãnh đạo ngân hàng thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị, phát triển doanh nghiệp, xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh, góp phần để các NHNN giữ vững vị trí then chốt trong nền kinh tế, là lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội.

Về nhiệm vụ:

Một là, lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, quốc phòng, an ninh

Lãnh đạo xây dựng và thực hiện có hiệu quả chiến lược phát triển ngân hàng dài hạn, trung hạn, kế hoạch hằng năm, cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả kinh doanh theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm quyền lợi hợp pháp, chính đáng của doanh nghiệp, cổ đông và người lao động, hoàn thành tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.

Lãnh đạo xây dựng và thực hiện điều lệ ngân hàng; thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; phát huy quyền làm chủ của các thành viên trong ngân hàng; bảo đảm công khai, minh bạch, trách nhiệm của người quản lý, hội đồng quản trị về tài chính, đầu tư, mua sắm, sử dụng vốn, tài sản nhà nước, chi phí, kết quả kinh doanh, phân phối lợi nhuận, công tác cán bộ, các giao dịch lớn theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và điều lệ ngân hàng.

Lãnh đạo đảng viên và quần chúng giám sát hoạt động của ngân hàng theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước

Lãnh đạo ngân hàng thực hiện trách nhiệm xã hội, nhiệm vụ quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng tự vệ vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, đề cao tinh thần cảnh giác cách mạng, bảo vệ nội bộ, bảo vệ tài sản của Nhà nước và ngân hàng.

Báo cáo, đề xuất với cấp ủy cấp trên những vấn đề cần thiết nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm cho ngân hàng phát triển.

Hai là, lãnh đạo công tác chính trị, tư tưởng

Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lãnh đạo việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho CBĐV và quần chúng; phát huy truyền thống yêu nước, nâng cao ý thức giác ngộ giai cấp, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, xây dựng tinh thần làm chủ, ý thức cần kiệm, tăng cường đoàn kết, thống nhất nội bộ; thường xuyên quan tâm, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của CBĐV, các cổ

đồng, người lao động trong ngân hàng, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh và báo cáo lên cấp trên theo thẩm quyền.

Tuyên truyền, vận động làm cho CBDV, các cổ đông, người lao động hiểu và chấp hành đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và điều lệ ngân hàng; động viên các thành viên trong ngân hàng tích cực học tập nâng cao trình độ về mọi mặt, rèn luyện bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định lập trường giai cấp công nhân, có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp.

Lãnh đạo thực hiện trách nhiệm nêu gương của CBDV, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đại diện phần vốn nhà nước tại ngân hàng; chủ động phát hiện, ngăn chặn và kiên quyết đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch, chủ nghĩa cá nhân, những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ.

Ba là, lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ

Đảng ủy, chi bộ cơ sở đề ra chủ trương, nghị quyết và lãnh đạo thực hiện công tác tổ chức, cán bộ; nhận xét, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, giới thiệu cán bộ ứng cử, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật cán bộ và thực hiện chính sách cán bộ bảo đảm tiêu chuẩn, quy trình, quy định và thẩm quyền được phân cấp của ngân hàng.

Đảng ủy, chi bộ cơ sở lãnh đạo xây dựng quy chế, quy định về công tác cán bộ (cán bộ quản lý, cán bộ đảng, cán bộ tổ chức chính trị - xã hội) của ngân hàng theo đúng chủ trương, nghị quyết, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và điều lệ ngân hàng.

Cấp ủy đề nghị cấp trên xem xét, quyết định đối với các vấn đề về tổ chức, cán bộ của ngân hàng thuộc thẩm quyền của cấp trên.

Bốn là, lãnh đạo xây dựng TCCSD

Đề ra chủ trương, nhiệm vụ, biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của TCCSD

và đội ngũ đảng viên. Thực hiện đúng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; thực hiện có nền nếp và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu. Lãnh đạo, thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn TCCSĐ trong ngân hàng đồng bộ, phù hợp với mô hình, tổ chức bộ máy ngân hàng.

Đảng ủy, chi bộ cơ sở xây dựng kế hoạch, biện pháp quản lý đảng viên, phân công nhiệm vụ và tạo điều kiện cho đảng viên học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; thực hiện việc giới thiệu đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú.

Làm tốt công tác tạo nguồn, phát triển đảng viên, bảo đảm về tiêu chuẩn và quy trình, chú trọng đối tượng là đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, đoàn viên công đoàn, những quần chúng ưu tú, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ.

Xây dựng cấp ủy có đủ phẩm chất, năng lực, hoạt động có hiệu quả, tiêu biểu cho đảng bộ, chi bộ, được đảng viên và quần chúng tín nhiệm; thường xuyên bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, kỹ năng và nghiệp vụ công tác đảng cho cấp ủy viên trong ngân hàng.

Thực hiện nghiêm chủ trương bí thư đảng ủy, chi bộ cơ sở đồng thời là chủ tịch hội đồng quản trị (chủ tịch hội đồng thành viên, chủ tịch công ty); nơi không có chủ tịch hội đồng quản trị (chủ tịch hội đồng thành viên, chủ tịch công ty) thì bí thư đảng ủy, chi bộ cơ sở đồng thời là tổng giám đốc (giám đốc); cấp ủy viên cơ bản được phân công đảm nhận vị trí lãnh đạo, quản lý ngân hàng, cấp ủy phân công cấp ủy viên phụ trách các mặt công tác xây dựng Đảng trong ngân hàng.

Định kỳ hằng năm, cấp ủy tổ chức để quần chúng tham gia góp ý về sự lãnh đạo của TCCSĐ và vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy.

Thứ năm, lãnh đạo, thực hiện công tác kiểm tra, giám sát

Đảng ủy, chi bộ cơ sở lãnh đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng và quy định, hướng dẫn của Trung ương, của cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp trên.

Chủ động đấu tranh, ngăn chặn, phát hiện và xử lý kịp thời những biểu hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, vi phạm kỷ luật đảng, pháp luật của Nhà nước, điều lệ ngân hàng.

Xem xét thi hành kỷ luật đảng đối với tổ chức đảng, đảng viên vi phạm bảo đảm công minh, chính xác, kịp thời theo quy định.

Thứ sáu, lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội

Lãnh đạo các tổ chức chính trị-xã hội thực hiện tốt vai trò đại diện, phát huy quyền làm chủ, tạo điều kiện cho người lao động tham gia quản lý ngân hàng, thi đua thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao; xây dựng và phát triển tổ chức vững mạnh, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo luật định và điều lệ của mỗi tổ chức.

Lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội tham gia xây dựng, bảo vệ và chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệ ngân hàng.

Đảng ủy, chi bộ cơ sở phân công cấp ủy viên phụ trách các tổ chức chính trị - xã hội trong ngân hàng; định kỳ (6 tháng, 1 năm), hoặc khi cần thiết, làm việc với các tổ chức chính trị - xã hội để nắm tình hình, chỉ đạo hoạt động và tạo điều kiện cho các tổ chức thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

2.1.2.5. Vai trò

Căn cứ Quy định số 60-QĐ/TW ngày 08/3/2022 của Ban Bí thư, Công văn số 4718-CV/BTCTW ngày 16/02/2023 của Ban Tổ chức Trung ương, Quy định số 48-QĐ/TW ngày 20/12/2021, cũng như quán triệt sâu sắc trong Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 16/6/2022 của BCHTW Đảng khóa XIII, có thể khái quát vị trí, vai trò của TCCSĐ trong các NHNN ở Việt Nam hiện nay như sau:

Thứ nhất, TCCSD trong các NHNN là chủ thể giữ vai trò lãnh đạo chính trị toàn diện và trực tiếp tại đơn vị, bao quát cả về phương hướng chiến lược, công tác cán bộ, định hướng tư tưởng, và giám sát nội bộ. TCCSD là nơi cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước vào từng hoạt động nghiệp vụ, quản trị, điều hành trong nội bộ ngân hàng, thông qua việc ban hành nghị quyết lãnh đạo sát với tình hình thực tiễn. Theo Quy định số 48-QĐ/TW, đảng bộ, chi bộ cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước có chức năng lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác tổ chức cán bộ, xây dựng Đảng, công tác quần chúng và lãnh đạo thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước, người lao động và xã hội. Trong các NHNN, nơi thường xuyên tác động đến dòng chảy tín dụng, đầu tư, thanh khoản và ổn định kinh tế vĩ mô, TCCSD càng phải thể hiện rõ vai trò tiên phong, gắn kết giữa các mục tiêu chính trị với hiệu quả hoạt động tài chính - ngân hàng [15].

Thứ hai, TCCSD trong các NHNN là hạt nhân chính trị thống nhất ý chí và hành động, xây dựng khối đoàn kết nội bộ, phát huy dân chủ trong doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh ngành ngân hàng có đặc điểm hoạt động kỹ thuật cao, áp lực cạnh tranh lớn và dễ nảy sinh mâu thuẫn lợi ích trong quá trình vận hành vốn, tín dụng, đầu tư. TCCSD thực hiện vai trò này thông qua sinh hoạt định kỳ, công tác kiểm tra giám sát nội bộ, phân công nhiệm vụ cụ thể cho đảng viên, giám sát việc thực hiện trách nhiệm chính trị, đạo đức nghề nghiệp và xử lý nghiêm các biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Như được nêu trong Nghị quyết số 21-NQ/TW, chính TCCSD là nơi phát huy tự phê bình và phê bình, nâng cao tinh thần trách nhiệm của CBĐV; đồng thời là lực lượng giám sát đạo đức, lối sống, năng lực thực thi công vụ và tính tiên phong gương mẫu trong nội bộ.

Thứ ba, TCCSD trong các NHNN đóng vai trò quan trọng trong xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, góp phần vào công cuộc xây dựng và chỉnh đốn Đảng gắn với cải cách bộ máy, nâng cao chất lượng quản trị

ngân hàng hiện đại. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, đảng ủy ngân hàng thực hiện lãnh đạo trực tiếp, thường xuyên đối với công tác tổ chức cán bộ, từ quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm đến luân chuyển, đào tạo, đánh giá và kỷ luật. Việc này đảm bảo nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ trong toàn hệ thống, đồng thời tăng cường kiểm soát quyền lực trong doanh nghiệp nhà nước, chống tình trạng “lạm quyền”, “sai phạm cố kết”, và lợi ích nhóm trong ngành tài chính - ngân hàng.

Thứ tư, TCCSĐ trong các NHNN có vai trò là trung tâm dẫn dắt tư tưởng, bảo vệ nền tảng chính trị, định hướng truyền thông nội bộ và tạo dựng niềm tin của CBDV và người lao động trong ngân hàng. Trong điều kiện kinh tế thị trường, hội nhập sâu rộng và chuyển đổi số diễn ra nhanh chóng, nhiều vấn đề tư tưởng, chính trị, đạo đức nghề nghiệp, đặc biệt là trong lĩnh vực tín dụng, tài chính nội bộ, có thể bị chi phối bởi các giá trị vật chất và áp lực lợi nhuận. Chính vì vậy, TCCSĐ phải chủ động nắm bắt tình hình tư tưởng, định hướng dư luận nội bộ, kịp thời giải quyết những biểu hiện lệch chuẩn, phản bác các luận điệu sai trái, nâng cao nhận thức chính trị cho CBDV.

Thứ năm, TCCSĐ trong các NHNN là thiết chế bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng ở lĩnh vực then chốt của nền kinh tế. Ngân hàng là trung gian tài chính, nơi thực thi chính sách tiền tệ, điều tiết thị trường vốn, giữ vai trò quyết định trong ổn định kinh tế vĩ mô. Do đó, việc Đảng hiện diện, lãnh đạo và tổ chức được hoạt động của TCCSĐ trong hệ thống ngân hàng không chỉ là bảo đảm nguyên tắc Đảng lãnh đạo toàn diện mà còn góp phần cụ thể hóa vai trò của Đảng trong kiến tạo, điều hành và dẫn dắt phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

2.1.2.6. Đặc điểm

Thứ nhất, TCCSĐ trong các NHNN có mô hình tổ chức đặc thù, kết hợp chặt chẽ giữa quản lý theo ngành dọc và quản lý theo lãnh thổ. Khác với phần lớn TCCSĐ trong các cơ quan hành chính hoặc đơn vị sự nghiệp, TCCSĐ

trong các NHNN vừa đặt trong hệ thống lãnh đạo thống nhất theo ngành dọc toàn quốc, vừa chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy địa phương nơi đơn vị đặt trụ sở. Mô hình này phản ánh đặc thù hoạt động của NHNN là hệ thống tài chính – tín dụng có phạm vi hoạt động liên thông, xuyên suốt cả nước nhưng lại gắn trực tiếp với địa bàn kinh tế – xã hội cụ thể. Sự kết hợp giữa quản lý theo ngành và theo lãnh thổ tạo điều kiện để TCCSĐ vừa bảo đảm sự thống nhất về định hướng chính trị, chiến lược phát triển của toàn hệ thống ngân hàng, vừa kịp thời lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an sinh và ổn định địa phương.

Thứ hai, TCCSĐ trong các NHNN có đội ngũ đảng viên đông đảo, trình độ cao và cơ cấu chuyên môn đa dạng, gắn trực tiếp với hoạt động nghiệp vụ tài chính - ngân hàng hiện đại. So với nhiều ngành, lĩnh vực khác, đảng viên trong các NHNN chủ yếu là cán bộ quản lý, chuyên gia tài chính, tín dụng, kế toán, kiểm soát rủi ro, công nghệ ngân hàng, có trình độ chuyên môn và lý luận chính trị tương đối cao. Số lượng đảng viên lớn, phân bố rộng khắp từ trụ sở chính đến các chi nhánh, phòng giao dịch tạo điều kiện thuận lợi cho việc lan tỏa vai trò lãnh đạo của Đảng trong toàn hệ thống.

Thứ ba, TCCSĐ trong các NHNN có nhiệm vụ chính trị kép, vừa lãnh đạo thực hiện hiệu quả nhiệm vụ kinh doanh, vừa bảo đảm vai trò công cụ điều tiết vĩ mô của Nhà nước đối với nền kinh tế. Khác với TCCSĐ trong nhiều loại hình doanh nghiệp khác, nhiệm vụ chính trị của TCCSĐ trong các NHNN không chỉ dừng lại ở việc lãnh đạo đơn vị hoàn thành kế hoạch sản xuất - kinh doanh, tạo lợi nhuận và bảo toàn, phát triển vốn nhà nước, mà còn phải lãnh đạo thực hiện các mục tiêu chính trị - xã hội mang tính vĩ mô. Thông qua hoạt động tín dụng, đầu tư, thanh toán và cung ứng dịch vụ tài chính, các NHNN là công cụ quan trọng để Nhà nước điều tiết nền kinh tế, ổn định thị trường tiền tệ, hỗ trợ tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

Thứ tư, TCCSD trong các NHNN hoạt động trong môi trường kinh tế thị trường có mức độ rủi ro cao, chịu sự điều chỉnh đồng thời của kỷ luật Đảng, pháp luật nhà nước và chuẩn mực quản trị tài chính - ngân hàng. Khác với nhiều TCCSD trong khu vực hành chính hoặc các doanh nghiệp sản xuất - dịch vụ thông thường, TCCSD trong các NHNN tồn tại và hoạt động trong lĩnh vực đặc biệt nhạy cảm, nơi mọi quyết định lãnh đạo, quản lý đều gắn trực tiếp với dòng tiền, tín dụng, thanh khoản và an toàn hệ thống tài chính. Hoạt động của TCCSD vì vậy không chỉ chịu sự chi phối của Điều lệ Đảng và các quy định về công tác xây dựng đảng, mà còn phải tuân thủ nghiêm ngặt pháp luật về tiền tệ – ngân hàng, các chuẩn mực quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ và thông lệ tài chính hiện đại.

2.2. Chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong các ngân hàng nhà nước ở Việt Nam hiện nay - khái niệm, các yếu tố quy định và tiêu chí đánh giá

2.2.1. Khái niệm

Chất lượng là đối tượng nghiên cứu của nhiều chuyên ngành khoa học và là khái niệm được sử dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Do cách tiếp cận nghiên cứu khác nhau nên đến nay có rất nhiều quan niệm khác nhau về chất lượng. Theo Từ điển tiếng Việt: “*Chất lượng là cái tạo nên phẩm chất, giá trị của một con người, một sự vật, một sự việc*” [65, tr. 139]. Hiểu theo nghĩa chung nhất chất lượng là biểu thị những thuộc tính bản chất, phản ánh đặc tính khách quan của sự vật, hiện tượng và là cái để phân biệt nó với các sự vật, hiện tượng khác. Không phải toàn bộ những thuộc tính bản chất, những yếu tố, bộ phận của sự vật, hiện tượng đều được coi là chất lượng mà chỉ có những thuộc tính, yếu tố, bộ phận tạo nên phẩm chất, giá trị của con người, sự vật, sự việc mới được coi là chất lượng.

Theo Khoản 1, Điều 21, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam: “*tổ chức cơ sở đảng (chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở) là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở*” [34]. Do vậy, chất lượng của TCCSD không chỉ là mức độ

hoàn thành nhiệm vụ chính trị, tổ chức sinh hoạt đảng bài bản, phát huy vai trò đảng viên mà còn bao hàm năng lực lãnh đạo thực tiễn, khả năng bảo vệ nền tảng tư tưởng, tinh thần đoàn kết nội bộ, hiệu quả phối hợp với các chủ thể quản lý, và uy tín trong CBDV. Nói cách khác, chất lượng TCCSD phản ánh bản lĩnh chính trị, hiệu quả lãnh đạo và năng lực tự chỉnh đốn của chính tổ chức đó trong môi trường xã hội, hành chính và kinh tế cụ thể.

Trong các NHNN, nơi đòi hỏi mức độ chính xác, minh bạch, kỷ luật cao và có ảnh hưởng lớn đến an ninh tài chính quốc gia, chất lượng của TCCSD lại càng có ý nghĩa đặc biệt. Bởi lẽ, TCCSD ở đây không chỉ đảm nhiệm chức năng truyền thống là tổ chức chính trị, nơi sinh hoạt tư tưởng - lý luận cho đảng viên mà còn phải thực sự trở thành chủ thể lãnh đạo chiến lược, nắm bắt xu thế vận động của thị trường, định hướng hành vi đạo đức công vụ, xây dựng đội ngũ cán bộ, giám sát nội bộ và góp phần giữ vững kỷ cương, chống suy thoái, chống tham nhũng trong lĩnh vực tài chính - tín dụng. Mặt khác, đặc thù của TCCSD trong các NHNN là thường có quy mô lớn, phân tán theo địa bàn, đa dạng về thành phần chuyên môn, hoạt động trong môi trường cạnh tranh gay gắt và phải thích ứng nhanh với chuyển đổi số, cải cách hành chính, hội nhập quốc tế. Điều đó đòi hỏi chất lượng TCCSD không chỉ được đánh giá trên những tiêu chí truyền thống như: lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác tổ chức cán bộ, công tác tư tưởng, công tác kiểm tra, xây dựng đảng đoàn thể..., mà còn phải bổ sung tiêu chí về khả năng thích ứng, điều phối chiến lược, năng lực ứng dụng công nghệ, mức độ minh bạch hóa thông tin, và hiệu quả phối hợp với hệ thống quản trị hiện đại.

Hoạt động của TCCSD trong các NHNN ở Việt Nam hiện nay bao gồm các hoạt động được thực hiện theo quy định của Điều lệ Đảng nói chung và các quy định về hướng dẫn thực hiện của Đảng trong hoạt động của TCCSD ở các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước nói riêng, nhằm mục đích nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của TCCSD trong các NHNN hiện

nay. Đó là những hoạt động gắn với xây dựng, chỉnh đốn Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, đề cao tính giáo dục, tính chiến đấu trong sinh hoạt đảng và đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, tiêu cực, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ; nâng cao chất lượng đội ngũ cấp ủy viên cơ sở, nhất là bí thư cấp ủy. Do vậy, chất lượng của công tác này phụ thuộc trước hết vào năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp; trách nhiệm và sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra đúng đắn, hiệu quả của các cơ quan chức năng; sự chủ động tham gia tích cực, có hiệu quả của các lực lượng liên quan; vai trò, trách nhiệm, ý thức tự giác, tích cực tự học tập, tu dưỡng, rèn luyện của đội ngũ đảng viên.

Từ những phân tích trên, có thể quan niệm: *Chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong các ngân hàng nhà nước ở Việt Nam là tổng hòa các yếu tố về năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu và uy tín của tổ chức cơ sở đảng trong việc quán triệt, tổ chức thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của ngân hàng nhà nước bảo đảm an ninh tài chính, tiền tệ quốc gia; đồng thời xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh ngang tầm yêu cầu, nhiệm vụ chính trị.*

2.2.2. Các yếu tố quy định chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong các ngân hàng nhà nước

Một là, sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy cấp trên đối với các TCCSĐ

Cấp ủy cấp trên là chủ thể trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, xác định phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp lãnh đạo TCCSĐ thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của đơn vị. Việc ban hành các nghị quyết lãnh đạo đúng đắn, sát thực tiễn, có trọng tâm và khả thi là điều kiện tiên quyết để TCCSĐ đóng vai trò hạt nhân chính trị, giữ vững vai trò lãnh đạo toàn diện trong tổ chức. Trong NHNN,

nơi mà sự phối hợp giữa đảng và chuyên môn cần sự phân định rõ ràng nhưng vẫn gắn kết chặt chẽ, cấp ủy càng cần thể hiện năng lực tổ chức, điều phối, kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện nghị quyết một cách hiệu quả. Một cấp ủy bị động, thiếu bản lĩnh chính trị hoặc rơi vào tình trạng hình thức, lệch vai sẽ làm suy giảm hiệu lực lãnh đạo của TCCSĐ, khiến nghị quyết chỉ mang tính khẩu hiệu và xa rời thực tiễn hoạt động ngân hàng.

Chất lượng lãnh đạo của cấp ủy còn thể hiện qua phương thức lãnh đạo khoa học, dân chủ và hiệu quả. Trong đó, việc phát huy trí tuệ tập thể, tôn trọng nguyên tắc tập trung dân chủ, phân công, phân nhiệm rõ ràng giữa các ủy viên cấp ủy và thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa cấp ủy với ban lãnh đạo chuyên môn là yếu tố thiết thực để nâng cao hiệu lực chỉ đạo và tạo nên sự đồng thuận trong hành động.

Hai là, phẩm chất, trình độ, năng lực của cấp ủy viên và đảng viên

Phẩm chất chính trị, đạo đức và lối sống của cấp ủy viên và đảng viên giữ vai trò nền tảng, có ý nghĩa quyết định đến chất lượng lãnh đạo và sức chiến đấu của TCCSĐ. Trong môi trường NHNN, nơi hoạt động gắn trực tiếp với quản lý vốn, tài sản công, thông tin nhạy cảm và các mối quan hệ kinh tế - xã hội phức tạp, yêu cầu về phẩm chất càng đặt ra khắt khe. Cấp ủy viên và đảng viên phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng; có ý thức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm cao, liêm chính, công tâm và khả năng tự kiểm soát trước cám dỗ lợi ích vật chất.

Không chỉ cấp ủy, đội ngũ đảng viên cũng là lực lượng trực tiếp thể hiện vai trò tiên phong, gương mẫu, góp phần xây dựng văn hóa đảng trong đơn vị. Ở môi trường ngân hàng, nơi có nhiều hoạt động nghiệp vụ gắn với dòng tiền, thông tin nội bộ và quan hệ khách hàng, thì bản lĩnh chính trị, trình độ chuyên môn và thái độ nghề nghiệp của đảng viên càng đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố niềm tin của quần chúng đối với TCCSĐ. Đảng viên giỏi chuyên môn nhưng thiếu trách nhiệm chính trị hoặc suy thoái về đạo đức sẽ làm tổn hại đến uy tín của

tổ chức. Ngược lại, những đảng viên có tinh thần tiên phong, trung thực, trách nhiệm và chủ động đổi mới sáng tạo sẽ tạo nên sức lan tỏa tích cực, giúp TCCSĐ khẳng định được vai trò dẫn dắt trong môi trường làm việc hiện đại.

Ba là, việc chấp hành các nguyên tắc tổ chức và hoạt động, chất lượng sinh hoạt của cấp ủy và chi bộ

Việc chấp hành các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, gắn với nâng cao chất lượng sinh hoạt của cấp ủy và chi bộ, là nội dung có ý nghĩa quyết định đối với chất lượng TCCSĐ trong các NHNN hiện nay. Sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ không chỉ là yêu cầu về mặt tổ chức mà còn là không gian chính trị quan trọng để đảng viên thảo luận, kiểm điểm, thống nhất chủ trương, đề ra nhiệm vụ và xử lý các vấn đề tư tưởng nảy sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

Chất lượng sinh hoạt của cấp ủy là thước đo trực tiếp năng lực lãnh đạo, điều hành, phân công nhiệm vụ, tổ chức thực hiện nghị quyết và kiểm tra, giám sát trong nội bộ. Việc thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo - cá nhân phụ trách tạo điều kiện phát huy trí tuệ tập thể, đồng thời xác định rõ trách nhiệm cá nhân, tránh cả khuynh hướng độc đoán lẫn buông lỏng. Bên cạnh đó, nguyên tắc tự phê bình và phê bình cần được duy trì như một phương thức tự chỉnh đốn thường xuyên, giúp tổ chức đảng kịp thời nhận diện, khắc phục những biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

Bốn là, điều kiện, môi trường hoạt động của các TCCSĐ

Điều kiện và môi trường hoạt động là những yếu tố khách quan nhưng có tác động sâu sắc đến chất lượng hoạt động của TCCSĐ trong các NHNN hiện nay. Môi trường ở đây không chỉ được hiểu theo nghĩa vật chất - cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, kinh phí... mà còn bao hàm cả không gian chính trị - tư tưởng, hệ sinh thái tổ chức, cơ chế phối hợp, nền văn hóa nội bộ và tâm lý tổ chức mà trong đó, TCCSĐ vận hành và phát huy vai trò lãnh đạo. Khi môi

trường thuận lợi, điều kiện bảo đảm tốt, TCCSĐ sẽ có điều kiện mở rộng ảnh hưởng, nâng cao hiệu quả sinh hoạt và thực hiện tốt chức năng định hướng chính trị - tư tưởng. Ngược lại, nếu môi trường bị thu hẹp, thiếu cơ chế bảo đảm, thiếu sự công nhận và phối hợp từ hệ thống chuyên môn, thì TCCSĐ dù có nỗ lực đến đâu cũng khó thể hiện hết vai trò của mình.

Điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật và ứng dụng công nghệ thông tin cũng ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của TCCSĐ. Trong khi nhiều NHTM nhà nước đã và đang số hóa toàn bộ quy trình nghiệp vụ, thì sinh hoạt đảng, quản lý hồ sơ đảng viên, cập nhật thông tin tổ chức vẫn còn diễn ra thủ công, thiếu đồng bộ. Việc thiếu nền tảng công nghệ tích hợp riêng cho hoạt động đảng khiến công tác tổ chức, theo dõi, tổng hợp báo cáo và chia sẻ thông tin bị chậm trễ, kém hiệu quả.

Năm là, sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội và sự tham gia của công nhân viên chức đối với công tác xây dựng đảng

Sự phối hợp của các tổ chức chính trị - xã hội là nhân tố quan trọng tạo nên sức mạnh tổng hợp cho TCCSĐ trong các NHNN. Các tổ chức như Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh... là lực lượng nòng cốt trong tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng, vận động quần chúng và giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đảng. Khi các đoàn thể hoạt động tích cực, có sự lãnh đạo thống nhất của cấp ủy, không khí dân chủ, đoàn kết nội bộ được tăng cường, tạo động lực cho việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị - chuyên môn. Cấp ủy cần xây dựng quy chế phối hợp rõ ràng, phát huy vai trò lãnh đạo nhưng không bao biện, làm thay; đồng thời tạo điều kiện để các đoàn thể phát huy tính sáng tạo, chủ động trong phong trào thi đua lao động, cải tiến nghiệp vụ, nâng cao đạo đức nghề nghiệp.

2.2.3. Tiêu chí đánh giá

Căn cứ theo Quy định số 366-QĐ/TW, ngày 30 tháng 8 năm 2025 của BCHTW, về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá

nhân trong hệ thống chính trị (Phần phụ lục 1, Khung tiêu chí đánh giá đối với tập thể, Nhóm tiêu chí chung, trang 17) [19], có thể đánh giá chất lượng TCCSD trong các NHNN theo các tiêu chí sau đây:

Thứ nhất, mức độ đúng đắn, kịp thời trong việc quán triệt nghị quyết của cấp trên, cụ thể hóa thành nghị quyết của cấp mình và tổ chức thực hiện nghị quyết gắn với chuyên môn ngành ngân hàng

Tiêu chí này phản ánh trực tiếp năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu và tính chủ động của TCCSD trong các NHNN, bởi nghị quyết của Đảng chỉ thực sự đi vào cuộc sống khi được quán triệt đầy đủ, cụ thể hóa đúng hướng và tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc, hiệu quả. Trước hết, mức độ đúng đắn và kịp thời trong quán triệt nghị quyết của cấp trên thể hiện ở việc cấp ủy cơ sở nắm vững tinh thần, mục tiêu, quan điểm chỉ đạo và các nhiệm vụ trọng tâm của nghị quyết Trung ương, nghị quyết của Đảng ủy cấp trên, nhất là các nghị quyết liên quan đến phát triển kinh tế, quản lý tài chính - tiền tệ, tái cơ cấu hệ thống ngân hàng, chuyển đổi số và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Khả năng cụ thể hóa nghị quyết của cấp trên thành nghị quyết, chương trình, kế hoạch hành động của cấp mình là thước đo quan trọng về trình độ tư duy và năng lực lãnh đạo của cấp ủy. Trong các NHNN, việc cụ thể hóa không thể dừng lại ở sao chép máy móc mà phải gắn chặt với chức năng, nhiệm vụ chuyên môn như điều hành tín dụng, quản trị rủi ro, huy động và sử dụng vốn, phục vụ phát triển nông nghiệp - nông thôn, an sinh xã hội, hoặc hỗ trợ doanh nghiệp và nền kinh tế. Nghị quyết của cấp mình cần xác định rõ mục tiêu cụ thể, chỉ tiêu định lượng, lộ trình thực hiện và phân công trách nhiệm rõ ràng, bảo đảm tính khả thi và phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng đơn vị ngân hàng.

Mức độ tổ chức thực hiện nghị quyết gắn với chuyên môn ngành ngân hàng là khâu quyết định chất lượng lãnh đạo của tổ chức đảng. Việc tổ chức thực hiện hiệu quả thể hiện ở sự phối hợp chặt chẽ giữa cấp ủy với hội đồng

quản trị, ban điều hành và các tổ chức đoàn thể; ở việc đưa nghị quyết vào các quy trình quản trị, kế hoạch kinh doanh, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả công tác. Nghị quyết chỉ thực sự có giá trị khi tạo ra chuyển biến rõ nét trong chất lượng hoàn thành nhiệm vụ chính trị, hiệu quả hoạt động ngân hàng và ý thức trách nhiệm, kỷ luật của CBĐV.

Thứ hai, kết quả công tác củng cố, xây dựng TCCSD, thực hiện các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng

Tiêu chí này phản ánh trực tiếp năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu và uy tín chính trị của TCCSD trong các NHNN. Trong điều kiện ngành ngân hàng gắn liền với nhiệm vụ ổn định tài chính, tiền tệ quốc gia, việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng là cơ sở để bảo đảm sự trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Củng cố TCCSD tạo nền tảng cho sự lãnh đạo thống nhất, hiệu lực và hiệu quả; còn việc nâng cao chất lượng đội ngũ CBĐV là yếu tố nhân lực quyết định đến sức mạnh nội sinh và uy tín lãnh đạo của TCCSD. Thực hiện tốt tiêu chí này giúp TCCSD duy trì được bản chất cách mạng, tính tiên phong, đồng thời bảo đảm cho hoạt động của ngân hàng luôn đúng định hướng chính trị, pháp luật và phục vụ lợi ích chung của Nhà nước và Nhân dân.

Đây là nhiệm vụ trung tâm, xuyên suốt, nhằm tăng cường năng lực lãnh đạo, củng cố bản lĩnh chính trị và đạo đức cách mạng cho đội ngũ CBĐV. Nội dung này được thể hiện qua nhiều mặt: quán triệt, thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các biểu hiện suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; tăng cường tự phê bình và phê bình; duy trì kỷ luật, kỷ cương trong sinh hoạt đảng.

Về kết quả củng cố, xây dựng TCCSD: TCCSD là nền tảng của Đảng, là nơi trực tiếp triển khai, cụ thể hóa mọi chủ trương, đường lối của Đảng vào thực tiễn hoạt động của ngân hàng. Trong điều kiện tổ chức bộ máy ngân hàng ngày càng mở rộng về quy mô và phạm vi địa lý, việc củng cố TCCSD

đòi hỏi phải bảo đảm tính thống nhất về chính trị, chặt chẽ về tổ chức và linh hoạt trong phương thức hoạt động.

Công tác củng cố TCCSĐ được đánh giá qua nhiều khía cạnh: việc kiện toàn bộ máy cấp ủy, chi bộ theo hướng tinh gọn, hiệu quả; thực hiện đúng quy trình đại hội, bầu cử, phân công nhiệm vụ; xây dựng và thực hiện quy chế làm việc của cấp ủy; tổ chức sinh hoạt đảng định kỳ, chuyên đề; thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, dân vận, phát triển đảng viên; duy trì sự phối hợp chặt chẽ giữa cấp ủy, lãnh đạo chuyên môn và các tổ chức đoàn thể.

Về kết quả thực hiện nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình: Việc thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng là yếu tố nền tảng quyết định chất lượng, sức chiến đấu và uy tín của TCCSĐ trong các NHNN hiện nay. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng không chỉ là quy định mang tính pháp lý - tổ chức, mà còn là biểu hiện của trình độ lãnh đạo chính trị, tinh thần kỷ luật và văn hóa Đảng. Khi TCCSĐ trong các NHNN tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc, tổ chức và hoạt động sẽ bảo đảm được sự thống nhất trong lãnh đạo, tính ổn định trong vận hành, đồng thời phát huy được dân chủ, sáng tạo và trách nhiệm của mỗi đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Trong hệ thống các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nguyên tắc tập trung dân chủ có vị trí đặc biệt quan trọng, thể hiện bản chất tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam. Việc thực hiện đúng nguyên tắc này giúp cấp ủy, chi bộ duy trì sự lãnh đạo thống nhất đi đôi với phát huy trí tuệ tập thể. Dân chủ phải được bảo đảm thực chất thông qua quyền được biết, được bàn, được giám sát của đảng viên; song đồng thời, sau khi đã thảo luận dân chủ, mọi quyết định của tổ chức đảng phải được toàn thể đảng viên nghiêm túc chấp hành, bảo đảm tính tập trung, kỷ luật và hiệu lực lãnh đạo.

Nguyên tắc tự phê bình và phê bình là cơ chế tự chỉnh đốn, tự làm trong sạch tổ chức, giúp phát hiện và sửa chữa sai phạm từ sớm, từ xa. Thực

hiện nguyên tắc này phải chân thành, thẳng thắn, khách quan, coi trọng xây dựng chứ không quy chụp hay né tránh. Khi tự phê bình và phê bình trở thành nét văn hóa thường xuyên trong sinh hoạt đảng, TCCSĐ sẽ duy trì được sức sống chính trị, tính chiến đấu và khả năng “tự miễn dịch” trước nguy cơ suy thoái tư tưởng, đạo đức, lối sống trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay.

Về kết quả công tác kiểm tra, giám sát: Trong các NHNN, kết quả công tác KTGS có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc bảo đảm thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chính trị gắn với hoạt động tài chính, tín dụng, đầu tư, đồng thời góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, điều tiết thị trường tiền tệ và thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Thông qua KTGS, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và quy định của Nhà nước trong lĩnh vực ngân hàng được theo dõi, đánh giá mức độ tuân thủ và hiệu lực thực thi trong thực tiễn hoạt động của từng đơn vị.

Trong bối cảnh các NHNN hoạt động đa lĩnh vực, quy mô lớn, phạm vi toàn quốc, công tác KTGS đóng vai trò là công cụ quan trọng để kịp thời phát hiện những hạn chế, bất cập trong quản lý, điều hành, nhất là trong các lĩnh vực nhạy cảm như cấp tín dụng, quản lý và sử dụng vốn, đầu tư tài chính, công tác cán bộ và triển khai các chương trình tín dụng chính sách. Kết quả KTGS không chỉ phản ánh mức độ chấp hành kỷ luật, kỷ cương mà còn cho thấy năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị gắn với yêu cầu quản trị ngân hàng hiện đại.

Thứ ba, kết quả rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực công tác chuyên môn của cấp ủy và đội ngũ cán bộ, đảng viên

Tiêu chí này phản ánh trực tiếp chất lượng con người, là yếu tố trung tâm, có ý nghĩa quyết định đối với hiệu lực, hiệu quả hoạt động của TCCSĐ trong các NHNN. Khác với các tiêu chí khác, tiêu chí này tập trung đánh giá kết quả rèn luyện và biểu hiện trên thực tế về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và năng lực công tác chuyên môn của cấp ủy và đội ngũ CBĐV, trong

môi trường hoạt động đặc thù, chịu tác động mạnh của cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế và yêu cầu quản trị ngân hàng hiện đại.

Đối với cấp ủy, kết quả rèn luyện phẩm chất chính trị được thể hiện trước hết ở sự kiên định mục tiêu, lý tưởng của Đảng; bản lĩnh chính trị vững vàng trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị gắn với hoạt động tài chính – tín dụng; thái độ chính trị đúng đắn, tỉnh táo trước các vấn đề phức tạp nảy sinh từ lợi ích kinh tế, áp lực thị trường và các chuẩn mực quốc tế. Phẩm chất đạo đức, lối sống của cấp ủy thể hiện ở tính nêu gương, liêm chính, công tâm, khách quan trong lãnh đạo, quản lý; nói đi đôi với làm; kiên quyết phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm. Năng lực công tác chuyên môn của cấp ủy được thể hiện ở khả năng định hướng, tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị phù hợp với đặc thù ngân hàng; năng lực tổng hợp, phân tích, dự báo; khả năng đưa ra quyết sách đúng đắn, kịp thời, bảo đảm hài hòa giữa yêu cầu chính trị và hiệu quả kinh doanh.

Đối với đội ngũ CBĐV, kết quả rèn luyện phẩm chất chính trị thể hiện ở ý thức chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định nội bộ của ngành ngân hàng; thái độ kiên định, không dao động trước áp lực lợi ích, không bị chi phối bởi các mối quan hệ cá nhân hay tác động tiêu cực từ bên ngoài. Kết quả rèn luyện đạo đức, lối sống được thể hiện qua việc tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp ngân hàng như liêm chính, minh bạch, trung thực, thận trọng và trách nhiệm xã hội; thể hiện cụ thể trong thực thi công vụ, quan hệ với khách hàng, đối tác, đồng nghiệp và trong quản lý, sử dụng tài sản, nguồn vốn của Nhà nước và nhân dân. Về năng lực công tác chuyên môn, CBĐV phải có trình độ nghiệp vụ vững vàng, am hiểu pháp luật, chuẩn mực quốc tế, có khả năng thích ứng với chuyển đổi số, đổi mới mô hình kinh doanh; thể hiện qua chất lượng, hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ, tinh thần đổi mới, sáng tạo và trách nhiệm cá nhân trong công việc.

Thứ tư, kết quả lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị ngành ngân hàng (kết quả kinh doanh tạo ra lợi nhuận, kết quả đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô...)

Tiêu chí này là thước đo tổng hợp, phản ánh trực tiếp kết quả lãnh đạo của tổ TCCSĐ trong việc định hướng, dẫn dắt và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị của ngành ngân hàng, gắn chặt xây dựng Đảng với thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, kinh tế – tài chính của đơn vị.

Kết quả kinh doanh tạo ra lợi nhuận là chỉ báo quan trọng phản ánh hiệu quả lãnh đạo trong quản trị, điều hành và sử dụng nguồn lực của NHNN. Lợi nhuận ổn định, bền vững cho thấy sự lãnh đạo đúng hướng trong việc tổ chức huy động và phân bổ vốn, kiểm soát rủi ro tín dụng, nâng cao chất lượng tài sản, đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ và nâng cao năng suất lao động. Tuy nhiên, dưới góc độ lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, lợi nhuận không phải là mục tiêu duy nhất mà phải được đặt trong mối quan hệ hài hòa với yêu cầu an toàn, bền vững của hệ thống; thể hiện bản lĩnh lãnh đạo không chạy theo lợi ích ngắn hạn, không đánh đổi ổn định vĩ mô và lợi ích lâu dài của nền kinh tế.

Kết quả lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị – xã hội theo chỉ đạo của Đảng và Nhà nước là nội dung đặc thù, thể hiện rõ vai trò chủ đạo của NHNN trong nền kinh tế. Điều này được phản ánh qua năng lực lãnh đạo trong việc tổ chức triển khai hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách, tín dụng ưu đãi đối với nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp nhỏ và vừa, vùng khó khăn; tham gia các chương trình phục hồi và phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội. Việc hoàn thành tốt các nhiệm vụ này, dù có thể làm giảm lợi nhuận ngắn hạn, cho thấy sự lãnh đạo kiên định mục tiêu chính trị, góp phần củng cố niềm tin xã hội và khẳng định vai trò công cụ điều tiết kinh tế của Nhà nước.

Thứ năm, mức độ tín nhiệm đối với TCCSĐ

Tiêu chí này phản ánh mức độ lan tỏa xã hội và hiệu quả thực chất của hoạt động lãnh đạo của TCCSĐ trong các NHNN. Đây là tiêu chí mang tính tổng hợp, không chỉ đo bằng các chỉ số nội bộ mà còn thể hiện qua cảm

nhận, niềm tin và sự đánh giá từ các chủ thể bên ngoài và bên trên, qua đó cho thấy vị thế, uy tín và vai trò hạt nhân của TCCSD trong thực tiễn.

Trước hết, sự tín nhiệm của quần chúng trong nội bộ đơn vị là thước đo quan trọng phản ánh chất lượng công tác xây dựng đảng và phong cách lãnh đạo của cấp ủy. Quần chúng, người lao động và đảng viên trong đơn vị đánh giá TCCSD thông qua tính gương mẫu, công tâm, minh bạch trong lãnh đạo; việc bảo đảm dân chủ, đoàn kết nội bộ; cũng như khả năng bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người lao động. Khi tổ chức đảng phát huy tốt vai trò định hướng, tạo môi trường làm việc kỷ cương, nhân văn, khuyến khích sáng tạo và cống hiến, sự tín nhiệm của quần chúng sẽ được củng cố, trở thành nền tảng để xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong đơn vị.

Sự tín nhiệm của khách hàng và đối tác là biểu hiện trực tiếp của uy tín xã hội của NHNN và ở mức độ sâu hơn, phản ánh hiệu quả lãnh đạo của TCCSD. Trong lĩnh vực ngân hàng - nơi niềm tin là yếu tố sống còn - thái độ phục vụ chuyên nghiệp, minh bạch, tuân thủ pháp luật, bảo đảm an toàn tài sản và thông tin khách hàng chính là kết quả của việc xây dựng đội ngũ CBDV có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội cao. Sự hài lòng và gắn bó của khách hàng không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh mà còn củng cố hình ảnh NHNN.

Sự ghi nhận, đánh giá của cấp trên là căn cứ chính thức, có tính định hướng và chuẩn mực trong đánh giá chất lượng tổ TCCSD. Sự ghi nhận này thể hiện qua kết quả xếp loại tổ chức đảng, đảng viên hằng năm; qua việc biểu dương, khen thưởng; cũng như qua mức độ tin tưởng giao nhiệm vụ, phân cấp, ủy quyền của cấp ủy và cơ quan quản lý cấp trên. Đối với các NHNN, sự đánh giá tích cực của cấp trên không chỉ dựa trên kết quả kinh doanh, mà còn dựa trên việc chấp hành nghiêm chủ trương, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước; vai trò tiên phong trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị - xã hội; và khả năng giữ vững kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động tài chính - ngân hàng.

Tiểu kết chương 2

Chất lượng TCCSĐ là một trong những nhân tố quyết định trực tiếp đến năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, đặc biệt trong các đơn vị kinh tế then chốt như hệ thống NHNN - nơi không chỉ thực hiện các nhiệm vụ chính trị đặc thù mà còn giữ vai trò nòng cốt trong điều tiết kinh tế vĩ mô và ổn định tài chính - tiền tệ quốc gia. Việc nâng cao chất lượng TCCSĐ trong các NHNN là yêu cầu khách quan xuất phát từ đặc điểm của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời là điều kiện quan trọng để giữ vững vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng trong lĩnh vực nhạy cảm và thiết yếu này. Trong môi trường ngân hàng với đặc thù kỹ thuật cao, yêu cầu chuẩn hóa và chuyên nghiệp hóa ngày càng lớn, TCCSĐ càng cần phát huy được vai trò định hướng tư tưởng, giữ vững kỷ luật, đạo đức công vụ, đồng thời không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động để thích ứng linh hoạt với xu thế phát triển.

Nội dung Chương 2 tập trung làm rõ những vấn đề lý luận cốt lõi liên quan đến chất lượng TCCSĐ trong các NHNN, đồng thời hệ thống hóa và phân tích những kết quả nghiên cứu tiêu biểu nhằm rút ra các định hướng, gợi mở cơ bản cho quá trình nghiên cứu sâu tiếp theo. Trong nội dung chương này, luận án tập trung vào việc khái quát khung lý luận, tổng hợp kết quả và định hình một số vấn đề nghiên cứu tiếp theo chứ chưa đi sâu phân tích toàn diện về thực trạng tổ chức, các yếu tố tác động hay hệ thống giải pháp cải thiện chất lượng TCCSĐ trong các NHNN cụ thể.

Trên cơ sở những kết quả đạt được, nội dung chương này sẽ là nền tảng định hướng cho các bước nghiên cứu tiếp theo trong khuôn khổ luận án, trong đó tập trung đi sâu vào thực tiễn hoạt động TCCSĐ tại một số NHNN tiêu biểu, làm rõ các mối quan hệ giữa năng lực lãnh đạo của TCCSĐ với hiệu quả quản trị đơn vị, đồng thời đề xuất hệ thống giải pháp khả thi nhằm nâng cao chất lượng TCCSĐ, đáp ứng yêu cầu xây dựng Đảng trong giai đoạn mới.

Chương 3

CHẤT LƯỢNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG TRONG CÁC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. Thực trạng chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong các ngân hàng nhà nước ở Việt Nam hiện nay

3.1.1. Những ưu điểm

Thứ nhất, việc quán triệt nghị quyết của cấp trên, cụ thể hóa thành nghị quyết của cấp mình và tổ chức thực hiện nghị quyết gắn với chuyên môn ngành ngân hàng được các ngân hàng triển khai đúng đắn, kịp thời và hiệu quả.

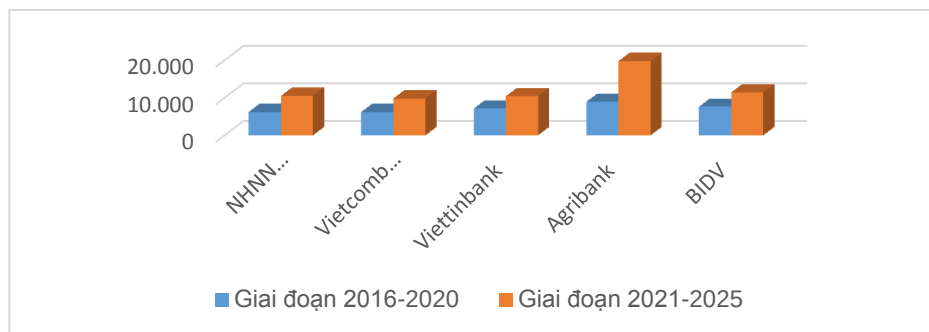
Trong nhiệm kỳ 2015-2025, công tác quán triệt các nghị quyết của Trung ương, BCT, Ban Bí thư, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương, ĐUCP và Đảng ủy NHTW trong hệ thống NHNN đã có bước chuyển biến rõ rệt cả về nhận thức chính trị, phương thức tổ chức thực hiện và hiệu quả thực tiễn. Đây là một trong những ưu điểm nổi bật phản ánh chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo của các TCCSĐ trong bối cảnh ngành ngân hàng đứng trước nhiều biến động lớn về môi trường kinh tế - tài chính trong nước và quốc tế.

Trước hết, mức độ đúng đắn trong quán triệt nghị quyết được thể hiện ở việc các đảng ủy NHNN đã bám sát đầy đủ, toàn diện nội dung và tinh thần các nghị quyết lớn của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Đại hội XIV; các Nghị quyết Trung ương khóa XIII; Nghị quyết Trung ương 4 về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; Nghị quyết 21-NQ/TW về củng cố, xây dựng TCCSĐ; cùng các kết luận, chỉ thị mới của BCT, Ban Bí thư về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Việc quán triệt nghị quyết không chỉ dừng lại ở truyền đạt nội dung văn bản, mà ngày càng gắn với phân tích, lý giải chiều sâu lý luận và liên hệ trực tiếp với đặc thù hoạt động ngân hàng, một lĩnh vực vừa mang tính kinh doanh, vừa mang tính

chính sách, chịu sự điều tiết chặt chẽ của Nhà nước và tác động trực tiếp đến ổn định kinh tế vĩ mô, an ninh tài chính - tiền tệ quốc gia.

Sự đúng đắn còn thể hiện ở cách các đảng ủy ngân hàng lựa chọn trọng tâm, trọng điểm khi tổ chức quán triệt nghị quyết. Thay vì triển khai dàn trải, đồng loạt, các nghị quyết được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên phù hợp với từng giai đoạn phát triển của ngân hàng và từng yêu cầu nhiệm vụ chính trị cụ thể. Các nội dung về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của TCCSĐ; phòng, chống suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” được đặt trong mối quan hệ hữu cơ với các nhiệm vụ chuyên môn cốt lõi như tái cơ cấu ngân hàng, xử lý nợ xấu, chuyển đổi số, nâng cao chất lượng quản trị nội bộ, phát triển tín dụng an toàn, hiệu quả.

Biểu đồ 3.1 - Số lượng văn bản lãnh đạo, chỉ đạo về công tác xây dựng Đảng tại các đảng bộ ngân hàng nhà nước giai đoạn 2015 - 2025



Trong giai đoạn 2015 – 2020, công tác hoàn thiện thể chế pháp luật về tiền tệ, hoạt động ngân hàng được Đảng ủy NHNN chú trọng, tiếp tục được đẩy mạnh, đạt nhiều kết quả tích cực, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế và các chuẩn mực, thông lệ quốc tế, góp phần tạo dựng, củng cố những cơ sở pháp lý quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Ngành và góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Trong nhiệm kỳ, NHNN đã xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành và ban hành theo thẩm quyền 01 Luật, 01 Nghị quyết của Quốc hội, 12 Nghị định của Chính phủ, 10 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 194

Thông tư của NHNN liên quan đến việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý trong hầu hết các lĩnh vực trọng yếu của hoạt động ngân hàng như: NHNN đã trình Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/01/2018; trình Thủ tướng Chính phủ, Bộ Chính trị “Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 - 2020” và trình Quốc hội thông qua Nghị quyết 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng [124].

Quá trình điều hành của NHNN Việt Nam giai đoạn 2020–2025 cho thấy tính đúng đắn và kịp thời trong quán triệt, cụ thể hóa nghị quyết được kiểm chứng bằng kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị toàn ngành. Theo báo cáo NHNN, trong giai đoạn này, lạm phát bình quân được kiểm soát trong khoảng 1,84–3,63%/năm, tăng trưởng kinh tế đạt bình quân khoảng 5,87%/năm, thuộc nhóm cao trong khu vực; riêng năm 2025 tiếp tục giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô trong bối cảnh biến động mạnh của kinh tế thế giới. Đảng ủy NHNN đã ban hành và tổ chức thực hiện nhiều chỉ thị, chương trình hành động chuyên đề gắn trực tiếp với điều hành chính sách tiền tệ, cơ cấu lại hệ thống tổ chức tín dụng, xử lý nợ xấu và thúc đẩy chuyển đổi số, qua đó bảo đảm nghị quyết của Đảng được chuyển hóa kịp thời thành kết quả quản lý, điều hành cụ thể, hiệu quả và phù hợp với đặc thù ngành ngân hàng. [123].

Trong nhiệm kỳ 2020-2025, BIDV đã tổ chức trên 1.200 hội nghị học tập, quán triệt nghị quyết các cấp bằng cả hình thức trực tiếp và trực tuyến; ban hành khoảng 6.500 văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, trong đó có 155 nghị quyết, 16 chương trình hành động và 42 quy chế phối hợp. Việc tổ chức quán triệt được thực hiện đồng bộ từ cấp đảng ủy đến các TCCSĐ, bảo đảm 100% cán bộ chủ chốt, cấp ủy viên và trên 99% đảng viên được học tập, quán triệt đầy đủ các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và Đảng ủy cấp trên [70]. Điều này phản ánh rõ ý thức chính trị nghiêm túc, kỷ luật tổ chức chặt chẽ và sự thống nhất cao trong toàn hệ thống BIDV.

Tại Agribank, tính kịp thời và quy mô quán triệt nghị quyết được thể hiện ở phạm vi triển khai rộng lớn trên toàn hệ thống với hơn 2.300 TCCSD và gần 40.000 đảng viên. Trong nhiệm kỳ 2020-2025, Đảng ủy Agribank đã ban hành 19.750 văn bản lãnh đạo, chỉ đạo; tổ chức hàng nghìn hội nghị học tập, quán triệt nghị quyết từ Trung ương đến cơ sở, bảo đảm tỷ lệ CBĐV tham gia học tập nghị quyết hằng năm đều đạt trên 98%, nhiều đơn vị đạt 100% [47], [48]. Việc quán triệt nghị quyết được duy trì thường xuyên, liên tục, không mang tính phong trào hay hình thức, qua đó tạo nền tảng vững chắc cho sự thống nhất về nhận thức và hành động trong toàn hệ thống ngân hàng.

Với BIDV, việc cụ thể hóa nghị quyết được thể hiện rõ qua hệ thống nghị quyết chuyên đề, chương trình hành động và quy chế phối hợp được ban hành đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm. Các nghị quyết chuyên đề tập trung vào những vấn đề then chốt như nâng cao năng lực lãnh đạo của TCCSD, hoàn thiện mô hình quản trị theo chuẩn mực quốc tế, tăng cường quản trị rủi ro, đẩy mạnh chuyển đổi số và xây dựng văn hóa doanh nghiệp gắn với văn hóa Đảng. Thông qua đó, nghị quyết của Đảng được chuyển hóa thành các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể trong chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh của ngân hàng.

Thực tiễn tại Agribank cho thấy, quá trình cụ thể hóa nghị quyết thể hiện rõ cả về quy mô và chiều sâu. Trong nhiệm kỳ 2020-2025, Đảng ủy Agribank đã ban hành 7 nghị quyết chuyên đề tập trung vào các vấn đề then chốt như chuyển đổi số, quản trị nội bộ, nâng cao chất lượng cán bộ, cải cách thể chế và đổi mới phương thức lãnh đạo. Các nghị quyết chuyên đề này được xây dựng trên cơ sở bám sát tinh thần các nghị quyết của Trung ương, đồng thời xuất phát từ yêu cầu thực tiễn của một NHTM nhà nước giữ vai trò chủ lực trong đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn và phát triển nông thôn bền vững [48], [Phụ lục 8]. Việc lựa chọn đúng các vấn đề trọng tâm để ban hành nghị

quyết chuyên đề cho thấy năng lực nhận diện vấn đề và khả năng cụ thể hóa nghị quyết của Đảng ủy Agribank ngày càng được nâng cao.

Đối với Ngân hàng Chính sách xã hội (VBSP), việc cụ thể hóa nghị quyết gắn chặt với chức năng tín dụng chính sách của Nhà nước. Trong nhiệm kỳ 2020-2025, 100% TCCSĐ trực thuộc VBSP đã xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết của Đảng, tập trung vào các chương trình tín dụng giảm nghèo bền vững, giải quyết việc làm, xây dựng nông thôn mới và bảo đảm an sinh xã hội. Việc cụ thể hóa nghị quyết được triển khai thống nhất trong toàn hệ thống, bảo đảm nghị quyết của Đảng được chuyển hóa thành các chính sách tín dụng cụ thể, trực tiếp phục vụ các nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội [46].

Khâu tổ chức thực hiện nghị quyết là thước đo trực tiếp chất lượng và hiệu quả lãnh đạo của TCCSĐ. Thực tiễn tại các NHNN cho thấy, việc tổ chức thực hiện nghị quyết ngày càng gắn chặt với hệ thống quản trị, điều hành và các chỉ tiêu kinh doanh – tài chính cụ thể. Tại BIDV, việc triển khai nghị quyết được thực hiện thông qua cơ chế Đảng lãnh đạo - Hội đồng quản trị và Ban điều hành tổ chức thực hiện, có kiểm tra, giám sát thường xuyên. Kết quả là trong nhiệm kỳ 2020-2025, BIDV đã hoàn thành và vượt toàn bộ các chỉ tiêu nhiệm vụ chính trị, duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, bảo đảm an toàn vốn và kiểm soát tốt nợ xấu [70]. So với các ngân hàng khác, tại Agribank, các nghị quyết chuyên đề của Đảng ủy được cụ thể hóa thành các đề án tái cơ cấu, kế hoạch chuyển đổi số và chiến lược phát triển công nghệ thông tin, góp phần giúp ngân hàng hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kinh doanh, đồng thời tiếp tục giữ vững vai trò NHTM nhà nước chủ lực trong thực thi chính sách tiền tệ, tín dụng của Chính phủ.

Có thể khẳng định rằng, trong giai đoạn 2015-2025, mức độ đúng đắn, kịp thời trong quán triệt nghị quyết; khả năng cụ thể hóa nghị quyết; và hiệu quả tổ chức thực hiện nghị quyết gắn với chuyên môn ngành ngân hàng của TCCSĐ trong các NHNN là một điểm mạnh nổi bật. Nghị quyết của Đảng đã được chuyển

hóa tương đối hiệu quả thành hành động chính trị - kinh tế cụ thể, qua đó góp phần trực tiếp vào ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an ninh tài chính - tiền tệ và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống NHNN trong giai đoạn mới.

Thứ hai, công tác củng cố, xây dựng TCCSD, thực hiện các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng tại các NHNN đã có những chuyển biến mạnh mẽ, sâu sắc và toàn diện

Trong giai đoạn 2015-2025, công tác củng cố, xây dựng TCCSD của các NHNN thể hiện rõ ở sự thống nhất giữa nhận thức và hành động, giữa chỉ đạo của cấp ủy với việc tổ chức thực hiện tại cơ sở. Các TCCSD đã bám sát sự chỉ đạo của Trung ương, Đảng ủy Chính phủ và các Đảng ủy ngân hàng, triển khai đồng bộ, nghiêm túc, kịp thời và hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, khóa XIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 16/6/2022 của BCHTW khóa XIII về tăng cường củng cố TCCSD và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới. Công tác này được tiến hành bài bản, khoa học, đi vào chiều sâu, tạo sự chuyển biến rõ nét trên tất cả các phương diện: chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ, góp phần quan trọng vào việc củng cố vai trò hạt nhân lãnh đạo toàn diện của Đảng trong các NHNN.

Công tác củng cố, xây dựng TCCSD về tư tưởng đã có nhiều đổi mới rõ nét, toàn diện cả về nội dung, hình thức và phương pháp triển khai. Việc học tập, quán triệt các nghị quyết của Đảng được tổ chức nghiêm túc, linh hoạt, kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm kịp thời, phù hợp với đặc thù hoạt động ngành ngân hàng. Theo Báo cáo của NHNN Việt Nam, giai đoạn 2015 – 2020, “Công tác giáo dục chính trị tư tưởng được triển khai đồng bộ, nền nếp; 100% đảng viên được học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng, tỷ lệ tham gia các đợt học tập đạt trung bình 97%. Tình hình tư tưởng cán bộ, đảng viên ổn định, không phát sinh điểm nóng”[124]. Giai đoạn 2020–2025, công tác củng cố, xây dựng TCCSD về tư tưởng trong toàn hệ thống tiếp tục

được tăng cường theo hướng thực chất và kỷ cương. Riêng năm 2025, trên 95% TCCSD được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; chất lượng sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chuyên đề được nâng lên rõ rệt. NHNN đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong học tập nghị quyết, góp phần bảo đảm tính thống nhất về tư tưởng, nâng cao sức chiến đấu và vai trò hạt nhân chính trị của tổ chức đảng trong toàn ngành [123].

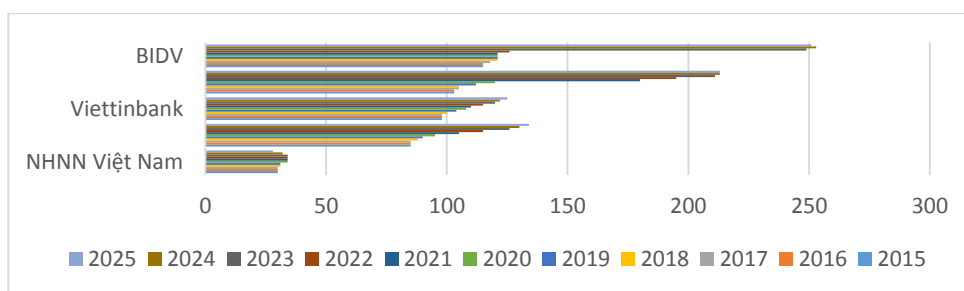
Trong giai đoạn 2015-2025, các ngân hàng thương mại nhà nước đã tổ chức 18.875 các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đảng viên, hội nghị học tập, quán triệt nghị quyết, với trên 300.000 lượt đảng viên và người lao động tham gia; tỷ lệ đảng viên tham gia học tập nghị quyết đạt bình quân 99,6%, trong đó Agribank đạt 99,7%, BIDV đạt 99,3%, VBSP đạt 100% [Phụ lục 11]. Nhiều đơn vị vùng sâu, vùng xa đã chủ động ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai học tập nghị quyết trực tuyến, giúp bảo đảm tiến độ và chất lượng học tập chính trị trong toàn hệ thống. Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trở thành sinh hoạt thường xuyên, nền nếp, gắn với các phong trào thi đua yêu nước và nhiệm vụ chính trị cụ thể. Các mô hình “Chi bộ kiểu mẫu”, “Đảng viên gương mẫu - ngân hàng phát triển bền vững”, “Mỗi đảng viên một hành động chuẩn mực” được triển khai rộng rãi, góp phần lan tỏa tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ, khát vọng cống hiến và văn hóa làm việc tích cực. Riêng tại Agribank có hơn 250 mô hình học tập và làm theo Bác, tại BIDV có 120 mô hình điển hình tiên tiến, tại VBSP có 60 mô hình nêu gương CBĐV tiêu biểu [47], [70].

Công tác củng cố, xây dựng TCCSD về đạo đức được xác định là nhiệm vụ thường xuyên, gắn liền với việc thực hiện Quy định số 144-QĐ/TW, ngày 9/5/2024 của BCT về chuẩn mực đạo đức cách mạng cho CBĐV trong giai đoạn mới. Tại đảng bộ NHNN, giai đoạn 2015 – 2020, việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII gắn với Chỉ thị 05-CT/TW được triển khai nghiêm túc; 100% đảng viên cam kết tu dưỡng, rèn luyện đạo đức. Chuẩn

mức đạo đức được rà soát, bổ sung đồng bộ, tạo chuyển biến rõ về ý thức nêu gương [125]. Giai đoạn 2020 - 2025, 96% TCCSD được đánh giá thực hiện tốt các chuẩn mực đạo đức cách mạng, số vụ việc vi phạm đạo đức công vụ giảm rõ rệt so với giai đoạn trước [123].

Tại các đảng bộ NHTM: Agribank; BIDV, Vietcombank, Vietinbank, 100% TCCSD đã ban hành kế hoạch hành động, xây dựng bộ chuẩn mực đạo đức riêng phù hợp với đặc thù ngành, đồng thời lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức vào sinh hoạt chi bộ định kỳ. Trong giai đoạn 2015 - 2025, toàn hệ thống đã tổ chức 206 buổi sinh hoạt chuyên đề, 2.068 buổi nói chuyện thời sự về đạo đức công vụ, văn hóa ứng xử, kỷ luật nghiệp vụ với 90% đảng viên tham dự [Phụ lục 11). Nhiều ngân hàng đã cụ thể hóa giá trị đạo đức thành các chuẩn mực hành vi và khẩu hiệu hành động đặc trưng như “Liêm chính - Tận tâm - Sáng tạo - Hiệu quả” của Agribank hay “Kỷ cương - Trách nhiệm - Chuyên nghiệp - Minh bạch” của BIDV, góp phần hình thành văn hóa Đảng bộ vững mạnh, vừa thể hiện phẩm chất chính trị, vừa phản ánh bản sắc đạo đức nghề nghiệp.

Biểu đồ 3.2 - Số lượng TCCSD tại các đảng bộ ngân hàng nhà nước giai đoạn 2015 – 2025



Công tác củng cố, xây dựng TCCSD về tổ chức: Hệ thống tổ chức đảng trong các ngân hàng đã được kiện toàn theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo toàn diện trong điều kiện hội nhập và chuyển đổi số. Trong giai đoạn 2015-2020, Tổ chức đảng trong Đảng bộ NHNN được kiện toàn theo hướng tinh gọn, hiệu quả; số TCCSD tăng từ 33 lên 34, đảng viên tăng từ 2.036 lên 2.281. Giai đoạn 2015–2020, trung bình 78,3% TCCSD

hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, 97,7% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ [124]. Tổng hợp giai đoạn 2015 – 2025, toàn hệ thống đã giảm 12% số đầu mối TCCSĐ, thông qua việc sáp nhập, hợp nhất, sắp xếp lại mô hình tổ chức phù hợp với cơ cấu chuyên môn của từng đơn vị, đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện, hiệu lực, hiệu quả. Năm 2025 là năm đánh dấu chặng đường mới của tổ chức đảng NHNN. Đảng bộ NHNN Việt Nam được thành lập trên cơ sở tổ chức lại Đảng bộ Cơ quan Ngân hàng Trung ương và tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ của Ban Cán sự đảng NHNN. Đảng bộ NHNN là Đảng bộ cấp trên trực tiếp của TCCSĐ trực thuộc Đảng bộ Chính phủ, gồm 28 tổ chức đảng trực thuộc với 2.652 đảng viên [123].

Đảng ủy Agribank tăng số TCCSĐ từ 103 (năm 2016) lên 213 (năm 2025) với hơn 24.000 đảng viên, chiếm khoảng 60% tổng số lao động toàn hệ thống. Đảng bộ BIDV hiện có 251 TCCSĐ với hơn 12.000 đảng viên, trong đó có 2 chi bộ ngoài nước, tạo điều kiện thuận lợi cho việc lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất trong toàn hệ thống [Phụ lục 1, 2]. Các quy chế làm việc giữa cấp ủy và ban điều hành được ban hành đồng bộ, phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, bảo đảm vừa phát huy vai trò lãnh đạo chính trị của Đảng, vừa đề cao tính chủ động, sáng tạo, năng động của bộ máy điều hành trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

Một trong những ưu điểm nổi bật của công tác củng cố TCCSĐ là việc nâng cao chất lượng hoạt động chi bộ, đảng bộ cơ sở. Các TCCSĐ đã đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức sinh hoạt theo hướng thực chất, ngắn gọn, gắn với nhiệm vụ cụ thể của đơn vị. Năm 2024, toàn hệ thống NHNN có 96,2% TCCSĐ được xếp loại hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, tăng 4,5% so với năm 2023; chỉ còn dưới 1% TCCSĐ bị xếp loại hoàn thành nhiệm vụ. Việc đánh giá, xếp loại chi bộ, đảng viên được thực hiện theo hướng khách quan, dựa trên tiêu chí định lượng, gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, đạo đức công vụ và trách nhiệm nêu gương [42]. Tại Agribank,

hàng năm có trên 70% chi bộ được xếp loại “hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”; tại BIDV, tỷ lệ này đạt 68-72%; còn tại VBSP, tỷ lệ chi bộ “hoàn thành tốt nhiệm vụ” luôn đạt trên 98% [48]. Kết quả này phản ánh sự chuyển biến thực chất trong chất lượng sinh hoạt và năng lực lãnh đạo của các TCCSĐ, đồng thời khẳng định vai trò chủ động của các cấp ủy trong việc tự soi, tự sửa, tự hoàn thiện cơ chế hoạt động của mình.

Về kết quả thực hiện nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình: Trong giai đoạn 2015 - 2025, các TCCSĐ trong hệ thống NHNN đã kiên định, vận dụng sáng tạo và ngày càng nâng cao chất lượng thực hiện các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng, đặc biệt là nguyên tắc tập trung dân chủ và tự phê bình, phê bình. Đây là nền tảng bảo đảm sự thống nhất ý chí – hành động, giữ vững vai trò hạt nhân chính trị trong điều kiện đổi mới mô hình quản trị ngân hàng hiện đại, hội nhập và cạnh tranh quốc tế gay gắt. Báo cáo của NHNN giai đoạn 2015 – 2020 nêu rõ: “*Nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình được thực hiện nghiêm; quy chế làm việc, sinh hoạt chi bộ được duy trì nền nếp.*” Hai năm liên tiếp 2018, 2019, Đảng bộ cơ quan HNN được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [124].

Trong giai đoạn 2020-2025, 100% đảng ủy NHNN đã ban hành hoặc sửa đổi quy chế làm việc, phân định rõ chức năng lãnh đạo của cấp ủy với vai trò điều hành của ban chuyên môn. Việc thực hiện các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng trong Đảng bộ NHNN Việt Nam tiếp tục được tăng cường theo hướng kỷ cương, thực chất. Hàng năm, 100% tổ chức đảng trực thuộc NHNN tổ chức kiểm điểm tập thể, cá nhân gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị; trên 95% tổ chức đảng và đảng viên được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Việc mở rộng dân chủ trong thảo luận, quyết định các vấn đề lớn về tổ chức, cán bộ và điều hành chính sách tiền tệ đã góp phần củng cố

sự thống nhất nội bộ, nâng cao hiệu lực lãnh đạo của Đảng bộ Ngân hàng Trung ương trong toàn hệ thống [123].

Ở các ngân hàng chủ lực như Agribank, BIDV, VietinBank...tất cả các chủ trương, nghị quyết quan trọng đều được thảo luận dân chủ và quyết định theo đa số; kết quả biểu quyết tại các kỳ họp cấp ủy đạt mức đồng thuận trung bình từ 94% đến 97%, thể hiện sự thống nhất cao giữa dân chủ tập thể và trách nhiệm cá nhân người đứng đầu [48], [70].

Bên cạnh đó, quyền dân chủ trong Đảng được phát huy thực chất thông qua nhiều hình thức như lấy phiếu tín nhiệm, lấy ý kiến rộng rãi đảng viên về công tác nhân sự, chủ trương đầu tư và quy hoạch cán bộ. Riêng tại Agribank, trong nhiệm kỳ 2020-2025, đã tổ chức hơn 300 lượt lấy ý kiến đảng viên trước khi ban hành các nghị quyết quan trọng, góp phần bảo đảm thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng [48].

Đối với nguyên tắc tự phê bình và phê bình, hầu hết các TCCSĐ đã có sự chuyển biến rõ rệt từ hình thức sang thực chất. Từ năm 2020, các chi bộ đều tổ chức kiểm điểm tối thiểu một lần mỗi năm; 100% đảng viên tham gia kiểm điểm cá nhân gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, đạo đức công vụ và cam kết tu dưỡng, rèn luyện. Số liệu cho thấy, tại BIDV có khoảng 12.000 đảng viên tham gia kiểm điểm định kỳ hằng năm, trong đó trên 93% được xếp loại “hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên. Tại VietinBank, 98% chi bộ tổ chức sinh hoạt kiểm điểm đúng kỳ, có biên bản và hồ sơ được lưu trữ đầy đủ theo quy định [70], [60].

Về kết quả công KTGS: Trong giai đoạn 2015-2025, toàn hệ thống NHNN đã tiến hành 17.573 lượt KTGS định kỳ, đột xuất và chuyên đề, trong đó có 1.850 lượt kiểm tra chuyên đề tập trung vào các lĩnh vực tín dụng nội bộ, quản lý tài sản, đầu tư và tuyển dụng [Phụ lục 10]. Riêng VietinBank đã thực hiện 1.380 lượt kiểm tra đối với tổ chức đảng và đảng viên, phát hiện và xử lý

170 trường hợp vi phạm, chiếm khoảng 19,1% tổng số trường hợp vi phạm toàn hệ thống [Phụ lục 5].

Đối với NHNN Việt Nam, giai đoạn 2015 – 2020, công tác KTGS được tăng cường; toàn nhiệm kỳ tổ chức 51 cuộc KTGS trực tiếp và giám sát thường xuyên 100% TCCSĐ. Không có tổ chức đảng vi phạm Điều lệ Đảng, kỷ luật đảng được thực hiện nghiêm minh, kịp thời [124]. Giai đoạn 2020–2025, công tác KTGS được triển khai đồng bộ, trọng tâm vào việc chấp hành nguyên tắc tổ chức đảng, kỷ luật công vụ và trách nhiệm nêu gương của cán bộ lãnh đạo. Riêng năm 2025, Đảng ủy NHNN đã tổ chức 47 cuộc KTGS, 857 cuộc thanh tra, 400 cuộc kiểm tra chuyên môn gắn với điều hành chính sách tiền tệ, quản lý cán bộ và phòng, chống tiêu cực; trên 96% TCCSĐ được đánh giá thực hiện tốt nhiệm vụ KTGS, góp phần nâng cao kỷ cương, hiệu lực lãnh đạo và phòng ngừa vi phạm từ sớm, từ xa [123], [Phụ lục 16].

Việc xử lý kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên được thực hiện nghiêm minh, công khai, đúng thẩm quyền. Trong giai đoạn 2015 - 2025, các NHNN đã thi hành kỷ luật 890 tổ chức đảng và đảng viên, trong đó 85% bị khiển trách hoặc cảnh cáo, 11% bị cách chức và 4% bị khai trừ khỏi Đảng, qua đó góp phần giữ vững kỷ luật, kỷ cương và tính trong sạch của TCCSĐ [Phụ lục 5]. Đặc biệt, các đảng bộ ngân hàng đã chú trọng gắn kết công tác KTGS với tổng kết thực tiễn và rút kinh nghiệm. Hằng năm, trên 95% chi bộ được xếp loại “hoàn thành tốt nhiệm vụ” về công tác KTGS, phản ánh sự chuyển biến rõ nét từ phương thức “hậu kiểm” sang “kiểm soát chủ động”, từ xử lý vi phạm sang phòng ngừa rủi ro chính trị và đạo đức từ sớm, từ xa [42].

Thứ ba, việc rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực công tác chuyên môn của cấp ủy và đội ngũ cán bộ, đảng viên tại các NHNN được chú trọng thực hiện một cách đồng bộ, hiệu quả.

Đối với cấp ủy, trong giai đoạn 2015–2025, kết quả rèn luyện phẩm chất chính trị được thể hiện trước hết ở sự kiên định mục tiêu, lý tưởng của

Đảng; bản lĩnh chính trị vững vàng trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị gắn với hoạt động tài chính – tín dụng trong điều kiện kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế sâu rộng và nhiều biến động phức tạp. Trên cơ sở quán triệt đầy đủ các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và Đảng ủy Ngân hàng Trung ương, cấp ủy các NHNN đã giữ vững định hướng chính trị trong lãnh đạo điều hành, không dao động trước áp lực lợi ích kinh tế, không chạy theo mục tiêu lợi nhuận ngắn hạn, kiên trì mục tiêu an toàn, ổn định và phát triển bền vững hệ thống.

Trong giai đoạn 2015–2020, việc rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và năng lực công tác chuyên môn của đội ngũ cấp ủy của Đảng bộ NHNN được triển khai đồng bộ, bài bản và đạt nhiều kết quả tích cực. Cấp ủy các cấp thể hiện rõ bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu, lý tưởng của Đảng, giữ vững vai trò lãnh đạo trong điều hành chính sách tiền tệ, bảo đảm an toàn hệ thống ngân hàng trước bối cảnh kinh tế – tài chính trong nước và quốc tế nhiều biến động. Phẩm chất đạo đức, lối sống của đội ngũ cấp ủy được củng cố thông qua việc thực hiện nghiêm các quy định về nêu gương, kỷ luật, kỷ cương; năng lực chuyên môn được nâng lên rõ rệt, thể hiện qua chất lượng tham mưu, quyết sách và hiệu quả lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị toàn ngành. Trong báo cáo của NHNN Việt Nam giai đoạn 2020–2025 cho thấy, *“trong bối cảnh kinh tế thế giới suy giảm, lạm phát toàn cầu tăng cao, cấp ủy NHNN đã lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa, góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối và bảo đảm an toàn hệ thống tổ chức tín dụng”* [123].

Phẩm chất đạo đức, lối sống của đội ngũ cấp ủy được thể hiện rõ ở sự nêu gương, liêm chính, công tâm, khách quan trong lãnh đạo, quản lý; nói đi đôi với làm; kiên quyết phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm. Năng lực công tác chuyên môn của cấp ủy được thể hiện ở khả năng định

hướng chiến lược, tổng hợp, phân tích, dự báo và đưa ra quyết sách kịp thời, phù hợp với đặc thù ngành ngân hàng; nhiều chủ trương lớn về cơ cấu lại hệ thống tổ chức tín dụng, xử lý nợ xấu, chuyển đổi số, hiện đại hóa công tác thanh toán và tăng cường thanh tra, giám sát ngân hàng đã được lãnh đạo triển khai đồng bộ, hiệu quả trong toàn hệ thống.

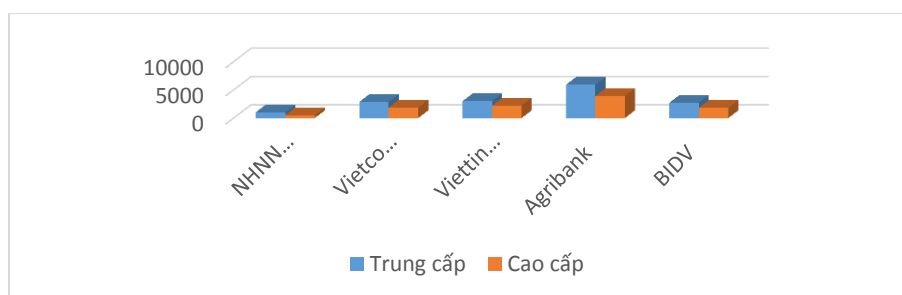
Cùng với đó, năng lực công tác chuyên môn của đội ngũ cấp ủy được nâng lên rõ rệt và toàn diện. Bình quân trên 63% cấp ủy viên có trình độ sau đại học, khoảng 50% đạt cao cấp lý luận chính trị; hơn 70% cán bộ lãnh đạo chủ chốt trước khi bổ nhiệm đều trải qua luân chuyển thực tiễn [36, 42]. Nhờ gắn chặt công tác xây dựng Đảng với công tác cán bộ, đào tạo và sử dụng đội ngũ theo hướng chuyên nghiệp hóa, hiện đại hóa, năng suất lao động toàn hệ thống tăng bình quân 8–10%/năm, thời gian xử lý công việc nội bộ giảm trên 60% so với giai đoạn trước.

Đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên: Trong giai đoạn 2015 – 2025, TCCSĐ trong hệ thống NHNN đã kết nạp hơn hơn 19.910 đảng viên mới, trong đó Agribank chiếm 34.2%%, BIDV chiếm 15%, VietinBank chiếm 9.54% và Vietcombank chiếm 12.6%. Tỷ lệ đảng viên có trình độ đại học trở lên đạt 87%, trong đó sau đại học chiếm gần 30% [Phụ lục 6]. Đáng chú ý, 48% số đảng viên mới kết nạp là đoàn viên thanh niên ưu tú, dưới 35 tuổi, phản ánh rõ xu hướng trẻ hóa, bảo đảm tính kế thừa, liên tục của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong các NHNN. Cùng với phát triển số lượng, công tác sàng lọc, đánh giá đảng viên được thực hiện nghiêm túc, thực chất; mỗi năm, toàn hệ thống đã rà soát, đưa ra khỏi Đảng bình quân 35–50 trường hợp vi phạm Điều lệ hoặc không còn đủ tư cách, qua đó góp phần giữ vững kỷ luật, kỷ cương và tính trong sạch của TCCSĐ. Công tác phát triển đảng viên trong các lĩnh vực chuyên môn then chốt như quản trị rủi ro, tín dụng, thanh toán quốc tế, công nghệ thông tin được chú trọng, phù hợp với yêu cầu hiện đại hóa và chuyển đổi số ngành ngân hàng theo định hướng của NHNN Việt Nam giai đoạn 2021–2025.

Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tiếp tục được đẩy mạnh, hướng tới xây dựng đội ngũ cán bộ đảng có phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Trong giai đoạn 2015 - 2025, toàn hệ thống các NHNN tổ chức 766 lớp tập huấn cán bộ, đảng viên, bồi dưỡng lý luận chính trị, nghiệp vụ công tác đảng và kỹ năng lãnh đạo quản lý, với hơn 12.000 lượt CBĐV tham dự [Phụ lục 11, 16]. Đáng chú ý, nội dung đào tạo ngày càng gắn với yêu cầu hội nhập và chuyển đổi số, bao gồm các chuyên đề về quản trị hiện đại, an toàn thông tin, đạo đức nghề nghiệp và văn hóa doanh nghiệp. Tại BIDV, 100% bí thư đảng bộ bộ phận và chi bộ đều có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên; tại Agribank, con số này là 98,5% [70]. Báo cáo của NHNN Việt Nam cũng cho thấy, trong giai đoạn 2021–2025, đội ngũ CBĐV đã trực tiếp tham mưu, tổ chức thực hiện các giải pháp hỗ trợ tín dụng, cơ cấu lại nợ, miễn giảm lãi suất với quy mô lớn, hỗ trợ hàng triệu lượt doanh nghiệp và người dân, qua đó thể hiện rõ bản lĩnh chính trị, tinh thần trách nhiệm và năng lực chuyên môn của đội ngũ CBĐV trong những thời điểm khó khăn.

Về phẩm chất đạo đức, lối sống, hơn 90% CBĐV tham gia thường xuyên các phong trào thi đua gắn với rèn luyện đạo đức nghề nghiệp; tỷ lệ vi phạm quy tắc ứng xử, đạo đức công vụ giảm khoảng 30% so với giai đoạn 2010–2015. Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được triển khai đồng bộ, với trên 98% đảng viên đăng ký nội dung tu dưỡng, rèn luyện hằng năm và được theo dõi, đánh giá thông qua sinh hoạt chi bộ [36]. Đạo đức, lối sống của đội ngũ CBĐV không chỉ thể hiện trong nội bộ đơn vị mà còn qua trách nhiệm xã hội và tinh thần vì cộng đồng; trong giai đoạn 2015–2025, hệ thống NHNN đã dành hàng nghìn tỷ đồng cho các chương trình tín dụng chính sách, an sinh xã hội và hoạt động thiện nguyện, góp phần củng cố niềm tin của xã hội đối với ngành ngân hàng.

Biểu đồ 3.3 - Trình độ lý luận chính trị của đội ngũ đảng viên tại các TCCSD trong các đảng bộ NHNN giai đoạn 2021 – 2025



Về kết quả rèn luyện phẩm chất chính trị, đội ngũ CBDV trong các TCCSD thuộc hệ thống NHNN đã thể hiện rõ sự kiên định về lập trường tư tưởng, vững vàng về bản lĩnh chính trị và thống nhất cao về nhận thức, hành động. Hằng năm, tỷ lệ đảng viên được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên duy trì ổn định trên 92%, trong đó khoảng 25-28% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Việc quán triệt và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng được triển khai nghiêm túc, đồng bộ, với khoảng 98% chi bộ xây dựng đầy đủ chương trình, kế hoạch công tác năm gắn với nhiệm vụ chính trị và chỉ tiêu chuyên môn cụ thể. Từ Trung ương đến cơ sở, các cấp ủy đã coi công tác giáo dục chính trị, tư tưởng là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài, đặt trong mối quan hệ hữu cơ với việc nâng cao chất lượng đội ngũ CBDV [36].

Thực tiễn cho thấy, trong suốt giai đoạn 2015-2025, nhận thức chính trị của CBDV trong các NHNN có sự chuyển biến rõ rệt theo hướng ngày càng chủ động, tự giác và trách nhiệm hơn. Không chỉ dừng lại ở việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị một cách hình thức, đội ngũ đảng viên đã từng bước nâng cao năng lực vận dụng quan điểm, đường lối của Đảng vào giải quyết những vấn đề cụ thể, phát sinh trong hoạt động ngân hàng, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến điều hành tín dụng, quản trị rủi ro và bảo đảm an toàn hệ thống. Trong giai đoạn nền kinh tế chịu tác động nặng nề của đại dịch và biến động thị trường tài chính quốc tế, đội ngũ CBDV đã trực tiếp tham mưu và tổ chức thực hiện các gói hỗ trợ tín dụng với quy mô hàng trăm nghìn tỷ đồng, góp

phần duy trì dòng vốn cho sản xuất, kinh doanh, ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm an sinh xã hội [Phụ lục 16].

Việc rèn luyện phẩm chất chính trị còn được thể hiện ở tinh thần chấp hành nghiêm nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình. Trong giai đoạn 2015 - 2025, toàn hệ thống đã tổ chức hàng chục nghìn lượt sinh hoạt kiểm điểm tập thể và cá nhân; trên 97% nội dung hạn chế, khuyết điểm được xác định qua kiểm điểm, kiểm tra, giám sát đã được khắc phục triệt để hoặc có chuyển biến rõ rệt. Đội ngũ CBDV nhìn chung có ý thức cao trong việc giữ gìn đoàn kết nội bộ, phát huy dân chủ gắn với kỷ luật, kỷ cương; vai trò nêu gương của người đứng đầu ngày càng được đề cao và thể hiện rõ trong thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo [36].

Trên thực tế, các TCCSĐ đã chủ động cụ thể hóa các chuẩn mực đạo đức cách mạng thành các quy tắc, quy định nội bộ phù hợp với đặc thù ngành. Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được triển khai đồng bộ, với trên 98% đảng viên đăng ký nội dung tu dưỡng, rèn luyện hằng năm và được theo dõi, đánh giá thông qua sinh hoạt chi bộ [36]. Qua đó, từng bước hình thành và lan tỏa các giá trị liêm chính, minh bạch, tận tụy và chuyên nghiệp trong toàn hệ thống.

Ý thức tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của CBDV ngày càng đi vào chiều sâu, mang tính tự giác cao. Mỗi năm, toàn hệ thống rà soát, đưa ra khỏi Đảng bình quân 35-50 trường hợp không còn đủ tư cách, qua đó góp phần giữ vững kỷ luật, kỷ cương và tính trong sạch của TCCSĐ. Đồng thời, hàng nghìn sáng kiến cải tiến nghiệp vụ, đổi mới quy trình được triển khai từ các phong trào thi đua, tạo sức lan tỏa tích cực trong từng chi bộ, đảng bộ cơ sở [36].

Thứ tư, kết quả lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị ngành ngân hàng (kết quả kinh doanh tạo ra lợi nhuận, kết quả đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô...) được duy trì ổn định, an toàn, hiệu quả và bền vững.

Trong giai đoạn 2015 - 2025, kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của ngành ngân hàng, đặc biệt trong khối các NHNN, nổi lên như một điểm sáng quan trọng, thể hiện rõ vai trò lãnh đạo toàn diện, trực tiếp và thường xuyên của các TCCSĐ đối với hoạt động kinh doanh, quản trị rủi ro và thực hiện các mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô. Trong bối cảnh môi trường kinh tế trong nước và quốc tế biến động mạnh, hệ thống NHNN vẫn duy trì được sự ổn định, an toàn, hiệu quả, vừa hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh doanh, tạo ra lợi nhuận bền vững, vừa thực hiện đầy đủ vai trò công cụ điều tiết vĩ mô của Nhà nước, góp phần giữ vững ổn định kinh tế - xã hội.

Về kết quả kinh doanh và tạo lập nguồn lực tài chính bền vững

Trước hết, về kết quả kinh doanh, các NHNN gồm Agribank, BIDV, VietinBank và Vietcombank đã duy trì được tốc độ tăng trưởng tương đối ổn định trong suốt giai đoạn 2015 - 2025, bất chấp nhiều cú sốc lớn từ bên ngoài như biến động kinh tế toàn cầu, chiến tranh thương mại, đại dịch COVID-19 và xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ tại nhiều nền kinh tế lớn. Thực tiễn cho thấy, dưới sự lãnh đạo của các TCCSĐ, hoạt động kinh doanh của các ngân hàng này không chỉ bảo đảm hiệu quả tài chính mà còn phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện các mục tiêu chính trị, kinh tế – xã hội của Đảng và Nhà nước.

Giai đoạn 2015-2020, NHNN đã tạo lập nền tảng tài chính vững chắc cho toàn hệ thống ngân hàng. Quy mô dự trữ ngoại hối Nhà nước tăng gần gấp 3 lần so với giai đoạn trước, góp phần nâng cao năng lực tài chính quốc gia. Hệ thống các tổ chức tín dụng duy trì tỷ lệ an toàn vốn bình quân 12%, bảo đảm khả năng thanh khoản và ổn định dài hạn [124]. Lợi nhuận trước thuế của khối NHNN tăng trưởng bình quân khoảng 15-18%/năm. Năm 2016, tổng lợi nhuận trước thuế của Agribank, BIDV, VietinBank và Vietcombank đạt khoảng 36.000 tỷ đồng; năm 2017 tăng lên trên 45.000 tỷ đồng; năm 2018 đạt xấp xỉ 58.000 tỷ đồng; đến năm 2019 vượt mốc 70.000 tỷ đồng [82]. Đây là giai đoạn đánh dấu sự phục hồi mạnh mẽ của hệ thống ngân hàng sau tái cơ cấu, khi

chất lượng tài sản được cải thiện rõ rệt và tỷ lệ nợ xấu nội bảng của các ngân hàng này đều duy trì dưới 2%.

Trong giai đoạn 2020-2021, khi đại dịch COVID-19 bùng phát và tác động nặng nề đến nền kinh tế, kết quả kinh doanh của các NHNN chịu áp lực lớn do phải triển khai hàng loạt chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và người dân. Tuy nhiên, nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của các TCCSĐ, toàn hệ thống vẫn duy trì lợi nhuận dương. Năm 2020, tổng lợi nhuận trước thuế của Agribank, BIDV, VietinBank và Vietcombank đạt khoảng 82.000 tỷ đồng; năm 2021 tăng lên khoảng 96.000 tỷ đồng, phản ánh khả năng chống chịu và thích ứng cao của các NHNN trong điều kiện khủng hoảng [83].

Từ năm 2022 đến 2025, khi nền kinh tế dần phục hồi, lợi nhuận của các NHNN tiếp tục tăng trưởng trở lại. Năm 2022, lợi nhuận trước thuế của bốn ngân hàng đạt trên 120.000 tỷ đồng; năm 2023 đạt khoảng 135.000 tỷ đồng; năm 2024 vượt mốc 150.000 tỷ đồng. Đến năm 2025, lợi nhuận được dự báo tiếp tục duy trì đà tăng, qua đó góp phần quan trọng vào việc tạo lập nguồn lực tài chính cho Nhà nước thông qua thuế và cổ tức [83].

Đối với NHNN Việt Nam, báo cáo giai đoạn 2020–2025 cho thấy kết quả điều hành của Ngân hàng Trung ương đã góp phần trực tiếp tạo lập môi trường kinh doanh ổn định và nguồn lực tài chính bền vững cho toàn hệ thống. Trong giai đoạn này, NHNN duy trì kiểm soát lạm phát bình quân dưới mục tiêu Quốc hội đề ra, điều hành tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống linh hoạt ở mức khoảng 12–15%/năm, bảo đảm thanh khoản và an toàn vốn cho các tổ chức tín dụng. Riêng năm 2025, NHNN tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa, ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối và lãi suất, qua đó tạo nền tảng vững chắc để các NHNN duy trì tăng trưởng lợi nhuận, mở rộng quy mô tài sản và đóng góp ngày càng lớn cho ngân sách nhà nước thông qua thuế, cổ tức và các khoản nộp khác [123].

Đối với các NHTM như: Agribank, ngân hàng 100% vốn nhà nước, dù thực hiện nhiều nhiệm vụ chính trị nặng nề trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn - vẫn duy trì lợi nhuận trước thuế ổn định, từ khoảng 7.500 tỷ đồng năm 2016 lên trên 21.000 tỷ đồng năm 2024. BIDV duy trì mức lợi nhuận trước thuế từ khoảng 7.500 tỷ đồng năm 2016, tăng lên gần 30.000 tỷ đồng năm 2024, gắn với vai trò chủ lực trong tài trợ hạ tầng và doanh nghiệp lớn [85-95]. VietinBank ghi nhận lợi nhuận trước thuế tăng từ khoảng 6.800 tỷ đồng năm 2016 lên xấp xỉ 28.000-29.000 tỷ đồng năm 2024, phản ánh hiệu quả quản trị và năng lực mở rộng tín dụng công nghiệp - thương mại [96-100]. Vietcombank tiếp tục giữ vai trò ngân hàng có hiệu quả sinh lời cao nhất, với lợi nhuận trước thuế tăng từ khoảng 8.200 tỷ đồng năm 2016 lên trên 43.000 tỷ đồng năm 2024 [113 - 122].

Về kết quả bảo đảm an toàn hệ thống và kiểm soát rủi ro

Giai đoạn 2015-2020, NHNN dưới sự lãnh đạo sát sao của Đảng bộ khối, Đảng ủy NHNN đã duy trì bảo đảm an toàn hệ thống ngân hàng được tăng cường rõ rệt; tỷ lệ nợ xấu toàn hệ thống được kiểm soát và duy trì dưới 2% từ năm 2017 đến 2020. Nhiều TCTD triển khai Basel II đúng lộ trình; tỷ lệ dự trữ thanh khoản bình quân đạt 18,14%, góp phần hạn chế rủi ro hệ thống và củng cố niềm tin thị trường [124]. Các NHTM tỷ lệ an toàn vốn của Agribank, BIDV, VietinBank và Vietcombank duy trì bình quân ở mức 9-10%. Từ năm 2021 trở đi, sau khi được bổ sung vốn điều lệ và nâng cao năng lực quản trị rủi ro, tỷ lệ này tăng lên khoảng 10,5-11,5%, tạo nền tảng tài chính vững chắc cho hoạt động kinh doanh an toàn, bền vững [82, 83].

Tỷ lệ nợ xấu nội bảng của các NHNN được kiểm soát chặt chẽ. Trong giai đoạn 2016-2019, nợ xấu duy trì dưới 2%; giai đoạn 2020-2021, dù chịu tác động của đại dịch, tỷ lệ nợ xấu vẫn được giữ dưới 2,5%; từ năm 2022 đến 2024, nợ xấu tiếp tục giảm, phổ biến quanh mức 1,8-2%. Việc xử lý nợ xấu

gắn chặt với tăng cường kỷ luật tín dụng, minh bạch hóa quy trình cấp tín dụng và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy và đơn vị [82, 83].

Đây là kết quả trực tiếp của sự lãnh đạo, chỉ đạo của TCCSĐ trong việc thực hiện nghiêm các nghị quyết về phòng ngừa rủi ro, kiểm soát quyền lực và xây dựng văn hóa tuân thủ trong toàn hệ thống NHNN.

Về kết quả thực hiện nhiệm vụ điều tiết và ổn định kinh tế vĩ mô

Giai đoạn 2015 – 2020, NHNN đã điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô. Giai đoạn 2016–2019, lạm phát bình quân chỉ khoảng 3,13%, thấp hơn nhiều so với giai đoạn trước. Mặt bằng lãi suất điều hành được điều chỉnh giảm 1,5–2%/năm, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối [124].

Theo báo cáo của NHNN Việt Nam giai đoạn 2020–2025 cho thấy vai trò trung tâm trong bảo đảm an toàn hệ thống và kiểm soát rủi ro được phát huy rõ nét. NHNN đã tăng cường thanh tra, giám sát theo hướng dựa trên rủi ro, triển khai giám sát an toàn vi mô và vĩ mô, kịp thời cảnh báo sớm nguy cơ mất an toàn hệ thống. Trong giai đoạn này, tỷ lệ an toàn vốn (CAR) toàn hệ thống tổ chức tín dụng duy trì trên mức tối thiểu theo quy định; thanh khoản hệ thống được bảo đảm, không xảy ra đổ vỡ mang tính dây chuyền. Năm 2025, NHNN tiếp tục chỉ đạo xử lý nợ xấu, kiểm soát tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, phối hợp tái cơ cấu các tổ chức tín dụng yếu kém, qua đó giữ vững ổn định tài chính – tiền tệ quốc gia và củng cố niềm tin thị trường.

Trong giai đoạn 2015-2020, tăng trưởng tín dụng do các ngân hàng này cung ứng duy trì ở mức 14-18%/năm, tập trung vào các lĩnh vực sản xuất – kinh doanh, xuất khẩu, nông nghiệp và doanh nghiệp nhỏ và vừa. Nhờ đó, lạm phát được kiểm soát dưới 4%/năm, tỷ giá cơ bản ổn định, góp phần củng cố niềm tin của thị trường và nhà đầu tư [82].

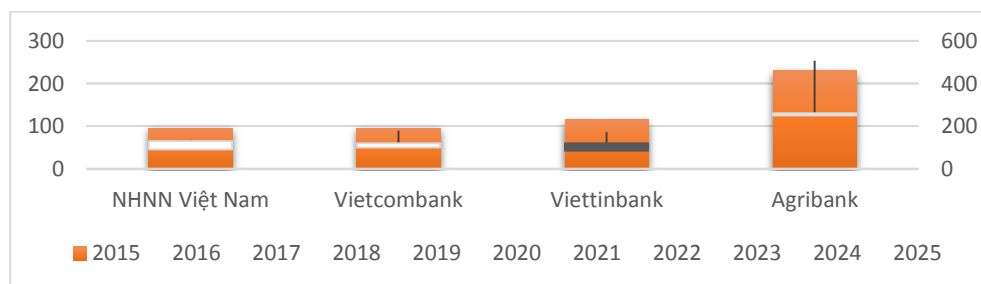
Giai đoạn 2020-2022, khi nền kinh tế chịu tác động nặng nề của đại dịch, các NHNN đã chủ động triển khai các gói hỗ trợ quy mô lớn. Trong ba

năm 2020-2022, tổng dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ và miễn, giảm lãi suất ước tính trên 800.000 tỷ đồng; hơn 5 triệu lượt khách hàng được hỗ trợ. Riêng năm 2021, tổng số tiền lãi được miễn, giảm ước khoảng 45.000 tỷ đồng, thể hiện rõ vai trò của NHNN trong việc “chia sẻ khó khăn” với nền kinh tế [83].

Về kết quả thực hiện tín dụng chính sách và bảo đảm an sinh xã hội

Trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, các NHNN, đặc biệt là Ngân hàng Chính sách xã hội, giữ vai trò then chốt trong triển khai các chương trình tín dụng chính sách và bảo đảm an sinh xã hội; đồng thời Agribank, BIDV, VietinBank và Vietcombank tích cực tham gia thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi theo chỉ đạo của Chính phủ.

Biểu đồ 3.4 - Công tác an sinh xã hội tại các TCCSD trong các đảng bộ ngân hàng nhà nước giai đoạn 2015 - 2025



Riêng tại NHNN Việt Nam, giai đoạn 2020–2025, NHNN đã phát huy vai trò Ngân hàng Trung ương trong điều hành và bảo đảm nguồn lực cho tín dụng chính sách, an sinh xã hội. NHNN chỉ đạo Ngân hàng Chính sách xã hội mở rộng dư nợ tín dụng chính sách với tốc độ tăng khoảng 9–10%/năm; đến năm 2025 đạt trên 350.000 tỷ đồng. Đồng thời, điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, ổn định lãi suất và thanh khoản, tạo điều kiện để các ngân hàng thương mại nhà nước mở rộng tín dụng ưu đãi, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm an sinh xã hội [123], [Phụ lục 16].

Đối với các ngân hàng thương mại trong big 4, giai đoạn 2015-2025, tổng nguồn vốn tín dụng chính sách được giải ngân đạt trên 700.000 tỷ đồng,

hỗ trợ gần 13 triệu lượt hộ nghèo, cận nghèo, học sinh - sinh viên, người lao động và đồng bào dân tộc thiểu số. Tỷ lệ giải ngân đúng đối tượng đạt trên 99%, tỷ lệ nợ quá hạn luôn duy trì dưới 1%, qua đó góp phần trực tiếp giảm nghèo bền vững và củng cố ổn định xã hội [82, 83].

Agribank tiếp tục giữ vai trò chủ lực trong tín dụng nông nghiệp, nông thôn. Trong giai đoạn 2015-2025, tổng dư nợ đầu tư cho lĩnh vực “tam nông” đạt trên 1,2 triệu tỷ đồng; riêng dư nợ phục vụ chương trình xây dựng nông thôn mới vượt 450.000 tỷ đồng. Đây là minh chứng rõ nét cho việc gắn kết chặt chẽ giữa nhiệm vụ kinh doanh với nhiệm vụ chính trị – xã hội của NHNN [82, 83].

Về kết quả đóng góp cho ngân sách nhà nước và nền kinh tế

Theo Báo cáo của NHNN Việt Nam, giai đoạn 2015–2020, hoạt động ngân hàng đã đóng góp tích cực cho ngân sách và nền kinh tế thông qua ổn định vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng và cải thiện môi trường kinh doanh. NHNN 5 năm liên tiếp (2015–2019) dẫn đầu chỉ số cải cách hành chính, chỉ số tiếp cận tín dụng của Việt Nam năm 2019 xếp 25/190 quốc gia, đứng thứ 2 ASEAN, tạo động lực phát triển kinh tế bền vững [124].

NHNN đã điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, tạo môi trường ổn định để các NHTM nhà nước kinh doanh hiệu quả và gia tăng đóng góp cho ngân sách. Riêng giai đoạn 2020–2025, NHNN phối hợp chặt chẽ chính sách tài khóa, ổn định lãi suất, tỷ giá, bảo đảm thanh khoản hệ thống, qua đó giúp khối NHNN duy trì mức nộp ngân sách bình quân 25.000–30.000 tỷ đồng/năm, khẳng định vai trò trụ cột tài chính của Nhà nước trong nền kinh tế [123].

Bên cạnh đó, thông qua hoạt động kinh doanh hiệu quả, Agribank, BIDV, VietinBank và Vietcombank đã đóng góp ngày càng lớn cho ngân sách nhà nước. Trong giai đoạn 2015-2025, tổng số thuế và cổ tức nộp ngân sách của các NHNN ước đạt hàng trăm nghìn tỷ đồng, trở thành một trong những nguồn thu quan trọng, ổn định cho ngân sách trung ương.

Riêng giai đoạn 2020-2025, bình quân mỗi năm các NHNN nộp ngân sách từ 25.000 đến 30.000 tỷ đồng, góp phần quan trọng bảo đảm nguồn lực cho đầu tư phát triển, an sinh xã hội và quốc phòng - an ninh. Những kết quả này tiếp tục khẳng định vai trò trụ cột của các NHNN trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa [83].

Tổng hợp thực tiễn giai đoạn 2015-2025 cho thấy, kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của ngành ngân hàng, đặc biệt trong khối các NHNN, là một ưu điểm nổi bật, thể hiện sinh động vai trò lãnh đạo của các TCCSĐ. Sự kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh doanh, bảo đảm an toàn hệ thống và thực hiện nhiệm vụ ổn định kinh tế vĩ mô đã tạo nên nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của hệ thống NHNN.

Thứ năm, uy tín chính trị của các TCCSĐ tại các NHNN ngày càng được củng cố và nâng cao.

Một trong những biểu hiện rõ nét nhất phản ánh chất lượng và uy tín của TCCSĐ trong các NHNN chính là mức độ tín nhiệm của quần chúng và người lao động đối với vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng và đội ngũ CBĐV. Trong giai đoạn 2015-2025, cùng với việc đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng thực chất, gắn chặt công tác đảng với nhiệm vụ chuyên môn, sự tín nhiệm của cán bộ, người lao động đối với TCCSĐ trong hệ thống NHNN không ngừng được củng cố và nâng cao.

Đối với NHNN Việt Nam, mức độ tín nhiệm đối với TCCSĐ được thể hiện rõ qua sự ổn định và đồng thuận cao trong đội ngũ cán bộ, công chức toàn hệ thống. Giai đoạn 2015–2020, mức độ tín nhiệm đối với các tổ chức cơ sở đảng (TCCSĐ) trong hệ thống NHNN không ngừng được củng cố và nâng cao, thể hiện rõ qua kết quả đánh giá tổ chức đảng, đảng viên và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị. Bình quân hằng năm, 78,3% TCCSĐ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, 97,7% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ, vượt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra. Đặc biệt, 02 năm liên tiếp (2018–2019), Đảng bộ cơ

quan NHNN được Ban Thường vụ Đảng ủy Khối xếp loại “hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”, phản ánh sự tín nhiệm cao của cấp trên. Việc không có tổ chức đảng vi phạm Điều lệ Đảng trong toàn nhiệm kỳ, cùng với công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên đối với 100% TCCSĐ, đã góp phần củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và xã hội đối với vai trò lãnh đạo của Đảng trong ngành ngân hàng. Đồng thời, kết quả điều hành ổn định kinh tế vĩ mô, cải cách hành chính dẫn đầu khối bộ, ngành 5 năm liên tiếp (2015–2019) tiếp tục khẳng định uy tín, vị thế và sức lan tỏa của các TCCSĐ NHNN trong hệ thống chính trị và đời sống kinh tế – xã hội [124].

Giai đoạn 2020–2025, hằng năm trên 95% tổ chức đảng trực thuộc Đảng bộ NHNN được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; tỷ lệ CBDV hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ duy trì ở mức trên 92%. Các cuộc lấy ý kiến nội bộ cho thấy đa số cán bộ đánh giá tích cực vai trò lãnh đạo của cấp ủy NHNN trong điều hành chính sách tiền tệ, quản lý hệ thống tổ chức tín dụng và giữ vững kỷ cương, kỷ luật công vụ. Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô nhiều biến động, sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong nội bộ NHNN đã góp phần củng cố niềm tin của xã hội đối với vai trò Ngân hàng Trung ương và uy tín chính trị của tổ chức đảng trong toàn ngành [123].

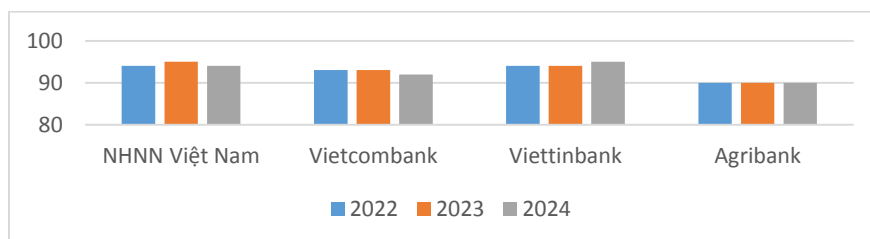
Tại Agribank, BIDV, VietinBank và Vietcombank, các TCCSĐ đã lãnh đạo xây dựng được môi trường làm việc dân chủ, kỷ cương, minh bạch, trong đó quyền lợi, nghĩa vụ và tiếng nói của người lao động được tôn trọng. Thông qua các cơ chế đối thoại định kỳ, lấy ý kiến người lao động và phát huy vai trò của công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, TCCSĐ đã tạo dựng được niềm tin chính trị và sự đồng thuận cao trong nội bộ.

Giai đoạn 2015-2025, trung bình mỗi năm tại các chi nhánh Agribank, BIDV, VietinBank và Vietcombank tổ chức từ 3 đến 5 cuộc đối thoại trực tiếp giữa cấp ủy, ban lãnh đạo với người lao động. Riêng giai đoạn 2021-2024, toàn hệ thống các ngân hàng này đã tổ chức trên 18.000 cuộc đối thoại các

cấp, tập trung vào các vấn đề về tiền lương, thu nhập, điều kiện làm việc, đào tạo, quy hoạch cán bộ và phúc lợi xã hội. Kết quả tổng hợp cho thấy trên 95% kiến nghị chính đáng của người lao động được giải quyết ngay tại cơ sở, hạn chế tối đa tình trạng khiếu nại kéo dài hoặc vượt cấp [82, 83].

Khảo sát nội bộ giai đoạn 2022-2025 tại Agribank cho thấy mức độ hài lòng của cán bộ, người lao động đối với sự lãnh đạo của TCCSĐ đạt trên 95%; tại BIDV đạt khoảng 93%; tại VietinBank đạt trên 90%; tại Vietcombank đạt xấp xỉ 94%. Đáng chú ý, các chỉ số về “niềm tin đối với cấp ủy” và “sự công bằng, minh bạch trong quản lý” đều tăng bình quân từ 10 đến 15 điểm phần trăm so với giai đoạn 2016-2018, phản ánh sự chuyển biến rõ rệt về chất trong phương thức lãnh đạo của TCCSĐ. [82, 83].

Biểu đồ 3.5 - Tỷ lệ mức độ hài lòng của cán bộ, đảng viên đối với sự lãnh đạo của TCCSĐ tại các ngân hàng nhà nước giai đoạn 2022 – 2024



Niềm tin của quần chúng còn được thể hiện qua mức độ tham gia các phong trào thi đua, các hoạt động chính trị - xã hội do TCCSĐ và các đoàn thể phát động. Trong giai đoạn 2015-2025, tỷ lệ cán bộ, người lao động tham gia các phong trào thi đua do công đoàn và đoàn thanh niên tổ chức tại các NHNN luôn đạt trên 90%. Riêng Agribank và BIDV, nhiều phong trào thu hút tới 95-97% người lao động tham gia, cho thấy sự lan tỏa mạnh mẽ của vai trò nêu gương và sức thuyết phục chính trị của đội ngũ đảng viên.

Bên cạnh sự tín nhiệm trong nội bộ, mức độ tin tưởng và đánh giá tích cực của khách hàng và xã hội là thước đo quan trọng phản ánh uy tín chính trị – xã hội của TCCSĐ trong các NHNN. Trong giai đoạn 2015–2025, Agribank, BIDV, VietinBank và Vietcombank tiếp tục giữ vai trò chủ lực trên

thị trường tài chính – ngân hàng, với quy mô khách hàng lớn nhất cả nước và mức độ bao phủ sâu rộng trên mọi vùng, miền.

Tính đến năm 2025, Agribank phục vụ trên 20 triệu khách hàng, chủ yếu tại khu vực nông nghiệp, nông thôn; BIDV có trên 15 triệu khách hàng cá nhân và doanh nghiệp; VietinBank phục vụ khoảng 13 triệu khách hàng; Vietcombank có trên 20 triệu khách hàng trong và ngoài nước. Sự gia tăng ổn định về số lượng khách hàng qua các năm phản ánh mức độ tín nhiệm cao của xã hội đối với các NHNN trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt của thị trường tài chính [83].

Trong giai đoạn đại dịch COVID-19, sự tín nhiệm của khách hàng đối với các NHNN được thể hiện rõ nét qua việc các ngân hàng này trở thành điểm tựa tài chính cho doanh nghiệp và người dân. Trong ba năm 2020-2022, Agribank, BIDV, VietinBank và Vietcombank đã thực hiện cơ cấu lại nợ, giữ nguyên nhóm nợ và miễn, giảm lãi suất với tổng dư nợ trên 800.000 tỷ đồng, hỗ trợ hơn 5 triệu lượt khách hàng. Riêng năm 2021, tổng số tiền lãi được miễn, giảm tại bốn ngân hàng ước đạt khoảng 45.000 tỷ đồng. Việc chủ động “hy sinh lợi ích ngắn hạn” để chia sẻ khó khăn với nền kinh tế đã góp phần củng cố mạnh mẽ niềm tin xã hội đối với vai trò dẫn dắt của các NHNN. [83].

Uy tín của các NHNN còn được khẳng định qua các bảng xếp hạng trong nước và quốc tế. Trong nhiều năm liên tiếp, Vietcombank, BIDV và VietinBank được xếp trong nhóm doanh nghiệp có thương hiệu giá trị nhất Việt Nam; Agribank duy trì vị trí ngân hàng có mạng lưới lớn nhất và độ phủ sâu nhất khu vực nông thôn. Những kết quả này không chỉ phản ánh hiệu quả kinh doanh mà còn là sự ghi nhận của xã hội đối với mô hình NHNN hoạt động gắn với trách nhiệm chính trị - xã hội.

Sự ghi nhận, đánh giá của cấp ủy cấp trên là tiêu chí quan trọng phản ánh chất lượng lãnh đạo và sức chiến đấu của TCCSĐ trong các NHNN. Trong giai đoạn 2015 - 2025, các TCCSĐ tại Agribank, BIDV, VietinBank và Vietcombank thường xuyên được cấp trên đánh giá cao về năng lực lãnh đạo

thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng và vai trò nêu gương của đội ngũ CBĐV.

Thống kê giai đoạn 2015-2025 cho thấy, bình quân mỗi năm trên 85% TCCSĐ trong hệ thống các NHNN được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; trong đó khoảng 25-30% đạt danh hiệu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Riêng tại BIDV và Vietcombank, tỷ lệ TCCSĐ đạt danh hiệu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong các năm cao điểm 2022-2024 đạt trên 30% [83].

Tại Agribank, giai đoạn 2020-2024, trên 90% TCCSĐ được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó khoảng 28% hoàn thành xuất sắc. Các TCCSĐ của Agribank được cấp trên ghi nhận là đã lãnh đạo hiệu quả việc thực hiện nhiệm vụ chính trị nặng nề trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, gắn phát triển tín dụng với xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững [83].

Vietcombank liên tục được ghi nhận là đơn vị dẫn đầu về chất lượng TCCSĐ gắn với hiệu quả kinh doanh. Trong nhiều năm, tỷ lệ TCCSĐ hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ tại Vietcombank đạt trên 90%; riêng các năm 2022-2024, tỷ lệ hoàn thành xuất sắc đạt khoảng 32-35%. Cấp trên đánh giá cao vai trò nêu gương của cấp ủy và đội ngũ CBĐV Vietcombank trong việc kết hợp hài hòa giữa hiệu quả kinh doanh và kỷ luật chính trị [83].

3.1.2. Những hạn chế, khuyết điểm

Thứ nhất, việc quán triệt nghị quyết của cấp trên, cụ thể hóa thành nghị quyết của cấp mình và tổ chức thực hiện nghị quyết gắn với chuyên môn ngành ngân hàng vẫn còn nặng về hình thức và chậm được triển khai ở một số TCCSĐ.

Ở phạm vi NHNN Việt Nam, báo cáo giai đoạn 2020–2025 cũng chỉ ra những hạn chế nhất định trong khâu quán triệt và cụ thể hóa nghị quyết. Thực tế cho thấy vẫn còn khoảng 15–18% chi bộ, đơn vị trực thuộc NHNN triển khai quán triệt nghị quyết chậm so với yêu cầu, nhất là các nghị quyết liên quan đến đổi mới điều hành chính sách tiền tệ, chuyển đổi số và cải cách thủ

tục hành chính. Một số kế hoạch hành động còn mang tính khung, thiếu chỉ tiêu định lượng cụ thể, làm giảm hiệu lực dẫn dắt của nghị quyết đối với hoạt động chuyên môn của Ngân hàng Trung ương [123].

Ở nhiều TCCSĐ, nội dung quán triệt nghị quyết còn nặng về tính lý luận chung, chưa chú trọng làm rõ mối quan hệ giữa chủ trương, đường lối của Đảng với các vấn đề thực tiễn đang đặt ra trong hoạt động ngân hàng như kiểm soát rủi ro tín dụng, xử lý nợ xấu, cơ cấu lại danh mục tín dụng, chuyển đổi mô hình tăng trưởng hay phát triển ngân hàng số. Thực tế cho thấy, tại Agribank, qua các đợt đánh giá chất lượng sinh hoạt chi bộ giai đoạn 2019–2024, có khoảng gần 20% chi bộ phản ánh việc quán triệt nghị quyết chưa gắn chặt với nhiệm vụ kinh doanh tại đơn vị, khiến đảng viên gặp khó khăn trong việc vận dụng nghị quyết vào công việc hằng ngày.

Tình trạng tương tự cũng xuất hiện tại BIDV, nơi có quy mô tổ chức đảng lớn với hơn một nghìn chi bộ trực thuộc. Trong các báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng giai đoạn 2020-2025, vẫn ghi nhận khoảng 14-15% chi bộ chưa tổ chức được các buổi sinh hoạt chuyên đề để làm rõ nội dung nghị quyết gắn với chuyển đổi số, quản trị theo chuẩn mực quốc tế và nâng cao năng lực cạnh tranh. Việc quán triệt nghị quyết trong những trường hợp này mang tính phổ biến, đại trà, thiếu chiều sâu phân tích theo từng khối nghiệp vụ, từng nhóm CBDV, làm giảm hiệu quả định hướng chính trị đối với hoạt động chuyên môn. Ngoài ra, tính kịp thời trong việc quán triệt và cụ thể hóa nghị quyết của cấp trên ở một số TCCSĐ còn chưa bảo đảm. Có những nghị quyết quan trọng của Trung ương; Đảng ủy Khối các doanh nghiệp Trung ương; Đảng ủy Chính phủ và hiện nay là Đảng ủy ngân hàng Trung ương ban hành trong bối cảnh kinh tế - tài chính biến động nhanh, nhưng quá trình triển khai quán triệt ở cơ sở lại diễn ra chậm, làm giảm đáng kể tính thời sự và hiệu lực định hướng. Thống kê tại VietinBank cho thấy, trong giai đoạn 2015-2020, có khoảng trên 20% chi bộ cơ sở tổ chức quán triệt nghị quyết

chậm từ ba đến sáu tháng so với thời điểm nghị quyết có hiệu lực, đặc biệt đối với các nghị quyết liên quan đến tái cơ cấu hệ thống ngân hàng và chuyển đổi mô hình quản trị [59].

Việc chậm trễ trong quán triệt nghị quyết kéo theo hệ quả là quá trình cụ thể hóa nghị quyết của cấp trên thành nghị quyết, chương trình hành động của cấp mình cũng bị giãn tiến độ. Ở một số đơn vị, nghị quyết cấp trên ban hành nhưng phải mất nhiều tháng sau mới được chuyển hóa thành các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ cụ thể ở cấp chi bộ, đảng bộ cơ sở. Điều này khiến nghị quyết mất đi vai trò dẫn dắt kịp thời đối với hoạt động chuyên môn, nhất là trong bối cảnh ngành ngân hàng chịu tác động trực tiếp của các chính sách tiền tệ, tài khóa và biến động thị trường tài chính trong nước, quốc tế.

Bên cạnh vấn đề chậm về thời gian, chất lượng nội dung cụ thể hóa nghị quyết của cấp trên ở một số TCCSĐ còn chưa cao, biểu hiện ở tình trạng sao chép, rập khuôn hoặc diễn giải lại nghị quyết cấp trên mà chưa xuất phát đầy đủ từ đặc thù hoạt động của từng ngân hàng, từng đơn vị trực thuộc. Thực tế tại BIDV cho thấy, mặc dù tỷ lệ ban hành nghị quyết, chương trình hành động của cấp cơ sở đạt trên 95% hàng năm, nhưng trong các đợt rà soát nội dung nghị quyết giai đoạn 2020-2025, vẫn có khoảng 12% nghị quyết bị đánh giá là thiếu giải pháp cụ thể, chưa xác định rõ trọng tâm, trọng điểm và chưa lượng hóa được các chỉ tiêu gắn với nhiệm vụ kinh doanh [64].

Số liệu tổng hợp giai đoạn 2020-2024 cho thấy, tại Agribank, chỉ khoảng 58-60% nghị quyết chuyên đề của chi bộ cơ sở có nội dung gắn trực tiếp với nhiệm vụ chuyên môn cụ thể của đơn vị; tại BIDV, tỷ lệ này đạt khoảng 63%; tại VietinBank khoảng 61% và tại Vietcombank khoảng 66%. Phần còn lại của các nghị quyết chủ yếu tập trung vào công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ hoặc sinh hoạt nội bộ, trong khi nội dung lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh doanh chưa được cụ thể hóa rõ ràng [64].

Hạn chế này phản ánh một thực tế là vai trò lãnh đạo toàn diện của TCCSD đối với hoạt động ngân hàng tuy đã được khẳng định về mặt nguyên tắc, nhưng trong thực tiễn triển khai vẫn chưa được cụ thể hóa đầy đủ thông qua nghị quyết. Ở một số đơn vị, việc xây dựng nghị quyết còn mang nặng tư duy “hành chính hóa” công tác Đảng, thiếu sự đầu tư nghiên cứu sâu về nghiệp vụ ngân hàng và những yêu cầu mới đặt ra trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

Năng lực của đội ngũ cấp ủy viên cơ sở cũng là một yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ đúng đắn của việc quán triệt và cụ thể hóa nghị quyết. Ngành ngân hàng là lĩnh vực có hàm lượng tri thức cao, biến động nhanh và chịu sự chi phối của nhiều chuẩn mực quốc tế, song trên thực tế, vẫn còn một bộ phận cấp ủy viên chưa được đào tạo bài bản về quản trị ngân hàng hiện đại hoặc chưa được cập nhật đầy đủ kiến thức mới về tài chính số, ngân hàng số, quản trị rủi ro theo chuẩn cơ bản trong lĩnh vực ngân hàng. Theo các báo cáo đánh giá cán bộ giai đoạn 2020-2025, tại bốn ngân hàng nêu trên, vẫn còn khoảng 18-22% cấp ủy viên cơ sở hạn chế về khả năng phân tích, dự báo và cụ thể hóa nghị quyết gắn với nhiệm vụ chuyên môn.

Việc tổ chức thực hiện nghị quyết sau quán triệt ở một số TCCSD cũng còn bộc lộ những hạn chế nhất định. Không ít nghị quyết sau khi ban hành chưa được triển khai bằng các kế hoạch hành động cụ thể, thiếu cơ chế theo dõi, đôn đốc và đánh giá kết quả thực hiện. Thống kê giai đoạn 2020-2025 cho thấy, tại Agribank có khoảng 19% nghị quyết của chi bộ cơ sở chưa được sơ kết, đánh giá đúng thời hạn; tại VietinBank khoảng 16%; tại BIDV khoảng 14% và tại Vietcombank khoảng 12% [48, 62, 67].

Việc thiếu sơ kết, tổng kết kịp thời làm cho những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai nghị quyết không được phát hiện sớm để điều chỉnh, đồng thời làm giảm tính ràng buộc trách nhiệm của tập thể và cá nhân trong thực hiện nghị quyết. Ở một số đơn vị, nghị quyết được ban hành nhưng

việc thực hiện lại phụ thuộc nhiều vào ý thức tự giác của từng cá nhân, thiếu sự kiểm soát chặt chẽ của tổ chức đảng.

Một hạn chế đáng lưu ý khác là mối quan hệ giữa nghị quyết của TCCSĐ với cơ chế quản trị, điều hành doanh nghiệp ngân hàng ở một số nơi chưa thật sự gắn kết. Nghị quyết của chi bộ, đảng bộ cơ sở chưa được tích hợp đầy đủ vào kế hoạch kinh doanh, kế hoạch quản trị rủi ro hoặc hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả công việc. Trong giai đoạn 2021-2023, chỉ khoảng 65-70% nghị quyết chuyên đề tại Agribank và VietinBank được cụ thể hóa thành các chỉ tiêu quản trị hoặc KPI; tại BIDV và Vietcombank, tỷ lệ này dao động từ 72-75% [48, 62, 67, 83].

Thứ hai, công tác củng cố, xây dựng TCCSĐ còn một số mặt vẫn mang tính hình thức, hiệu quả chưa cao.

Trong giai đoạn 2015-2025, công tác củng cố, xây dựng TCCSĐ trong sạch, vững mạnh tại các NHNN đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực tài chính - tiền tệ then chốt của nền kinh tế. Tuy nhiên, nếu tiếp cận từ góc độ đánh giá chất lượng thực chất và tính bền vững của TCCSĐ, có thể thấy vẫn còn tồn tại không ít kết quả chưa đạt yêu cầu, thể hiện trên nhiều phương diện khác nhau, từ chất lượng tổ chức, năng lực lãnh đạo, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị đến việc chấp hành và vận hành các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng trong môi trường doanh nghiệp ngân hàng có tính đặc thù cao.

Trong giai đoạn 2015–2025, hệ thống TCCSĐ trực thuộc NHNN Việt Nam từng bước được kiện toàn, song chất lượng chưa thật sự đồng đều. Báo cáo tổng hợp cho thấy hằng năm vẫn còn khoảng 6–8% TCCSĐ chỉ được xếp loại “hoàn thành nhiệm vụ”, tập trung ở các đơn vị có biến động tổ chức, nhân sự hoặc khối lượng công việc chuyên môn lớn [123]. Một số chi bộ có quy mô chưa hợp lý, ảnh hưởng đến chất lượng sinh hoạt và năng lực lãnh đạo toàn diện.

Tại Agribank, mỗi năm có từ 6 đến 9 TCCSĐ chỉ được xếp loại hoàn thành nhiệm vụ; cộng dồn cả giai đoạn có trên 30 lượt TCCSĐ chưa đạt mức hoàn thành tốt. Tại BIDV, số tổ TCCSĐ hoàn thành nhiệm vụ nhưng chưa đạt mức tốt dao động từ 8 đến 11 tổ chức mỗi năm, tập trung chủ yếu ở các chi nhánh có biến động lớn về nhân sự lãnh đạo, địa bàn hoạt động phức tạp hoặc áp lực cao về chỉ tiêu kinh doanh. VietinBank ghi nhận khoảng 10-13 TCCSĐ mỗi năm chưa đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ; Vietcombank tuy có số lượng thấp hơn nhưng trong cả giai đoạn vẫn có trên 15 lượt TCCSĐ bị xếp loại hoàn thành nhiệm vụ [48, 62, 67, 83].

Những con số này cho thấy chất lượng TCCSĐ chưa thật sự đồng đều trong toàn hệ thống NHNN. Mặc dù tỷ lệ TCCSĐ hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chiếm đa số, nhưng sự tồn tại thường xuyên của các TCCSĐ chưa đạt mức hoàn thành tốt cho thấy còn tồn tại “vùng trũng” về năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu và khả năng thích ứng của tổ chức đảng trước những yêu cầu mới của hoạt động ngân hàng. Đây không phải là hiện tượng nhất thời, mà mang tính lặp lại qua nhiều năm, phản ánh hạn chế mang tính cấu trúc trong công tác củng cố TCCSĐ.

Trong công tác xây dựng TCCSĐ về chính trị, tư tưởng, mặc dù việc học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng được triển khai thường xuyên, tỷ lệ tham gia cao, nhưng kết quả đánh giá chiều sâu nhận thức và khả năng vận dụng nghị quyết vào thực tiễn còn chưa đồng đều. Qua các đợt kiểm tra công tác chính trị tư tưởng giai đoạn 2020-2025, tại Agribank có trên 40 chi bộ được nhận xét là chưa gắn nội dung học tập nghị quyết với nhiệm vụ chuyên môn cụ thể của đơn vị [48]. BIDV ghi nhận khoảng 35 chi bộ trong toàn hệ thống có nội dung sinh hoạt chính trị tư tưởng còn chung chung, thiếu liên hệ trực tiếp với các vấn đề then chốt của hoạt động ngân hàng như quản trị rủi ro tín dụng, đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động cho vay, hay trách nhiệm chính trị trong xử lý nợ xấu [68]. Tại VietinBank, số chi bộ bị nhắc nhở về

chất lượng sinh hoạt chính trị tư tưởng lên tới gần 50 chi bộ trong cả giai đoạn; Vietcombank có trên 20 chi bộ chưa bảo đảm yêu cầu đổi mới nội dung sinh hoạt theo hướng thực chất [62].

Một biểu hiện cụ thể khác của kết quả chưa đạt trong xây dựng TCCSD về tư tưởng là việc không bảo đảm đầy đủ sinh hoạt chuyên đề theo hướng dẫn. Thống kê trong giai đoạn 2020-2025 cho thấy, Agribank có trên 120 lượt chi bộ không tổ chức đủ số buổi sinh hoạt chuyên đề trong năm; BIDV có gần 90 lượt chi bộ; VietinBank có trên 100 lượt chi bộ; Vietcombank ghi nhận hơn 60 lượt chi bộ phải bổ sung, tổ chức bù sinh hoạt chuyên đề. Việc không duy trì đầy đủ sinh hoạt chuyên đề phản ánh sự thiếu chủ động của một bộ phận chi bộ trong đổi mới nội dung, phương thức sinh hoạt, đồng thời cho thấy công tác KT, GS việc thực hiện sinh hoạt chi bộ ở một số nơi chưa thật sự chặt chẽ [48, 62, 67, 83].

Trong công tác xây dựng TCCSD về đạo đức, những kết quả chưa đạt thể hiện rõ qua số lượng đảng viên và tổ chức đảng bị xử lý kỷ luật. Trong giai đoạn 2015 - 2025, toàn hệ thống bốn NHNN đã xử lý gần 900 trường hợp vi phạm kỷ luật Đảng. Riêng Agribank có trên 300 trường hợp đảng viên bị kỷ luật; BIDV có hơn 230 trường hợp; VietinBank có trên 250 trường hợp; Vietcombank có gần 110 trường hợp. Mặc dù số lượng vi phạm này chiếm tỷ lệ không lớn so với tổng số đảng viên, nhưng việc các vi phạm chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực nhạy cảm như tín dụng, quản lý tài sản, vi phạm quy trình nghiệp vụ và chuẩn mực đạo đức công vụ cho thấy hiệu quả xây dựng TCCSD về đạo đức chưa thật sự bền vững [48, 62, 67, 83].

Trong công tác củng cố TCCSD về tổ chức, kết quả chưa đạt còn thể hiện ở việc vẫn tồn tại nhiều chi bộ có quy mô và cơ cấu chưa hợp lý. Tại Agribank và VietinBank, trong giai đoạn 2020-2024, mỗi ngân hàng còn duy trì trên 70 chi bộ có quy mô trên 50 đảng viên, gây khó khăn cho việc tổ chức sinh hoạt bảo đảm chất lượng, phát huy đầy đủ vai trò của từng đảng viên

trong sinh hoạt chi bộ [47, 63]. Ngược lại, ở các đơn vị mới thành lập hoặc đơn vị chuyên môn đặc thù, mỗi ngân hàng vẫn còn trên 40 chi bộ chỉ có từ 3 đến 5 đảng viên, ảnh hưởng đến năng lực lãnh đạo toàn diện của tổ chức đảng, nhất là trong việc phân công nhiệm vụ, xây dựng cấp ủy và đào tạo nguồn cán bộ kế cận. BIDV và Vietcombank tuy đã có nhiều nỗ lực khắc phục nhưng mỗi ngân hàng vẫn còn trên 30 chi bộ có quy mô, cơ cấu chưa thật sự hợp lý [69, 83].

Việc thực hiện các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, đặc biệt là nguyên tắc tập trung dân chủ, ở một số TCCSĐ chưa đạt yêu cầu. Giai đoạn 2020-2025, tại Đảng bộ NHNN Việt Nam, qua ra soát hồ sơ sinh hoạt đảng, khoảng 12 – 15% chi bộ còn biểu hiện thảo luận hình thức, nội dung kiểm điểm cá nhân chung chung, chưa gắn rõ trách nhiệm với kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý tiền tệ, thanh tra, giám sát ngân hàng, làm giảm tính chiến đấu của sinh hoạt đảng [123], [Phụ lục 16].

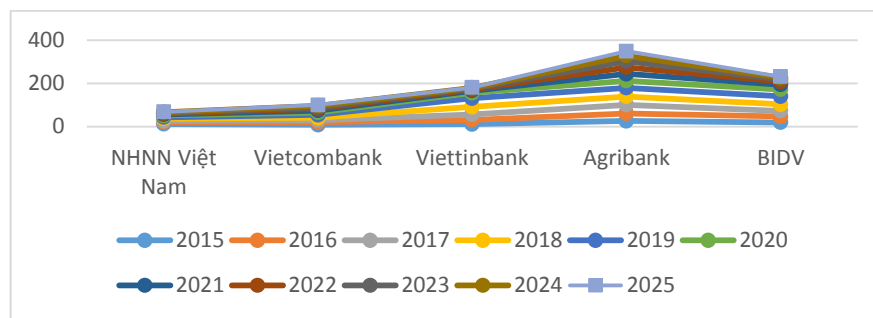
Tại Agribank có trên 90 lượt chi bộ bị nhắc nhở về chất lượng thảo luận, biểu quyết trong sinh hoạt cấp ủy; BIDV có gần 70 lượt; VietinBank có trên 80 lượt; Vietcombank có hơn 50 lượt [48, 62, 67, 83]. Các tồn tại chủ yếu là chuẩn bị nội dung họp chưa kỹ, thảo luận còn hình thức, chưa phát huy đầy đủ trách nhiệm và vai trò phản biện của từng cấp ủy viên, dẫn đến hiệu quả lãnh đạo tập thể chưa cao.

Nguyên tắc tự phê bình và phê bình tuy được duy trì thường xuyên nhưng kết quả đạt được chưa thật sự tương xứng với yêu cầu về tính chiến đấu. Thống kê các biên bản kiểm điểm cho thấy, tại Agribank, mỗi năm có trên 200 bản kiểm điểm cá nhân được đánh giá là chưa đi vào trọng tâm; BIDV có khoảng 150 bản; VietinBank có trên 180 bản; Vietcombank có gần 100 bản. Nội dung tự phê bình còn mang tính chung chung, né tránh, ít chỉ ra rõ trách nhiệm cá nhân gắn với kết quả lãnh đạo, quản lý và thực hiện nhiệm

vụ chính trị, chuyên môn, làm giảm hiệu quả chỉnh đốn tổ chức đảng từ bên trong [48, 62, 67, 83].

Chất lượng sinh hoạt chi bộ tiếp tục là khâu bộc lộ rõ những kết quả chưa đạt trong củng cố TCCSĐ. Năm 2024, tại Agribank có trên 250 lượt chi bộ bị nhận xét sinh hoạt “chưa sâu”; BIDV có gần 200 lượt; VietinBank có trên 220 lượt; Vietcombank có khoảng 150 lượt. Những hạn chế phổ biến là nội dung sinh hoạt chưa sát thực tiễn hoạt động ngân hàng, thời gian sinh hoạt ngắn, thiếu thảo luận, hoặc thiên về chuyên môn mà xem nhẹ công tác xây dựng Đảng, làm giảm vai trò hạt nhân chính trị của chi bộ tại cơ sở [48, 62, 67, 83].

Biểu đồ 3.6 - Số lượng đảng viên vi phạm kỷ luật đảng tại các TCCSĐ trong các đảng bộ NHNN giai đoạn 2015 - 2025



Tại Đảng bộ Agribank chỉ có khoảng 70 TCCSĐ được kiểm tra chuyên đề về xây dựng Đảng; BIDV có khoảng 80 tổ chức; VietinBank có gần 75 tổ chức; Vietcombank có khoảng 85 tổ chức. So với tổng số TCCSĐ trong mỗi hệ thống, phạm vi kiểm tra, giám sát như vậy chưa bao quát đầy đủ, dẫn đến một số tồn tại, hạn chế kéo dài qua nhiều năm mới được phát hiện và chấn chỉnh [48, 62, 67, 83].

Thứ ba, kết quả rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực công tác chuyên môn của một số cấp ủy và đội ngũ cán bộ, đảng viên vẫn chưa ngang tầm với yêu cầu của thực tiễn

Trong giai đoạn 2015-2025, cùng với quá trình củng cố, xây dựng TCCSĐ, công tác rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và năng lực công tác chuyên môn của cấp ủy và đội ngũ CBDV trong các NHNN đã được

quan tâm triển khai tương đối đồng bộ. Tuy nhiên, khi đặt trong yêu cầu ngày càng cao của nhiệm vụ chính trị, yêu cầu quản trị ngân hàng hiện đại và áp lực từ cơ chế thị trường, có thể nhận thấy kết quả rèn luyện của cấp ủy và đội ngũ CBDV vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, thể hiện ở cả nhận thức chính trị, chuẩn mực đạo đức, lối sống và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.

Trước hết, đối với cấp ủy, kết quả rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và năng lực công tác chuyên môn của đội ngũ cấp ủy trong hệ thống các NHNN, dù có chuyển biến tích cực, nhưng nhìn chung vẫn chưa ngang tầm với yêu cầu của thực tiễn quản lý ngân hàng hiện đại, hội nhập sâu rộng và biến động nhanh.

Đối với Đảng bộ NHNN Việt Nam, báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng giai đoạn 2020–2025 cho thấy vẫn còn khoảng 15–18% cấp ủy viên cơ sở được đánh giá hạn chế về năng lực tham mưu, dự báo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ, nhất là trong các lĩnh vực chuyên sâu như điều hành chính sách tiền tệ, thanh tra, giám sát an toàn hệ thống và quản lý rủi ro vĩ mô. Trong giai đoạn 2015–2025, toàn Đảng bộ NHNN đã xử lý kỷ luật trên 300 trường hợp đảng viên, trong đó tỷ lệ cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý chiếm khoảng 35–40%. Các vi phạm chủ yếu liên quan đến trách nhiệm nêu gương, chấp hành kỷ luật công vụ và quy trình chuyên môn, phản ánh việc rèn luyện đạo đức và ý thức tuân thủ ở một bộ phận cấp ủy chưa bền vững [123].

Tại Đảng bộ Agribank, nhiệm kỳ 2020–2025 ghi nhận mỗi năm vẫn có khoảng 20% cấp ủy viên cơ sở gặp hạn chế trong việc cụ thể hóa nghị quyết gắn với quản trị tín dụng, kiểm soát rủi ro và đạo đức nghề nghiệp trong cho vay nông nghiệp, nông thôn. Giai đoạn 2015–2025, Agribank có trên 160 trường hợp cán bộ quản lý là đảng viên bị xử lý kỷ luật, cho thấy việc rèn luyện phẩm chất đạo đức và năng lực kiểm soát quyền lực của một bộ phận cấp ủy chưa theo kịp yêu cầu quản trị ngân hàng an toàn, minh bạch [47, 48].

Đối với Đảng bộ BIDV, các báo cáo đánh giá cán bộ giai đoạn 2020–2024 cho thấy khoảng 14–16% cấp ủy viên còn hạn chế về năng lực lãnh đạo đổi mới, chuyển đổi số và quản trị theo chuẩn mực quốc tế. Trong cùng giai đoạn, BIDV đã xử lý gần 120 trường hợp cán bộ lãnh đạo, quản lý vi phạm kỷ luật Đảng, chủ yếu liên quan đến trách nhiệm cá nhân, quản lý tín dụng và tuân thủ quy trình nghiệp vụ [67, 70].

Những con số trên cho thấy, dù đa số cấp ủy viên giữ vững bản lĩnh chính trị và tinh thần trách nhiệm, song vẫn tồn tại một bộ phận chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu ngày càng cao của thực tiễn. Đây là hạn chế mang tính cơ cấu, đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện đạo đức công vụ và năng lực chuyên môn cho đội ngũ cấp ủy trong toàn hệ thống NHNN.

Đối với đội ngũ CBDV, về rèn luyện phẩm chất chính trị, một bộ phận CBDV chưa thể hiện rõ vai trò tiên phong, gương mẫu trong việc quán triệt và thực hiện nghiêm các chủ trương, nghị quyết của Đảng gắn với nhiệm vụ chuyên môn ngành ngân hàng. Mặc dù tỷ lệ tham gia học tập nghị quyết hằng năm đạt cao, song kết quả đánh giá sau học tập cho thấy vẫn tồn tại số lượng không nhỏ đảng viên chưa vận dụng tốt nghị quyết vào công việc thực tiễn. Trong giai đoạn 2020-2025, tại Agribank có trên 1.800 lượt đảng viên được nhận xét “nhận thức chính trị còn thụ động, chưa chủ động đề xuất giải pháp thực hiện nghị quyết trong lĩnh vực được phân công” [48]. BIDV ghi nhận trên 1.200 lượt đảng viên có biểu hiện tiếp thu nghị quyết mang tính hình thức [70]; VietinBank có trên 1.500 lượt [29]; VBSB có gần 900 lượt đảng viên chưa thể hiện rõ vai trò nêu gương chính trị trong thực hiện nhiệm vụ [46].

Hạn chế này thể hiện rõ hơn ở đội ngũ cán bộ quản lý, lãnh đạo cấp cơ sở. Thực tế cho thấy, trong một số trường hợp, cán bộ lãnh đạo chưa thực sự là trung tâm quy tụ về bản lĩnh chính trị, thiếu tính quyết đoán và dám chịu trách nhiệm trước những vấn đề khó, nhạy cảm trong hoạt động tín dụng, đầu

tư, xử lý nợ xấu hoặc quản trị rủi ro. Giai đoạn 2020-2025, tại VietinBank có trên 300 lượt cán bộ quản lý bị nhắc nhở do chậm triển khai hoặc triển khai thiếu quyết liệt các chủ trương mới của Đảng gắn với tái cơ cấu ngân hàng [64]. Agribank ghi nhận trên 420 lượt trường hợp tương tự [48]; BIDV có gần 280 lượt; VBSB có hơn 190 lượt [46]. Điều này cho thấy kết quả rèn luyện bản lĩnh chính trị của một bộ phận CBDV, nhất là cán bộ quản lý, chưa đáp ứng yêu cầu trong điều kiện môi trường kinh doanh biến động nhanh.

Về rèn luyện đạo đức, lối sống, mặc dù các NHNN đã ban hành đầy đủ hệ thống chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và quy định về trách nhiệm nêu gương, song kết quả thực tế vẫn còn những biểu hiện đáng lo ngại. Trong giai đoạn 2016–2025, bốn NHNN đã xử lý gần 900 trường hợp đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng, trong đó phần lớn liên quan trực tiếp đến vi phạm đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp và lối sống. Riêng Agribank có trên 300 trường hợp; BIDV hơn 230 trường hợp; VietinBank trên 250 trường hợp; Vietcombank gần 110 trường hợp [48, 70, 64]. Những con số này phản ánh việc rèn luyện đạo đức, lối sống của một bộ phận đảng viên chưa đạt yêu cầu, chưa tương xứng với vai trò, vị trí công tác trong lĩnh vực nhạy cảm về tài chính – tiền tệ.

Đáng chú ý, số lượng CBDV vi phạm kỷ luật chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số các trường hợp bị xử lý. Trong giai đoạn 2015 - 2025, Agribank có hơn 320 CBDV bị xử lý kỷ luật; VietinBank có trên 170 trường hợp; BIDV 210 trường hợp; Vietcombank 92 trường hợp [Phụ lục 05]. Các vi phạm tập trung chủ yếu ở lĩnh vực tín dụng, quản lý tài sản, vi phạm quy trình nghiệp vụ, lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong thực thi công vụ. Điều này cho thấy việc rèn luyện đạo đức, lối sống và trách nhiệm nêu gương của CBDV, nhất là CBDV giữ vai trò lãnh đạo, quản lý ở một số đơn vị chưa đạt yêu cầu, làm suy giảm uy tín của tổ chức đảng và ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường văn hóa nội bộ.

Trong sinh hoạt chi bộ, việc giáo dục đạo đức, lối sống cho CBDV ở một số nơi còn mang tính hình thức. Giai đoạn 2020-2025, tại Agribank có

trên 350 lượt chi bộ bị nhắc nhở do nội dung sinh hoạt về đạo đức, lối sống còn chung chung, thiếu liên hệ với các tình huống cụ thể trong hoạt động ngân hàng [48]. BIDV ghi nhận gần 260 lượt chi bộ [70]; VietinBank có trên 300 lượt [64]. Việc thiếu các nội dung sinh hoạt chuyên sâu về đạo đức nghề nghiệp, phòng ngừa tiêu cực trong hoạt động tín dụng và quản lý tài sản làm giảm hiệu quả rèn luyện đạo đức, lối sống của đội ngũ CBĐV.

Về rèn luyện năng lực công tác chuyên môn, mặc dù đội ngũ CBĐV trong các NHNN có trình độ đào tạo tương đối cao, song năng lực thực tiễn, nhất là trong bối cảnh chuyển đổi số, quản trị ngân hàng hiện đại và hội nhập quốc tế, vẫn còn những hạn chế rõ nét. Thống kê giai đoạn 2020-2024 cho thấy, tại Agribank có trên 2.500 lượt CBĐV được đánh giá “chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu công việc sau đào tạo”; BIDV có gần 1.900 lượt; VietinBank có trên 2.100 lượt; Vietcombank có khoảng 1.300 lượt [37]. Điều này phản ánh khoảng cách nhất định giữa đào tạo, bồi dưỡng với yêu cầu thực tiễn của công việc.

Hạn chế về năng lực chuyên môn thể hiện rõ ở một bộ phận CBĐV lớn tuổi hoặc cán bộ được đào tạo theo mô hình cũ, chưa theo kịp yêu cầu về công nghệ ngân hàng số, quản trị dữ liệu, phân tích rủi ro và tuân thủ các chuẩn mực quốc tế. Trong giai đoạn 2020-2024, tại Agribank có trên 1.100 lượt CBĐV được xếp loại “hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực công nghệ”; BIDV có gần 800 lượt; VietinBank có trên 900 lượt; Vietcombank có khoảng 600 lượt [37]. Việc chậm thích ứng về năng lực chuyên môn không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả công việc cá nhân mà còn tác động đến chất lượng thực hiện nhiệm vụ chính trị của TCCSĐ.

Thứ tư, kết quả lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị ngành ngân hàng (kết quả kinh doanh tạo ra lợi nhuận, kết quả đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô...) vẫn còn nhiều hạn chế và chưa đạt được mục tiêu đặt ra so với thực tiễn

Thực tiễn giai đoạn 2015–2025 cho thấy, mặc dù NHNN Việt Nam đã nỗ lực lãnh đạo, chỉ đạo toàn ngành thực hiện nhiệm vụ chính trị trọng yếu là

ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm an toàn hệ thống và hỗ trợ tăng trưởng, song kết quả đạt được vẫn bộc lộ không ít hạn chế so với mục tiêu đề ra và yêu cầu của thực tiễn phát triển.

Trước hết, về điều hành chính sách tiền tệ gắn với ổn định kinh tế vĩ mô, các báo cáo của NHNN cho thấy trong nhiều thời điểm, việc cân đối giữa mục tiêu kiểm soát lạm phát và hỗ trợ tăng trưởng còn gặp khó khăn. Giai đoạn 2020–2022, tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống có năm chỉ đạt khoảng 12–13%, thấp hơn mục tiêu định hướng 14–15% do NHNN đề ra, trong khi áp lực lạm phát và biến động tỷ giá gia tăng mạnh dưới tác động của đại dịch COVID-19 và thắt chặt tiền tệ toàn cầu. Năm 2022, lạm phát bình quân đạt trên 3,1%, tuy vẫn trong ngưỡng Quốc hội cho phép, nhưng biên độ điều hành chính sách tiền tệ bị thu hẹp đáng kể, làm giảm dư địa hỗ trợ phục hồi sản xuất, kinh doanh [123].

Về kết quả lãnh đạo hệ thống NHTM nhà nước trong tạo lập lợi nhuận và xử lý các tồn tại cơ cấu, báo cáo NHNN giai đoạn 2021–2024 cho thấy nợ xấu tiềm ẩn, bao gồm nợ cơ cấu lại theo các thông tư hỗ trợ, có thời điểm lên tới 7–8% tổng dư nợ toàn hệ thống, gây áp lực lớn đối với an toàn tài chính và hiệu quả kinh doanh. Tiến độ xử lý các ngân hàng yếu kém và các tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt vẫn chậm so với lộ trình đề ra; đến hết năm 2024, vẫn còn một số tổ chức tín dụng yếu kém chưa hoàn tất phương án xử lý triệt để [123].

Về kết quả kinh doanh và tạo lập nguồn lực tài chính, hạn chế trước hết thể hiện ở việc hiệu quả sinh lời của các NHNN chưa thật sự tương xứng với quy mô tổng tài sản, vốn chủ sở hữu và mạng lưới hoạt động. Trong giai đoạn 2020–2024, mặc dù tổng lợi nhuận trước thuế của bốn ngân hàng tăng từ khoảng 36.000 tỷ đồng lên trên 70.000 tỷ đồng, song mức tăng này phần lớn đến từ mở rộng quy mô tín dụng và cải thiện tạm thời chất lượng tài sản sau tái cơ cấu, hơn là từ đổi mới mô hình kinh doanh hoặc nâng cao năng suất lao động [37]. Riêng Agribank, với hàng chục nghìn cán bộ và mạng lưới lớn nhất hệ thống, lợi nhuận trước thuế

hiều năm chỉ dao động quanh mức 7.000-10.000 tỷ đồng, phản ánh gánh nặng chi phí vận hành lớn và hiệu quả khai thác nguồn lực còn hạn chế [82, 83].

**Biểu đồ 3.7 - Tỷ lệ nợ xấu của các NHTM nhà nước
giai đoạn 2015 - 2025**



Tại BIDV và VietinBank, mặc dù lợi nhuận trước thuế tăng nhanh trong giai đoạn 2016–2019, song số tiền trích lập dự phòng rủi ro tín dụng mỗi năm lên tới hàng chục nghìn tỷ đồng đã làm giảm đáng kể lợi nhuận thực giữ lại. Có những năm, tổng chi phí dự phòng của mỗi ngân hàng xấp xỉ hoặc vượt 50% lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh, phản ánh chất lượng tín dụng chưa thật sự bền vững, đặc biệt ở các khoản cho vay trung – dài hạn, dự án hạ tầng, doanh nghiệp nhà nước và lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao. Vietcombank tuy duy trì lợi nhuận cao hơn, nhưng cũng chịu áp lực tương tự trong các giai đoạn thị trường biến động mạnh [82, 83].

Trong giai đoạn 2020-2021, khi đại dịch COVID-19 bùng phát, những hạn chế trong kết quả kinh doanh càng bộc lộ rõ. Mặc dù tổng lợi nhuận trước thuế toàn khối vẫn duy trì mức khoảng 82.000 tỷ đồng năm 2020 và 96.000 tỷ đồng năm 2021, song kết quả này đạt được trong bối cảnh các ngân hàng phải hy sinh đáng kể lợi ích tài chính. Riêng năm 2021, tổng số tiền lãi được miễn, giảm cho khách hàng ước khoảng 45.000 tỷ đồng; hàng triệu khoản vay được cơ cấu lại thời hạn trả nợ với dư nợ lên tới hàng trăm nghìn tỷ đồng. Điều này giúp ổn định kinh tế - xã hội trong ngắn hạn nhưng đồng thời làm gia tăng rủi ro tín dụng tiềm ẩn và áp lực lợi nhuận trong trung và dài hạn [83].

Từ năm 2022 đến 2024, mặc dù lợi nhuận của các NHNN tăng mạnh, vượt mốc 150.000 tỷ đồng vào năm 2024, song sự tăng trưởng này vẫn bộc lộ

hạn chế về tính ổn định và chất lượng. Lợi nhuận phụ thuộc nhiều vào điều kiện lãi suất thuận lợi, tăng trưởng tín dụng cao và sự phục hồi của nền kinh tế, trong khi cơ cấu thu nhập vẫn chủ yếu dựa vào tín dụng truyền thống. Thu nhập từ dịch vụ phi tín dụng, ngân hàng số, quản lý tài sản và các sản phẩm tài chính hiện đại tăng chậm, chưa tạo được nguồn thu ổn định để giảm thiểu rủi ro chu kỳ [83].

Xét theo từng ngân hàng, Agribank dù lợi nhuận tăng từ khoảng 7.500 tỷ đồng năm 2016 lên trên 21.000 tỷ đồng năm 2024, nhưng mức tăng này đi kèm áp lực lớn về chi phí và rủi ro do phải thực hiện nhiều nhiệm vụ chính trị trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn [82, 83]. BIDV và VietinBank tăng lợi nhuận mạnh hơn, song vẫn phải dành nguồn lực lớn cho xử lý nợ xấu và dự phòng rủi ro, làm giảm hiệu quả sử dụng vốn nhà nước. Vietcombank có hiệu quả sinh lời cao nhất, nhưng cũng chịu rủi ro tập trung tín dụng và phụ thuộc lớn vào nhóm khách hàng doanh nghiệp lớn, xuất nhập khẩu.

Về kết quả bảo đảm an toàn hệ thống và kiểm soát rủi ro, mặc dù các chỉ tiêu an toàn cơ bản được duy trì trong ngưỡng cho phép, song vẫn tồn tại nhiều hạn chế tiềm ẩn. Trong giai đoạn 2015-2019, tỷ lệ an toàn vốn của nhiều NHNN chỉ tiệm cận mức tối thiểu 9%, thấp hơn đáng kể so với yêu cầu an toàn cao hơn trong bối cảnh rủi ro gia tăng. Việc bổ sung vốn điều lệ chậm đã hạn chế khả năng mở rộng tín dụng an toàn và đầu tư cho quản trị rủi ro hiện đại [82]. Từ năm 2021 trở đi, tỷ lệ an toàn vốn tăng lên khoảng 10,5-11,5%, song vẫn thấp hơn so với nhiều ngân hàng trong khu vực, cho thấy dư địa an toàn còn hạn chế [83].

Về nợ xấu, mặc dù tỷ lệ nợ xấu nội bảng được công bố duy trì dưới 2-2,5%, song nợ xấu tiềm ẩn và nợ được cơ cấu lại theo các chương trình hỗ trợ vẫn ở mức rất lớn. Trong giai đoạn 2020-2024, tổng dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ ước tính vượt 800.000 tỷ đồng. Khi các chính sách hỗ trợ hết hiệu lực, một phần đáng kể các khoản nợ này có

nguy cơ chuyển thành nợ xấu thực, tạo áp lực lớn cho hệ thống NHNN trong những năm tiếp theo [83].

Về thực hiện nhiệm vụ điều tiết và ổn định kinh tế vĩ mô, hạn chế thể hiện ở sự căng thẳng giữa mục tiêu ổn định vĩ mô và hiệu quả kinh doanh. Trong nhiều thời điểm, các NHNN phải đi đầu giảm lãi suất, mở rộng tín dụng theo chỉ đạo, dẫn đến biên lợi nhuận bị thu hẹp. Giai đoạn 2015-2019, tăng trưởng tín dụng ở mức 14-18%/năm góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, nhưng cũng làm gia tăng áp lực lạm phát và rủi ro tín dụng nếu phân bổ vốn chưa hiệu quả [82]. Trong giai đoạn 2020-2024, việc bơm tín dụng lớn để hỗ trợ nền kinh tế giúp ổn định xã hội nhưng đồng thời làm gia tăng gánh nặng quản trị rủi ro cho các ngân hàng [83].

Từ năm 2023 đến 2025, mặc dù tín dụng được định hướng vào các lĩnh vực ưu tiên như chuyển đổi số, tín dụng xanh, hạ tầng chiến lược, song khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế còn hạn chế, dẫn đến tình trạng tăng trưởng tín dụng không đồng đều, vốn chảy vào một số lĩnh vực truyền thống, hiệu quả chưa cao. Điều này làm giảm hiệu quả tổng thể của việc sử dụng công cụ tín dụng để ổn định kinh tế vĩ mô.

Trong thực hiện tín dụng chính sách và bảo đảm an sinh xã hội, dù kết quả giải ngân lớn và đúng đối tượng, nhưng gánh nặng tài chính đặt lên hệ thống NHNN là rất đáng kể. Giai đoạn 2015 - 2025, tổng nguồn vốn tín dụng chính sách giải ngân trên 700.000 tỷ đồng, hỗ trợ gần 13 triệu lượt đối tượng, nhưng lợi nhuận tài chính trực tiếp mang lại rất thấp. Agribank, BIDV, VietinBank và Vietcombank khi tham gia các chương trình tín dụng ưu đãi phải chấp nhận lãi suất thấp, rủi ro cao, trong khi cơ chế bù đắp từ ngân sách chưa luôn kịp thời và đầy đủ [82, 83].

Về đóng góp cho ngân sách nhà nước, mặc dù tổng số thuế và cổ tức nộp ngân sách đạt hàng trăm nghìn tỷ đồng trong giai đoạn 2015 - 2025, song tỷ lệ lợi nhuận giữ lại để tái đầu tư, nâng cao năng lực tài chính còn hạn chế.

Điều này ảnh hưởng đến khả năng tăng vốn tự có, đầu tư công nghệ và nâng cao sức cạnh tranh dài hạn của các NHNN trong bối cảnh hội nhập sâu rộng.

Thứ năm, mức độ tín nhiệm đối với TCCSD vẫn còn nhiều hạn chế và có sự chênh lệch đáng kể giữa các ngân hàng

Trong giai đoạn 2015-2025, cùng với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và kinh doanh, mức độ tín nhiệm của quần chúng, khách hàng cũng như sự ghi nhận, đánh giá của cấp trên đối với TCCSD trong các NHNN là một tiêu chí quan trọng phản ánh trực tiếp uy tín chính trị, năng lực lãnh đạo và hiệu quả hoạt động thực chất của TCCSD. Bên cạnh những mặt tích cực, mức độ tín nhiệm và sự ghi nhận này vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, thể hiện ở sự chênh lệch đáng kể giữa các đơn vị, sự suy giảm niềm tin cục bộ của một bộ phận khách hàng, người lao động và việc vẫn còn số lượng không nhỏ TCCSD chưa được cấp trên đánh giá cao trong các đợt xếp loại, khen thưởng hằng năm.

Thực tiễn tại Đảng bộ NHNN Việt Nam giai đoạn 2021–2025, vẫn còn khoảng 10–12% TCCSD chậm được công nhận danh hiệu thi đua tập thể, do hạn chế trong phối hợp công tác, cải cách thủ tục hành chính và xử lý kiến nghị của cán bộ, công chức. Số vụ việc phản ánh, kiến nghị nội bộ liên quan đến trách nhiệm người đứng đầu tại một số đơn vị có xu hướng tăng, cho thấy niềm tin và sự hài lòng của một bộ phận cán bộ đối với TCCSD chưa thật sự bền vững, làm giảm sức lan tỏa và uy tín chính trị của TCCSD [123].

Xét trên phương diện sự tín nhiệm của quần chúng và người lao động trong nội bộ các NHNN, mặc dù đa số cán bộ, nhân viên bày tỏ sự tin tưởng đối với vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, song kết quả khảo sát, lấy ý kiến hằng năm vẫn cho thấy còn một bộ phận không nhỏ người lao động đánh giá mức độ lãnh đạo, chỉ đạo của TCCSD ở mức “đạt yêu cầu” nhưng chưa “tốt” hoặc “rất tốt”. Trong giai đoạn 2020-2025, tại Agribank, qua các đợt lấy ý kiến nội bộ, mỗi năm có từ 3.500 đến 4.200 lượt cán bộ, người

lao động phản ánh mức độ hài lòng đối với vai trò lãnh đạo của TCCSĐ chưa cao, tập trung vào các vấn đề như phong cách lãnh đạo còn hành chính hóa, thiếu sâu sát cơ sở và chậm giải quyết kiến nghị chính đáng của người lao động. BIDV ghi nhận trung bình mỗi năm khoảng 2.800-3.200 lượt ý kiến tương tự; VietinBank khoảng 3.000-3.500 lượt; Vietcombank khoảng 2.000-2.300 lượt [83].

Trên phương diện sự tín nhiệm của khách hàng - đối tượng trực tiếp thụ hưởng dịch vụ ngân hàng - hạn chế thể hiện rõ hơn qua các chỉ số phản ánh mức độ hài lòng và số lượng khiếu nại, phản ánh. Trong giai đoạn 2015-2020, tại Agribank, mỗi năm tiếp nhận từ 38.000 đến 45.000 lượt phản ánh, khiếu nại của khách hàng liên quan đến chất lượng dịch vụ, thái độ phục vụ, thủ tục hành chính còn rườm rà và thời gian xử lý hồ sơ kéo dài, đặc biệt tại các chi nhánh khu vực nông thôn, miền núi. BIDV ghi nhận khoảng 30.000-35.000 lượt phản ánh mỗi năm; VietinBank khoảng 32.000-37.000 lượt; Vietcombank dù có chất lượng dịch vụ cao hơn nhưng vẫn tiếp nhận khoảng 18.000-22.000 lượt phản ánh, chủ yếu liên quan đến quá tải giao dịch, dịch vụ số chưa ổn định và chính sách phí [82].

Đáng chú ý, trong một số vụ việc phát sinh tiêu cực, sai phạm nghiệp vụ hoặc vi phạm đạo đức công vụ, niềm tin của khách hàng và xã hội đối với TCCSĐ bị ảnh hưởng rõ rệt. Giai đoạn 2016-2024, bốn NHNN đã xử lý gần 900 trường hợp đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng, trong đó nhiều vụ việc được dư luận xã hội và báo chí quan tâm. Riêng Agribank có trên 300 trường hợp; BIDV hơn 230 trường hợp; VietinBank trên 250 trường hợp; Vietcombank gần 110 trường hợp. Những vụ việc này, dù chiếm tỷ lệ nhỏ so với tổng số CBDV, nhưng đã tác động tiêu cực đến hình ảnh, uy tín của TCCSĐ và làm suy giảm mức độ tín nhiệm của một bộ phận khách hàng [36, 38, 42].

Trên phương diện sự ghi nhận, đánh giá của cấp trên đối với TCCSĐ hạn chế thể hiện rõ qua kết quả xếp loại, khen thưởng hằng năm. Trong giai

đoạn 2020-2024, tại Agribank, mỗi năm vẫn có từ 6 đến 9 TCCSD chỉ được xếp loại “hoàn thành nhiệm vụ”, chưa đạt mức “hoàn thành tốt nhiệm vụ”; cộng dồn cả giai đoạn có trên 30 lượt TCCSD chưa đạt mức xếp loại cao. BIDV ghi nhận trung bình mỗi năm có 8-11 TCCSD ở mức hoàn thành nhiệm vụ; VietinBank có 10-13 tổ chức; Vietcombank tuy thấp hơn nhưng vẫn có trên 15 lượt TCCSD trong cả giai đoạn chưa đạt mức hoàn thành tốt [42].

Bên cạnh đó, số lượng TCCSD được cấp trên khen thưởng cấp cao, danh hiệu tiêu biểu còn chiếm tỷ lệ khiêm tốn so với tổng số TCCSD trong mỗi ngân hàng. Giai đoạn 2015 - 2025, tại Agribank, bình quân mỗi năm chỉ có khoảng 20-25 TCCSD được đề nghị khen thưởng cấp bộ, ngành; BIDV khoảng 18-22 tổ chức; VietinBank khoảng 15-20 tổ chức; Vietcombank khoảng 12-15 tổ chức. Điều này cho thấy mặt bằng chung về chất lượng và uy tín của TCCSD chưa đủ đồng đều để tạo ra nhiều mô hình thật sự xuất sắc, tiêu biểu được cấp trên ghi nhận rộng rãi [36, 38, 42].

Ngoài ra, sự tín nhiệm của quần chúng còn chịu tác động từ việc giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại nội bộ chưa thật sự kịp thời, thấu đáo ở một số đơn vị. Trong giai đoạn 2020-2025, tại Agribank có trên 1.200 đơn thư, kiến nghị nội bộ liên quan đến công tác cán bộ, chế độ chính sách và điều kiện làm việc; BIDV có khoảng 900 đơn; VietinBank trên 1.000 đơn; Vietcombank khoảng 650 đơn. Mặc dù phần lớn các đơn thư được giải quyết đúng quy trình, nhưng vẫn có một tỷ lệ nhất định phải kéo dài thời gian xử lý hoặc giải quyết nhiều lần, ảnh hưởng đến niềm tin của CBDV và người lao động đối với TCCSD. [83].

3.2. Nguyên nhân và những vấn đề đặt ra

3.2.1. Nguyên nhân của thực trạng

3.2.1.1. Nguyên nhân của ưu điểm

Một là, sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, sát sao của Trung ương Đảng, BCT, Ban Bí thư, cấp ủy cấp trên và nhất là Đảng ủy NHNN.

Trong giai đoạn 2015-2025, nhiều chủ trương lớn về xây dựng Đảng, chỉnh đốn Đảng, đặc biệt là các Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII, XIII), Kết luận 21-KL/TW khóa XIII và Nghị quyết số 21-NQ/TW năm 2022 về tăng cường xây dựng TCCSD và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên đã kịp thời được ban hành và triển khai trong toàn Đảng. Các văn bản này đã tạo hành lang pháp lý quan trọng và thống nhất nhận thức trong toàn hệ thống về vai trò then chốt của TCCSD trong doanh nghiệp nhà nước, trong đó có hệ thống ngân hàng.

Hai là, nhận thức và trách nhiệm chính trị cao của các đảng ủy ngân hàng gắn với tư duy đổi mới trong lãnh đạo, chỉ đạo các mặt công tác xây dựng, củng cố TCCSD. Trên cơ sở quán triệt rõ vai trò hạt nhân chính trị của TCCSD trong doanh nghiệp nhà nước, các đảng ủy ngân hàng đã chủ động đổi mới tư duy lãnh đạo, chỉ đạo theo hướng gắn chặt xây dựng Đảng với thực hiện nhiệm vụ chính trị và hoạt động kinh doanh ngân hàng. Các nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác đảng được cụ thể hóa sát với yêu cầu quản trị ngân hàng hiện đại, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế, qua đó nâng cao hiệu lực lãnh đạo, tính chủ động và khả năng thích ứng TCCSD trong điều kiện mới.

Ba là, yêu cầu thực tiễn cao của nhiệm vụ chính trị – kinh tế trong lĩnh vực ngân hàng đã thúc đẩy nâng cao chất lượng TCCSD. Hoạt động ngân hàng là lĩnh vực then chốt, nhạy cảm, có tác động trực tiếp đến ổn định kinh tế vĩ mô, an toàn hệ thống tài chính – tiền tệ quốc gia, do đó đặt ra yêu cầu rất cao đối với bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp và năng lực lãnh đạo của TCCSD. Chính đặc thù này đã trở thành động lực thúc đẩy các TCCSD trong NHNN chú trọng nâng cao chất lượng lãnh đạo, sức chiến đấu và tính kỷ luật. Việc phải thường xuyên xử lý các vấn đề phức tạp như kiểm soát rủi ro tín dụng, xử lý nợ xấu, điều hành dòng vốn lớn và ứng phó với biến động thị trường đã buộc tổ chức đảng phải đổi mới phương thức lãnh đạo, tăng cường

vai trò định hướng chính trị, qua đó góp phần củng cố chất lượng TCCSD một cách thực chất.

Bốn là, ý thức tự giác, trách nhiệm chính trị và tinh thần nêu gương của đội ngũ CBDV trong các NHNN. Phần lớn CBDV nhận thức rõ vị trí, vai trò của mình không chỉ với tư cách người lao động trong doanh nghiệp mà còn là đảng viên trong tổ chức đảng. Tinh thần chủ động học tập nghị quyết, chấp hành kỷ luật đảng, kỷ cương nghiệp vụ và nêu gương trong thực thi công vụ đã tạo nền tảng quan trọng cho việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, tăng tính thuyết phục và lan tỏa của vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng trong đơn vị.

Năm là, những thành tựu của công cuộc đổi mới, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Đảng đối với doanh nghiệp nhà nước đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác xây dựng TCCSD trong các NHNN. Sự phối hợp chặt chẽ giữa cấp ủy, ban điều hành và các tổ chức đoàn thể chính trị – xã hội trong ngân hàng đã hình thành môi trường chính trị ổn định, thống nhất về nhận thức và hành động. Việc lãnh đạo cấp cao trực tiếp tham gia sinh hoạt đảng, đối thoại chính trị và định hướng tư tưởng đã góp phần nâng cao tính thuyết phục, củng cố niềm tin và tăng cường hiệu quả hoạt động của TCCSD trong toàn hệ thống NHNN.

3.2.1.2. Nguyên nhân của những hạn chế, khuyết điểm

Một là, nhận thức và trách nhiệm của một bộ phận cấp ủy, cán bộ lãnh đạo NHNN đối với công tác xây dựng Đảng chưa đầy đủ, chưa tương xứng với yêu cầu thực tiễn. Một nguyên nhân quan trọng dẫn đến những hạn chế trong chất lượng TCCSD là việc một bộ phận cấp ủy viên, cán bộ lãnh đạo và đảng viên trong các NHNN chưa nhận thức đầy đủ vai trò quyết định của công tác xây dựng Đảng đối với hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị và hoạt động kinh doanh ngân hàng. Ở một số nơi, công tác xây dựng Đảng còn bị xem là nhiệm vụ mang tính hình thức, phụ trợ, chưa được đặt ngang tầm với

các nhiệm vụ chuyên môn như tăng trưởng tín dụng, lợi nhuận, quản trị rủi ro. Điều này dẫn đến sự thiếu quan tâm đúng mức trong lãnh đạo, chỉ đạo, đầu tư thời gian và nguồn lực cho công tác đảng, làm giảm hiệu lực lãnh đạo và tính chiến đấu của TCCSĐ.

Hai là, đặc thù hoạt động ngân hàng với áp lực cao về hiệu quả kinh doanh và quản trị rủi ro làm giảm sự tập trung cho công tác xây dựng TCCSĐ. Hoạt động của NHNN diễn ra trong môi trường cạnh tranh gay gắt, chịu áp lực lớn về chỉ tiêu tài chính, an toàn hệ thống và yêu cầu tuân thủ các chuẩn mực trong nước, quốc tế. Trong bối cảnh đó, không ít TCCSĐ có xu hướng ưu tiên tuyệt đối cho nhiệm vụ chuyên môn, xem nhẹ hoặc lùi công tác xây dựng Đảng sang vị trí thứ yếu. Việc dành thời gian, nhân lực cho sinh hoạt đảng, kiểm điểm, tự phê bình và phê bình đôi khi bị coi là ảnh hưởng đến tiến độ công việc chuyên môn. Chính đặc thù này đã làm cho công tác xây dựng TCCSĐ ở một số ngân hàng thiếu tính thường xuyên, chưa thực sự gắn chặt với hoạt động quản trị và điều hành ngân hàng.

Ba là, việc đầu tư nguồn lực cho công tác xây dựng Đảng trong các NHNN còn chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ. Ở một số đơn vị, kinh phí, cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ làm công tác đảng chưa được quan tâm đầy đủ; cán bộ kiêm nhiệm nhiều, thiếu điều kiện nghiên cứu sâu về nghiệp vụ công tác đảng trong doanh nghiệp ngân hàng hiện đại. Nội dung, phương thức sinh hoạt đảng chậm đổi mới, chưa theo kịp yêu cầu chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Điều này làm giảm sức hấp dẫn, tính thuyết phục và hiệu quả giáo dục chính trị, tư tưởng, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng hoạt động của TCCSĐ.

Bốn là, một bộ phận CVĐV trong các NHNN có biểu hiện suy giảm ý thức tu dưỡng chính trị, đạo đức và trách nhiệm nêu gương. Những hạn chế trong chất lượng TCCSĐ còn bắt nguồn từ việc một bộ phận CBĐV, kể cả cán bộ giữ cương vị quản lý, chưa thường xuyên tự giác rèn luyện phẩm chất

chính trị, đạo đức, lối sống và trách nhiệm nêu gương. Tác động của mặt trái cơ chế thị trường, lợi ích vật chất và môi trường kinh doanh tài chính – tiền tệ dễ phát sinh cám dỗ đã làm nảy sinh những biểu hiện lệch chuẩn về đạo đức nghề nghiệp, vi phạm quy trình, quy định. Khi vai trò nêu gương của cán bộ lãnh đạo, cấp ủy chưa rõ nét, sức lan tỏa của công tác xây dựng Đảng bị suy giảm, làm ảnh hưởng đến uy tín và hiệu quả lãnh đạo của TCCSĐ.

Năm là, tác động của cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế và môi trường thông tin phức tạp làm gia tăng thách thức đối với công tác xây dựng TCCSĐ. Trong điều kiện hội nhập quốc tế sâu rộng, sự phát triển mạnh của kinh tế thị trường và công nghệ thông tin, các NHNN chịu tác động đa chiều từ lợi ích kinh tế, chuẩn mực quốc tế và môi trường thông tin phức tạp. Một bộ phận CBDV chưa đủ bản lĩnh chính trị và khả năng “đề kháng” trước thông tin sai lệch, luận điệu xuyên tạc, hoặc xu hướng đề cao lợi ích cá nhân. Điều này đặt ra thách thức lớn cho công tác xây dựng Đảng, nhất là trong việc giữ vững lập trường tư tưởng, đạo đức nghề nghiệp và tính thống nhất trong tổ chức đảng. Nếu không được nhận diện và xử lý kịp thời, những tác động này sẽ làm suy giảm chất lượng và sức chiến đấu của TCCSĐ.

3.2.2. Những vấn đề đặt ra

Một là, yêu cầu ngày càng cao về vai trò lãnh đạo toàn diện của TCCSĐ trong NHNN trong bối cảnh thị trường tài chính ngày càng phức tạp.

Trong bối cảnh hiện nay, TCCSĐ trong các NHNN đang đứng trước yêu cầu cấp thiết phải nâng cao hiệu lực và hiệu quả trong thực hiện vai trò lãnh đạo toàn diện. Đây là nhiệm vụ không chỉ mang tính nguyên tắc, mà còn là điều kiện sống còn nhằm bảo đảm sự ổn định, định hướng chính trị - tư tưởng và sự phát triển bền vững của từng tổ chức tín dụng trong hệ thống ngân hàng quốc gia. Tuy nhiên, quá trình chuyển biến mạnh mẽ của ngành ngân hàng - đặc biệt dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số, cạnh tranh toàn cầu, biến động kinh tế – tài chính khu vực

và quốc tế - đang đặt ra những thách thức chưa từng có đối với phương thức lãnh đạo của TCCSĐ.

Thực tiễn đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với việc đổi mới phương thức lãnh đạo của TCCSĐ trong bối cảnh mô hình kinh doanh ngân hàng đang chuyển mạnh theo hướng chuyên nghiệp hóa, số hóa và tự động hóa. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để lãnh đạo của TCCSĐ không chỉ dừng lại ở việc duy trì sinh hoạt chi bộ, thực hiện các thủ tục hành chính đảng, mà thực sự chuyển hóa thành năng lực định hướng, giám sát và cảnh báo kịp thời về chính trị - tư tưởng, đạo đức công vụ và việc tuân thủ pháp luật nội bộ trong quá trình điều hành hoạt động ngân hàng. Đồng thời, yêu cầu đặt ra là TCCSĐ cần tham gia sâu hơn, thực chất hơn vào quá trình hoạch định chiến lược phát triển, xây dựng văn hóa tổ chức và phát huy vai trò phản biện chính trị trong những lĩnh vực tiềm ẩn nhiều rủi ro như tín dụng, đầu tư tài chính và công tác cán bộ. Nếu không giải quyết thỏa đáng những yêu cầu này, vai trò của TCCSĐ khó có thể khẳng định đầy đủ vị thế là trung tâm chính trị, hạt nhân lãnh đạo toàn diện trong ngân hàng.

Hai là, hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa TCCSĐ với ban lãnh đạo chuyên môn, các tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp.

Một trong những vấn đề đặt ra cấp thiết hiện nay đối với TCCSĐ trong các NHNN là tình trạng phối hợp chưa đồng bộ, thiếu thực chất giữa cấp ủy đảng với ban điều hành, các phòng ban chuyên môn, các tổ chức chính trị - xã hội trong nội bộ và cơ quan quản lý nhà nước bên ngoài. Trên thực tế, dù đã có các văn bản hướng dẫn, quy chế phối hợp chung giữa TCCSĐ và chính quyền trong doanh nghiệp nhà nước, song tại nhiều chi bộ và đảng bộ trong ngân hàng, việc triển khai vẫn còn mang tính hình thức, thiếu hiệu quả, dẫn đến phân tán nguồn lực và kém hiệu lực trong lãnh đạo, giám sát, tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Ở nhiều đơn vị, cấp ủy chưa chủ động xây dựng mối quan hệ công tác chặt chẽ với ban lãnh đạo chuyên môn, thường xuyên lúng túng trong phân định ranh giới giữa vai trò lãnh đạo của TCCSĐ và chức năng điều hành của ban giám đốc hoặc tổng giám đốc. Hệ quả là TCCSĐ rơi vào tình trạng đứng ngoài các quyết sách quan trọng, chỉ thực hiện vai trò hình thức mà không tham gia thực chất vào quá trình xây dựng chiến lược, điều chỉnh chính sách hoặc xử lý các tình huống phức tạp phát sinh trong thực tiễn hoạt động ngân hàng. Tình trạng "hành chính hóa" vai trò của Công đoàn, Đoàn thanh niên trong nhiều đơn vị cũng khiến các tổ chức chính trị – xã hội này không thể phát huy vai trò phản biện, giám sát xã hội, đại diện tiếng nói của người lao động hoặc đội ngũ cán bộ trẻ.

Ba là, yêu cầu ngày càng cao trong hoạt động chuyên môn của ngành ngân hàng thời kỳ số hóa và hội nhập, trong khi các TCCSĐ chậm thích ứng về nội dung, hình thức sinh hoạt.

Trong bối cảnh ngành ngân hàng đang bước vào giai đoạn chuyển đổi số mạnh mẽ và hội nhập tài chính quốc tế sâu rộng, TCCSĐ buộc phải thích nghi và chủ động đổi mới nội dung, phương thức hoạt động để không bị tụt hậu so với sự phát triển chung của hệ thống. Một trong những vấn đề nổi cộm hiện nay là chất lượng sinh hoạt chi bộ ở nhiều đơn vị NHNN còn mang tính hình thức, nội dung sinh hoạt đơn điệu, thiếu chiều sâu, chưa phản ánh đúng các vấn đề trọng tâm, cấp bách trong hoạt động kinh doanh – tài chính, chưa bắt nhịp kịp với các vấn đề hiện đại như chuyển đổi số, quản trị rủi ro, tuân thủ pháp lý quốc tế hay đạo đức công vụ trong môi trường tài chính.

Nhiều chi bộ vẫn còn lúng túng trong việc xác định chủ đề sinh hoạt, không biết cách tích hợp các nội dung chính trị, tư tưởng với chuyên môn, nghiệp vụ, dẫn đến việc sinh hoạt chi bộ chỉ dừng lại ở việc đọc báo cáo, phổ biến văn bản, thiếu không gian để đảng viên trao đổi, phản biện và đóng góp ý kiến cho công tác lãnh đạo, quản trị đơn vị. Một bộ phận đảng viên trẻ thậm chí

coi sinh hoạt đảng như “thủ tục hành chính bắt buộc”, thiếu động lực, thiếu sự tham gia chủ động và trách nhiệm, làm giảm sút tính chiến đấu và tính tiên phong trong TCCSĐ.

Bốn là, đặc thù hoạt động của ngành ngân hàng đòi hỏi phải có cơ chế kiểm soát quyền lực thường xuyên, liên tục và phòng, chống suy thoái ngay từ cấp cơ sở, trong khi đó một số TCCSĐ chưa thực sự coi trọng công tác này.

Một trong những vấn đề tác động trực tiếp đến chất lượng TCCSĐ trong các NHNN hiện nay là tình trạng buông lỏng kiểm soát quyền lực, yếu kém trong công tác phòng, chống suy thoái chính trị, đạo đức, lối sống trong nội bộ đảng viên, cán bộ. Trong môi trường ngân hàng – nơi vận hành dòng vốn, tín dụng, tài sản tài chính có giá trị lớn, thì quyền lực luôn tiềm ẩn nguy cơ bị lạm dụng nếu không được giám sát chặt chẽ và thực thi các biện pháp răn đe hiệu quả.

Tình trạng hình thức hóa sinh hoạt tự phê bình và phê bình, né tránh đấu tranh nội bộ, “né nang, né tránh, ngại va chạm” trong xử lý vi phạm đang làm mờ nhạt vai trò tự chỉnh đốn của TCCSĐ. Một số nơi, cấp ủy chưa thực sự chủ động phối hợp với các bộ phận như kiểm toán nội bộ, pháp chế, kiểm soát rủi ro để phát hiện sớm các dấu hiệu vi phạm. Thay vào đó, chỉ đến khi sai phạm bị cơ quan chức năng vào cuộc, thiệt hại đã xảy ra nghiêm trọng, TCCSĐ mới bị động xử lý mang tính “khắc phục hậu quả”. Thực tế cho thấy, công tác thi hành kỷ luật Đảng ở một số nơi còn biểu hiện dễ dãi, nặng về hình thức “kiểm điểm rút kinh nghiệm”, thiếu các biện pháp cảnh báo, phòng ngừa từ gốc.

Tiểu kết chương 3

Chất lượng TCCSD trong các NHNN ở Việt Nam hiện nay là một trong những nhân tố quan trọng bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với lĩnh vực tài chính - ngân hàng, góp phần giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an ninh tiền tệ và tăng cường năng lực quản trị doanh nghiệp nhà nước trong bối cảnh hội nhập, chuyển đổi số và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Qua nghiên cứu và phân tích thực trạng, có thể khẳng định: phần lớn TCCSD trong hệ thống NHNN đã và đang thực hiện khá tốt vai trò là hạt nhân chính trị, lãnh đạo CBDV và quần chúng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị; công tác xây dựng Đảng tiếp tục được quan tâm, củng cố và đổi mới; vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy cơ sở có chuyển biến tích cực.

Tuy nhiên, bên cạnh các kết quả tích cực, chất lượng TCCSD trong các NHNN vẫn còn tồn tại nhiều bất cập, như: công tác quán triệt nghị quyết chưa sâu rộng; việc thực hiện nguyên tắc tổ chức hoạt động còn hình thức; năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy chưa theo kịp yêu cầu chuyển đổi mô hình quản trị hiện đại; thiếu cơ chế phối hợp giữa TCCSD với bộ máy chuyên môn; một số nơi chưa làm tốt công tác cán bộ, cải cách hành chính và xây dựng môi trường công vụ liêm chính, dân chủ... Ngoài ra, các yếu tố khách quan như mô hình tổ chức đảng chưa đồng bộ với cơ cấu tổ chức kinh doanh, sự phân tán trong chỉ đạo từ trung ương đến cơ sở, và thách thức từ quá trình chuyển đổi số, quốc tế hóa thị trường tài chính cũng đặt ra nhiều vấn đề mới.

Việc tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu về từng khía cạnh nêu trên sẽ góp phần hoàn thiện lý luận, thực tiễn, đồng thời đề xuất các giải pháp khả thi, phù hợp nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng TCCSD trong các NHNN, đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế và sự nghiệp xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong giai đoạn mới.

Chương 4

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG TRONG CÁC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM THỜI GIAN TỚI

4.1. Dự báo các yếu tố tác động và phương hướng nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong các ngân hàng nhà nước ở Việt Nam thời gian tới

4.1.1. Dự báo các yếu tố tác động đến chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong các ngân hàng nhà nước ở Việt Nam thời gian tới

4.1.1.1. Dự báo các yếu tố thuận lợi

Một là, sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Đảng về công tác xây dựng Đảng sẽ tạo động lực, định hướng rõ ràng, góp phần nâng cao chất lượng TCCSD trong các NHNN ở Việt Nam.

Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Đảng và Nhà nước về công tác xây dựng Đảng là yếu tố then chốt, xuyên suốt và có tính quyết định đến chất lượng của các TCCSD. Trong những năm qua, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng luôn được đặt ở vị trí then chốt, được cụ thể hóa thông qua hàng loạt nghị quyết, chỉ thị, quy định quan trọng như: Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm CBDV suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”; Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm BCHTW Đảng khóa XIII về tăng cường củng cố xây dựng TCCSD và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới và quan điểm trong văn kiện Đại hội XIV của Đảng... Các văn kiện này đã xác định rõ vị trí, chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc tổ chức và phương thức hoạt động của TCCSD, qua đó định hướng rõ ràng, toàn diện và cụ thể cho việc đổi mới nội

dung, phương thức lãnh đạo, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức đảng trong các cơ quan nhà nước nói chung và NHNN nói riêng. Sự chỉ đạo thống nhất, xuyên suốt từ Trung ương đến cơ sở tạo nên khuôn khổ chính trị, pháp lý vững chắc, bảo đảm tính đồng bộ, kỷ cương, kỷ luật trong toàn bộ hệ thống ngân hàng, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để các cấp ủy đảng trong các NHNN gắn kết chặt chẽ công tác xây dựng Đảng với thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Từ đó, chất lượng sinh hoạt chi bộ được nâng cao, công tác quản lý CBĐV đi vào nền nếp, đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp ngày càng chuẩn hóa, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Hai là, chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong các NHNN ở Việt Nam ngày càng được nâng cao, tạo thuận lợi cho việc tăng cường năng lực lãnh đạo, giữ vững vai trò hạt nhân chính trị của tổ chức đảng trong toàn hệ thống.

Chất lượng đội ngũ CBĐV là hạt nhân quyết định sức mạnh và hiệu quả hoạt động của bất kỳ TCCSĐ nào. Trong bối cảnh các NHNN ở Việt Nam đang chuyển mình mạnh mẽ, hội nhập sâu rộng và đối mặt với nhiều thách thức mới, việc chất lượng đội ngũ CBĐV ngày càng được nâng cao trở thành một yếu tố thuận lợi đặc biệt quan trọng, góp phần trực tiếp vào việc củng cố và phát triển các TCCSĐ trong hệ thống NHNN ở Việt Nam. Đặc thù của ngành ngân hàng đòi hỏi CBĐV phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, am hiểu sâu sắc về lĩnh vực tài chính, tiền tệ, tín dụng, và các nghiệp vụ ngân hàng hiện đại. Thực tiễn cho thấy, đội ngũ CBĐV trong các NHNN ngày càng được trẻ hóa, đào tạo bài bản từ các trường đại học uy tín trong và ngoài nước. Họ không chỉ nắm vững kiến thức chuyên ngành mà còn có khả năng cập nhật, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số vào công việc. Sự am hiểu sâu sắc về chuyên môn giúp đảng viên không chỉ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao mà còn có khả năng tham mưu, đề xuất các giải pháp hiệu quả cho cấp ủy, chi bộ, góp phần xây dựng các nghị quyết, chủ trương sát thực tế và có tính khả thi cao, từ đó nâng cao chất lượng lãnh đạo

của TCCSĐ. Cùng với trình độ chuyên môn, ý thức chính trị và đạo đức nghề nghiệp của CBDV trong các NHNN cũng ngày càng được củng cố.

Ba là, sự phát triển ngày càng ổn định và tăng trưởng tích cực của ngành ngân hàng tạo thuận lợi để các TCCSĐ củng cố vai trò lãnh đạo và nâng cao hiệu quả hoạt động

Đây là một yếu tố thuận lợi đặc biệt quan trọng, tạo ra môi trường vững chắc và điều kiện thuận lợi cho hoạt động củng cố và nâng cao chất lượng TCCSĐ trong các NHNN ở Việt Nam. Yếu tố này không chỉ tác động đến nguồn lực mà còn ảnh hưởng đến tâm lý, năng lực và hiệu quả công việc của toàn thể CBDV. Trong những năm gần đây, ngành ngân hàng Việt Nam đã và đang ghi nhận những bước phát triển ổn định, bền vững, đóng vai trò then chốt trong ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Các NHNN như Agribank, VietinBank, BIDV... không chỉ chiếm thị phần lớn trong hệ thống tài chính quốc gia mà còn giữ vai trò dẫn dắt xu thế phát triển, đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng dịch vụ, thúc đẩy tài chính toàn diện và hội nhập quốc tế. Sự tăng trưởng về quy mô tài sản, hiệu quả hoạt động, mức độ an toàn hệ thống và năng lực cạnh tranh đã tạo nên môi trường thuận lợi về mặt kinh tế, tổ chức, xã hội cho hoạt động của các TCCSĐ trong các NHNN. Khi hoạt động chuyên môn phát triển ổn định, TCCSĐ có điều kiện thuận lợi để gắn kết nhiệm vụ chính trị với nhiệm vụ chuyên môn, phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện của cấp ủy đảng trong đơn vị. Các phong trào thi đua như “Đảng viên gương mẫu trong cải tiến nghiệp vụ”, “Chi bộ trong sạch gắn với ngân hàng hiện đại” sẽ có nhiều điều kiện phát triển hơn, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động chi bộ, tạo động lực để đảng viên phấn đấu hoàn thành tốt cả nhiệm vụ chính trị và chuyên môn. Bên cạnh đó, sự phát triển của ngành ngân hàng giúp thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao vào các NHNN - vốn là môi trường làm việc có chế độ đãi ngộ tốt, có uy tín, và cơ hội phát triển nghề nghiệp. Nhờ đó, TCCSĐ trong các NHNN có điều kiện để phát

hiện, bồi dưỡng, phát triển đảng viên mới có trình độ, phẩm chất, đồng thời quy hoạch đội ngũ cán bộ đảng có năng lực, phù hợp với yêu cầu lãnh đạo trong điều kiện đổi mới, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

Bốn là, bước vào kỷ nguyên công nghệ số, kỷ nguyên vươn mình của đất nước sẽ tạo điều kiện thuận lợi để TCCSĐ đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao hiệu quả hoạt động

Bước vào kỷ nguyên công nghệ số, kỷ nguyên vươn mình của đất nước, quá trình chuyển đổi số trong ngành ngân hàng đang diễn ra mạnh mẽ, sâu rộng, tạo điều kiện thuận lợi đặc biệt quan trọng để các TCCSĐ trong các NHNN đổi mới phương thức lãnh đạo và nâng cao hiệu quả hoạt động. Chuyển đổi số không chỉ nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành nghiệp vụ ngân hàng mà còn mở ra những phương thức hiện đại trong công tác xây dựng Đảng. Thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin, các TCCSĐ có điều kiện triển khai phần mềm quản lý đảng viên, số hóa hồ sơ, quản lý sinh hoạt chi bộ, theo dõi kết quả đánh giá đảng viên và giám sát việc thực hiện nghị quyết một cách khoa học, kịp thời. Việc số hóa quy trình quản lý góp phần giảm thủ tục hành chính, tăng tính minh bạch, chính xác, đồng thời giúp cấp ủy chủ động nắm bắt tình hình tổ chức, đảng viên để điều chỉnh phương thức lãnh đạo phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Trong bối cảnh hoạt động chuyên môn ngân hàng có cường độ cao và hàm lượng kỹ thuật lớn, chuyển đổi số còn tạo điều kiện tổ chức sinh hoạt trực tuyến, chia sẻ tài liệu điện tử, cập nhật nhanh chóng chủ trương, đường lối của Đảng, qua đó nâng cao chất lượng giáo dục chính trị tư tưởng, tăng cường năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của TCCSĐ, đáp ứng yêu cầu phát triển ngành ngân hàng hiện đại, minh bạch và hội nhập.

4.1.1.2. Dự báo các yếu tố khó khăn

Một là, ảnh hưởng từ mặt trái của nền kinh tế thị trường đến tư tưởng, đạo đức và lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên

Nền kinh tế thị trường (KTMT) định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đã và đang đóng vai trò quan trọng trong thúc đẩy tăng trưởng, phát triển KT - XH. Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực, nó cũng bộc lộ nhiều mặt trái, tác động đến nhận thức, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận CBDV. Các hiện tượng như chạy theo chủ nghĩa cá nhân, thực dụng, vụ lợi, suy thoái về tư tưởng chính trị, phai nhạt lý tưởng cách mạng, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”... đang có xu hướng gia tăng và diễn ra một cách tinh vi, đặc biệt trong môi trường đặc thù như ngành ngân hàng - nơi dễ bị chi phối bởi lợi ích vật chất, tài chính, quyền lực và cơ chế thị trường. Điều này đặt ra thách thức lớn đối với TCCSD trong việc giữ vững bản chất cách mạng, tính tiên phong, gương mẫu và sức chiến đấu trong các NHNN. Trong môi trường ngân hàng, nơi mà kết quả công việc thường được đo bằng các chỉ số tài chính, doanh số, lợi nhuận, đảng viên dễ rơi vào tâm lý đánh giá giá trị bản thân chủ yếu qua vật chất, mà coi nhẹ trách nhiệm chính trị, đạo đức công vụ, làm giảm động lực tham gia hoạt động đảng và suy yếu vai trò của TCCSD. Sức hấp dẫn và cám dỗ từ đồng tiền, cơ chế thị trường cùng với việc buông lỏng rèn luyện đã khiến một số đảng viên có biểu hiện tiêu cực như tham nhũng vật, lợi dụng chức vụ để trục lợi, chạy thành tích, sống buông thả, thờ ơ với sinh hoạt đảng. Những biểu hiện này không chỉ làm suy giảm uy tín cá nhân mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến hình ảnh của tổ chức đảng, làm giảm niềm tin trong nội bộ và từ quần chúng. Sự tha hóa về đạo đức và lối sống khiến việc tuyển chọn, giới thiệu, quy hoạch, bổ nhiệm CBDV gặp khó khăn, vì không ít trường hợp có biểu hiện “đạo đức giả”, che giấu hành vi vụ lợi. Mặt trái của nền kinh tế thị trường đang đặt ra thách thức không nhỏ đối với TCCSD trong các NHNN, đặc biệt trong việc giữ vững bản chất chính trị, đạo đức cách mạng và tính tiên phong, gương mẫu của đảng viên.

Hai là, quá trình hội nhập quốc tế trong tình hình mới ảnh hưởng đến công tác xây dựng, củng cố TCCSD trong NHNN Việt Nam hiện nay

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đang diễn ra ngày càng sâu rộng, công tác xây dựng, củng cố TCCSĐ trong NHNN đang phải đối diện với nhiều khó khăn và thách thức mang tính hệ thống. Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của BCT về Hội nhập quốc tế trong tình hình mới đã xác định rõ: hội nhập quốc tế là một trong những động lực chiến lược thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững đất nước; đồng thời nhấn mạnh yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, đổi mới toàn diện phương thức, tư duy lãnh đạo trong điều kiện hội nhập sâu rộng. Chính trong quá trình đó, công tác xây dựng Đảng trong NHNN - một cơ quan đặc thù về quản lý tài chính, tiền tệ, ngân hàng, chịu những tác động mạnh mẽ cả về nhận thức chính trị, cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động.

Trước hết, khó khăn lớn thể hiện ở sự chuyển biến về tư duy chính trị và phương thức lãnh đạo trong môi trường hội nhập quốc tế sâu rộng. Việc NHNN trở thành chủ thể quan trọng trong việc thực thi các cam kết quốc tế, tham gia hệ thống tài chính toàn cầu khiến đội ngũ CBĐV thường xuyên phải tiếp xúc với các chuẩn mực và mô hình quản trị hiện đại. Trong khi đó, nhiều tổ chức đảng ở cơ sở chưa kịp thời đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt và phương thức lãnh đạo cho phù hợp với yêu cầu mới. Sự chú trọng quá mức vào chuyên môn nghiệp vụ, mà xem nhẹ công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đã làm giảm vai trò định hướng của tổ chức đảng trong nhiều đơn vị. Điều này dẫn đến tình trạng một số cấp ủy lúng túng trong việc kết hợp hài hòa giữa mục tiêu chuyên môn và yêu cầu chính trị, giữa nguyên tắc lãnh đạo của Đảng và tính linh hoạt của hoạt động hội nhập. Bên cạnh đó, môi trường hợp tác và cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt cũng đặt ra yêu cầu cao hơn đối với năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của TCCSĐ trong NHNN.

Ba là, những thách thức trong cải cách hành chính, sắp xếp mô hình tổ chức đảng tác động đến hoạt động của TCCSĐ trong các NHNN.

Trong bối cảnh hiện nay, công tác xây dựng, củng cố TCCSĐ trong hệ thống NHNN Việt Nam đang chịu tác động mạnh mẽ của quá trình cải cách hành chính và sắp xếp lại mô hình tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Việc triển khai Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 và Kết luận số 151-KL/TW ngày 25/4/2025 của Ban Bí thư về tiếp tục sắp xếp mô hình tổ chức đảng ở một số cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý theo ngành dọc và trong các doanh nghiệp nhà nước đã đặt ra những yêu cầu rất cao về việc tinh gọn bộ máy, tránh chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, đồng thời vẫn phải bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng trong từng đơn vị.

Trong bối cảnh đó, các TCCSĐ trong NHNN chịu tác động kép: vừa phải thích ứng với cơ cấu tổ chức hành chính - kinh tế đang được sắp xếp, vừa phải duy trì vai trò hạt nhân chính trị, bảo đảm sự thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn. Việc sáp nhập, giải thể, điều chỉnh cơ cấu các chi nhánh, đơn vị trực thuộc làm phát sinh nhiều vấn đề như thay đổi tổ chức đảng cấp cơ sở, biến động đảng viên, khó khăn trong công tác quy hoạch, phân công nhiệm vụ và kiểm tra, giám sát nội bộ. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, cũng như khả năng triển khai các nghị quyết của TCCSĐ.

Bên cạnh đó, theo tinh thần Nghị quyết 76/2025/UBTVQH15, quá trình sắp xếp đơn vị hành chính hướng tới tinh giản, hiệu quả, song lại đặt ra yêu cầu cao về việc “điều chỉnh mô hình tổ chức đảng tương thích”, tránh tình trạng hình thức hoặc xa rời thực tiễn hoạt động chuyên môn. Trong khi đó, Kết luận số 208-KL/TW, ngày 11/11/2025 của BCT, Ban Bí thư về sắp xếp tổ chức đảng trong các tập đoàn, tổng công ty, NHTM nhà nước đã xác lập mô hình các đảng bộ trong hệ thống NHNN đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng ủy NHNN Việt Nam. Yêu cầu bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng đồng thời hài hòa với tính đặc thù, tính linh hoạt của

từng ngân hàng đòi hỏi quá trình sắp xếp tổ chức đảng phải được thực hiện thận trọng, đồng bộ và có lộ trình phù hợp. Việc vừa đáp ứng yêu cầu quản lý thống nhất của NHNN, vừa duy trì tính linh hoạt, tự chủ của các TCCSĐ, là một thách thức không nhỏ.

Từ thực tiễn đó, có thể thấy rằng cải cách hành chính và sắp xếp mô hình tổ chức đảng tuy là yêu cầu tất yếu nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, nhưng đồng thời cũng tạo ra sức ép lớn đối với công tác xây dựng Đảng ở cơ sở. Nếu không có cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan hành chính với tổ chức đảng, không làm tốt công tác tư tưởng, tổ chức và cán bộ, thì rất dễ dẫn đến tình trạng “hành chính hóa” hoạt động đảng, giảm sút sức chiến đấu, thậm chí ảnh hưởng đến vai trò hạt nhân chính trị của TCCSĐ trong toàn hệ thống NHNN Việt Nam.

Bốn là, áp lực công việc lớn, chuyên môn hóa cao làm giảm mức độ quan tâm và hiệu quả thực hiện công tác đảng trong NHNN

Trong điều kiện phát triển KTTT, hội nhập quốc tế và chuyển đổi số mạnh mẽ, ngành ngân hàng Việt Nam, đặc biệt là các NHNN đang phải chịu áp lực rất lớn trong việc nâng cao hiệu quả kinh doanh, kiểm soát rủi ro, tuân thủ pháp luật và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế. Tính chất công việc trong ngân hàng ngày càng chuyên môn hóa cao, đòi hỏi cán bộ, nhân viên phải liên tục cập nhật kiến thức, làm việc với cường độ lớn, dưới áp lực doanh số, chỉ tiêu tài chính, và thời hạn xử lý nghiệp vụ. Trong môi trường đó, công tác đảng vốn mang tính chính trị, tư tưởng dễ bị coi nhẹ.

Khi áp lực công việc ngày càng lớn, nhiều CBDV, đặc biệt là ở vị trí giao dịch, tín dụng, quản lý rủi ro, công nghệ... không còn đủ thời gian để tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chuyên đề hoặc các hoạt động chính trị - tư tưởng. Điều này dẫn đến tình trạng vắng mặt thường xuyên, tham gia hình thức, thiếu đóng góp thực chất, làm giảm hiệu quả và chất lượng sinh hoạt đảng. Ngoài ra, nội dung sinh hoạt có lúc còn mang tính

rập khuôn, ít gắn với nhiệm vụ chuyên môn cụ thể, khiến đảng viên cảm thấy “thiếu liên quan”, dẫn đến tâm lý thờ ơ, làm cho chi bộ hoạt động một cách hình thức, không phát huy được vai trò lãnh đạo, hạt nhân chính trị. TCCSĐ trong các NHNN thường gặp khó khăn trong việc lựa chọn thời điểm, hình thức và nội dung phù hợp để tổ chức các hoạt động chính trị - tư tưởng do thời gian làm việc căng thẳng, lịch trình dày đặc và đặc thù công việc theo ca, theo giao dịch.

4.1.2. Phương hướng nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong ngân hàng nhà nước ở Việt Nam thời gian tới

Thời gian tới, ngành ngân hàng có nhiều cơ hội khi hành lang pháp lý ngày càng hoàn thiện, hướng đến các chuẩn mực quốc tế; xu hướng chuyển đổi số, chuyển đổi xanh tạo nhiều động lực phát triển. Về thách thức, thị trường tài chính toàn cầu đối mặt với những biến động khó lường, áp lực tăng vốn để đáp ứng chuẩn mực Basel III, nợ xấu có thể tiếp tục gia tăng gây áp lực lên tình hình tài chính của các tổ chức tín dụng, rủi ro an ninh mạng ngày càng phức tạp.

Trong bối cảnh đó, để nâng cao chất lượng TCCSĐ trong các NHNN ở Việt Nam cần thực hiện tốt các phương hướng sau:

Một là, tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng ở các TCCSĐ gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của ngân hàng.

Xuất phát từ yêu cầu khách quan của sự nghiệp đổi mới đất nước, đặc biệt là trong bối cảnh ngành ngân hàng giữ vai trò huyết mạch của nền kinh tế, trực tiếp tác động đến ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm an ninh tiền tệ và thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Trong ngành ngân hàng, chất lượng TCCSĐ càng có ý nghĩa đặc biệt khi mọi hoạt động của hệ thống ngân hàng đều đòi hỏi sự tuân thủ kỷ luật nghiêm ngặt, tính minh bạch cao và khả năng thích ứng với môi trường hội nhập quốc tế. Trên thực tế, việc nâng cao chất lượng TCCSĐ trong các NHNN ở Việt Nam không thể tách rời nhiệm vụ chuyên môn của ngành. Nếu công tác đảng chỉ dừng lại ở hình thức,

không gắn với yêu cầu quản lý tiền tệ, tín dụng, thanh toán, hiện đại hóa ngân hàng, thì sẽ dẫn đến tình trạng tách rời giữa “xây dựng Đảng” và “phát triển chuyên môn”, làm giảm hiệu quả lãnh đạo, thậm chí gây suy giảm niềm tin của CBDV. Do vậy, yêu cầu cốt lõi của phương hướng này là mọi hoạt động xây dựng Đảng, từ việc ban hành nghị quyết, triển khai công tác kiểm tra, giám sát, tổ chức sinh hoạt chi bộ, đến công tác cán bộ đều phải bám sát chiến lược phát triển và nhiệm vụ chính trị của ngành ngân hàng, lấy hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn làm một trong những tiêu chí đánh giá năng lực lãnh đạo của TCCSĐ.

Hai là, tăng cường vận dụng chuyển đổi số trong Đảng nhằm nâng cao chất lượng TCCSĐ trong NHNN

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong công tác xây dựng Đảng và quản lý đảng viên trở thành một phương hướng tất yếu, có ý nghĩa chiến lược đối với việc nâng cao chất lượng TCCSĐ trong các NHNN ở Việt Nam. Đảng ta đã nhiều lần nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đổi mới phương thức lãnh đạo, quản trị xã hội và xây dựng TCCSĐ gắn liền với việc khai thác hiệu quả những thành tựu của khoa học - công nghệ. Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của BCT về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, hay Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm CBDV suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” đã chỉ rõ, chuyển đổi số không chỉ là giải pháp phát triển kinh tế mà còn là một yêu cầu để nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng. Đối với hệ thống NHNN, đây là lĩnh vực có vai trò then chốt trong ổn định vĩ mô, bảo đảm an ninh tài chính - tiền tệ quốc gia, phương hướng này càng có ý

nghĩa đặc biệt quan trọng bởi nó gắn trực tiếp với yêu cầu hiện đại hóa quản trị ngân hàng và duy trì vai trò hạt nhân lãnh đạo của TCCSD trong điều kiện mới.

Ba là, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong các NHNN

Việc rèn luyện và bồi dưỡng phẩm chất chính trị không chỉ dừng lại ở việc nâng cao nhận thức lý luận, mà còn phải chuyển hóa thành bản lĩnh thực tiễn, sự kiên định, tính chiến đấu, khả năng chống lại những tác động tiêu cực của mặt trái cơ chế thị trường, các luận điệu sai trái, thù địch, qua đó tạo nên sức đề kháng chính trị - tư tưởng mạnh mẽ cho toàn hệ thống. Bên cạnh đó, xây dựng và củng cố đạo đức cách mạng cho CBDV trong ngành ngân hàng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi ngân hàng là lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực, lợi ích nhóm, tham nhũng, lạm dụng quyền lực. Mỗi CBDV phải thực sự thấm nhuần các chuẩn mực đạo đức cách mạng, đề cao tinh thần liêm chính, chí công vô tư, khách quan, minh bạch, coi trọng lợi ích quốc gia - dân tộc, đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết. Ngoài ra, việc nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ là yêu cầu cấp thiết để đội ngũ CBDV đáp ứng được sự biến đổi nhanh chóng của nền kinh tế số và quá trình chuyển đổi số trong ngành ngân hàng. Họ cần được trang bị kiến thức sâu rộng về quản trị rủi ro, công nghệ tài chính, an ninh mạng, thanh toán số, trí tuệ nhân tạo trong phân tích dữ liệu, cùng các chuẩn mực kế toán, kiểm toán và quản trị ngân hàng hiện đại. Đồng thời, phải thường xuyên cập nhật xu hướng quốc tế, am hiểu thông lệ quốc tế để bảo đảm hệ thống NHNN không bị tụt hậu trong bối cảnh hội nhập. Việc bồi dưỡng năng lực chuyên môn phải đi đôi với rèn luyện kỹ năng lãnh đạo, quản lý, khả năng làm việc nhóm, tác phong công vụ chuẩn mực, để mỗi CBDV vừa giỏi về nghiệp vụ, vừa vững về chính trị, vừa trong sáng về đạo đức.

Bốn là, tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt chi bộ theo hướng thiết thực, hiệu quả, gắn liền với đặc thù hoạt động ngân hàng và yêu cầu phát triển trong tình hình mới.

Việc đổi mới cần tập trung vào cả nội dung và phương thức. Về nội dung, các chi bộ cần gắn chặt việc học tập, thảo luận nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng với nhiệm vụ chuyên môn của ngân hàng, như quản lý tín dụng, thanh toán quốc tế, chuyển đổi số, quản trị rủi ro, phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động tài chính - tiền tệ. Các vấn đề thảo luận phải sát với đặc thù công việc, phản ánh đúng những vướng mắc, khó khăn và yêu cầu mới của hoạt động ngân hàng, tránh tình trạng sinh hoạt chung chung, hình thức. Về phương thức, cần đa dạng hóa hình thức sinh hoạt, kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, giữa thảo luận tập trung và trao đổi theo nhóm, ứng dụng công nghệ số trong quản lý hồ sơ, theo dõi đảng viên, tổ chức sinh hoạt định kỳ và chuyên đề một cách khoa học, sinh động. Đồng thời, sinh hoạt chi bộ phải phát huy được tính dân chủ, tinh thần phê bình và tự phê bình, khuyến khích đảng viên nêu ý kiến thẳng thắn, trách nhiệm, gắn thảo luận chính trị với giải quyết các vấn đề thực tiễn của đơn vị. Đây là cơ sở để mỗi đảng viên không chỉ nâng cao bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp, mà còn trực tiếp góp phần tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo trong hoạt động ngân hàng. Qua đó, sinh hoạt chi bộ trở thành nơi quy tụ trí tuệ tập thể, phát huy sức mạnh đoàn kết, đồng thuận, định hướng đúng đắn cho hoạt động chuyên môn và chiến lược phát triển của toàn hệ thống NHNN.

4.2. Những giải pháp chủ yếu nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong các ngân hàng nhà nước ở Việt Nam trong thời gian tới

4.2.1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy các cấp về nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong các ngân hàng nhà nước, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của ngành ngân hàng

Nâng cao nhận thức của cấp ủy các cấp về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng TCCSĐ trong các NHNN có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đây là giải pháp nền tảng, định hướng trực tiếp đến hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng trong toàn ngành ngân hàng. Bởi lẽ, TCCSĐ được coi là nền tảng của Đảng,

là hạt nhân chính trị tại mỗi đơn vị, chi phối toàn bộ chất lượng hoạt động và uy tín của tổ chức đảng trong ngành. Trong điều kiện ngành ngân hàng đang đối diện với nhiều yêu cầu mới về ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, phát triển bền vững, đẩy mạnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế, vai trò lãnh đạo, định hướng chính trị của TCCSĐ càng trở nên cấp thiết, mang tính quyết định. Tuy nhiên, thực tế thời gian qua cho thấy, ở một số nơi, cấp ủy vẫn chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng này; công tác xây dựng Đảng đôi khi bị coi nhẹ so với nhiệm vụ chuyên môn, dẫn đến tình trạng sinh hoạt chi bộ còn hình thức, chất lượng chưa cao, chưa thực sự gắn kết với đặc thù hoạt động ngân hàng. Do vậy, việc nâng cao nhận thức của cấp ủy các cấp trở thành yêu cầu tất yếu, khách quan.

Từ việc nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, sẽ tạo cơ sở để thống nhất ý chí và hành động, khắc phục tình trạng coi nhẹ công tác đảng, tách rời giữa lãnh đạo chính trị với quản lý, điều hành chuyên môn, qua đó nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của TCCSĐ trong các NHNN. Trên cơ sở đó, cấp ủy các cấp cần nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò của TCCSĐ với tư cách là hạt nhân chính trị ở cơ sở, trực tiếp lãnh đạo việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm như bảo đảm an toàn hệ thống tiền tệ, tín dụng, quản lý và sử dụng hiệu quả vốn, tài sản nhà nước, phòng ngừa rủi ro, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động ngân hàng. Trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy phải được thể hiện cụ thể bằng việc đưa nội dung nâng cao chất lượng TCCSĐ vào nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác hằng năm; phân công rõ trách nhiệm của từng cấp ủy viên; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất, xuyên suốt giữa công tác xây dựng Đảng và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Đồng thời, cấp ủy cần gắn việc nâng cao chất lượng TCCSĐ với yêu cầu đổi mới, tái cơ cấu, hiện đại hóa ngành ngân hàng trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số, thông qua việc đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng văn hóa doanh nghiệp và đạo

đức nghề nghiệp ngân hàng. Do đó, để triển khai hiệu quả giải pháp này, cần tập trung thực hiện một số biện pháp sau:

Một là, tổ chức quán triệt sâu sắc các quan điểm, nghị quyết của Đảng về công tác xây dựng TCCSD.

Đây là nhiệm vụ nền tảng nhằm nâng cao nhận thức chính trị, tư tưởng của đội ngũ cấp ủy, CBDV đối với vai trò hạt nhân của TCCSD trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị. Các NHNN cần đẩy mạnh việc phổ biến, quán triệt các nghị quyết của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, XIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, các chỉ thị, kết luận liên quan đến nâng cao năng lực, sức chiến đấu của TCCSD trong hệ thống chính trị. Hình thức quán triệt cần đổi mới theo hướng chuyên sâu, gắn lý luận với thực tiễn hoạt động ngân hàng, tổ chức các hội nghị, tọa đàm, đối thoại chuyên đề nhằm tạo sự thống nhất nhận thức trong cấp ủy và toàn thể đảng viên.

Hai là, đưa nội dung nâng cao chất lượng tổ TCCSD vào chương trình làm việc và tiêu chí đánh giá của cấp ủy các cấp.

Để đảm bảo tính thực chất, công tác xây dựng TCCSD cần được lồng ghép chặt chẽ vào chương trình, kế hoạch công tác của các cấp ủy và đơn vị chuyên môn. Việc nâng cao chất lượng TCCSD không thể chỉ dừng lại ở khẩu hiệu, mà cần cụ thể hóa thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung công việc rõ ràng, có phân công trách nhiệm, có đánh giá định kỳ. Đồng thời, đây cũng phải là một trong những tiêu chí quan trọng trong việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể cấp ủy và cá nhân người đứng đầu, qua đó nâng cao trách nhiệm chính trị của mỗi cấp trong công tác xây dựng Đảng.

Ba là, phát huy vai trò nêu gương, tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy và đơn vị trong công tác xây dựng TCCSD.

Người đứng đầu cấp ủy, đồng thời là thủ trưởng đơn vị phải thể hiện rõ vai trò tiên phong, gương mẫu, không chỉ trong công tác chuyên môn mà còn trong lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động của tổ chức đảng. Họ phải trực tiếp chỉ đạo

tổ chức sinh hoạt chi bộ nghiêm túc, lãnh đạo xây dựng đội ngũ CBDV vững mạnh, và tích cực tham gia học tập, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Việc nêu gương của người đứng đầu có ý nghĩa dẫn dắt, tạo sự lan tỏa trong nội bộ, đồng thời củng cố niềm tin và sự gắn bó của đảng viên với tổ chức đảng.

Bốn là, đổi mới phương pháp tuyên truyền, nâng cao hiệu quả giáo dục nhận thức chính trị trong toàn hệ thống NHNN.

Công tác tuyên truyền, giáo dục về vai trò của TCCSD cần được triển khai một cách linh hoạt, hiện đại, sát với đặc thù hoạt động của ngành ngân hàng. Các cấp ủy có thể sử dụng hệ thống mạng nội bộ, bản tin nội dung chính trị - nghiệp vụ, nền tảng số và các công cụ truyền thông nội bộ khác để cập nhật thông tin, phổ biến gương điển hình và lan tỏa giá trị tích cực của công tác đảng. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh biểu dương, nhân rộng các mô hình TCCSD tiêu biểu, những đảng viên gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ chính trị để khơi dậy phong trào thi đua, tạo động lực cho việc nâng cao chất lượng tổ chức đảng trong toàn ngành.

Chỉ khi nhận thức được tầm quan trọng then chốt của TCCSD trong các NHNN, cấp ủy các cấp mới có thể triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp nhằm xây dựng tổ chức đảng thực sự trong sạch, vững mạnh, đủ sức lãnh đạo toàn diện, thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ chính trị được giao trong thời kỳ mới.

4.2.2. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác đảng và cấp ủy các cấp

Trong hệ thống NHNN - nơi có tính chất chuyên môn hóa cao, khối lượng công việc lớn, áp lực điều hành chính sách tiền tệ thường xuyên thay đổi, việc xây dựng TCCSD trong sạch, vững mạnh không thể tách rời khỏi chất lượng của đội ngũ cán bộ làm công tác đảng, công tác chính trị. Thực tiễn cho thấy, ở nhiều đơn vị, công tác đảng vẫn bị coi là “kiêm nhiệm”, thiếu chiều sâu chuyên môn, và cán bộ phụ trách công tác này chưa được đào tạo

bài bản hoặc còn thiếu kỹ năng nghiệp vụ, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số, cải cách hành chính và hội nhập quốc tế hiện nay. Vì vậy, chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBDV chuyên trách về công tác đảng, công tác chính trị là một giải pháp then chốt, có ý nghĩa trực tiếp nâng cao chất lượng, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của TCCSD trong các NHNN ở Việt Nam hiện nay. Giải pháp này cần được triển khai đồng bộ với mục tiêu: xây dựng đội ngũ cán bộ đảng chuyên trách không chỉ vững vàng về bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng mà còn thành thạo về kỹ năng nghiệp vụ đảng, hiểu rõ đặc thù lĩnh vực ngân hàng, có khả năng nắm bắt tâm lý, tư tưởng đảng viên, định hướng dư luận và tham mưu kịp thời cho cấp ủy trong xử lý các tình huống nảy sinh trong công tác xây dựng Đảng.

Nội dung của giải pháp này tập trung vào việc thường xuyên bồi dưỡng lý luận chính trị, nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng, kỹ năng lãnh đạo, quản lý và phương pháp tổ chức thực tiễn cho đội ngũ cấp ủy, cán bộ làm công tác đảng, bảo đảm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Việc đào tạo cần gắn chặt giữa lý luận với thực tiễn, giữa kiến thức công tác đảng với hiểu biết chuyên môn của ngành, nhất là các lĩnh vực mới, phức tạp, từ đó nâng cao năng lực tham mưu, tổ chức thực hiện và xử lý hiệu quả các vấn đề nảy sinh ở cơ sở. Đồng thời, chú trọng cập nhật kiến thức về chuyển đổi số, quản trị hiện đại, kỹ năng kiểm tra, giám sát và công tác dân vận, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, cấp ủy có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng và năng lực đáp ứng yêu cầu lãnh đạo trong giai đoạn hiện nay. Để thực hiện tốt giải pháp này, cần chú ý các nhiệm vụ sau:

Một là, rà soát, đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ làm công tác đảng, công tác chính trị trong toàn hệ thống NHNN.

Đội ngũ cán bộ làm công tác đảng, công tác chính trị giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc tham mưu, tổ chức, triển khai toàn bộ hoạt động xây dựng Đảng trong các TCCSD. Chất lượng của đội ngũ này tác động trực tiếp đến hiệu

quả lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, đồng thời quyết định mức độ gắn kết giữa công tác đảng với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của đơn vị. Trong điều kiện hoạt động của các NHNN hiện nay đang chịu sự chi phối mạnh mẽ từ quá trình chuyển đổi số, hội nhập tài chính và áp lực ổn định kinh tế vĩ mô, yêu cầu đặt ra là tổ chức đảng các cấp phải thật sự vững mạnh về tổ chức, chính trị và tư tưởng. Muốn vậy, cần thiết phải bắt đầu từ khâu then chốt là xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác đảng có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, có năng lực tham mưu chiến lược, khả năng tổ chức thực tiễn và thích ứng nhanh với yêu cầu đổi mới. Tuy nhiên, thực tế hiện nay cho thấy, ở nhiều NHNN, công tác đảng vẫn mang tính hình thức, sự phân công cán bộ chuyên trách chưa hợp lý, thiếu tính kế thừa, đội ngũ cán bộ đảng còn lúng túng trong phương pháp tiếp cận công tác chính trị, tư tưởng và kỹ năng quản trị tổ chức đảng. Do đó, việc rà soát, đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ làm công tác đảng, công tác chính trị một cách bài bản, khách quan và toàn diện là yêu cầu cấp thiết, vừa mang ý nghĩa định hướng chiến lược lâu dài, vừa là cơ sở thực tiễn để xây dựng các giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của TCCSĐ trong các NHNN ở Việt Nam.

Hai là, xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu phù hợp với đặc thù hoạt động của ngành ngân hàng.

Công tác đảng trong các NHNN có những đặc thù riêng, chịu sự chi phối đồng thời của các yếu tố: chính trị, pháp lý, chuyên môn nghiệp vụ và công nghệ tài chính. Vì vậy, chương trình đào tạo cán bộ đảng không thể áp dụng khuôn mẫu chung mà cần xây dựng riêng cho phù hợp. Cụ thể, ngoài việc bồi dưỡng lý luận chính trị cơ bản, cần đưa vào nội dung đào tạo các kỹ năng cần thiết như: xây dựng nghị quyết chi bộ theo hướng đổi mới, tổ chức sinh hoạt đảng theo chuyên đề gắn với nhiệm vụ chuyên môn, kỹ năng tư duy phản biện chính trị, kỹ năng xử lý mâu thuẫn tư tưởng trong đảng viên, kỹ năng phát hiện, bồi dưỡng quần chúng ưu tú, và đặc biệt là kỹ năng ứng dụng

công nghệ số trong quản trị tổ chức đảng. Mỗi chương trình đào tạo cần được thiết kế linh hoạt theo từng cấp độ (chi bộ, đảng bộ bộ phận, đảng bộ cơ sở...), có bài tập thực hành, có kiểm tra đầu ra và có cơ chế ghi nhận kết quả để làm căn cứ đánh giá, sử dụng cán bộ sau đào tạo.

Ba là, đa dạng hóa hình thức đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao tính thực tiễn trong phương pháp giảng dạy.

Đây là một nhiệm vụ quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác đảng trong các NHNN, từ đó góp phần xây dựng TCCSĐ thực sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức. Thực tiễn cho thấy, việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đảng hiện nay ở nhiều đơn vị còn nặng về lý thuyết, thiếu chiều sâu và chưa thực sự gắn với những yêu cầu cụ thể của hoạt động công tác đảng trong môi trường ngân hàng - nơi có tính chuyên môn cao và đòi hỏi tư duy đổi mới, linh hoạt. Do đó, cần thiết phải đổi mới cách thức đào tạo theo hướng đa dạng hóa hình thức, như kết hợp giữa đào tạo tập trung và đào tạo trực tuyến, tổ chức các lớp chuyên đề, tọa đàm trao đổi kinh nghiệm giữa các chi bộ tiêu biểu, hoặc thực hiện mô hình “học tại nơi làm việc” gắn với xử lý tình huống thực tiễn. Bên cạnh đó, cần chú trọng nâng cao tính thực tiễn trong phương pháp giảng dạy bằng cách lồng ghép các tình huống phát sinh trong công tác xây dựng đảng ở ngành ngân hàng, như: giải quyết vướng mắc trong tổ chức sinh hoạt chi bộ, xử lý đảng viên vi phạm đạo đức nghề nghiệp, vận động quần chúng trong điều kiện làm việc áp lực cao, hoặc tổ chức sinh hoạt chi bộ trong môi trường làm việc số hóa. Giảng viên cần được lựa chọn là những người có kinh nghiệm thực tiễn phong phú, am hiểu cả về công tác đảng và chuyên môn ngành, để vừa truyền đạt lý luận, vừa chia sẻ kỹ năng xử lý tình huống cụ thể. Ngoài ra, việc tổ chức các hoạt động tương tác, thảo luận nhóm, thực hành xây dựng nghị quyết, đánh giá chất lượng sinh hoạt chi bộ... cũng cần được đưa vào chương trình giảng dạy, nhằm nâng cao năng lực tư duy, phân tích và hành động thực tiễn cho học viên. Từ đó, đội ngũ cán bộ đảng được đào tạo không chỉ nắm vững lý thuyết mà còn

có thể vận dụng linh hoạt vào điều kiện cụ thể của từng đơn vị, góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của TCCSD trong toàn hệ thống NHNN.

Bốn là, thực hiện luân chuyển, bố trí và quy hoạch cán bộ đảng phù hợp, gắn với sử dụng và đãi ngộ hợp lý

Trong thực tiễn, ở nhiều NHNN, việc phân công cán bộ làm công tác đảng còn mang tính hình thức, chưa căn cứ vào năng lực thực tiễn, kinh nghiệm và sở trường của cán bộ. Điều này không chỉ làm giảm hiệu quả tổ chức, triển khai nhiệm vụ đảng mà còn gây lãng phí nguồn nhân lực, làm suy giảm động lực cống hiến của đội ngũ CBDV. Do đó, cần thiết phải đổi mới tư duy trong công tác cán bộ đảng, bắt đầu từ khâu quy hoạch, bố trí và sử dụng hợp lý, khoa học, đúng người, đúng việc, trên cơ sở đánh giá toàn diện về phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực chuyên môn và uy tín trong tập thể. Việc luân chuyển cán bộ làm công tác đảng giữa các vị trí công tác trong nội bộ ngân hàng, như từ chi bộ chuyên môn sang đoàn thể, từ chi nhánh về hội sở và ngược lại là cần thiết để rèn luyện tư duy hệ thống, tích lũy kinh nghiệm thực tiễn và tăng khả năng thích ứng với yêu cầu công việc đa dạng. Cần tổ chức luân chuyển cán bộ gắn với kế hoạch đào tạo để tạo điều kiện rèn luyện thực tiễn. Đây không chỉ là một hình thức bố trí, sử dụng cán bộ hợp lý, mà còn là phương thức đào tạo, bồi dưỡng năng lực thực tiễn một cách trực tiếp và hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ đảng, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong tổ chức đảng. Thực tế cho thấy, nhiều cán bộ đảng sau khi được đào tạo bài bản về lý luận và nghiệp vụ nhưng chưa được trải nghiệm thực tiễn trong các môi trường công tác khác nhau thường thiếu tính linh hoạt, chưa có khả năng xử lý tình huống đa dạng, dẫn đến hạn chế trong công tác lãnh đạo, điều hành tổ chức đảng. Luân chuyển cán bộ không chỉ nhằm khắc phục tình trạng cục bộ, khép kín, trì trệ trong tổ chức đảng mà còn giúp cán bộ tích lũy kinh nghiệm công tác phong phú, mở rộng tư duy và tăng cường bản lĩnh chính trị. Đặc biệt trong ngành ngân hàng, nơi

có hệ thống tổ chức rộng lớn từ Trung ương đến địa phương, nhiều đơn vị chức năng khác nhau và yêu cầu ngày càng cao về chất lượng quản trị thì luân chuyển cán bộ gắn với đào tạo càng trở thành yêu cầu bắt buộc để xây dựng đội ngũ cán bộ “đa năng, toàn diện”. Việc luân chuyển cần được thực hiện trên cơ sở quy hoạch cán bộ dài hạn, gắn chặt với lộ trình đào tạo và bồi dưỡng. Đặc biệt, cần ưu tiên luân chuyển cán bộ trẻ, cán bộ trong diện quy hoạch cấp ủy các cấp, cán bộ có tiềm năng nhưng thiếu cơ hội thử thách để phát hiện, tạo nguồn kế cận cho đội ngũ lãnh đạo chủ chốt. Đồng thời, cần xây dựng lộ trình phát triển rõ ràng cho cán bộ đảng chuyên trách, bảo đảm sự kế thừa, ổn định và phát triển lâu dài. Cùng với đó, chính sách đãi ngộ cho cán bộ làm công tác đảng, vốn thường gắn với trách nhiệm cao nhưng ít điều kiện hỗ trợ cần được quan tâm đúng mức, cả về vật chất lẫn tinh thần. Chế độ phụ cấp, khen thưởng, xét thi đua, bổ nhiệm cán bộ phải bảo đảm công khai, minh bạch và công bằng, để tạo động lực thực chất cho cán bộ gắn bó lâu dài, toàn tâm toàn ý với công việc. Khi cán bộ đảng được quy hoạch, bố trí, sử dụng và đãi ngộ một cách hợp lý, phù hợp với năng lực và cống hiến, sẽ góp phần xây dựng TCCSD trong các NHNN ngày càng vững mạnh, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới.

4.2.3. Đổi mới việc ban hành và tổ chức thực hiện nghị quyết, chương trình, kế hoạch hành động về xây dựng và củng cố TCCSD trong hệ thống ngân hàng nhà nước Việt Nam

Việc đổi mới ban hành và tổ chức thực hiện nghị quyết, chương trình, kế hoạch hành động về xây dựng và củng cố TCCSD đảng trong hệ thống NHNN Việt Nam xuất phát từ yêu cầu thực tiễn nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực then chốt, nhạy cảm của nền kinh tế. Trong bối cảnh hoạt động ngân hàng ngày càng chịu tác động mạnh mẽ của hội nhập quốc tế, chuyển đổi số, yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống tài chính - tiền tệ và phòng, chống rủi ro, tiêu cực ngày càng cao, nếu nghị quyết, chương trình, kế hoạch xây

dụng Đảng chậm đổi mới, mang tính hình thức, thiếu tính khả thi sẽ không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ chính trị đặt ra. Do đó, việc đổi mới là cần thiết nhằm khắc phục tình trạng nghị quyết chung chung, thiếu trọng tâm, chưa gắn chặt với nhiệm vụ chuyên môn; đồng thời bảo đảm sự thống nhất giữa lãnh đạo chính trị của Đảng với quản lý, điều hành hoạt động ngân hàng, qua đó nâng cao vai trò, uy tín và năng lực lãnh đạo của TCCSĐ trong toàn hệ thống.

Nội dung của giải pháp đổi mới tập trung trước hết vào việc nâng cao chất lượng ban hành nghị quyết, chương trình, kế hoạch theo hướng sát thực tiễn, rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình và trách nhiệm tổ chức thực hiện, gắn chặt công tác xây dựng TCCSĐ với thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng ngân hàng, đơn vị. Cấp ủy các cấp cần đổi mới quy trình xây dựng nghị quyết theo hướng phát huy trí tuệ tập thể, tăng cường tổng kết thực tiễn, dự báo đúng tình hình, lựa chọn đúng khâu đột phá. Đồng thời, chú trọng tổ chức thực hiện nghị quyết bằng các chương trình, kế hoạch hành động cụ thể, khả thi; tăng cường kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, kịp thời điều chỉnh, bổ sung nội dung phù hợp với yêu cầu phát triển và đặc thù hoạt động của hệ thống NHNN, qua đó nâng cao hiệu quả xây dựng và củng cố TCCSĐ trong toàn ngành. Thời gian tới, để triển khai hiệu quả giải pháp này, các TCCSĐ trong NHNN cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

Một là, nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị, ban hành nghị quyết, chương trình, kế hoạch hành động.

Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị và ban hành nghị quyết, chương trình, kế hoạch hành động là nhiệm vụ then chốt, bảo đảm cho sự lãnh đạo của Đảng trong hệ thống NHNN thực sự có chiều sâu, tính khả thi và phù hợp với yêu cầu phát triển trong tình hình mới. Đây là khâu mở đầu có ý nghĩa quyết định đến toàn bộ quá trình tổ chức thực hiện nghị quyết, bởi nếu nghị quyết không được chuẩn bị công phu, thiếu cơ sở lý luận và thực tiễn, thì việc triển khai sau đó sẽ hình thức, kém hiệu quả và khó tạo được sự đồng thuận trong hệ thống.

Trong công tác chuẩn bị nội dung nghị quyết, chương trình, kế hoạch hành động cần được tiến hành một cách khoa học, toàn diện và dựa trên những căn cứ chính trị - pháp lý vững chắc. Các cấp ủy đảng trong hệ thống NHNN phải thực hiện nghiêm túc quy trình xây dựng nghị quyết theo đúng tinh thần Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 14/4/2025 của BCT về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và các hướng dẫn mới của Ban Tổ chức Trung ương, bảo đảm nghị quyết có tính chiến lược, cụ thể, phản ánh đúng tình hình thực tiễn của từng đơn vị. Quá trình chuẩn bị cần dựa trên đánh giá khách quan thực trạng TCCSĐ, phân tích nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém, đồng thời dự báo những yếu tố tác động từ quá trình chuyển đổi số, cải cách thể chế, và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng. Trong quá trình xây dựng và ban hành nghị quyết phải phát huy trí tuệ tập thể, dân chủ trong thảo luận và quyết nghị. Các cấp ủy cần tổ chức lấy ý kiến rộng rãi từ đảng viên, cán bộ chủ chốt, chuyên gia trong ngành để bảo đảm nghị quyết không chỉ phản ánh đúng ý chí của Đảng mà còn phù hợp với đặc thù hoạt động ngân hàng. Việc ban hành nghị quyết phải được gắn liền với các chương trình, kế hoạch hành động cụ thể, trong đó xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình thực hiện, cơ quan chủ trì và cơ chế kiểm tra, giám sát.

Hai là, đổi mới phương thức phổ biến, quán triệt và tổ chức thực hiện nghị quyết

Trước hết, cần đổi mới nội dung và hình thức quán triệt nghị quyết theo hướng thực chất, gắn với đặc thù hoạt động ngân hàng. Các cấp ủy phải khắc phục lối truyền đạt một chiều, tăng cường đối thoại, trao đổi tình huống, liên hệ thực tiễn với công tác điều hành chính sách tiền tệ, tín dụng, thanh tra, giám sát... Qua đó giúp đảng viên nắm vững tinh thần nghị quyết và xác định rõ trách nhiệm hành động. Cùng với đó, trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế sâu rộng, việc ứng dụng công nghệ thông tin và các nền tảng số

trong phổ biến, quán triệt nghị quyết là xu hướng tất yếu. Các đảng bộ trong hệ thống NHNN cần phát huy hiệu quả của công thông tin nội bộ, phần mềm học tập nghị quyết trực tuyến, video tương tác, hội nghị truyền hình kết nối đa điểm, giúp mở rộng phạm vi tiếp cận, tiết kiệm chi phí và thời gian, đồng thời bảo đảm mọi đảng viên, kể cả ở chi nhánh vùng sâu, vùng xa, đều được tiếp cận thông tin đầy đủ, kịp thời. Để nghị quyết thực sự đi vào cuộc sống, các cấp ủy phải đổi mới cách thức tổ chức thực hiện nghị quyết theo hướng cụ thể hóa bằng chương trình, kế hoạch hành động chi tiết, có phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng tập thể, cá nhân, gắn với cơ chế kiểm tra, giám sát thường xuyên và đánh giá kết quả theo tiêu chí định lượng. Mỗi TCCSĐ trong hệ thống NHNN cần xây dựng bản cam kết hành động của đảng viên và kế hoạch thực hiện nghị quyết của chi bộ, coi đó là căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đảng viên và tập thể.

Ba là, gắn trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy với kết quả thực hiện nghị quyết.

Trong bối cảnh yêu cầu đổi mới và hội nhập ngày càng cao, người đứng đầu cấp ủy giữ vai trò quyết định trong việc tổ chức quán triệt, cụ thể hóa và triển khai nghị quyết vào thực tiễn hoạt động của đơn vị. Việc gắn kết quả thực hiện nghị quyết với mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu sẽ tạo cơ chế ràng buộc trách nhiệm, khắc phục tình trạng hình thức, nói nhiều làm ít, học nghị quyết nhưng thiếu hành động cụ thể. Khi trách nhiệm được lượng hóa gắn với kết quả, người đứng đầu sẽ chủ động, sáng tạo hơn trong chỉ đạo, điều hành, đồng thời phát huy tính nêu gương, động viên CBDV thực hiện tốt các mục tiêu của nghị quyết.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, cần xây dựng hệ thống tiêu chí, chỉ số đánh giá cụ thể về hiệu quả thực hiện nghị quyết ở từng cấp, từng đơn vị trong hệ thống NHNN; tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ và công khai kết quả thực hiện như một căn cứ để đánh giá, xếp loại cán bộ lãnh đạo, quản

lý. Cùng với đó, phải phát huy vai trò của tập thể cấp ủy và ủy ban kiểm tra đảng các cấp trong việc giám sát việc thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu, bảo đảm công khai, khách quan, minh bạch. Ngoài ra, cần gắn cơ chế khen thưởng, kỷ luật với kết quả thực hiện nghị quyết - khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích nổi bật; đồng thời xử lý nghiêm người đứng đầu thiếu trách nhiệm, để xảy ra trì trệ, yếu kém trong tổ chức thực hiện. Cơ chế này không chỉ nâng cao tinh thần trách nhiệm, mà còn tạo động lực phấn đấu, lan tỏa tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong toàn hệ thống, qua đó góp phần xây dựng đảng bộ NHNN ngày càng trong sạch, vững mạnh, đủ sức lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới.

4.2.4. Tăng cường thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, đặc biệt là nguyên tắc tập trung dân chủ và nguyên tắc tự phê bình và phê bình

Thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng là yêu cầu có tính nền tảng nhằm bảo đảm sự thống nhất, chặt chẽ và hiệu quả trong toàn bộ hệ thống chính trị, đặc biệt trong môi trường hoạt động đặc thù như hệ thống NHNN. Theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam: “Đảng là một tổ chức chặt chẽ, thống nhất ý chí và hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thương yêu đồng chí, kỷ luật nghiêm minh, đồng thời thực hiện các nguyên tắc: tự phê bình và phê bình, đoàn kết trên cơ sở Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng, gắn bó mật thiết với nhân dân, Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật” [27]. Trong điều kiện hoạt động ngân hàng gắn với quản lý nguồn lực tài chính lớn, phạm vi ảnh hưởng rộng và tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro, nếu việc chấp hành các nguyên tắc của Đảng không nghiêm sẽ dễ dẫn đến biểu hiện độc đoán, chuyên quyền, buông lỏng lãnh đạo hoặc né tránh trách nhiệm, làm suy giảm vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng và uy tín của Đảng.

Nội dung của giải pháp tập trung vào việc quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ trong mọi hoạt động của cấp ủy và tổ chức đảng, bảo đảm các quyết định lãnh đạo được thảo luận dân chủ, quyết định theo đa số, phân công rõ trách nhiệm cá nhân gắn với trách nhiệm tập thể, khắc phục tình trạng tập trung quyền lực cá nhân hoặc dân chủ hình thức. Thời gian tới, để TCCSĐ trong các NHNN thực hiện nghiêm túc và thực chất các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, đặc biệt là nguyên tắc tập trung dân chủ và tự phê bình, phê bình, cần triển khai đồng bộ các nhiệm vụ có tính hệ thống, khả thi và bám sát thực tiễn hoạt động của ngành, cụ thể:

Một là, tổ chức quán triệt, nâng cao nhận thức về các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng trong toàn hệ thống NHNN

Việc hiểu đầy đủ, đúng đắn và thống nhất về nội dung, vai trò, yêu cầu của các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng là tiền đề để TCCSĐ vận dụng hiệu quả vào thực tiễn hoạt động. Do đó, cấp ủy các cấp cần chủ động tổ chức các lớp học tập, sinh hoạt chuyên đề, tọa đàm về lý luận và thực tiễn của năm nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng. Đặc biệt cần nhấn mạnh việc cụ thể hóa nguyên tắc tập trung dân chủ và tự phê bình, phê bình vào các quy trình ra nghị quyết, lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, kiểm điểm đảng viên, đánh giá cán bộ. Nội dung quán triệt không chỉ ở hình thức phổ biến, mà phải mang tính chất thảo luận, phân tích, lấy ví dụ sát với thực tiễn ngành ngân hàng, từ đó tránh tình trạng “học thuộc lòng” hoặc nhận thức mơ hồ, hình thức. Do đó, cần tổ chức quán triệt và nâng cao nhận thức về các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng cho toàn thể CBĐV, đây là yêu cầu cơ bản để xây dựng sự đồng thuận trong toàn hệ thống ngân hàng. Hoạt động này bao gồm việc tuyên truyền, phổ biến đầy đủ các văn bản, quy định của Đảng về nguyên tắc tập trung dân chủ và tự phê bình, phê bình; đồng thời tổ chức các lớp bồi dưỡng, hội thảo, sinh hoạt chuyên đề, nhằm giúp CBĐV nhận thức sâu sắc vai trò, ý nghĩa và trách nhiệm của từng cá nhân trong việc thực hiện

các nguyên tắc này. Việc nâng cao nhận thức không chỉ mang tính lý thuyết mà cần liên hệ trực tiếp với các nhiệm vụ chuyên môn, hoạt động nghiệp vụ và quản lý rủi ro trong ngân hàng, qua đó đảm bảo rằng mọi quyết định, chỉ đạo và hoạt động của TCCSĐ đều phản ánh đúng tinh thần tập trung dân chủ, đồng thời tạo môi trường thuận lợi để CBDV tự giác thực hiện tự phê bình, phê bình, góp phần nâng cao chất lượng lãnh đạo, điều hành và xây dựng đội ngũ CBDV gương mẫu, có năng lực, bản lĩnh chính trị vững vàng.

Hai là, xây dựng và thực hiện nghiêm quy chế làm việc của cấp ủy, quy trình sinh hoạt đảng phù hợp với đặc thù hoạt động ngân hàng

Mỗi TCCSĐ cần ban hành hoặc cập nhật quy chế làm việc, quy trình ra quyết định và sinh hoạt chi bộ phù hợp với môi trường hoạt động chuyên sâu của ngân hàng. Quy chế làm việc của cấp ủy cần được xây dựng một cách khoa học, rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác giữa các cấp ủy và các tổ chức trực thuộc, đồng thời phải phù hợp với đặc thù nghiệp vụ ngân hàng, như quản lý rủi ro tài chính, điều hành chính sách tiền tệ, tổ chức tín dụng và thanh tra giám sát ngân hàng. Quy trình sinh hoạt đảng cần đảm bảo tính định kỳ, nghiêm túc, minh bạch, tạo cơ chế cho việc bàn bạc dân chủ, trao đổi ý kiến, đề xuất giải pháp và ra quyết định tập thể, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ. Việc thực hiện nghiêm quy chế và quy trình này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm soát và giám sát trong các TCCSĐ mà còn hình thành thói quen làm việc khoa học, kỷ luật và có trách nhiệm cho CBDV. Đồng thời, cơ chế này còn tạo môi trường thuận lợi để triển khai hiệu quả tự phê bình, phê bình, từ đó củng cố vai trò của Đảng trong việc định hướng chính sách, điều hành và nâng cao hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống NHNN.

Ba là, đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt chi bộ, phát huy dân chủ và nâng cao tính chiến đấu qua tự phê bình và phê bình

Đây là một nhiệm vụ then chốt để phát huy dân chủ, nâng cao chất lượng lãnh đạo và sức chiến đấu của TCCSĐ trong NHNN. Việc đổi mới cần

tập trung vào việc gắn kết nội dung sinh hoạt với thực tiễn nghiệp vụ ngân hàng, các nhiệm vụ chuyên môn, quản lý rủi ro, và các vấn đề liên quan đến hiệu quả hoạt động của chi bộ. Hình thức sinh hoạt cần linh hoạt, sáng tạo, nhưng vẫn đảm bảo nghiêm túc, minh bạch, tạo điều kiện để các đảng viên được phát biểu ý kiến, tham gia đóng góp, thảo luận và phản biện một cách dân chủ, từ đó nâng cao tính tập thể trong ra quyết định. Đồng thời, việc tăng cường tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt chi bộ không chỉ giúp CBDV tự nhận thức được ưu, khuyết điểm của bản thân mà còn góp phần phát hiện, điều chỉnh những hạn chế trong hoạt động tập thể, nâng cao trách nhiệm cá nhân và chất lượng lãnh đạo, quản lý của chi bộ. Thực tiễn cho thấy, chi bộ hoạt động dân chủ, sáng tạo và có tính chiến đấu cao sẽ góp phần hình thành môi trường công tác lành mạnh, khuyến khích sự chủ động, sáng kiến, đồng thời củng cố kỷ luật, tăng cường niềm tin của CBDV vào đường lối, nguyên tắc và vai trò lãnh đạo của Đảng trong toàn hệ thống NHNN.

Bốn là, gắn kết quả thực hiện các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng với đánh giá, xếp loại tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên

Một trong những yếu tố khiến các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng bị hình thức hóa là thiếu cơ chế đánh giá gắn trách nhiệm cá nhân và tập thể. Vì vậy, cần thiết lập hệ tiêu chí đánh giá tổ chức đảng, trong đó mức độ tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ và tự phê bình, phê bình phải là tiêu chí cứng. TCCSĐ hoặc cá nhân vi phạm nguyên tắc hoặc thực hiện thiếu thực chất cần được xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ và có hình thức kiểm điểm rõ ràng. Ngược lại, những tập thể làm tốt cần được biểu dương, tạo động lực cho các đơn vị khác học tập. Việc đánh giá, xếp loại không chỉ dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, mà còn phải gắn chặt với việc tuân thủ các nguyên tắc, trong đó có nguyên tắc tập trung dân chủ và nguyên tắc tự phê bình và phê bình, cùng quy chế làm việc và quy trình sinh hoạt của chi bộ. Cách tiếp cận này tạo ra một cơ chế liên kết trực tiếp giữa thực chất hoạt động Đảng và tiêu chí đánh giá, giúp CBDV

nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong việc thực hiện nguyên tắc tổ chức, đồng thời khuyến khích các TCCSD nâng cao chất lượng lãnh đạo, điều hành và quản lý. Việc gắn kết này cũng góp phần tạo động lực tích cực thông qua việc khen thưởng kịp thời những tập thể và cá nhân có thành tích nổi bật, đồng thời làm cơ sở để xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm, từ đó vừa củng cố kỷ luật, vừa nâng cao chất lượng sinh hoạt và sức chiến đấu của tổ chức đảng. Thực tiễn cho thấy, khi đánh giá và xếp loại được thực hiện công bằng, minh bạch và gắn liền với kết quả thực hiện nguyên tắc tổ chức, CBDV sẽ chủ động hơn trong việc tuân thủ các nguyên tắc, từ đó góp phần xây dựng TCCSD trong sạch, vững mạnh, nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của NHNN ở Việt Nam.

4.2.5. Tăng cường xây dựng đội ngũ đảng viên và phát huy vai trò các tổ chức chính trị – xã hội trong các ngân hàng nhà nước.

Giải pháp này xuất phát từ yêu cầu củng cố nền tảng chính trị, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với lĩnh vực then chốt của nền kinh tế. Trong bối cảnh hoạt động ngân hàng ngày càng chuyên môn hóa, chịu tác động mạnh của hội nhập quốc tế và chuyển đổi số, đội ngũ đảng viên giữ vai trò nòng cốt trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, giữ gìn kỷ luật, kỷ cương và phòng, chống tiêu cực. Đồng thời, các tổ chức chính trị – xã hội là cầu nối giữa Đảng với người lao động, góp phần tạo sự đồng thuận, đoàn kết nội bộ và phát huy sức mạnh tổng hợp trong từng ngân hàng. Vì vậy, tăng cường xây dựng đảng viên và phát huy vai trò các tổ chức này có ý nghĩa quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng TCCSD và hiệu quả hoạt động của các NHNN.

Nội dung của giải pháp tập trung vào việc chú trọng phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên theo hướng bảo đảm tiêu chuẩn, cơ cấu hợp lý, gắn chặt với yêu cầu nhiệm vụ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp ngân hàng; đồng thời tăng cường giáo dục, rèn luyện bản lĩnh chính trị, tinh thần trách nhiệm và vai trò nêu gương của đảng viên trong thực thi công vụ. Cùng với đó, quan tâm củng cố tổ chức, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của công đoàn, đoàn thanh

niên, hội cựu chiến binh theo hướng thiết thực, hiệu quả, gắn với nhiệm vụ chính trị và chăm lo quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động, qua đó phát huy vai trò tham gia xây dựng Đảng, giám sát, phản biện, góp phần xây dựng môi trường làm việc dân chủ, kỷ cương và đoàn kết trong các NHNN. Để thực hiện có hiệu quả giải pháp này, thời gian tới các NHNN cần chú trọng một số nhiệm vụ sau:

Một là, đẩy mạnh công tác tạo nguồn, phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Các NHNN cần chủ động rà soát, đánh giá đội ngũ quản chúng ưu tú trong từng đơn vị, xây dựng kế hoạch tạo nguồn phát triển đảng viên một cách bài bản, lâu dài, bảo đảm tính kế thừa và cơ cấu hợp lý giữa các lĩnh vực nghiệp vụ, các độ tuổi và trình độ chuyên môn. Đặc biệt, cần quan tâm phát hiện, bồi dưỡng những cán bộ trẻ, cán bộ có trình độ chuyên môn sâu, có phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thần trách nhiệm cao, đang trực tiếp làm việc ở các khâu then chốt như tín dụng, quản lý rủi ro, công nghệ ngân hàng, tài chính - kế toán để kết nạp vào Đảng. Song song với công tác phát triển đảng viên mới, cần tăng cường quản lý, giáo dục, rèn luyện đảng viên hiện có thông qua việc cụ thể hóa trách nhiệm nêu gương, gắn việc đánh giá, xếp loại đảng viên với kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương và đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động ngân hàng.

Hai là, tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, phát huy tính chiến đấu và vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên.

Cấp ủy các cấp cần chỉ đạo đổi mới mạnh mẽ nội dung và hình thức sinh hoạt chi bộ theo hướng thiết thực, hiệu quả, tập trung thảo luận những vấn đề cụ thể, sát với thực tiễn hoạt động của đơn vị, nhất là những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, quản trị, điều hành và phòng, chống rủi ro trong hoạt động ngân hàng. Sinh hoạt chi bộ phải bảo đảm thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, khắc phục tình trạng nể nang, né tránh, hình thức. Thông qua

sinh hoạt chi bộ, đề cao trách nhiệm nêu gương của CBDV, nhất là người đứng đầu trong chấp hành kỷ luật, kỷ cương, liêm chính, minh bạch và hiệu quả trong thực thi công vụ.

Ba là, củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội trong các NHNN.

Các NHNN cần quan tâm kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ cán bộ làm công tác công đoàn, đoàn thanh niên, hội cựu chiến binh có đủ năng lực, uy tín và tâm huyết; đồng thời thường xuyên bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác quần chúng cho đội ngũ này. Nội dung, phương thức hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cần được đổi mới theo hướng thiết thực, linh hoạt, gắn chặt với nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của ngân hàng và nhu cầu, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động. Thông qua các phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo, các hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng, văn hóa doanh nghiệp và trách nhiệm xã hội, các tổ chức chính trị - xã hội góp phần tạo môi trường làm việc đoàn kết, dân chủ, kỷ cương, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và đạo đức nghề nghiệp trong toàn đơn vị.

Bốn là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ của cấp ủy đối với hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội.

Cấp ủy các cấp cần thường xuyên quan tâm, định hướng nội dung hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội; kịp thời cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết của Đảng thành chương trình, kế hoạch hoạt động phù hợp với từng đối tượng đoàn viên, hội viên. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế, thời gian, nguồn lực để các tổ chức chính trị - xã hội phát huy vai trò trong công tác tuyên truyền, vận động, tập hợp quần chúng; tham gia giám sát, phản biện xã hội và góp ý xây dựng Đảng, xây dựng đơn vị. Sự phối hợp chặt chẽ giữa cấp ủy và các tổ chức chính trị - xã hội sẽ góp phần tăng cường kỷ luật, kỷ cương, giữ vững đoàn kết nội bộ và nâng cao hiệu quả lãnh đạo trong các NHNN.

Năm là, gắn xây dựng đội ngũ đảng viên và hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội với yêu cầu đổi mới, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế của ngành ngân hàng.

Các NHNN cần khuyến khích, tạo điều kiện để đảng viên, đoàn viên, hội viên chủ động học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng số, ngoại ngữ và năng lực thích ứng với yêu cầu quản trị hiện đại, chuẩn mực quốc tế. Đảng viên cần đi đầu trong ứng dụng công nghệ, cải tiến quy trình nghiệp vụ, nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả quản lý, điều hành. Thông qua đó, khẳng định vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên và sức lan tỏa tích cực của các tổ chức chính trị - xã hội, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, uy tín và năng lực cạnh tranh của các NHNN trong tình hình mới.

4.2.6. Hoàn thiện và thực hiện hiệu quả quy chế làm việc, quy chế phối hợp giữa đảng ủy, ban giám đốc, hội đồng quản trị trong hệ thống ngân hàng nhà nước

Việc hoàn thiện và thực hiện hiệu quả quy chế làm việc, quy chế phối hợp giữa đảng ủy, ban giám đốc, hội đồng quản trị trong hệ thống NHNN xuất phát từ yêu cầu bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, thống nhất của Đảng đối với hoạt động của ngân hàng, đồng thời phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm của các chủ thể trong quản trị, điều hành theo đúng chức năng, thẩm quyền. Trong thực tiễn, nếu quy chế làm việc và phối hợp chưa rõ ràng, thiếu đồng bộ hoặc thực hiện không nghiêm sẽ dễ dẫn đến chồng chéo, né tránh trách nhiệm, hoặc tách rời giữa lãnh đạo chính trị với quản lý, điều hành chuyên môn, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động và uy tín của tổ chức đảng cũng như của ngân hàng. Vì vậy, hoàn thiện và thực hiện tốt các quy chế này là điều kiện quan trọng để cụ thể hóa nguyên tắc Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, phát huy tính chủ động, sáng tạo của hội đồng quản trị và ban giám đốc, qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị, điều hành trong toàn hệ thống NHNN.

Nội dung của giải pháp tập trung vào việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện quy chế làm việc của đảng ủy và quy chế phối hợp giữa đảng ủy với hội đồng quản trị, ban giám đốc theo hướng rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác và trách nhiệm của từng chủ thể, bảo đảm phù hợp với quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đặc thù hoạt động ngân hàng. Trên cơ sở đó, tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy chế đã ban hành, nhất là trong những vấn đề quan trọng như chiến lược phát triển, công tác cán bộ, quản lý vốn và tài sản nhà nước, kiểm soát rủi ro, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Đồng thời, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế; kịp thời sơ kết, tổng kết, điều chỉnh, bổ sung nội dung chưa phù hợp, qua đó bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa đảng ủy, hội đồng quản trị và ban giám đốc, góp phần nâng cao chất lượng lãnh đạo của tổ chức đảng và hiệu quả hoạt động của hệ thống NHNN. Để triển khai hiệu quả giải pháp này, cần tập trung thực hiện tốt những nhiệm vụ sau:

Một là, hoàn thiện quy chế làm việc của TCCSĐ

Quy chế làm việc đóng vai trò như bản hướng dẫn tổ chức, triển khai và kiểm soát công tác đảng, giúp các cấp ủy, tổ chức đảng và các cơ quan chuyên môn vận hành theo một khuôn khổ thống nhất, minh bạch và khoa học. Việc hoàn thiện quy chế đòi hỏi phải dựa trên Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị và kết luận của Trung ương, đồng thời điều chỉnh phù hợp với đặc thù hoạt động của NHNN, bao gồm cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ, cơ chế phối hợp giữa các phòng, ban và chi bộ trực thuộc. Quy chế phải làm rõ quyền hạn, trách nhiệm, nguyên tắc, trình tự, thủ tục trong lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai nhiệm vụ, tránh tình trạng chồng chéo chức năng, lúng túng trong điều hành, đồng thời tạo cơ sở pháp lý và hành chính vững chắc cho mọi hoạt động công tác đảng. Bên cạnh đó, việc hoàn thiện quy chế còn giúp thống nhất phương thức lãnh đạo, triển khai nhiệm vụ và cơ chế phối hợp giữa các cấp ủy, bảo đảm các quyết định được thực hiện đồng bộ, hiệu quả và kịp thời. Quy chế cũng là công cụ quan

trọng để gắn trách nhiệm với người đứng đầu cấp ủy, giúp nâng cao tính kỷ luật, trách nhiệm và sự chủ động, sáng tạo trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo.

Hai là, triển khai và thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc

Việc hoàn thiện quy chế chỉ có ý nghĩa khi nó được triển khai nghiêm túc và đi vào thực tiễn. Trong quá trình triển khai, các cấp ủy phải phân công nhiệm vụ cụ thể, xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu và các thành viên liên quan, bảo đảm mọi quyết định và hành động được thực hiện minh bạch, đúng thẩm quyền và tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ. Đồng thời, cơ chế triển khai cần khuyến khích sự chủ động, sáng tạo và phối hợp hiệu quả của CBDV, giúp họ nắm rõ vai trò, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, từ đó nâng cao hiệu quả lãnh đạo, sức chiến đấu và khả năng thực thi các nghị quyết, chương trình hành động của Đảng. Bên cạnh việc phân công, nhiệm vụ triển khai quy chế cũng đòi hỏi tăng cường sự chủ động, sáng tạo và phối hợp hiệu quả giữa các CBDV. Cán bộ, đảng viên cần hiểu rõ vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của mình trong quá trình thực hiện, từ đó chủ động phát hiện vấn đề, đề xuất giải pháp và phối hợp nhịp nhàng với các bộ phận liên quan. Việc này không chỉ nâng cao hiệu quả thực hiện công tác đảng mà còn thúc đẩy tính kỷ luật, tinh thần trách nhiệm và khả năng ra quyết định đúng đắn trong các tình huống phức tạp, đặc biệt trong bối cảnh NHNN chịu tác động của hội nhập quốc tế, cải cách tổ chức và chuyển đổi số.

Ba là, kiểm tra, giám sát và đánh giá định kỳ việc thực hiện quy chế

KTGS và đánh giá định kỳ đóng vai trò then chốt trong việc bảo đảm tính hiệu quả và kỷ luật trong triển khai quy chế làm việc của TCCSĐ. Dù quy chế được xây dựng hoàn chỉnh, nếu không có cơ chế giám sát và đánh giá, việc thực hiện dễ trở nên hình thức, thiếu đồng bộ, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của TCCSĐ. Kiểm tra tập trung vào việc rà soát tiến độ, chất lượng, hiệu quả triển khai các quy định trong quy chế. Công tác này phải được thực hiện thường xuyên, định kỳ, có trọng tâm và kế hoạch cụ thể,

nhằm kịp thời phát hiện những tồn tại, hạn chế hoặc sai sót, đồng thời đưa ra biện pháp khắc phục hiệu quả. Kiểm tra còn giúp đảm bảo việc phân công nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của CBĐV được thực hiện đúng, tránh chồng chéo, lúng túng hoặc bỏ sót nhiệm vụ. Bên cạnh đó, giám sát là cơ chế để cấp ủy và các cơ quan chuyên trách nắm chắc tình hình triển khai quy chế, đảm bảo tính minh bạch, khách quan và khoa học. Giám sát không chỉ theo dõi việc thực hiện đúng các nguyên tắc, trình tự và quyền hạn quy định mà còn thúc đẩy CBĐV chủ động tham gia, phát huy vai trò nêu gương và sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ, góp phần nâng cao hiệu quả tập thể và trách nhiệm cá nhân. Đồng thời, đánh giá định kỳ là bước tổng kết và rút kinh nghiệm để hoàn thiện, điều chỉnh và bổ sung quy chế. Qua đánh giá, cấp ủy xác định được các mô hình triển khai hiệu quả, những tồn tại cần khắc phục và phương thức triển khai phù hợp hơn, đồng thời bảo đảm quy chế luôn đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, cải cách tổ chức và chuyển đổi số.

Bốn là, bồi dưỡng và nâng cao năng lực cán bộ, đảng viên

CBĐV là lực lượng trực tiếp triển khai quy chế, do đó nhiệm vụ bồi dưỡng và nâng cao năng lực là rất quan trọng. Các cấp ủy cần tổ chức đào tạo về nghiệp vụ tổ chức, quản lý, lãnh đạo, đồng thời giúp CBĐV nắm vững quy chế làm việc, hiểu rõ quyền hạn, trách nhiệm và nguyên tắc triển khai nhiệm vụ. Việc này không chỉ nâng cao hiệu quả thực hiện công tác đảng mà còn phát huy tính chủ động, sáng tạo và tinh thần nêu gương, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế và đổi mới phương thức lãnh đạo hiện nay. Việc bồi dưỡng giúp CBĐV nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị và quy chế làm việc, từ đó thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Đồng thời, các hoạt động đào tạo, tập huấn định kỳ giúp họ cập nhật kiến thức về nghiệp vụ công tác đảng, quản lý tổ chức, hội nhập quốc tế và chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu đổi mới, cải cách và phát triển trong bối cảnh hiện nay. Bên cạnh kiến thức chuyên môn, bồi

duỡng còn nhằm rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm và tinh thần nêu gương, tạo sự thống nhất và tin cậy trong tập thể, đồng thời nâng cao hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ công tác đảng. Việc nâng cao năng lực CBDV phải gắn với cơ chế đánh giá, phân loại và sử dụng phù hợp, khuyến khích sự chủ động, sáng tạo và phát hiện những cán bộ triển vọng để đảm nhận các vị trí quan trọng trong TCCSĐ. Khi được thực hiện đồng bộ, nhiệm vụ bồi dưỡng và nâng cao năng lực CBDV không chỉ nâng cao trình độ, kỹ năng và phẩm chất của đội ngũ cán bộ đảng, mà còn tạo nền tảng vững chắc để TCCSĐ thực hiện hiệu quả các quy chế, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu và chất lượng hoạt động, góp phần xây dựng đảng bộ NHNN ngày càng trong sạch, vững mạnh, chủ động, sáng tạo và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững.

4.2.7. Đẩy mạnh chuyển đổi số và cải cách hành chính trong Đảng

Việc đẩy mạnh chuyển đổi số và cải cách hành chính trong Đảng xuất phát từ yêu cầu khách quan của quá trình xây dựng Đảng trong tình hình mới, khi hoạt động lãnh đạo, quản lý ngày càng đòi hỏi tính kịp thời, minh bạch, khoa học và hiệu quả cao. Trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia diễn ra mạnh mẽ, nếu công tác đảng chậm đổi mới phương thức làm việc, vẫn nặng về thủ tục hành chính, hồ sơ giấy tờ, quy trình thủ công sẽ làm giảm hiệu quả lãnh đạo, điều hành, khó đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị ngày càng cao, nhất là trong các ngành, lĩnh vực có tính chuyên môn sâu và tốc độ thay đổi nhanh như ngân hàng. Trong văn kiện Đại hội XIV, Đảng ta đã khẳng định: “*Nhận diện sớm, tận dụng mọi thời cơ, vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước; đẩy mạnh đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chủ động hội nhập quốc tế, kết hợp chặt chẽ và triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm, trong đó: Phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hoá, con người là nền tảng; tăng cường quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là trọng yếu,*

thường xuyên” [35]. Do đó, đẩy mạnh chuyển đổi số và cải cách hành chính trong Đảng không chỉ góp phần hiện đại hóa phương thức lãnh đạo của Đảng, mà còn nâng cao kỷ luật, kỷ cương, tăng cường công khai, minh bạch, phòng ngừa tiêu cực, qua đó nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức đảng.

Nội dung của giải pháp tập trung vào việc ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số trong các mặt công tác đảng như quản lý đảng viên, quản lý hồ sơ, văn bản, sinh hoạt đảng, học tập nghị quyết, kiểm tra, giám sát và đánh giá chất lượng tổ chức đảng, đảng viên; từng bước xây dựng, kết nối, liên thông các cơ sở dữ liệu phục vụ công tác xây dựng Đảng. Song song với đó, đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng theo hướng tinh gọn quy trình, giảm hội họp, giấy tờ, khắc phục trùng lặp, nâng cao trách nhiệm giải trình và kỷ luật thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ làm công tác đảng. Đồng thời, chú trọng bồi dưỡng kỹ năng số cho cấp ủy, CBDV; bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin; gắn chuyển đổi số, cải cách hành chính trong Đảng với đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị, góp phần xây dựng tổ chức đảng trong hệ thống NHNN ngày càng hiện đại, chuyên nghiệp, hiệu quả. Để thực hiện hiệu quả giải pháp này, cần triển khai một số nhiệm vụ cụ thể:

Một là, xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý dữ liệu đảng viên, hồ sơ tổ chức và tiến độ thực hiện nhiệm vụ công tác đảng trên nền tảng số, đảm bảo kết nối đồng bộ giữa các cấp.

Trong bối cảnh hiện nay, với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và yêu cầu hội nhập quốc tế, việc áp dụng các nền tảng số vào quản lý công tác đảng là tất yếu để giải quyết những hạn chế về thủ công, rời rạc và thiếu đồng bộ trong quản lý hồ sơ, theo dõi tiến độ triển khai nhiệm vụ. Việc xây dựng hệ thống số hóa giúp tập trung hóa dữ liệu đảng viên, hồ sơ tổ chức và tiến độ công tác, từ đó cấp ủy các cấp dễ dàng tra cứu, tổng hợp, phân tích thông tin và ra quyết định chính xác, kịp thời. Hệ thống cũng cho phép đảm

bảo tính thống nhất, liên thông giữa các cấp, giảm thiểu tình trạng trùng lặp, sai sót, mất mát thông tin và tạo cơ sở dữ liệu đồng bộ, minh bạch để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác đảng. Đồng thời, hệ thống quản lý trên nền tảng số tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi tiến độ triển khai các nghị quyết, chỉ thị, kết luận và chương trình hành động của cấp ủy, giúp phát hiện kịp thời những tồn tại, hạn chế, từ đó đề xuất các biện pháp điều chỉnh, khắc phục hiệu quả. Việc số hóa cũng hỗ trợ tăng cường công tác báo cáo, tổng hợp thông tin, chuẩn hóa dữ liệu và nâng cao năng lực quản lý của CBĐV, đồng thời thúc đẩy cải cách hành chính, rút ngắn thời gian xử lý công việc và nâng cao tính minh bạch trong các hoạt động công tác đảng.

Hai là, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên về kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý dữ liệu và sử dụng các phần mềm chuyên dụng trong công tác đảng, nâng cao năng lực triển khai nhiệm vụ trên môi trường số.

Việc áp dụng các nền tảng số, phần mềm quản lý dữ liệu và công cụ công nghệ thông tin hiện đại đòi hỏi CBĐV không chỉ nắm vững các quy định, quy trình công tác đảng mà còn phải thành thạo các kỹ năng kỹ thuật số cần thiết để triển khai nhiệm vụ một cách hiệu quả, chính xác và kịp thời. Đào tạo và bồi dưỡng CBĐV giúp nâng cao năng lực triển khai công tác đảng trên môi trường số, từ việc quản lý hồ sơ, theo dõi tiến độ công việc, cập nhật thông tin đảng viên, cho đến việc tổng hợp, phân tích dữ liệu phục vụ kiểm tra, giám sát và ra quyết định của cấp ủy. Việc này không chỉ đảm bảo tính đồng bộ, minh bạch và khoa học trong quản lý công tác đảng, mà còn giúp CBĐV chủ động, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ, hạn chế sai sót, trùng lặp và lãng phí thời gian. Bên cạnh đó, nhiệm vụ này còn tạo cơ sở để bồi dưỡng và nâng cao năng lực quản trị, kỹ năng phân tích và ra quyết định dựa trên dữ liệu, giúp CBĐV thích ứng nhanh với môi trường làm việc hiện đại và yêu cầu hội nhập quốc tế. Đào tạo, bồi dưỡng định kỳ cũng giúp phát hiện những cán bộ có năng lực, triển vọng để đảm

nhận các vị trí quan trọng trong TCCSD, từ đó nâng cao chất lượng đội ngũ CBDV và hiệu quả hoạt động của TCCSD.

Ba là, đơn giản hóa thủ tục, chuẩn hóa quy trình công tác đảng, kết hợp với các nền tảng số để giảm thời gian xử lý và tăng tính minh bạch.

Việc đơn giản hóa thủ tục, chuẩn hóa quy trình công tác đảng, kết hợp với các nền tảng số là một bước đi chiến lược nhằm tối ưu hóa hoạt động của TCCSD trong hệ thống NHNN, nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát và điều hành công tác đảng. Trước đây, nhiều thủ tục, quy trình trong công tác đảng thường phức tạp, rườm rà và lặp lại ở các cấp, dẫn đến tốn thời gian, thiếu đồng bộ và giảm hiệu quả triển khai nhiệm vụ. Việc chuẩn hóa và đơn giản hóa các thủ tục này giúp loại bỏ những bước không cần thiết, xác định rõ trình tự, quyền hạn và trách nhiệm, từ đó rút ngắn thời gian xử lý công việc, giảm hình thức và nâng cao tính minh bạch trong triển khai nhiệm vụ công tác đảng. Khi kết hợp với các nền tảng số, quy trình chuẩn hóa trở nên đồng bộ, liên thông và minh bạch hơn, cho phép cấp ủy các cấp dễ dàng theo dõi tiến độ triển khai, rà soát dữ liệu đảng viên, tổng hợp thông tin và ra quyết định dựa trên cơ sở dữ liệu chính xác. Nền tảng số cũng tạo điều kiện để kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả triển khai công việc, từ đó kịp thời phát hiện những tồn tại, hạn chế và điều chỉnh phương thức thực hiện. Bên cạnh đó, nhiệm vụ này còn giúp nâng cao năng lực, tính chủ động và trách nhiệm của CBDV, khuyến khích họ chủ động tham gia, sáng tạo trong thực hiện công tác đảng, đồng thời góp phần thúc đẩy cải cách hành chính, hiện đại hóa công tác quản lý và hội nhập quốc tế. Việc chuẩn hóa quy trình kết hợp với số hóa không chỉ tạo ra một cơ chế vận hành minh bạch, hiệu quả và đồng bộ, mà còn nâng cao chất lượng TCCSD, sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của cấp ủy, đáp ứng yêu cầu đổi mới trong bối cảnh hiện nay.

Bốn là, khuyến khích đổi mới sáng tạo, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn giữa các TCCSD, phát hiện những mô hình hiệu quả để nhân rộng.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số, việc duy trì những phương thức quản lý cũ, thủ công và thiếu sáng tạo sẽ hạn chế khả năng thích ứng và phát triển của TCCSĐ. Do đó, khuyến khích đổi mới sáng tạo giúp CBĐV phát huy năng lực chủ động, sáng kiến và sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ công tác đảng, đồng thời tìm ra các giải pháp mới, hiệu quả để giải quyết những vấn đề thực tiễn phát sinh. Việc chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn giữa các TCCSĐ trong hệ thống NHNN không chỉ tạo cơ hội học hỏi, trao đổi các mô hình quản lý, tổ chức sinh hoạt chi bộ, triển khai nhiệm vụ công tác đảng mà còn giúp phát hiện những mô hình, phương thức triển khai hiệu quả, sáng tạo, phù hợp với đặc thù của từng đơn vị. Khi các mô hình hiệu quả được nhân rộng, TCCSĐ có thể tối ưu hóa quy trình, nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát và thực hiện nhiệm vụ, đồng thời tăng cường sự đồng bộ, tính minh bạch và chất lượng tổng thể của TCCSĐ. Bên cạnh đó, nhiệm vụ này còn thúc đẩy văn hóa học tập, sáng tạo và chia sẻ trong Đảng, nâng cao tinh thần trách nhiệm, chủ động và gương mẫu của CBĐV. Việc phát hiện và nhân rộng các mô hình hiệu quả cũng tạo cơ sở cho cải tiến quy chế, chuẩn hóa quy trình và ứng dụng các giải pháp chuyển đổi số, góp phần nâng cao chất lượng công tác xây dựng TCCSĐ, đồng thời đáp ứng yêu cầu đổi mới, cải cách hành chính và hội nhập quốc tế trong hệ thống NHNN Việt Nam.

4.2.8. Tăng cường công tác sơ kết, tổng kết, kiểm tra, giám sát, khen thưởng, kỷ luật trong các TCCSĐ

Đây là một trong những giải pháp trọng tâm, có ý nghĩa quyết định đối với việc nâng cao chất lượng TCCSĐ trong các NHNN ở Việt Nam hiện nay. Việc tăng cường công tác sơ kết, tổng kết, kiểm tra, giám sát, khen thưởng và kỷ luật trong các TCCSĐ xuất phát từ yêu cầu bảo đảm kỷ luật, kỷ cương của Đảng, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng ở cơ sở. Trong thực tiễn, nếu thiếu sơ kết, tổng kết và kiểm tra, giám sát thường xuyên sẽ dễ dẫn đến tình trạng buông lỏng lãnh đạo, hình thức trong

sinh hoạt đảng, chậm phát hiện vi phạm, hạn chế, khuyết điểm, làm giảm hiệu quả thực hiện nghị quyết và suy giảm niềm tin của CBDV.

Nội dung của giải pháp tập trung vào việc thực hiện nghiêm túc chế độ sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng gắn với đánh giá thực chất kết quả lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng ở từng TCCSĐ. Cùng với đó, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, chú trọng những lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các vi phạm, bảo đảm tính nghiêm minh của kỷ luật Đảng. Thời gian tới, để tăng cường công tác sơ kết, tổng kết, kiểm tra, giám sát, khen thưởng, kỷ luật trong các TCCSĐ, cần đảm bảo thực hiện tốt những nhiệm vụ sau:

Một là, xây dựng kế hoạch sơ kết, tổng kết khoa học, định kỳ, gắn với đặc thù hoạt động của ngân hàng

Việc xây dựng kế hoạch sơ kết, tổng kết, kiểm tra, giám sát, khen thưởng và kỷ luật trong các TCCSĐ là một nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao chất lượng công tác xây dựng Đảng và hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo trong hệ thống ngân hàng. Trước hết, hoạt động sơ kết và tổng kết giúp đánh giá một cách toàn diện thực trạng tổ chức và hoạt động của các TCCSĐ, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm, đồng thời phát hiện những hạn chế, tồn tại trong công tác lãnh đạo, điều hành, góp phần hoàn thiện cơ chế hoạt động của Đảng trong lĩnh vực ngân hàng. Việc thực hiện kiểm tra, giám sát định kỳ không chỉ đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, kỷ luật Đảng mà còn giúp tăng cường sự minh bạch, trách nhiệm của CBDV, tạo cơ sở pháp lý và chính trị vững chắc cho việc thực thi nhiệm vụ chính trị của NHNN. Song song với đó, cơ chế khen thưởng và kỷ luật được gắn chặt với kết quả sơ kết, tổng kết sẽ tạo ra động lực khuyến khích CBDV thực hiện tốt nhiệm vụ, đồng thời răn đe những hành vi vi phạm kỷ luật, góp phần xây

dụng đội ngũ cán bộ gương mẫu, tận tâm và có bản lĩnh chính trị vững vàng. Để thực hiện hiệu quả, kế hoạch sơ kết, tổng kết cần được xây dựng một cách khoa học, bài bản, có định kỳ phù hợp và phải gắn liền với đặc thù hoạt động của ngành ngân hàng, như quản lý rủi ro tài chính, điều hành chính sách tiền tệ, tổ chức tín dụng và thanh tra, giám sát ngân hàng. Việc xây dựng kế hoạch cần xác định rõ nội dung, phương pháp, tiêu chí đánh giá, đối tượng thực hiện và thời điểm tổ chức, đảm bảo vừa có tính hệ thống, vừa có tính thực tiễn, tạo điều kiện cho các TCCSD chủ động triển khai, tổng kết và điều chỉnh hoạt động của mình, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành của NHNN và củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực ngân hàng.

Hai là, tổ chức kiểm tra, giám sát theo hướng chủ động, có trọng tâm, trọng điểm

Ủy ban kiểm tra cấp ủy trong hệ thống NHNN cần chủ động lập kế hoạch kiểm tra chuyên đề định kỳ và đột xuất, tập trung vào các nội dung then chốt như: thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc của cấp ủy, công tác cán bộ, hiệu quả lãnh đạo chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm nêu gương của đảng viên. Cần phát huy vai trò giám sát từ nhiều kênh: giám sát nội bộ, giám sát của quần chúng, và phản ánh từ các cơ quan chức năng chuyên ngành. Việc giám sát phải đảm bảo tính xây dựng, không nặng về xử lý hành chính, mà chú trọng phát hiện và phòng ngừa rủi ro từ sớm. Tính chủ động trong kiểm tra, giám sát cho phép các cấp ủy nắm bắt kịp thời tình hình thực hiện nhiệm vụ, phát hiện sớm những hạn chế, tồn tại hoặc dấu hiệu vi phạm, từ đó có biện pháp điều chỉnh, khắc phục kịp thời, tránh tình trạng bị động hoặc phản ứng muộn. Việc xác định trọng tâm, trọng điểm giúp tập trung nguồn lực và thời gian vào những lĩnh vực có tính chất quan trọng, rủi ro cao hoặc có ảnh hưởng lớn đến uy tín, hiệu quả hoạt động của NHNN, thay vì dàn trải, làm giảm hiệu quả công tác kiểm tra. Cách tiếp cận này không chỉ nâng cao hiệu quả giám sát mà còn có tác dụng giáo dục, răn đe tích cực, tạo trách nhiệm rõ ràng cho CBDV. Đồng thời, việc xây dựng kế hoạch

kiểm tra, giám sát định kỳ nhưng linh hoạt điều chỉnh theo tình hình thực tế giúp các TCCSD chủ động đánh giá, tự điều chỉnh hoạt động, đồng thời tạo cơ sở khách quan cho việc khen thưởng, xử lý kỷ luật, bảo đảm tính minh bạch, công bằng và phù hợp với đặc thù hoạt động của ngành ngân hàng.

Ba là, tăng cường khen thưởng kịp thời và thực chất các tổ chức đảng, đảng viên có thành tích nổi bật

Việc khen thưởng phải đi vào thực chất, tránh hình thức, không cào bằng. Cần có tiêu chí rõ ràng để khen thưởng cho những mô hình tổ chức đảng hiệu quả, sáng tạo, có ảnh hưởng lan tỏa trong lãnh đạo nhiệm vụ chuyên môn, đổi mới phương thức sinh hoạt đảng, xây dựng văn hóa chính trị trong ngân hàng. Khen thưởng cần gắn với động viên tinh thần, hỗ trợ về nguồn lực, tạo uy tín cho tổ chức đảng trong nội bộ đơn vị và ngành ngân hàng nói chung. Việc tăng cường khen thưởng kịp thời và thực chất các tổ chức đảng, đảng viên có thành tích nổi bật trong các TCCSD nhằm thúc đẩy động lực, khuyến khích CBDV nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ, đồng thời củng cố hiệu quả lãnh đạo, quản lý của Đảng trong hệ thống ngân hàng. Khen thưởng kịp thời giúp ghi nhận ngay những thành tích, đóng góp của tổ chức và cá nhân, tạo ra sự khích lệ, lan tỏa tinh thần phấn đấu, trách nhiệm và sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn và công tác xây dựng Đảng. Đồng thời, việc khen thưởng thực chất, gắn với kết quả đánh giá khách quan, công bằng, không hình thức, đảm bảo rằng những cá nhân và tập thể được tôn vinh thực sự xứng đáng, góp phần nâng cao uy tín của Đảng, củng cố niềm tin trong CBDV và toàn hệ thống. Trong bối cảnh hoạt động ngân hàng với các yêu cầu cao về hiệu quả, kỷ luật, và quản lý rủi ro, cơ chế khen thưởng hợp lý không chỉ khuyến khích sự sáng tạo, tinh thần trách nhiệm mà còn thúc đẩy các TCCSD tích cực thực hiện nhiệm vụ, tự giác tuân thủ kỷ luật, quy định và các chuẩn mực đạo đức, từ đó góp phần xây dựng đội ngũ

CBDV gương mẫu, có năng lực, bản lĩnh chính trị vững vàng và tinh thần trách nhiệm cao trong mọi hoạt động của NHNN.

Bốn là, thực hiện kỷ luật nghiêm minh, đúng quy trình, công khai và mang tính răn đe, giáo dục

Việc thực hiện kỷ luật nghiêm minh, đúng quy trình, công khai và mang tính răn đe, giáo dục trong các TCCSD là một nhiệm vụ chiến lược, vừa đảm bảo nguyên tắc quản lý Đảng, vừa nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống ngân hàng. Nghiêm minh trong kỷ luật giúp xử lý công bằng mọi vi phạm, từ đó củng cố uy tín và tính kỷ luật trong toàn hệ thống, đồng thời tạo chuẩn mực hành vi rõ ràng cho CBDV. Việc tuân thủ đúng quy trình không chỉ bảo đảm tính pháp lý và khách quan trong xử lý vi phạm, mà còn giúp CBDV nhận thức rõ quyền lợi, trách nhiệm và hệ quả pháp lý của hành vi sai phạm, tạo sự minh bạch và công bằng trong tổ chức. Tính công khai trong kỷ luật vừa có tác dụng răn đe, nhắc nhở những cán bộ khác về các chuẩn mực, nguyên tắc cần tuân thủ, vừa góp phần giáo dục toàn hệ thống về ý thức trách nhiệm và tinh thần tự giác chấp hành kỷ luật. Đồng thời, kỷ luật mang tính giáo dục giúp người vi phạm nhìn nhận sai lầm, sửa chữa hành vi và nâng cao năng lực, từ đó xây dựng đội ngũ CBDV không chỉ có bản lĩnh chính trị vững vàng mà còn có năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp tốt, phù hợp với đặc thù hoạt động ngân hàng, nơi yêu cầu sự minh bạch, kỷ luật cao và hiệu quả quản lý rủi ro tuyệt đối. Thực tiễn cho thấy, việc kết hợp nghiêm minh, đúng quy trình, công khai và giáo dục trong kỷ luật không chỉ nâng cao ý thức trách nhiệm cá nhân mà còn góp phần hình thành văn hóa tổ chức lành mạnh, kỷ luật và hiệu quả trong toàn hệ thống NHNN.

KẾT LUẬN

1. Công tác xây dựng, củng cố và nâng cao chất lượng TCCSĐ trong các NHNN có ý nghĩa quyết định đối với việc bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trong một lĩnh vực then chốt của nền kinh tế và an ninh tài chính quốc gia. TCCSĐ là nơi chuyển hóa chủ trương, đường lối của Đảng thành hành động thực tiễn trong quản trị, điều hành và kiểm soát nội bộ ngân hàng; là nơi nâng cao bản lĩnh chính trị, ngăn ngừa suy thoái, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” cho đội ngũ CBĐV, không chế rủi ro lợi ích nhóm và giữ vững ổn định hệ thống tài chính. Chất lượng TCCSĐ được nâng cao sẽ trực tiếp củng cố năng lực vận hành và sức đề kháng nội tại của NHNN, bảo đảm sự thống nhất giữa mục tiêu chính trị và hiệu quả kinh doanh, giữa kỷ luật đảng và kỷ luật tài chính, giữa an ninh thể chế và ổn định thị trường.

2. Chất lượng TCCSĐ trong các NHNN được biểu hiện bằng toàn bộ các hoạt động từ quán triệt nghị quyết, tổ chức sinh hoạt chính trị, xây dựng đội ngũ cấp ủy – đảng viên, đến kiểm tra, giám sát và lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị gắn với nhiệm vụ kinh doanh. Công tác này không chỉ là một nội dung quan trọng của xây dựng Đảng, mà là cơ chế chi phối định hướng chính trị đối với mọi hoạt động trong ngân hàng. TCCSĐ càng vận hành đúng quy định, sinh hoạt càng nền nếp, kiểm tra càng nghiêm khắc, phương thức lãnh đạo càng phù hợp với chuyển đổi số và quản trị rủi ro hiện đại... thì chất lượng TCCSĐ càng nâng lên và hiệu lực lãnh đạo chính trị đối với toàn hệ thống càng được bảo đảm.

3. Thực tiễn 2016–2025 cho thấy chất lượng TCCSĐ trong các NHNN đã có bước tiến rõ rệt: nguyên tắc Đảng lãnh đạo được thể chế hóa vào quy trình ra quyết định; nhiều đảng bộ gắn kết chặt chẽ công tác Đảng với nhiệm vụ tín dụng, quản trị rủi ro, tái cấu trúc, chuyển đổi số; kỷ luật đảng được siết chặt hơn; số liệu kiểm tra, giám sát tăng; biểu hiện suy thoái, vi phạm giảm. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế: một số nơi còn hình thức trong sinh hoạt và kiểm điểm; năng lực lãnh đạo của cấp ủy không đồng đều; cơ chế kiểm soát quyền lực chưa xuyên sâu; trách nhiệm chính trị của người đứng đầu có

nơi chưa thể hiện thành hiệu quả cụ thể. Những hạn chế đó xuất phát từ cả nguyên nhân khách quan (bối cảnh chuyển đổi số nhanh, áp lực kinh doanh – lợi nhuận, thách thức từ thị trường tài chính) và nguyên nhân chủ quan (năng lực cấp ủy viên chưa được chuẩn hóa, công tác giáo dục chính trị chưa được đầu tư đúng mức, kỷ luật kiểm tra có nơi chưa đủ sức răn đe).

4. Để nâng cao chất lượng TCCSĐ trong các NHNN thời gian tới, cần triển khai đồng bộ các giải pháp: Nâng cao nhận thức của cấp ủy các cấp về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng TCCSĐ trong các NHNN đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của ngành ngân hàng; Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác đảng và cấp ủy các cấp gắn với đặc thù chuyên môn ngành ngân hàng; Đổi mới việc ban hành và tổ chức thực hiện nghị quyết, chương trình, kế hoạch hành động về xây dựng và củng cố TCCSĐ trong hệ thống NHNN Việt Nam; Tăng cường thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, đặc biệt là nguyên tắc tập trung dân chủ và nguyên tắc tự phê bình và phê bình; Hoàn thiện và thực hiện hiệu quả quy chế làm việc của TCCSĐ trong hệ thống NHNN; Đẩy mạnh chuyển đổi số và cải cách hành chính trong công tác xây dựng TCCSĐ; Tăng cường công tác sơ kết, tổng kết, kiểm tra, giám sát, khen thưởng, kỷ luật trong các TCCSĐ. Các giải pháp này không chỉ củng cố nội bộ Đảng mà còn trực tiếp tạo ra hiệu quả về minh bạch quản trị, kiểm soát rủi ro và ổn định hệ thống tài chính.

5. Nâng cao chất lượng TCCSĐ trong các NHNN giai đoạn tới là yêu cầu bắt buộc để bảo đảm tính nhất quán giữa mục tiêu chính trị và vận hành kinh tế – tài chính. Công tác này đòi hỏi sự vào cuộc chủ động, quyết liệt và có trách nhiệm của cấp ủy các cấp; sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ của cấp trên; và sự tự giác chính trị của đảng viên. Khi các giải pháp được thực thi thực chất, không hình thức, TCCSĐ trong các NHNN sẽ đủ khả năng dẫn dắt chính trị, kiểm soát nội bộ, phòng ngừa rủi ro và bảo đảm an ninh tài chính – kinh tế quốc gia trong điều kiện hội nhập và chuyển đổi số hiện nay.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Lê Thị Thảo (2023), *“Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng bộ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam hiện nay”*, Tạp chí Thông tin Khoa học Chính trị, Số 06 (36) -2023.

2. Lê Thị Thảo (2023), *“Nâng cao chất lượng công tác đảng, công tác chính trị trong hoạt động của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam hiện nay”*, tạp chí điện tử Chính trị và Phát triển, số đăng ngày 19/10/2023.

3. Lê Thị Thảo (2024), *“Xây dựng tổ chức cơ sở đảng vững mạnh tại các ngân hàng thương mại”*, Tạp chí Quản lý nhà nước, số 343, (8/2024), Hà Nội.

4. Lê Thị Thảo (2024), *“Chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong hệ thống các Ngân hàng nhà nước ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng và những vấn đề đặt ra”*, Tạp chí Thanh niên, số 58, ngày 1/11/2024, Hà Nội.

5. Lê Thị Thảo (2024), *“Xây dựng Đảng về đạo đức trong các đảng bộ ngân hàng nhà nước Việt Nam”*, Tạp chí Xây dựng Đảng, Số 12/2024, Hà Nội.

6. Lê Thị Thảo (2024), *“Nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong hệ thống các ngân hàng thương mại nhà nước hiện nay”*, Tạp chí Lý luận chính trị - Số đặc biệt Quý IV-2024, Hà Nội.

7. Lê Thị Thảo (2025), *“Nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở đảng tại các ngân hàng có vốn nhà nước hiện nay”*, Tạp chí Lý luận chính trị - Số chuyên đề năm 2025, Hà Nội.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT

1. AgriBank (2024), Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam năm 2024, Hà Nội.
2. Ban Bí thư (2011), Quy định số 48-QĐ/TW ngày 20/10/2011 về chức năng, nhiệm vụ của chi bộ trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước, Hà Nội.
3. Ban Bí thư (2017), Kết luận số 18-KL/TW ngày 22/9/2017 về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW của Ban Bí thư khóa X "Về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ" trong tình hình mới, Hà Nội.
4. Ban Bí thư (2018), Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 9/2/2018 về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới, Hà Nội.
5. Ban Bí thư (2018), Quy định số 109-QĐ/TW ngày 03/01/2018 về công tác kiểm tra của tổ chức đảng đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, Hà Nội.
6. Ban Bí thư (2018), Quyết định số 129-QĐ/TW ngày 5/3/2018 thành lập Ban Chỉ đạo sơ kết việc thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 3/6/2013 về "Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới", Hà Nội.
7. Ban Bí thư (2018), Thông báo Kết luận số 48-TB/TW ngày 27/4/2018 về kết quả kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05 của Bộ Chính trị, Hà Nội.
8. Ban Bí thư (2019), Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 21/01/2019 về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng, Hà Nội.
9. Ban Bí thư (2019), Kết luận số 44-KL/TW ngày 22/01/2019 về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TW của Ban Bí thư khóa XI về

tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới, Hà Nội.

10. Ban Bí thư (2019), *Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, Hà Nội.*

11. Ban Bí thư (2019), *Quy định số 195-QĐ/TW ngày 18/6/2019 về chỉ đạo của ủy ban kiểm tra cấp trên đối với ủy ban kiểm tra cấp dưới trong công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng, Hà Nội.*

12. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2019), *Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 21/1/2019 về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng, Hà Nội.*

13. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2022), *Quy định số 60-QĐ/TW ngày 08/3/2022 về tổ chức và hoạt động của tổ chức đảng trong doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước chi phối, Văn phòng Trung ương Đảng phát hành, Hà Nội.*

14. Ban Chấp hành Trung ương (2021), *Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021, Kết luận Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá", Hà Nội.*

15. Ban Chấp hành Trung ương (2021), *Quy định số 24-QĐ/TW ngày 30/7/2021, Về thi hành Điều lệ Đảng, Hà Nội.*

16. Ban Chấp hành Trung ương (2021), *Quy định số 48-QĐ/TW ngày 20/12/2021, về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước, Hà Nội.*

17. Ban Chấp hành Trung ương (2022), *Quy định số 87-QĐ/TW ngày 28/10/2022 về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của đảng ủy cấp trên cơ*

sở trong các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, ngân hàng thương mại nhà nước, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.

18. Ban Chấp hành Trung ương (2025), Kết luận số: 197/KL/TW, ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về việc thực hiện một số nội dung, nhiệm vụ trọng tâm trong hoạt động của tổ chức cơ sở đảng trong thời gian tới, Hà Nội.

19. Ban Chấp hành Trung ương (2025), Quy định số 366-QĐ/TW, ngày 30 tháng 8 năm 2025 của Ban Chấp hành Trung ương, về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị, Hà Nội.

20. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2021), Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, Hà Nội.

21. Ban Chấp hành Trung Ương Đảng (2022), Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên trong giai đoạn mới, Hà Nội.

22. Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực Trung ương (2023), Báo cáo chuyên đề về công tác kiểm tra, giám sát tổ chức đảng trong doanh nghiệp nhà nước, 2023, Hà Nội.

23. Ban Kinh tế Trung ương (2022), Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

24. Ban Tổ chức Trung ương (2022), Hướng dẫn số 12-HD/BTCTW (2022) về công tác tổ chức cơ sở đảng trong doanh nghiệp, ngày 18 tháng 1 năm 2022, Hà Nội.

25. Ban Tổ chức Trung ương (2023), Công văn số 4718-CV/BTCTW, ngày 16 tháng 2 năm 2023, về việc triển khai mô hình đảng bộ theo Quy định số 60-QĐ/TW, ngày 8/3/2022 của Ban Bí thư, Hà Nội.

26. Ban Tổ chức Trung ương (2023), *Hướng dẫn số 15-HD/BTCTW ngày 14/02/2023 về tổ chức bộ máy cơ quan tham mưu giúp việc của đảng ủy cấp trên cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước*, Hà Nội.

27. Ban Tổ chức Trung ương (2023), *Hướng dẫn số 23-HD/BTCTW ngày 14/02/2023 về tổ chức bộ máy cơ quan tham mưu, giúp việc của đảng ủy cấp trên cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước*, Hà Nội.

28. Bộ Chính trị (2011), *Quy định số 47-QĐ/TW ngày 01/11/2011 về những điều đảng viên không được làm*, Hà Nội.

29. Bộ Chính trị (2021), *Quy định số 24-QĐ/TW ngày 30/7/2021 về thi hành Điều lệ Đảng*, Hà Nội.

30. Bộ Chính trị (2025), *Kết luận 208-KL/TW, ngày 11 tháng 11 năm 2028 của Bộ Chính trị về sắp xếp tổ chức đảng trong các tập đoàn, tổng công ty, ngân hàng thương mại nhà nước*, Hà Nội.

31. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2022), *Báo cáo kinh tế vĩ mô Việt Nam năm 2021–2022*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

32. Bùi Văn Huyền (2018), *“Huy động vốn của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam”*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế, Học viện CTQG Hồ Chí Minh, Hà Nội.

33. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam Khóa XI, năm 2011*, Nxb Chính trị Quốc gia, Sự thật, Hà Nội.

34. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

35. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Nxb CTQG Sự thật, tr.86; tr.81- 82, tập 1, Hà Nội.

36. Đảng ủy Chính phủ (2024), *Báo cáo tổng kết công tác kinh doanh giai đoạn 2020-2024, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2025 - 2030*, Hà Nội.

37. Đảng ủy khối các doanh nghiệp Trung ương (2020), *Báo cáo tổng kết công tác xây dựng đảng năm 2021, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2021*, Hà Nội.

38. Đảng ủy khối các doanh nghiệp Trung ương (2020), *Báo cáo tổng kết công tác kinh doanh giai đoạn 2015-2019, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2020 - 2024*, Hà Nội.

39. Đảng ủy khối các doanh nghiệp Trung ương (2021), *Báo cáo tổng kết công tác xây dựng đảng năm 2021, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2022*, Hà Nội.

40. Đảng ủy khối các doanh nghiệp Trung ương (2022), *Báo cáo tổng kết công tác xây dựng đảng năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023*, Hà Nội.

41. Đảng ủy khối các doanh nghiệp Trung ương (2023), *Báo cáo tổng kết công tác xây dựng đảng năm 2023, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2024*, Hà Nội.

42. Đảng ủy khối các doanh nghiệp Trung ương (2024), *Báo cáo tổng kết công tác xây dựng đảng năm 2024, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2025*, Hà Nội.

43. Đảng ủy Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (VBSP) (2015), *Báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng bộ lần thứ IV, nhiệm kỳ 2015–2020*, Hà Nội.

44. Đảng ủy Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (VBSP) (2017), *Báo cáo sơ kết công tác xây dựng Đảng giữa nhiệm kỳ 2015–2020*, Hà Nội.

45. Đảng ủy Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (VBSP) (2020), *Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng giai đoạn 2015–2020, phục vụ Đại hội Đảng bộ lần thứ V*, Hà Nội.

46. Đảng ủy Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (VBSP) (2025), *Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng giai đoạn 2020–2025, phục vụ Đại hội Đảng bộ lần thứ VI*, Hà Nội.

47. Đảng ủy Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) (2025), *Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ Agribank lần thứ XI (nhiệm kỳ 2025–2020)*, Hà Nội.

48. Đảng ủy Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) (2020), *Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ Agribank lần thứ X (nhiệm kỳ 2020–2025)*, Hà Nội.

49. Đảng ủy Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) (2018), *Báo cáo sơ kết công tác xây dựng Đảng và hoạt động kinh doanh giữa nhiệm kỳ 2015–2020*, Hà Nội.

50. Đảng ủy Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) (2015), *Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ Agribank lần thứ IX (nhiệm kỳ 2015–2020)*, Hà Nội.

51. Đảng ủy Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) (2023), *Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2023*, Hà Nội.

52. Đảng ủy Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) (2021), *Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và hoạt động kinh doanh năm 2021*, Hà Nội.

53. Đảng ủy Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) (2025), *Quy định số 316/QĐ-HĐTV-TCKT, ngày 18 tháng 4 năm 2025 về việc ban hành Chương trình hành động của Agribank về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025*, Hà Nội.

54. Đảng ủy Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) (2015), *Báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng bộ VDB lần thứ III (nhiệm kỳ 2015–2020)*, Hà Nội.

55. Đảng ủy Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) (2020), *Báo cáo công tác tổ chức xây dựng Đảng giai đoạn 2015–2020, phục vụ Đại hội Đảng bộ VDB lần thứ IV*, Hà Nội.

56. Đảng ủy Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) (2021), *Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2021*, Hà Nội.

57. Đảng ủy Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) (2023), *Báo cáo sơ kết công tác tổ chức xây dựng Đảng giữa nhiệm kỳ 2020–2025*, Hà Nội.

58. Đảng ủy Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) (2025), *Báo cáo công tác tổ chức xây dựng Đảng giai đoạn 2020–2025*, Hà Nội.

59. Đảng ủy Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) (2015), *Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng bộ VietinBank lần thứ IX (nhiệm kỳ 2015–2020)*, Hà Nội.

60. Đảng ủy Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) (2020), *Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng bộ VietinBank lần thứ X (nhiệm kỳ 2020–2025)*, Hà Nội.

61. Đảng ủy Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) (2022), *Báo cáo sơ kết công tác xây dựng Đảng và thực hiện nhiệm vụ kinh doanh năm 2022*, Hà Nội.

62. Đảng ủy Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) (2023), *Báo cáo sơ kết công tác xây dựng Đảng giữa nhiệm kỳ 2020–2025*, Hà Nội.

63. Đảng ủy Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) (2024), *Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2024*, Hà Nội.

64. Đảng ủy Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) (2025), *Báo cáo chính trị tại Đại hội nhiệm kỳ 2020–2025*, Hà Nội.

65. Đảng ủy Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) (2015), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XII, nhiệm kỳ 2010–2015 tại Đại hội đại biểu Đảng bộ BIDV lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2015–2020*, Hà Nội.

66. Đảng ủy Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) (2018), *Báo cáo sơ kết công tác xây dựng Đảng giữa nhiệm kỳ 2015–2020*, Hà Nội.

67. Đảng ủy Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) (2020), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XIII, nhiệm kỳ 2015–2020 tại Đại hội đại biểu Đảng bộ BIDV lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020–2025*, Hà Nội.

68. Đảng ủy Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) (2021), *Báo cáo công tác xây dựng Đảng và kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2021*, Hà Nội.

69. Đảng ủy Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) (2023), *Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2023*, Hà Nội.

70. Đảng ủy Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) (2025), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XIV, nhiệm kỳ 2020-2025 tại Đại hội đại biểu Đảng bộ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam lần thứ XV, nhiệm kỳ 2025-2030*, Hà Nội.

71. Đào Văn Hùng (2019), “Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý đối với hoạt động ngân hàng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 6, Hà Nội.

72. Đỗ Khôi Nguyên (2024), “Công tác xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước hiện nay”, *Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử*, số đăng ngày 10/9/2024, Hà Nội.

73. Hoàng Đức Công (2014), “Xây dựng mô hình tổ chức đảng trong doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hoá”, *Tạp chí Tổ chức nhà nước và lao động*, Số đăng ngày 6/11/2014, Hà Nội.

74. Hoàng Giang (2020), “Vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng trong việc tái cơ cấu, đổi mới và nâng cao hiệu quả phát triển doanh nghiệp nhà nước”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, số đăng ngày 2/6/2020, Hà Nội.

75. Hồ Chí Minh toàn tập (2011), Tập 4, tr.434, Nxb Chính trị Quốc gia, Sự thật, Hà Nội.

76. Học viện Ngân hàng (2020), *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Phát triển bền vững hệ thống ngân hàng Việt Nam*, Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội.

77. Lê Cẩm Ninh (2014), “*Nâng cao năng lực cạnh tranh của hệ thống Ngân hàng Thương mại Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế*”, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Tài chính ngân hàng, Học viện Tài Chính, Hà Nội.

78. Lê Thị Kim Thanh, Lê Thu Thủy (2024), “*Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về xây dựng và thực hiện văn hoá doanh nghiệp trong Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương*”, Tạp chí Cộng sản, số đăng ngày 21/9/2024, Hà Nội.

79. Lê Thị Mai Hương, Tô Thị Linh (2025), “*Công tác xây dựng đảng góp phần quan trọng hoàn thành nhiệm vụ chính trị ngành ngân hàng*”, Tạp chí Ngân hàng, số đăng ngày 3/2/2025, Hà Nội.

80. Lê Xuân Bá (2024), “*Mô hình tổ chức và phương thức quản lý tín dụng chính sách xã hội đặc thù của ngân hàng chính sách xã hội*”, Tạp chí Kinh tế và Quản lý, Số 71 (07/2024), Hà Nội.

81. Lê Xuân Nghĩa (2019), *Cải cách hệ thống tài chính – ngân hàng Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế*, Nhà xuất bản Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

82. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2020), *Báo cáo tổng kết hoạt động ngân hàng giai đoạn 2016–2020 và định hướng đến năm 2025*, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Hà Nội.

83. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2025), *Báo cáo tổng kết hoạt động ngân hàng giai đoạn 2020–2025 và định hướng đến năm 2030*, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Hà Nội.

84. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (2015), *Báo cáo tổng kết công tác kinh doanh năm 2015 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2016*, Hà Nội.

85. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (2016), *Báo cáo tổng kết công tác kinh doanh năm 2016 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2017*, Hà Nội.

86. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (2017), *Báo cáo tổng kết công tác kinh doanh năm 2017 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2018*, Hà Nội.

87. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (2018), *Báo cáo tổng kết công tác kinh doanh năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2019*, Hà Nội.

88. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (2019), *Báo cáo tổng kết công tác kinh doanh năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2020*, Hà Nội.

89. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (2020), *Báo cáo tổng kết công tác kinh doanh năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021*, Hà Nội.

90. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (2020), *Báo cáo tổng kết công tác kinh doanh năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021*, Hà Nội.

91. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (2021), *Báo cáo tổng kết công tác kinh doanh năm 2021 và mục tiêu, nhiệm vụ năm 2022*, Hà Nội.

92. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (2022), *Báo cáo tổng kết công tác kinh doanh năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023*, Hà Nội.

93. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (2023), *Báo cáo tổng kết công tác kinh doanh năm 2023 và mục tiêu, nhiệm vụ năm 2024*, Hà Nội.

94. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (2024), *Báo cáo tổng kết công tác kinh doanh năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025*, Hà Nội.

95. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (2025), *Báo cáo tổng kết công tác kinh doanh năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026*, Hà Nội.

96. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (2020), *Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021*, Hà Nội.

97. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (2021), *Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2021 và mục tiêu, nhiệm vụ năm 2022*, Hà Nội.

98. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (2022), *Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023*, Hà Nội.

99. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (2023), *Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2023 và mục tiêu, nhiệm vụ năm 2024*, Hà Nội.

100. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (2024), *Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025*, Hà Nội.

101. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (2025), *Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026*, Hà Nội.

102. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (2015), *Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2015 và định hướng hoạt động năm 2016*, Hà Nội.

103. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (2016), *Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2016 và định hướng hoạt động năm 2017*, Hà Nội.

104. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (2017), *Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2017 và định hướng hoạt động năm 2018*, Hà Nội.

105. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (2018), *Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2018 và định hướng hoạt động năm 2019*, Hà Nội.

106. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (2019), *Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2019 và định hướng hoạt động năm 2020*, Hà Nội.

107. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (2020), *Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021*, Hà Nội.

108. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (2021), *Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2021 và mục tiêu, nhiệm vụ năm 2022*, Hà Nội.

109. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (2022), *Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023*, Hà Nội.

110. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (2023), *Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2023 và mục tiêu, nhiệm vụ năm 2024*, Hà Nội.

111. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (2024), *Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025*, Hà Nội.

112. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (2015), *Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2015 và định hướng hoạt động năm 2016*, Hà Nội.

113. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (2016), *Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2016 và định hướng hoạt động năm 2017*, Hà Nội.

114. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (2017), *Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2017 và định hướng hoạt động năm 2018*, Hà Nội.

115. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (2018), *Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2018 và định hướng hoạt động năm 2019*, Hà Nội.

116. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (2019), *Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2019 và định hướng hoạt động năm 2020*, Hà Nội.

117. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (2020), *Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021*, Hà Nội.

118. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (2021), *Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2021 và mục tiêu, nhiệm vụ năm 2022*, Hà Nội.

119. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (2022), *Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023*, Hà Nội.

120. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (2023), *Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2023 và mục tiêu, nhiệm vụ năm 2024*, Hà Nội.

121. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (2024), *Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025*, Hà Nội.

122. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (2025), *Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026*, Hà Nội.

123. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2025), *Báo cáo số 568/BC-NHNN, ngày 30 tháng 12 năm 2025, về kết quả hoạt động ngân hàng năm 2025 và giai đoạn 2020 – 2025, phương hướng nhiệm vụ năm 2026*, Hà Nội.

124. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2020), *Báo cáo số 356/BC-NHNN, ngày 26 tháng 12 năm 2020, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XXIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020 trình Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Hà Nội.

125. Nguyễn Đức Hiền (2021), “Vai trò của hệ thống ngân hàng nhà nước trong điều tiết nền kinh tế vĩ mô ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản*, số 964, Hà Nội.

126. Nguyễn Hoài Nam (2023), “Nâng cao giá trị cảm nhận của khách hàng đối với dịch vụ của các ngân hàng thương mại”, *Tạp chí Kinh tế và Quản lý*, Số 57 (5/2023), Hà Nội.

127. Nguyễn Mạnh Thắng (2023), “Nâng cao tính đảng và phát huy vai trò của người đứng đầu trong xây dựng Đảng ở doanh nghiệp nhà nước cổ phần hoá”, *Tạp chí Cộng sản*, số đăng ngày 17/12/2023, Hà Nội.

128. Nguyễn Minh Phong (2020), “Tái cơ cấu hệ thống ngân hàng Việt Nam: Thực trạng và vấn đề đặt ra”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 22, Hà Nội.

129. Nguyễn Thị Diễm My (2023), “Vai trò của tổ chức đảng trong lĩnh vực ngân hàng – Thực tiễn tại Vietcombank”, *Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ*, số đăng ngày 9/11/2023, Hà Nội.

130. Nguyễn Thị Gấm (2025), “Bảo vệ chính trị nội bộ ở Agirbank: Kiên định tư tưởng của Đảng trong giai đoạn tinh gọn bộ máy”, *Tạp chí Ngân hàng*, số đăng ngày 30/9/2025.

131. Nguyễn Thị Hòa (2019), *“Thanh tra, giám sát trên cơ sở rủi ro của ngân hàng nhà nước Việt Nam đối với các tổ chức tín dụng – Thực trạng và giải pháp”*, Luận án tiến sĩ ngành tài chính ngân hàng, Học viện Ngân hàng, Hà Nội.

132. Nguyễn Thị Kiều Vân (2023), *“Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng từ phát huy vai trò của người đứng đầu cấp ủy: Nhìn từ Đảng bộ Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam Chi nhánh Thăng Long”*, Tạp chí Cộng sản, số đăng ngày 2/9/2023, Hà Nội.

133. Nguyễn Thị Mùi (2017), *Phát triển hệ thống ngân hàng Việt Nam theo chuẩn mực Basel*, Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội.

134. Nguyễn Trường Thành (2024), *“Phòng, chống tham nhũng và tội phạm trong ngành Ngân hàng – Những vấn đề đáng quan tâm hiện nay”*, Tạp chí Toà án nhân dân điện tử, số đăng ngày 17/10/2024, Hà Nội.

135. Nguyễn Tuấn Đạt (2024), *“Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong quản trị rủi ro ngành ngân hàng”*, Tạp chí điện tử Chính trị và Phát triển, số đăng ngày 3/6/2024, Hà Nội.

136. Nguyễn Văn Quyền (2024), *“Sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước trên địa bàn tỉnh Nam Định hiện nay”*, Tạp chí Chủ nghĩa xã hội lý luận và thực tiễn, số 32 (8/2024), tr. 32-36, Hà Nội.

137. Nguyễn Văn Tiến (2018), *Giáo trình ngân hàng trung ương*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

138. Phạm Tất Thắng, Nguyễn Ngọc Ánh (2023), *“Mô hình tổ chức đảng trong các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, ngân hàng thương mại hiện nay – vấn đề đặt ra và đề xuất”*, Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông, số đăng ngày 7/9/2023, Học viện báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.

139. Phạm Thị Tuyết Mai (2021), *“Vai trò điều tiết của Ngân hàng Nhà nước trong ổn định kinh tế vĩ mô ở Việt Nam”*, Tạp chí Ngân hàng, số 18, Hà Nội.

140. Phạm Thu Hương (2024), *“Nâng cao chất lượng kiểm tra, giám sát của chi bộ - Giải pháp để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh từ cơ*

sở ở Đảng bộ Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)”, Tạp chí Lịch sử Đảng, số đăng ngày 30/11/2024, Hà Nội.

141. Quang Đức (2024), “*Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát kỷ luật Đảng góp phần phát huy hơn nữa vai trò lãnh đạo của Đảng trong xây dựng Đảng bộ BIDV trong sạch, vững mạnh*”, tạp chí Lịch sử Đảng điện tử, số đăng ngày 30/11/2024, Hà Nội.

142. Quốc Hội (2010), *Luật các tổ chức tín dụng 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, NxB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

143. Quốc Hội (2010), *Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010*, NxB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

144. Quốc Hội (2020), *Luật doanh nghiệp 2020 (sửa đổi, bổ sung ngày 17/6/2025)*, NxB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

145. Quốc Hội (2025), *Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025*, NxB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

146. Quốc Hội, *Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội Chủ nghĩa Việt Nam 2013*, NxB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

147. Thủ tướng Chính phủ (2011), *Nghị định số 10/2011/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội*

148. Thủ tướng Chính phủ (2015), *Quyết định số 1515/QĐ-TTg ngày 03/9/2015 về Điều lệ Ngân hàng Phát triển Việt Nam*

149. Thủ tướng Chính phủ (2018), *Quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành ngân hàng đến năm 2025, định hướng 2030*

150. Thủ tướng Chính phủ (2020), *Nghị định số 121/2020/NĐ-CP về quản lý vốn Nhà nước tại ngân hàng thương mại cổ phần*

151. Thủ tướng Chính phủ (2025), *Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24/2/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

152. Tô Khánh Toàn (2014), *“Phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam”*, Luận án tiến sĩ, ngành quản lý kinh tế, Học viện CTQG Hồ Chí Minh, Hà Nội.

153. Tô Thị Ánh Dương (2021), *“Quản trị rủi ro tại các ngân hàng thương mại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế”*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

154. Trần Đình Thiên (2023), *“Ổn định kinh tế vĩ mô và vai trò của chính sách tiền tệ trong bối cảnh biến động toàn cầu”*, *Tạp chí Kinh tế Việt Nam*, số 4, Hà Nội.

155. Trần Thị Thu Hương (2020), *Quản trị rủi ro trong các ngân hàng thương mại Việt Nam*, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.

156. Trịnh Thị Thủy (2015), *“Quản lý nhà nước đối với các ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay”*, Luận án tiến sĩ Quản lý hành chính công, Học viện Hành Chính quốc gia, Hà Nội.

157. Trương Thị Mỹ Trang (2012), *“Xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp nhà nước đã cổ phần hoá ở các tỉnh Trung Trung Bộ giai đoạn hiện nay”*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Học viện CTQG Hồ Chí Minh, Hà Nội.

158. VietcomBank (2023), Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (2023).

159. VietinBank (2021), Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (Bản sửa đổi, bổ sung năm 2021).

160. Vũ Thị Kim Anh (2022), *“Chuyển đổi số trong hệ thống ngân hàng Việt Nam: Cơ hội và thách thức”*, *Tạp chí Tài chính*, số 9, Hà Nội.

161. Vũ Thùy Linh (2014), *“Hoàn thiện quá trình và tổ chức bộ máy kiểm toán nội bộ trong các ngân hàng thương mại Nhà nước Việt nam”*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành tài chính, Học viện Tài Chính, Hà Nội.

TÀI LIỆU TIẾNG ANH

162. Allen, Franklin; Carletti, Elena; Gu, Xian (2021), *Vai trò của ngân hàng trong hệ thống tài chính*, Oxford University Press, Oxford, Vương quốc Anh.

163. Allen, Franklin; Gale, Douglas (2007), *So sánh các hệ thống tài chính*, MIT Press, Cambridge, Hoa Kỳ.
164. Beck, Thorsten (2018), *Cải cách khu vực ngân hàng và ổn định tài chính*, World Scientific Publishing, Singapore.
165. Boot, Arnoud W.A.; Thakor, Anjan V. (2000), “Ngân hàng quan hệ có thể tồn tại trong môi trường cạnh tranh hay không?”, *The Journal of Finance*, Tập 55, Số 2, tr. 679–713, Hoa Kỳ.
166. Brunnermeier, Markus K.; Oehmke, Martin (2013), “Cấu trúc của hệ thống tài chính”, *Journal of Economic Perspectives*, Tập 27, Số 2, tr. 3–28, Hoa Kỳ.
167. Calomiris, Charles W.; Haber, Stephen H. (2014), *Ngân hàng mong manh: Chính trị của tín dụng và các cuộc khủng hoảng tài chính*, Princeton University Press, Princeton, Hoa Kỳ.
168. Caprio, Gerard; Klingebiel, Daniela (2003), *Các giai đoạn khủng hoảng tài chính mang tính hệ thống và cận hệ thống*, Ấn phẩm nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới, Washington, D.C., Hoa Kỳ.
169. Chengyu Zhao, Wei Qi (2024), “Ảnh hưởng của Bí thư Đảng đối với sự thận trọng trong vận hành ngân hàng”, bài viết đăng trên website Social Science Research Network, Mỹ.
170. Chuangqiang Xu, Qingxiang Feng (2020), “Phân tích những điểm nghẽn kìm hãm công tác xây dựng Đảng trong các ngân hàng thương mại nhà nước của Trung Quốc thời kỳ mới”, *Tạp chí International Journal of Science Studies*, Vol. 8, No. 4, Mỹ.
171. Daniel Koss (2023), “Kiểm tra kỷ luật và sự chuyển đổi quyền lực của Đảng trong các ngân hàng ở Trung Quốc”, *Tạp chí China: An International Journal*, Nxb. Johns Hopkins University Press, Singapore.
172. Daniel Koss (2023), “Quản trị kinh tế trong kỷ nguyên mới của tập Cận Bình: Sự ảnh hưởng mới của Đảng trong lĩnh vực tài chính Trung Quốc”, *Tạp chí East Asian Institute (EAI)*, Đại học Quốc gia Singapore.

173. De Haan, Jakob; Oosterloo, Sander; Schoenmaker, Dirk (2015), *Thị trường tài chính và các định chế tài chính: Góc nhìn châu Âu*, Cambridge University Press, Cambridge, Vương quốc Anh.

174. Feng JianLong (2024), “Khảo sát xây dựng tổ chức đảng trong các ngân hàng quốc doanh ở Trung Quốc”, Nxb. Nhân dân Chiết Giang, Trung Quốc.

175. Goodhart, Charles A.E. (1988), *Ngân hàng trung ương và hệ thống tài chính*, MIT Press, Cambridge, Hoa Kỳ.

176. Goodhart, Charles A.E. (2011), *Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng: Lịch sử giai đoạn đầu (1974–1997)*, Cambridge University Press, Cambridge, Vương quốc Anh.

177. Goodhart, Charles; Schoenmaker, Dirk (1995), “Sự tách biệt thể chế giữa chức năng giám sát và chính sách tiền tệ”, *Tài liệu chuyên đề của Nhóm Nghiên cứu Thị trường Tài chính LSE*, Số 52, London, Vương quốc Anh.

178. Gorton, Gary; Metrick, Andrew (2012), *Điều tiết hệ thống ngân hàng trong khủng hoảng tài chính toàn cầu*, University of Chicago Press, Chicago, Hoa Kỳ.

179. Gorton, Gary; Metrick, Andrew (2012), *Quản lý hệ thống ngân hàng trong bóng tối*, Brookings Institution Press, Washington, D.C., Hoa Kỳ.

180. Gu Haijiao (2023), “Nâng cao toàn diện chất lượng công tác xây dựng tổ chức đảng tại các tổ chức tài chính quốc doanh”, *Tạp chí Nghiên cứu xây dựng Đảng*, số 11, năm 2023, Trung Quốc.

181. Hellwig, Martin (2014), “Đúng vậy, rủi ro hệ thống là một vấn đề hiện hữu”, *De Economist*, Tập 162, Số 2, tr. 235–260, Hà Lan.

182. Katharina Pistor (NBER chapter, 2010/2009), “Quản trị hệ thống tài chính của Trung Quốc”, sách chuyên khảo trong dự án *NBER Project on Capitalizing China*, Nxb. National Bureau of Economic Research, Mỹ.

183. Laeven, Luc; Valencia, Fabian (2018), *Khủng hoảng ngân hàng: Nguyên nhân, chính sách và kết quả*, International Monetary Fund, Washington D.C., Hoa Kỳ.

184. Le Xia (2019), “*Những bài học từ các cuộc cứu trợ của ngân hàng ở Trung Quốc*”, Tạp chí Yale Working Paper, Đại học Yale Mỹ.

185. Lu Wei, Mingye Wei, Yifei Wu, Zhangbo Jing (2025), “*Tác động của công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng đối với sự ổn định của hệ thống ngân hàng Trung Quốc – Phân tích dựa trên chỉ số văn bản mới*”, Tạp chí kinh tế Trung Quốc.

186. Miaoli Zhao, Peng Wang (2025), “*Tác động của chất lượng tổ chức cơ sở đảng đối với doanh nghiệp và hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp*”, Tạp chí nghiên cứu tài chính RELX, Anh.

187. Mishkin, Frederic S. (2016), *Kinh tế học tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính*, Pearson Education, New York, Hoa Kỳ.

188. Mishkin, Frederic S. (2019), *Kinh tế học về tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính*, Ấn bản lần thứ 12, Pearson Education, New York, Hoa Kỳ.

189. Orhan Hilmi Yazar (2015), “*Giải mã quy định ngân hàng tại Trung Quốc*”, Tạp chí *Journal of Current Chinese Affairs*, Vol.44, issue 2, tr.135, Trung Quốc.

190. Reinhart, Carmen M.; Rogoff, Kenneth S. (2009), *Lần này có khác không? Tám thế kỷ khủng hoảng tài chính*, Princeton University Press, Princeton, Hoa Kỳ.

191. Rochet, Jean-Charles; Tirole, Jean (1996), “*Cho vay liên ngân hàng và rủi ro hệ thống*”, *Journal of Money, Credit and Banking*, Tập 28, Số 4, tr. 733–762, Hoa Kỳ.

192. Saunders, Anthony; Cornett, Marcia Millon (2021), *Quản trị các định chế tài chính: Cách tiếp cận quản trị rủi ro*, Ấn bản lần thứ 10, McGraw-Hill Education, New York, Hoa Kỳ.

193. Scott Livingston (2021), “*Thách thức mới trong mô hình quản trị doanh nghiệp dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản*”, bài viết đăng trên website của Trung tâm nghiên cứu Chiến lược và Quốc tế CSIS, ngày tháng 01 năm 2021, Mỹ.

194. Shiller, Robert J. (2012), *Tài chính và một xã hội tốt đẹp*, Princeton University Press, Princeton, Hoa Kỳ.

195. Susan Hoffmann (2016), “*Chính trị và Ngân hàng*”, Nxb. Johns Hopkins University Press, Mỹ.

196. Tan Tan Qun (2025), “*Kiên định sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với doanh nghiệp quốc doanh, nâng cao chất lượng công tác xây dựng đảng làm nền tảng bảo đảm cải cách tài sản và doanh nghiệp nhà nước thực chất, hiệu quả*”, Tạp chí Nghiên cứu xây dựng Đảng, số 3, Trung Quốc.

197. Ủy ban Đảng ủy Ngân hàng xây dựng Trung Quốc (2025), “*Báo cáo hội nghị công tác đảng và quản lý điều hành năm 2025 của Ngân hàng xây dựng Trung Quốc (CCB)*”, Sina Finance, 16/1/2025, Trung Quốc.

198. Văn phòng Ủy ban Công tác Tài chính Trung ương (2024), “*Thực hiện vững chắc vai trò lãnh đạo của Đảng và xây dựng tổ chức đảng trong hệ thống tài chính nhà nước*”, Tạp chí Nghiên cứu xây dựng Đảng, số 12, năm 2024, Trung Quốc.

199. Viện Nghiên cứu ngân hàng Trung Quốc (2022), “*Cơ chế xây dựng đảng trong ngân hàng quốc doanh*”, Báo cáo nghiên cứu của Viện Nghiên cứu ngân hàng Trung Quốc, Tạp chí Sina Finance, số ngày 17/2/2022, Trung Quốc.

200. Vives, Xavier (2016), *Tính bổ trợ chiến lược trong hoạt động ngân hàng*, MIT Press, Cambridge, Massachusetts, Hoa Kỳ.

201. Walter, Ingo (2009), *Dịch vụ tài chính: Cạnh tranh toàn cầu và quá trình hợp nhất*, Brookings Institution Press, Washington, D.C., Hoa Kỳ.

202. White, Eugene N. (2015), *Điều tiết và cải cách hệ thống ngân hàng Hoa Kỳ giai đoạn 1900–1929*, Princeton University Press, Princeton, Hoa Kỳ.

203. Xiankun Jin, Liping Xu, Yu Xin, Ajay Adhikari (2022), “*Quản trị chính trị trong các doanh nghiệp nhà nước của Trung Quốc*”, Tạp chí nghiên cứu kế toán Trung Quốc.

204. Yifei Wu, Lu Wei (2024), “*Tác động của công tác xây dựng Đảng đối với sự đổ vỡ ngân hàng: Bằng chứng từ Trung Quốc*”, bài viết đăng trên nền tảng ScienceDirect, Procedia Computer Science, Elsevier B.V, Hà Lan.

205. Zhang Wei (2021), “*Chính trị hoá và tổ chức hoá trong quản trị ngân hàng nhà nước ở Trung Quốc*”, Tạp chí Ngân hàng Trung Quốc, số 5, tháng 3/2021, Trung Quốc.

206. Trần Thị Hồng Hạnh (2022), “*Xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh gắn với nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro tại các ngân hàng thương mại nhà nước*”, Tạp chí Ngân hàng, số 12/2022, Hà Nội.

207. Lê Minh Tuấn (2023), “*Gắn xây dựng Đảng với thực hiện nhiệm vụ chính trị trong hệ thống ngân hàng nhà nước hiện nay*”, Tạp chí Ngân hàng, số 7/2023, Hà Nội.

PHỤ LỤC THAM KHẢO

Phụ lục 01

Bảng 1 – Danh sách tổ chức lại các đảng bộ NHTM Nhà nước

(Theo Kết luận 208 – KL-BCT, ngày 11/11/2025)

TT	Tên Đảng bộ	TCD trực thuộc đảng bộ TĐ, TCT, NHNN	
		Số tổ chức đảng	Số đảng viên
	04 đảng bộ	240	14.866
1	NH TMCP Công thương Việt Nam	47	3.539
2	NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	77	3.804
3	NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	94	4.689
4	NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	22	2.834

Bảng 2 - Danh sách chuyển các đảng bộ tập đoàn kinh tế, tổng công ty, ngân hàng thương mại nhà nước trực thuộc Đảng ủy Chính phủ về trực thuộc các đảng ủy: Bộ Tài Chính, Bộ Xây dựng và Ngân hàng Nhà nước

(Theo Kết luận 208 – KL-BCT, ngày 11/11/2025)

TT	Tên Đảng bộ	TCD trực thuộc đảng bộ TĐ, TCT, NHNN		TCD trực thuộc cấp ủy địa phương	
		Số tổ chức đảng	Số đảng viên	Số tổ chức đảng	Số đảng viên
	30 đảng bộ	773	60.361	786	82.546

I	Trực thuộc Đảng ủy Bộ Tài chính	465	43.471	220	39.785
1	Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam	8	3.076	22	10.791
2	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	16	367	17	704
3	Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	16	3.085	24	13.377
4	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	18	691	19	3.932
5	Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam	34	2.156	5	756
6	Tổng Công ty Cà phê Việt Nam	9	44	10	462
7	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	9	5.574	16	3.635
8	Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	7	125	21	362
9	Tổng Công ty Lương thực Miền Nam	14	206	19	629
10	Tổng Công ty Sông Đà	22	1.261	4	270
11	Tổng Công ty Thép Việt Nam	12	190	18	610
12	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	5	125	13	1.421
13	Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	9	583	19	1.226
14	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	35	3.983	5	120
15	Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	57	8.081		
16	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	36	2.864		
17	Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam	40	4.311		
18	Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	47	4.823		
19	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước	15	152		
20	Tổng Công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam	14	325		
21	Tập đoàn Bảo Việt	22	954		
22	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	20	553	8	440

II	Trực thuộc Đảng ủy Bộ Xây dựng	40	614	23	3.594
1	Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	13	299	17	3.721
2	Tổng Công ty ĐTPT nhà và đô thị	27	515	8	163
III	Trực thuộc Đảng ủy Ngân hàng Nhà nước	268	15.976	541	39.877
1	NH TMCP Công thương Việt Nam	47	3.539	135	6.505
2	NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	77	3.804	135	20.729
3	NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	94	4.689	157	7.693
4	NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	22	2.834	114	4.950
5	NH Chính sách xã hội Trung ương	20	605		
6	Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam	8	507		

Phụ lục 02 – Số lượng tổ chức cơ sở đảng tại các đảng bộ ngân hàng nhà nước giai đoạn 2015 - 2025

STT	Tên Đảng bộ	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
1	NHNN Việt Nam	30	30	30	31	31	34	34	34	34	32	28
2	Vietcombank	85	85	85	88	90	95	105	115	126	130	134
3	Viettinbank	98	98	98	100	104	108	110	115	120	122	125
4	Agribank	103	103	105	105	112	120	180	195	211	213	213
5	BIDV	115	115	118	121	121	121	121	126	249	253	251
6	VBSP	20	20	20	21	21	22	22	22	23	23	23
Tổng số		451	459	454	464	467	485	557	592	749	761	766

(Nguồn: NCS tổng hợp từ các báo cáo chính trị của các Đảng bộ NHNN theo nhiệm kỳ, giai đoạn 2015 - 2025)

Phụ lục 03 – Số lượng đảng viên tại các đảng bộ ngân hàng nhà nước giai đoạn 2015 - 2025

STT	Tên Đảng bộ	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
1	NHNN Việt Nam	2036	2048	2081	2153	2201	2281	2311	2388	2413	2517	2625
2	Vietcombank	5115	5200	5436	5761	6177	6520	7114	7398	7695	7962	8000
3	Viettinbank	6836	6968	7183	7426	7741	8012	8367	8785	8969	9372	9500
4	Agribank	17.589	18.000	18.481	18.877	19.398	19.986	19.126	19.389	19.695	22.871	24000
5	BIDV	8372	8.521	8.798	9.145	9.880	9.506	10.077	10.559	11.045	11.488	12000
6	VBSP	461	490	505	515	520	529	556	574	584	596	716
Tổng số		40.409	41.877	43.547	44.547	46.632	47.564	48.301	49.861	51.156	55.596	55.016

(Nguồn: NCS tổng hợp từ các báo cáo chính trị của các Đảng bộ NHNN theo nhiệm kỳ, giai đoạn 2015 - 2025)

Phụ lục 04 – Kết quả khen thưởng đảng viên
tại các tổ chức cơ sở đảng trong các đảng bộ ngân hàng nhà nước giai đoạn 2015 - 2025

STT	Tên Đảng bộ	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng số
1	NHNN Việt Nam	216	246	301	318	336	357	380	448	439	501	516	3.542
2	Vietcombank	380	450	470	490	510	530	560	590	610	640	360	5.210
3	Viettinbank	516	620	640	670	690	720	760	780	820	860	450	7.010
4	Agribank	1021	1.100	1.150	1.200	1.250	1.300	1.350	1.400	1.500	1.550	800	12.600
5	BIDV	769	800	830	850	870	900	950	1.000	1.050	1.080	500	8.830
6	VBSP	68	80	82	85	90	95	98	101	105	110	115	961
Tổng số		2.970	3.110	3.234	3.360	3.478	3.617	3.793	3.949	41.73	4.332	2.271	35.317

(Nguồn: NCS tổng hợp từ các báo cáo chính trị của các Đảng bộ NHNN theo nhiệm kỳ, giai đoạn 2015 - 2025)

**Phụ lục 05 – Số lượng đảng viên vi phạm kỷ luật đảng
tại các tổ chức cơ sở đảng trong các đảng bộ ngân hàng nhà nước giai đoạn 2015 - 2025**

STT	Tên Đảng bộ	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng số
1	NHNN Việt Nam	12	9	5	11	6	8	5	3	5	2	2	81
2	Vietcombank	8	12	10	11	13	11	9	8	7	7	4	92
3	Viettinbank	11	20	25	35	40	25	10	5	5	3	2	170
4	Agribank	26	35	40	38	40	33	32	30	28	25	22	320
5	BIDV	19	28	26	30	37	32	22	14	11	7	5	210
6	VBSP	1	6	5	8	35	6	5	6	4	4	4	55
Tổng số		67	108	114	131	138	112	80	64	56	47	40	890

(Nguồn: NCS tổng hợp từ các báo cáo chính trị của các Đảng bộ NHNN theo nhiệm kỳ, giai đoạn 2015 - 2025)

**Phụ lục 06 – Số lượng đảng viên được kết nạp
tại các tổ chức cơ sở đảng trong các đảng bộ ngân hàng nhà nước giai đoạn 2015 - 2025**

STT	Tên Đảng bộ	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng số
1	NHNN Việt Nam	82	107	109	109	106	110	103	101	96	97	121	1.020
2	Vietcombank	166	180	190	195	205	210	190	185	175	180	190	1.900
3	Viettinbank	189	220	240	280	310	320	300	280	250	160	140	2.500
4	Agribank	585	640	670	690	700	720	720	710	690	630	630	6.800
5	BIDV	219	300	310	310	330	350	320	300	280	250	220	2.970
6	VBSP	69	90	100	110	120	120	115	110	110	110	115	1.100
Tổng số		1.330	1.490	1.575	1.655	1.735	1.790	1.710	1.646	1.565	1.390	1.355	19.910

(Nguồn: NCS tổng hợp từ các báo cáo chính trị của các Đảng bộ NHNN theo nhiệm kỳ, giai đoạn 2015 - 2025)

**Phụ lục 07 – Trình độ lý luận chính trị của đội ngũ đảng viên
tại các tổ chức cơ sở đảng trong các đảng bộ ngân hàng nhà nước theo nhiệm kỳ**

STT	Tên Đảng bộ	2016 - 2020		2021-2025		Tổng số
		Trung cấp	Cao cấp	Trung cấp	Cao cấp	
1	NHNN Việt Nam	906	418	1036	522	2.882
2	Vietcombank	3.100	1.250	2.850	1.850	9.050
3	Viettinbank	3.500	1.400	3.000	2.200	10.100
4	Agribank	6.800	2.400	5.900	3.900	19.000
5	BIDV	3.000	1.200	2.700	1.800	8.700
6	VBSP	1.500	400	1.300	650	3.850
Tổng số		18.900	6.950	17.650	10.850	54.350

(Nguồn: NCS tổng hợp từ các báo cáo chính trị của các Đảng bộ NHNN theo nhiệm kỳ, giai đoạn 2015 - 2025)

**Phụ lục 08 – Số lượng văn bản lãnh đạo, chỉ đạo về công tác xây dựng đảng
tại các đảng bộ ngân hàng nhà nước giai đoạn 2015 - 2025**

STT	Tên Đảng bộ	Giai đoạn 2015-2020	Giai đoạn 2020-2025	Tổng số
1	NHNN Việt Nam	6.225	10.489	16.714
2	Vietcombank	6.200	9.800	16.000
3	Viettinbank	7.100	10.400	17.500
4	Agribank	8.900	19.750	28.650
5	BIDV	7.600	11.400	19.000
6	VBSP	4.800	6.500	11.300
Tổng số		38.500	63.650	102.150

(Nguồn: NCS tổng hợp từ các báo cáo chính trị của các Đảng bộ NHNN theo nhiệm kỳ, giai đoạn 2015 - 2025)

Phụ lục 09 – Kết quả công tác an sinh xã hội
tại các tổ chức cơ sở đảng trong các đảng bộ ngân hàng nhà nước giai đoạn 2015 - 2025

STT	Tên Đảng bộ	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng số
1	NHNN Việt Nam	96	91	90	91	89	108	118	118	136	125	131	1.062
2	Vietcombank	96	100	110	120	130	140	150	160	170	180	120	1.380
3	Viettinbank	115	120	130	135	145	150	160	167	172	165	85	1.429
4	Agribank	231	250	268	302	315	341	372	402	506	450	260	3.466
5	BIDV	168	180	191	206	240	258	262	308	480	501	178	2.804
6	VBSP	512	600	651	688	702	750	800	825	868	900	977	7.761
Tổng số		1.218	1.310	1.415	1.521	1.602	1.714	1.832	1.952	2.291	2.294	1.642	17.573

(Nguồn: NCS tổng hợp từ các báo cáo chính trị của các Đảng bộ NHNN theo nhiệm kỳ, giai đoạn 2015 - 2025)

**Phụ lục 10 – Số lượng các đợt kiểm tra, giám sát
tại các đảng bộ ngân hàng nhà nước giai đoạn 2015 - 2025**

STT	Tên Đảng bộ	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng số
1	NHNN Việt Nam	9	12	14	10	12	6	8	7	12	12	8	102
2	Vietcombank	80	100	110	120	130	140	150	160	170	180	120	1.380
3	Viettinbank	91	120	130	135	145	150	160	167	172	165	85	1.429
4	Agribank	211	250	268	302	315	341	372	402	506	450	260	3.466
5	BIDV	163	180	191	206	240	258	262	308	480	501	178	2.804
6	VBSP	566	600	651	688	702	750	800	825	868	900	977	7.761
Tổng số		1.120	1.310	1.415	1.521	1.602	1.714	1.832	1.952	2.291	2.294	1.642	17.573

(Nguồn: NCS tổng hợp từ các báo cáo chính trị của các Đảng bộ NHNN theo nhiệm kỳ, giai đoạn 2015 - 2025)

**Phụ lục 11 – Các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên của các tổ chức cơ sở đảng trong các ngân hàng
nhà nước (Giai đoạn 2015 - 2025)**

TT	Đảng bộ công an	Học tập nghị quyết	Bổ sung, cập nhật kiến thức mới	Học tập chuyên đề	Phổ biến, giáo dục PL	Giáo dục truyền thống	Nói chuyện thời sự	Thông tin lý luận	Thông tin chuyên đề	Tổ chức Hội thi	Tập huấn cán bộ	Tổng cộng
1	NHNN Việt Nam	112	182	36	61	215	308	1200	208	80	288	2.690
2	Vietcombank	122	215	32	72	230	407	1.786	368	82	156	1.220
3	Viettinbank	118	201	33	76	226	392	1.809	325	90	136	3.406
4	Agribank	156	372	64	216	316	688	3.090	611	288	380	6.181
5	BIDV	127	306	58	198	281	590	2.655	438	201	202	5.056
6	VBSP	78	105	28	28	168	201	870	102	42	26	1.648
Tổng số		541	1.082	206	543	1.128	2.068	9.091	1.574	656	766	18.875

(Nguồn: NCS tổng hợp từ các báo cáo chính trị của các Đảng bộ NHNN theo nhiệm kỳ, giai đoạn 2015 - 2025)

Phụ lục 12 - Tổng hợp kết quả kinh doanh của Agribank giai đoạn 2015 - 2025

Năm	Tổng nguồn vốn huy động	Dư nợ cho vay nền kinh tế	Tỷ lệ nợ xấu (%)	Tổng doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế	Thuế & nộp NSNN	Doanh thu DV công ích	Tổng số lao động	Tổng quỹ lương
2016	924.000	720.000	2,01	38.000	4.000	3.200	1.000	2.500	39.000	14.000
2017	1.075.000	864.000	2,31	42.000	5.066	4.061	1.200	2.700	39.500	15.500
2018	1.200.000	960.000	1,51	48.000	7.500	6.000	1.600	2.900	40.000	17.000
2019	1.347.000	1.122.000	1,50	55.000	14.117	11.248	2.800	3.100	40.300	19.500
2020	1.405.000	1.214.000	1,64	58.052	13.203	10.517	2.686	3.300	40.500	20.000
2021	1.600.000	1.350.000	1,70	70.000	16.000	12.800	3.200	3.600	40.700	22.000
2022	1.712.000	1.443.000	1,64	77.861	22.539	18.043	4.200	3.900	40.909	24.500
2023	1.885.000	1.550.000	1,65	76.139	25.859	20.696	5.000	4.200	41.385	26.500
2024	2.050.000	1.720.000	1,68	86.500	27.574	22.067	14.000	4.500	42.278	29.000
2025	2.200.000	1.850.000	1,70	92.000	30.000	24.000	15.000	4.800	43.000	31.000

(Nguồn: NCS tổng hợp từ các báo cáo thường niên các năm từ 2016 đến năm 2025 của Agribank)

Phụ lục 13 - Tổng hợp kết quả kinh doanh của Vietcombank giai đoạn 2015 - 2025

Năm	Tổng nguồn vốn huy động	Dư nợ cho vay nền kinh tế	Tỷ lệ nợ xấu (%)	Tổng doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế	Thuế & nộp NSNN	Doanh thu DV công ích	Tổng số lao động	Tổng quỹ lương
2016	782.000	540.000	1,46	36.000	8.200	6.560	1.640	1.200	16.800	9.500
2017	865.000	620.000	1,11	41.000	11.300	9.040	2.260	1.350	17.200	10.800
2018	975.000	705.000	0,99	46.500	18.270	14.620	3.650	1.500	17.600	12.500
2019	1.090.000	805.000	0,79	52.800	23.120	18.500	4.620	1.650	18.000	14.200
2020	1.180.000	890.000	0,62	56.300	23.050	18.440	4.610	1.800	18.300	15.500
2021	1.300.000	980.000	0,63	62.000	27.100	21.680	5.420	2.000	18.700	17.000
2022	1.420.000	1.090.000	0,68	72.500	37.300	29.840	7.460	2.300	19.200	19.800
2023	1.550.000	1.210.000	0,75	78.000	41.200	32.960	8.240	2.600	19.800	22.500
2024	1.700.000	1.340.000	0,80	85.500	43.800	35.040	8.760	2.900	20.300	25.000
2025	1.850.000	1.480.000	0,85	92.000	46.500	37.200	9.300	3.200	21.000	27.500

(Nguồn: NCS tổng hợp từ các báo cáo thường niên các năm từ 2016 đến năm 2025 của Vietcombank)

Phụ lục 14 - Tổng hợp kết quả kinh doanh của Vietinbank giai đoạn 2015 - 2025

Năm	Tổng nguồn vốn huy động	Dư nợ cho vay nền kinh tế	Tỷ lệ nợ xấu (%)	Tổng doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế	Thuế & nộp NSNN	Doanh thu DV công ích	Tổng số lao động	Tổng quỹ lương
2016	780.000	630.000	1,02	42.000	7.300	5.840	1.460	1.100	22.500	11.500
2017	860.000	710.000	1,13	46.500	9.200	7.360	1.840	1.250	22.800	12.800
2018	960.000	820.000	1,16	52.000	10.800	8.640	2.160	1.400	23.200	14.500
2019	1.080.000	930.000	1,20	58.500	11.780	9.420	2.360	1.550	23.700	16.200
2020	1.160.000	1.020.000	1,46	61.200	17.100	13.680	3.420	1.700	24.100	17.800
2021	1.280.000	1.120.000	1,30	66.800	18.200	14.560	3.640	1.900	24.500	19.500
2022	1.410.000	1.260.000	1,24	73.500	20.500	16.400	4.100	2.100	24.900	21.800
2023	1.550.000	1.390.000	1,18	79.000	26.800	21.440	5.360	2.300	25.300	24.500
2024	1.680.000	1.520.000	1,15	85.500	30.000	24.000	6.000	2.600	25.800	27.000
2025	1.820.000	1.660.000	1,10	92.000	33.500	26.800	6.700	2.900	26.500	29.500

(Nguồn: NCS tổng hợp từ các báo cáo thường niên các năm từ 2016 đến năm 2025 của Vietinbank)

Phụ lục 15 - Tổng hợp kết quả kinh doanh của BIDV giai đoạn 2015 - 2025

Năm	Tổng nguồn vốn huy động	Dư nợ cho vay nền kinh tế	Tỷ lệ nợ xấu (%)	Tổng doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế	Thuế & nộp NSNN	Doanh thu DV công ích	Tổng số lao động	Tổng quỹ lương
2016	830.000	690.000	1,95	44.000	7.500	6.000	1.500	1.200	23.000	12.000
2017	920.000	780.000	1,80	48.500	8.800	7.040	1.760	1.350	23.500	13.500
2018	1.030.000	900.000	1,90	55.000	9.900	7.920	1.980	1.500	24.000	15.000
2019	1.160.000	1.030.000	1,75	62.500	10.800	8.640	2.160	1.650	24.500	17.000
2020	1.260.000	1.140.000	1,63	65.000	9.500	7.600	1.900	1.800	25.000	18.500
2021	1.390.000	1.270.000	1,61	72.000	13.500	10.800	2.700	2.000	25.500	20.500
2022	1.520.000	1.420.000	1,59	82.500	23.000	18.400	4.600	2.300	26.000	23.500
2023	1.670.000	1.580.000	1,48	88.000	26.500	21.200	5.300	2.600	26.500	26.500
2024	1.820.000	1.720.000	1,45	95.500	30.500	24.400	6.100	2.900	27.000	29.500
2025	1.980.000	1.880.000	1,40	102.000	33.000	26.400	6.600	3.200	27.500	32.000

(Nguồn: NCS tổng hợp từ các báo cáo thường niên các năm từ 2016 đến năm 2025 của BIDV)

Phụ lục 16 - Tổng hợp kết quả hoạt động của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2025 và giai đoạn 2021 – 2025

STT	Nội dung	Kết quả đạt được
1	Điều hành lãi suất	Giảm 0,5 -2,0%/năm
2	Điều hành tăng trưởng tín dụng	14 -15%/năm
3	Triển khai chương trình tín dụng CSXH	409.059 tỷ đồng
4	Thanh tra, giám sát	857 cuộc thanh tra, 47 cuộc kiểm tra, giám sát, 400 cuộc kiểm tra chuyên môn ngân hàng
5	Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý	- 04 luật; 20 nghị định; 07 quyết định; 201 thông tư
6	Công tác cán bộ, đào tạo, NCKH và thi đua, khen thưởng	- Giảm từ 25 đầu mỗi còn 20 đầu mỗi; giảm 179 phòng tại các đơn vị thuộc NHNN; 15 NHNN khu vực. Có 5.649 CBCCVC học tập các loại hình; 48 lớp và 8004 lượt cán bộ tham dự học chuyển đổi số; 14.406 tập thể, cá nhân được khen thưởng
7	Công tác Đảng	- Đảng bộ NHNN được thành lập trên cơ sở tổ chức tại Đảng bộ Cơ quan NHTW và tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ của Ban cán sự đảng NHNN. Đảng bộ NHNN là Đảng bộ cấp trên trực tiếp của TCCSĐ trực thuộc Đảng bộ Chính phủ, gồm 28 TCCSĐ và 2.652 đảng viên

(Nguồn: NCS tổng hợp từ các báo cáo chính trị nhiệm kỳ 2020 – 2025 của Đảng bộ Ngân hàng Nhà nước)

Phụ lục 16 – PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

Xin chào đồng chí!

Hiện nay chúng tôi đang tiến hành nghiên cứu “**Chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong các ngân hàng nhà nước ở Việt Nam hiện nay**”, những ý kiến đóng góp của đồng chí sẽ giúp chúng tôi hoàn thành đề tài nghiên cứu.

Kính mong đồng chí quan tâm, dành thời gian trả lời bảng câu hỏi sau. Mọi thông tin trả lời của đồng chí sẽ được sử dụng vào mục đích nghiên cứu, đảm bảo tính khuyết danh, đồng chí không cần ghi tên.

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Năm sinh:

Giới tính: 1. Nam

2. Nữ

Trình độ học vấn: 1. Trung cấp

2. Đại học

3. Sau đại học

Trình độ lý luận: 1. Sơ cấp

2. Trung cấp

3. Cao cấp

II. NỘI DUNG

Câu 1. Đồng chí đánh giá như thế nào về vị trí, vai trò của tổ chức cơ sở đảng trong các ngân hàng nhà nước ở Việt Nam hiện nay?

1. Rất quan trọng ☐

2. Quan trọng ☐

3. Bình thường ☐

Câu 2. Đồng chí đánh giá như thế nào về cơ cấu tổ chức của tổ chức cơ sở đảng trong các Ngân hàng nhà nước ở Việt Nam hiện nay?

1. Rất hợp lý ☐

2. Hợp lý ☐

3. Bình thường ☐

4. Chưa hợp lý ☐

Câu 3. Đồng chí đánh giá như thế nào về chất lượng thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng trong các Ngân hàng nhà nước ở Việt Nam hiện nay?

Nội dung	Trung bình	Khá	Tốt	Rất tốt
Nội dung				
1.Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, quốc phòng, an ninh				
2. Lãnh đạo công tác chính trị, tư tưởng				
3. Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ				
4. Lãnh đạo xây dựng tổ chức đảng				
5. Lãnh đạo, thực hiện công tác kiểm tra, giám sát				
6. Lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội				

Câu 4. Đồng chí đánh giá như thế nào về việc thực hiện các tiêu chí đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong các Ngân hàng nhà nước ở Việt Nam hiện nay?

Nội dung	Kịp thời, đầy đủ, chất lượng tốt	Chưa đầy đủ, chất lượng chưa cao	Chỉ mang tính hình thức
1. Kết quả công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; củng cố, xây dựng tổ chức đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên theo nghị quyết, kế hoạch, chỉ tiêu được giao			
2. Năng lực lãnh đạo của cấp ủy; hiệu quả công			

tác lãnh đạo chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; hiệu quả trong phối hợp công tác; xây dựng đoàn kết nội bộ			
3. Hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng; thực hiện các quy định về kiểm soát quyền lực; không để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, biểu hiện suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ.			
4. Kết quả thực hiện các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; việc chấp hành quy chế làm việc, nội quy, chế độ công tác; phân công nhiệm vụ, tổ chức thực hiện hiệu quả			
5. Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ chính trị; xây dựng bộ máy tinh gọn, tinh giản biên chế, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; thực hiện cải cách hành chính, chuyển đổi số, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, phương pháp quản lý gắn với xây dựng văn hoá công vụ trong hoạt động quản lý, điều hành tổ chức, cơ quan, đơn vị			
6. Tinh thần tự phê bình và phê bình, tự soi, tự sửa của tập thể; kết quả khắc phục những hạn chế, yếu kém, khuyết điểm đã được chỉ			

ra trong các kỳ kiểm điểm trước hoặc qua thanh tra, kiểm tra, giám sát			
--	--	--	--

Câu 5. Đồng chí đánh giá như thế nào về chất lượng đội ngũ cấp ủy viên của các tổ chức tổ chức đảng trong các Ngân hàng nhà nước ở Việt Nam hiện nay?

Nội dung	Trung bình	Khá	Tốt	Rất tốt
1. Lập trường, quan điểm, tư tưởng chính trị; việc chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; việc chấp hành Điều lệ, quy chế, quy định của Đảng				
2. Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, tác phong và lề lối làm việc				
3. Tinh thần trách nhiệm trong công tác; tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân				
4. Việc chấp hành sự phân công của tổ chức; việc tự phê bình và phê bình, đoàn kết nội bộ, sự phối hợp với đồng nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ				
5. Năng lực lãnh đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ thể hiện qua khối lượng, chất lượng, tiến độ, hiệu quả công việc phụ trách				
6. Mức độ thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm và kết quả hoạt động của cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao phụ				

trách, quản lý				
7. Tinh thần trách nhiệm trong công tác chỉ đạo để tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết các công việc được phân công phụ trách; thời gian, chất lượng, hiệu quả trong công tác tham mưu, đề xuất đối với cấp trên về lĩnh vực phụ trách. Có sáng kiến và việc áp dụng kinh nghiệm công tác vào trong thực tiễn giải quyết công việc được giao				
8. Tinh thần tự nghiên cứu, học tập để nâng cao trình độ, năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu vị trí công tác, nhiệm vụ được giao				

Câu 6. Đồng chí đánh giá như thế nào về sự tham gia của các tổ chức trong hệ thống chính trị và các tổ chức có liên quan đối với chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong các Ngân hàng nhà nước ở Việt Nam hiện nay?

Nội dung	<i>Trung bình</i>	<i>Khá</i>	<i>Tốt</i>	<i>Rất tốt</i>
1. Phối hợp hành động của các tổ chức trong hệ thống chính trị và các tổ chức có liên quan thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng về công tác xây dựng Đảng, xây dựng tổ chức, bộ máy và các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ngân hàng của các tổ chức cơ sở đảng trong các Ngân hàng nhà nước ở Việt Nam hiện nay. Vận động Nhân dân phát huy				

trách nhiệm tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và các hoạt động của các Ngân hàng nhà nước khác.				
2. Phối hợp hành động của các tổ chức trong hệ thống chính trị tại các Ngân hàng nhà nước và các tổ chức có liên quan trong việc tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên trong hệ thống các Ngân hàng nhà nước và Nhân dân thực hiện các cuộc vận động của Đảng nhằm xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao uy tín của Đảng trong Nhân dân và trên trường quốc tế.				
3. Các tổ chức chính trị - xã hội trong các Ngân hàng nhà nước phản ánh ý kiến của Nhân dân về các vấn đề bức xúc trong đời sống xã hội cho Đảng để Đảng kịp thời đề ra những chủ trương, chính sách hợp lý, hiệu quả, đặc biệt là các chủ trương, đường lối liên quan đến lĩnh vực ngân hàng, tiền tệ, hỗ trợ sự phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống của Nhân dân				
4. Các tổ chức đoàn thể các cấp trong hệ thống các Ngân hàng nhà nước và từng tổ chức đoàn thể tại các chi nhánh Ngân hàng nhà nước tổ chức các hội nghị để lấy ý kiến đóng góp của Nhân dân. Thông qua ý kiến				

đóng góp rộng rãi của Nhân dân, kịp thời điều chỉnh những vấn đề chưa phù hợp, bổ sung những vấn đề còn thiếu sót, đảm bảo tính hiệu quả và giá trị thực tiễn trong các chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng đối với các lĩnh vực có liên quan đến lĩnh vực tài chính, tiền tệ				
5. Phối hợp sức mạnh của các tổ chức chính trị - xã hội tại các Ngân hàng nhà nước và các tổ chức có liên quan tích cực tuyên truyền, vận động Nhân dân nhận thức rõ ràng về đường lối, chủ trương, chính sách và các nghị quyết của Đảng. Tổ chức cho Nhân dân học tập, nghiên cứu về các chính sách, nghị quyết của Đảng.				
6. Trong quá trình vận động Nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng, thông qua ý kiến Nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội trong các Ngân hàng nhà nước kịp thời phát hiện và đề xuất với Đảng về những hạn chế trong đường lối, chính sách về các lĩnh vực có liên quan đến ngành ngân hàng.				

Câu 7. Đồng chí đánh giá như thế nào về phương tiện, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong các Ngân hàng nhà nước ở Việt Nam hiện nay?

1. Đầy đủ, phục vụ tốt ☐
2. Khá đầy đủ, cơ bản đáp ứng yêu cầu ☐

3. Còn thiếu thốn, phục vụ chưa tốt ☐

Câu 8. Đồng chí đánh giá như thế nào về tính thiết thực, phù hợp của việc nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong các Ngân hàng nhà nước ở Việt Nam hiện nay?

1. Gắn với chức năng, nhiệm vụ ☐
2. Cụ thể, dễ triển khai thực hiện ☐
3. Còn chung chung, chưa cụ thể ☐
4. Có xây dựng chương trình, khó triển khai thực hiện ☐
5. Chỉ mang tính hình thức ☐

Câu 9. Đồng chí đánh giá như thế nào về đặc điểm của tổ chức cơ sở đảng trong các Ngân hàng nhà nước ở Việt Nam hiện nay?

Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Bình thường
1. Tổ chức cơ sở đảng trong Ngân hàng nhà nước là mô hình tổ chức theo ngành dọc toàn hệ thống, không bị giới hạn bởi ranh giới hành chính địa phương.			
2. Tổ chức cơ sở đảng trong Ngân hàng nhà nước có số lượng đảng viên đông, trình độ cao, phân bố rộng khắp và đa dạng về chuyên môn nghiệp vụ.			
3. Tổ chức cơ sở đảng trong các Ngân hàng nhà nước có tính chính trị, chuyên môn cao và gắn bó chặt chẽ với hoạt động quản trị điều hành của ngân hàng.			
4. Tổ chức cơ sở đảng trong các Ngân hàng			

nhà nước có mô hình tổ chức linh hoạt, phân tầng, phù hợp với mô hình kinh doanh hiện đại.			
5. Tổ chức cơ sở đảng trong các Ngân hàng nhà nước hiện nay có vai trò hạt nhân trong củng cố niềm tin chính trị, đạo đức công vụ và sự minh bạch trong nội bộ doanh nghiệp.			

Câu 10. Theo các đồng chí, chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong các Ngân hàng nhà nước ở Việt Nam hiện nay có những hạn chế nào?

1. Việc thực hiện nội dung về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; củng cố, xây dựng tổ chức đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên.
2. Chất lượng năng lực lãnh đạo của cấp ủy; công tác lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội; các mối quan hệ công tác.
3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và kỷ luật; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, biểu hiện suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”
4. Việc thực hiện nguyên tắc tổ chức hoạt động, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; thực hiện các quy định, quy chế, nội quy và chế độ làm việc
5. Công tác phối hợp giữa cấp ủy và tập thể lãnh đạo; việc xây dựng đoàn kết, thống nhất trong nội bộ
6. Trách nhiệm của tập thể lãnh đạo, quản lý trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ chính trị; công tác cán bộ, xây dựng tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, cải cách hành chính và xây dựng cơ quan, đơn vị trong sạch, vững mạnh

Câu 11. Theo các đồng chí, nguyên nhân của những hạn chế trong nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong các Ngân hàng nhà nước ở Việt Nam hiện nay gồm những nguyên nhân nào?

1. Một số cấp ủy chưa thật sự gương mẫu, thiếu quyết liệt trong chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, còn biểu hiện né tránh, nể nang, ngại va chạm, nhất là trong đấu tranh với biểu hiện suy thoái, tiêu cực nội bộ.
2. Chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên chưa đồng đều
3. Chất lượng công tác cán bộ, đặc biệt là quy trình quy hoạch, bổ nhiệm, đánh giá cán bộ trong hệ thống Ngân hàng nhà nước còn nhiều bất cập, chưa thực sự lấy tiêu chí năng lực, đạo đức, uy tín làm trung tâm.
4. Việc tổ chức bộ máy đảng trong các Ngân hàng nhà nước chưa thật sự ổn định, chưa tương xứng với yêu cầu lãnh đạo trong điều kiện hoạt động kinh doanh đặc thù của ngành ngân hàng.
5. Sự thiếu gắn kết giữa công tác đảng và hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ngân hàng.
6. Khác (xin ghi rõ):

Câu 12. Đồng chí hãy sắp xếp mức độ ưu tiên từ 1 đến 4 những vấn đề đặt ra đối với việc nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong các Ngân hàng nhà nước ở Việt Nam hiện nay?

Nội dung	Mức độ ưu tiên
1. Yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả vai trò lãnh đạo toàn diện của tổ chức cơ sở đảng trong điều kiện thị trường tài chính ngày càng phức tạp	
2. Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa tổ chức đảng với ban lãnh đạo chuyên môn, các tổ chức chính trị – xã hội và cơ quan quản lý nhà nước	
3. Đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên phù hợp với chuẩn mực mới của thời kỳ số hóa và hội nhập	
4. Xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực và phòng, chống	

suy thoái ngay từ cấp cơ sở, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, gắn với thực tiễn quản trị ngân hàng	
---	--

Câu 13. Theo đồng chí các yếu tố sau đây có tác động như thế nào đến chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong các Ngân hàng nhà nước ở Việt Nam hiện nay?

Các yếu tố tác động	Tác động thường xuyên	Ít tác động	Không tác động
1. Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Đảng và Nhà nước về công tác xây dựng Đảng trong hệ thống chính trị			
2. Chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong các Ngân hàng nhà nước ở Việt Nam ngày càng được nâng cao			
3. Sự phát triển ngày càng ổn định và tăng trưởng tích cực của ngành ngân hàng			
4. Quá trình chuyển đổi số ngày càng mạnh mẽ trong ngành ngân hàng, tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức cơ sở đảng đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao hiệu quả hoạt động			
5. Ảnh hưởng từ mặt trái của nền kinh tế thị trường đến tư tưởng, đạo đức và lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên			
6. Tác động từ những biến động chính trị, kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế			
7. Áp lực công việc lớn, chuyên môn hóa cao làm giảm mức độ quan tâm và hiệu quả thực			

hiện công tác đảng trong Ngân hàng nhà nước			
8. Những thách thức trong cải cách hành chính tác động đến hoạt động của tổ chức cơ sở đảng			

Câu 14. Theo đồng chí, để nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong các Ngân hàng nhà nước ở Việt Nam hiện nay cần thực hiện những giải pháp nào? (Lựa chọn nhiều đáp án)

1. Nâng cao nhận thức của cấp ủy các cấp về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong các Ngân hàng nhà nước trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị; trong việc lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động của lĩnh vực ngân hàng

2. Chú trọng hơn nữa tới công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đảng viên chuyên trách về công tác đảng, công tác chính trị; xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể trong đào tạo đội ngũ cán bộ, đảng viên đầy đủ năng lực, phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ... đặc biệt là đội ngũ lãnh đạo cấp ủy các cấp

3. Đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng gắn với thực tiễn hoạt động của các Ngân hàng nhà nước.

4. Thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của tổ chức cơ sở đảng ở cơ sở, trong đó chú trọng thực hiện tốt các nguyên tắc tập trung dân chủ và tự phê bình và phê bình.

5. Tăng cường công tác sơ kết, tổng kết, kiểm tra, giám sát, khen thưởng, kỷ luật

6. Tạo ra những động lực mới thúc đẩy, tăng cường nhiệt huyết cho đội ngũ cán bộ, đảng viên tham gia tích cực vào công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh

Câu 15. Đồng chí có ý kiến gì khác để nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong các Ngân hàng nhà nước ở Việt Nam hiện nay?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Trân trọng cảm ơn đồng chí!

Phụ lục 17

**BÁO CÁO XỬ LÝ SỐ LIỆU KHẢO SÁT Ý KIẾN VỀ CHẤT LƯỢNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG TRONG CÁC
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

- Số phiếu phát ra 600 phiếu
- Số phiếu thu về: 526 phiếu
- Số phiếu hợp lệ: 520 phiếu
- Số phiếu không hợp lệ: 6 phiếu

Câu 1. Đồng chí đánh giá như thế nào về vị trí, vai trò của tổ chức cơ sở đảng trong các Ngân hàng Nhà nước ở Việt Nam hiện nay?

TT	Vị trí, vai trò của tổ chức cơ sở đảng trong các Ngân hàng Nhà nước ở Việt Nam hiện nay	Số phiếu	Tỉ lệ
1	Rất quan trọng	480	92.3%
2	Quan trọng	38	7.3%
3	Bình thường	2	0.4%

Câu 2. Đồng chí đánh giá như thế nào về việc tổ chức các phương pháp giáo dục chính trị của các đảng bộ công an tỉnh vùng TD&MNBB hiện nay?

TT	Cơ cấu tổ chức của tổ chức cơ sở đảng trong các Ngân hàng Nhà nước ở Việt Nam hiện nay	Số phiếu	Tỉ lệ
1	Rất hợp lý	86	16.5.7%
2	Hợp lý	305	58%
3	Bình thường	90	17.3%
4	Chưa hợp lý	41	7.9%

Câu 3. Đồng chí đánh giá như thế nào về chất lượng thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng trong các Ngân hàng Nhà nước ở Việt Nam hiện nay?

Nội dung	Trung bình	Tỉ lệ	Khá	Tỉ lệ	Tốt	Tỉ lệ	Rất tốt	Tỉ lệ
1.Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, quốc phòng, an ninh			90	17.3%	320	61.5%	10	1.92%
2. Lãnh đạo công tác chính trị, tư tưởng	12	2.3%	327	62.9%	286	53.8%	105	20.2%
3. Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ	6	1.15%	387	74.4%	91	17.5%	36	6.9%

4. Lãnh đạo xây dựng tổ chức đảng	6	1.15%	82	15.8%	410	79%	22	4.2%
5. Lãnh đạo, thực hiện công tác kiểm tra, giám sát	16	3.1%	401	77.1%	88	16.9%	15	2.9%
6. Lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội	32	6.2%	207	39.9%	189	36.3%	92	17.7%

Câu 4. Đồng chí đánh giá như thế nào về việc thực hiện các tiêu chí đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong các Ngân hàng Nhà nước ở Việt Nam hiện nay?

TT	Nội dung	Trung bình	Tỉ lệ	Khá	Tỉ lệ	Tốt	Tỉ lệ	Rất tốt	Tỉ lệ
1	Kết quả công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; củng cố, xây dựng tổ chức đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên theo nghị quyết, kế hoạch, chỉ tiêu được giao	20	3.84%	110	21,2%	390	75%	0	0
2	Năng lực lãnh đạo của cấp ủy; hiệu quả công tác lãnh đạo chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; hiệu quả trong phối hợp công tác; xây dựng đoàn kết nội bộ	25	4.8%	190	36.5%	305	58.7%	10	1.92%

3	Hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng; thực hiện các quy định về kiểm soát quyền lực; không để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, biểu hiện suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ.	36	6.9%	171	32.8%	313	60.2%	0	0
4	Kết quả thực hiện các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; việc chấp hành quy chế làm việc, nội quy, chế độ công tác; phân công nhiệm vụ, tổ chức thực hiện hiệu quả	5	0.96%	400	77%	115	22.1%	0	0
5	Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ chính trị; xây dựng bộ máy tinh gọn, tinh giản biên chế, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; thực hiện cải cách hành chính, chuyển đổi số, đẩy	12	2.3%	118	22.7%	390	75%	0	0

	mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, phương pháp quản lý gắn với xây dựng văn hoá công vụ trong hoạt động quản lý, điều hành tổ chức, cơ quan, đơn vị								
6	Tinh thần tự phê bình và phê bình, tự soi, tự sửa của tập thể; kết quả khắc phục những hạn chế, yếu kém, khuyết điểm đã được chỉ ra trong các kỳ kiểm điểm trước hoặc qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	126	24.1%	270	52%	124	23.9%	0	0

Câu 5. Đồng chí đánh giá như thế nào về chất lượng đội ngũ cấp ủy viên của các tổ chức tổ chức đảng trong các Ngân hàng Nhà nước ở Việt Nam hiện nay?

TT	Nội dung	Trung bình	Tỉ lệ	Khá	Tỉ lệ	Tốt	Tỉ lệ	Rất tốt	Tỉ lệ
1	Lập trường, quan điểm, tư tưởng chính trị; việc chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; việc chấp hành Điều lệ, quy chế, quy định của Đảng	0	0	208	40%	300	57.7%	12	2.3%

2	Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, tác phong và lề lối làm việc	0	0	116	22.3%	400	76.9%	4	0.76%
3	Tinh thần trách nhiệm trong công tác; tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân	0	0	390	75%	86	16.5%	44	8.5%
4	Việc chấp hành sự phân công của tổ chức; việc tự phê bình và phê bình, đoàn kết nội bộ, sự phối hợp với đồng nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ	0	0	60	11.5%	405	77.9%	55	10.6%
5	Năng lực lãnh đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ thể hiện qua khối lượng, chất lượng, tiến độ, hiệu quả công việc phụ trách	11	2.11%	291	56%	202	38.8%	16	3.07%
6	Mức độ thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm và kết quả hoạt động của cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao phụ trách, quản lý	0	0	309	59.4%	188	36.2%	23	4.4%
7	Tinh thần trách nhiệm trong công tác chỉ đạo đề tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết các công việc được phân công phụ trách; thời	6	1.15%	76	14.6%	405	77.9%	33	6.34%

	gian, chất lượng, hiệu quả trong công tác tham mưu, đề xuất đối với cấp trên về lĩnh vực phụ trách. Có sáng kiến và việc áp dụng kinh nghiệm công tác vào trong thực tiễn giải quyết công việc được giao								
8	Tinh thần tự nghiên cứu, học tập để nâng cao trình độ, năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu vị trí công tác, nhiệm vụ được giao	7	1.34%	80	15.4%	412	79.2%	21	4.03%

Câu 6. Đồng chí đánh giá như thế nào về sự tham gia của các tổ chức trong hệ thống chính trị và các tổ chức có liên quan đối với chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong các Ngân hàng Nhà nước ở Việt Nam hiện nay?

TT	Nội dung	Trung bình	Tỉ lệ	Khá	Tỉ lệ	Tốt	Tỉ lệ	Rất tốt	Tỉ lệ
1	Phối hợp hành động của các tổ chức trong hệ thống chính trị và các tổ chức có liên quan thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng về công	12	2.3%	405	77.9%	98	18.8%	15	2.88%

	tác xây dựng Đảng, xây dựng tổ chức, bộ máy và các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ngân hàng của các tổ chức cơ sở đảng trong các Ngân hàng Nhà nước ở Việt Nam hiện nay. Vận động Nhân dân phát huy trách nhiệm tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và các hoạt động của các Ngân hàng Nhà nước khác.								
2	Phối hợp hành động của các tổ chức tại các Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức có liên quan trong việc tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên trong hệ thống các Ngân hàng Nhà nước và Nhân dân thực hiện các cuộc vận động của Đảng nhằm xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao uy tín của Đảng trong Nhân dân và trên trường quốc tế.	19	3.65%	85	16.3%	405	77.9%	11	2.11%
3	Các tổ chức chính trị - xã hội trong các Ngân	12	2.3%	70	13.5%	438	84.2%	5	0.96%

	hàng Nhà nước phản ánh ý kiến của Nhân dân về các vấn đề bức xúc trong đời sống xã hội cho Đảng để Đảng kịp thời đề ra những chủ trương, chính sách hợp lý, hiệu quả, đặc biệt là các chủ trương, đường lối liên quan đến lĩnh vực ngân hàng, tiền tệ, hỗ trợ sự phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống của Nhân dân								
4	Các tổ chức đoàn thể các cấp trong hệ thống các Ngân hàng Nhà nước và từng tổ chức đoàn thể tại các chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tổ chức các hội nghị để lấy ý kiến đóng góp của Nhân dân. Thông qua ý kiến đóng góp rộng rãi của Nhân dân, kịp thời điều chỉnh những vấn đề chưa phù hợp, bổ sung những vấn đề còn thiếu sót, đảm bảo tính hiệu quả và giá trị thực tiễn trong các chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng đối với các lĩnh vực có liên	19	3.65%	89	17.1%	381	73.2%	31	5.96%

	quan đến lĩnh vực tài chính, tiền tệ								
5	Phối hợp sức mạnh của các tổ chức chính trị - xã hội tại các Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức có liên quan tích cực tuyên truyền, vận động Nhân dân nhận thức rõ ràng về đường lối, chủ trương, chính sách và các nghị quyết của Đảng. Tổ chức cho Nhân dân học tập, nghiên cứu về các chính sách, nghị quyết của Đảng.	28	5.4%	90	17.3%	356	68.5%	46	8.8%
6	Trong quá trình vận động Nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng, thông qua ý kiến Nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội trong các Ngân hàng Nhà nước kịp thời phát hiện và đề xuất với Đảng về những hạn chế trong đường lối, chính sách về các lĩnh vực có liên quan đến ngành ngân hàng.	11	2.1%	56	10.8%	451	86.7%	2	0.4%

Câu 7. Đồng chí đánh giá như thế nào về phương tiện, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong các Ngân hàng Nhà nước ở Việt Nam hiện nay?

TT	Phương tiện, cơ sở vật chất	Số phiếu	Tỉ lệ
1	Đầy đủ, phục vụ tốt	429	82.5%
2	Khá đầy đủ, cơ bản đáp ứng yêu cầu	75	14.4%
3	Thiếu thốn, phục vụ chưa tốt	16	3.07%

Câu 8. Đồng chí đánh giá như thế nào về tính thiết thực, phù hợp của việc nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong các Ngân hàng Nhà nước ở Việt Nam hiện nay?

TT	Sự cần thiết, phù hợp	Số phiếu	Tỉ lệ
1	Gắn với chức năng, nhiệm vụ	281	54%
2	Cụ thể, dễ triển khai thực hiện	105	20.2%
3	Còn chung chung, chưa cụ thể	106	20.4%
4	Có xây dựng chương trình, khó triển khai thực hiện	11	2.11%
5	Chỉ mang tính hình thức	17	3.3%

Câu 9. Đồng chí đánh giá như thế nào về đặc điểm của tổ chức cơ sở đảng trong các Ngân hàng Nhà nước ở Việt Nam hiện nay?

TT	Nội dung	Đồng ý	Tỉ lệ	Không đồng ý	Tỉ lệ	Bình thường	Tỉ lệ
1	Tổ chức cơ sở đảng trong Ngân hàng Nhà nước là mô hình tổ chức theo ngành dọc toàn hệ thống, không bị giới hạn bởi ranh giới hành chính địa phương.	482	92.6%	0	0	38	7.4%
2	Tổ chức cơ sở đảng trong Ngân hàng Nhà nước có số lượng đảng viên đông, trình độ cao, phân bố rộng khắp và đa dạng về chuyên môn nghiệp vụ.	501	96.3%	0	0	19	6.65%
3	Tổ chức cơ sở đảng trong các Ngân hàng Nhà nước có tính chính trị, chuyên môn cao và gắn bó chặt chẽ với hoạt động quản trị điều hành của ngân hàng.	511	98.2%	0	0	9	1.73%
4	Tổ chức cơ sở đảng trong các Ngân hàng Nhà	506	97.3%	0	0	14	2.69%

	nước có mô hình tổ chức linh hoạt, phân tầng, phù hợp với mô hình kinh doanh hiện đại.						
5	Tổ chức cơ sở đảng trong các Ngân hàng Nhà nước hiện nay có vai trò hạt nhân trong củng cố niềm tin chính trị, đạo đức công vụ và sự minh bạch trong nội bộ doanh nghiệp.	513	98.65%	0	0	7	1.34%

Câu 10. Theo các đồng chí, chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong các Ngân hàng Nhà nước ở Việt Nam hiện nay có những hạn chế nào?

TT	Những hạn chế về	Số phiếu	Tỉ lệ
1	Việc thực hiện nội dung về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; củng cố, xây dựng tổ chức đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên.	112	21.5%
2	Chất lượng năng lực lãnh đạo của cấp ủy; công tác lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội; các mối quan hệ công tác.	68	13.1%
3	Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và kỷ luật; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, biểu hiện suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”	106	20.4%
4	Việc thực hiện nguyên tắc tổ chức hoạt động, nhất là nguyên tắc tập	119	22.9%

	trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; thực hiện các quy định, quy chế, nội quy và chế độ làm việc		
5	Công tác phối hợp giữa cấp ủy và tập thể lãnh đạo; việc xây dựng đoàn kết, thống nhất trong nội bộ	97	18.65%
6	Trách nhiệm của tập thể lãnh đạo, quản lý trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ chính trị; công tác cán bộ, xây dựng tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, cải cách hành chính và xây dựng cơ quan, đơn vị trong sạch, vững mạnh	98	18.8%

Câu 11. Theo các đồng chí, nguyên nhân của những hạn chế trong nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong các Ngân hàng Nhà nước ở Việt Nam hiện nay gồm những nguyên nhân nào?

TT	Nguyên nhân của hạn chế	Số phiếu	Tỉ lệ
1	Một số cấp ủy chưa thật sự gương mẫu, thiếu quyết liệt trong chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, còn biểu hiện né tránh, nể nang, ngại va chạm, nhất là trong đấu tranh với biểu hiện suy thoái, tiêu cực nội bộ.	46	8.8%
2	Chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên chưa đồng đều	49	9.4%
3	Chất lượng công tác cán bộ, đặc biệt là quy trình quy hoạch, bổ nhiệm, đánh giá cán bộ trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước còn		

	hiều bất cập, chưa thực sự lấy tiêu chí năng lực, đạo đức, uy tín làm trung tâm.		
4	Việc tổ chức bộ máy đảng trong các Ngân hàng Nhà nước chưa thật sự ổn định, chưa tương xứng với yêu cầu lãnh đạo trong điều kiện hoạt động kinh doanh đặc thù của ngành ngân hàng.	254	48.8%
5	Sự thiếu gắn kết giữa công tác đảng và hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ngân hàng.	151	29%
6	Khác	20	3.84%

Câu 12. Đồng chí hãy sắp xếp mức độ ưu tiên từ 1 đến 4 những vấn đề đặt ra đối với việc nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong các Ngân hàng Nhà nước ở Việt Nam hiện nay?

TT	Nội dung	Mức độ ưu tiên	Số phiếu	Tỉ lệ
1	Yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả vai trò lãnh đạo toàn diện của tổ chức cơ sở đảng trong điều kiện thị trường tài chính ngày càng phức tạp	1	301	57.9%
2	Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa tổ chức đảng với ban lãnh đạo chuyên môn, các tổ chức chính trị – xã hội và cơ quan quản lý nhà nước	4	6	1.15%

3	Đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên phù hợp với chuẩn mực mới của thời kỳ số hóa và hội nhập	2	180	34.6%
4	Xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực và phòng, chống suy thoái ngay từ cấp cơ sở, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, gắn với thực tiễn quản trị ngân hàng	3	33	6.34%

Câu 13. Theo đồng chí các yếu tố sau đây có tác động như thế nào đến chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong các Ngân hàng Nhà nước ở Việt Nam hiện nay?

TT	Giải pháp	Tác động thường xuyên	Tỉ lệ	Ít tác động	Tỉ lệ	Không tác động	Tỉ lệ
1	Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Đảng và Nhà nước về công tác xây dựng Đảng trong hệ thống chính trị	486	93%	34	7%	0	0
2	Chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong các Ngân hàng Nhà nước ở Việt Nam ngày càng được nâng cao	471	90.1%	49	9.9%	0	0

3	Sự phát triển ngày càng ổn định và tăng trưởng tích cực của ngành ngân hàng	467	89.8%	53	10.2%	0	0
4	Quá trình chuyển đổi số ngày càng mạnh mẽ trong ngành ngân hàng, tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức cơ sở đảng đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao hiệu quả hoạt động	440	84.6%	80	15.4%	0	0
5	Ảnh hưởng từ mặt trái của nền kinh tế thị trường đến tư tưởng, đạo đức và lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên	469	90.1%	51	9.8%	0	0
6	Tác động từ những biến động chính trị, kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế	464	89.2%	56	10.8%	0	0
7	Áp lực công việc lớn, chuyên môn hóa cao làm giảm mức độ quan tâm và hiệu quả thực hiện công tác đảng trong Ngân hàng Nhà nước	448	86.1%	72	13.9%	0	0
8	Những thách thức trong cải cách hành	447	86%	73	14%	0	0

	chính tác động đến hoạt động của tổ chức cơ sở đảng						
--	---	--	--	--	--	--	--

Câu 14. Theo đồng chí, để nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong các Ngân hàng Nhà nước ở Việt Nam hiện nay cần thực hiện những giải pháp nào? (Lựa chọn nhiều đáp án)

TT	Giải pháp	Đồng ý	Tỉ lệ	Không đồng ý	Tỉ lệ
1	Nâng cao nhận thức của cấp ủy các cấp về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong các Ngân hàng Nhà nước trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị; trong việc lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động của lĩnh vực ngân hàng	490	94.2%	30	5.76%
2	Chú trọng hơn nữa tới công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đảng viên chuyên trách về công tác đảng, công tác chính trị; xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể trong đào tạo đội ngũ cán bộ, đảng viên đầy đủ năng lực, phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ... đặc biệt là đội ngũ lãnh đạo cấp ủy các cấp	487	93.6%	33	6.34%
3	Đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của tổ chức cơ	420	80.7%	100	19.3%

	sở đảng gắn với thực tiễn hoạt động của các Ngân hàng Nhà nước.				
4	Thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của tổ chức cơ sở đảng ở cơ sở, trong đó chú trọng thực hiện tốt các nguyên tắc tập trung dân chủ và tự phê bình và phê bình.	489	94%	31	6%
5	Tăng cường công tác sơ kết, tổng kết, kiểm tra, giám sát, khen thưởng, kỷ luật	457	88%	63	12%
6	Tạo ra những động lực mới thúc đẩy, tăng cường nhiệt huyết cho đội ngũ cán bộ, đảng viên tham gia tích cực vào công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh	501	96.3%	19	3.7%